

# CỘ HOANG



WILLIAM FAULKNER

Tác giả giành giải Nobel Văn học năm 1949

## **CỌ HOANG**

Tác giả: **William Faulkner**

Thể loại: **Truyện dài**

Nhà xuất bản: **NXB Lao Động**

Đóng gói: **nguyenthanh-cuibap**

Nguồn text: **Waka**

# LỜI NGƯỜI DỊCH

William Faulkner xuất bản Cọ hoang (The Wild Palms) vào năm 1939 khi danh tiếng của ông chưa có hào quang của giải Nobel văn chương bao trùm và cũng giống như Âm thanh và cuồng nộ, Nắng tháng Tám, Thánh địa tội ác, Bọn đạo chích, tác phẩm này một lần nữa khẳng định rằng người viết ra nó là một trong những nhà văn xuất sắc nhất của thế kỷ XX.

Với tác phẩm này, Faulkner trở nên độc đáo ngay trong cách ông kể hai chứ không phải một câu chuyện trong cùng một tiểu thuyết, hai câu chuyện riêng rẽ nhưng lại đan xen, tưởng như không liên quan mà lại soi rọi lẫn nhau một cách kín đáo và tinh tế. Đọc xong một chương, độc giả tạm dừng khám phá câu chuyện này để đến với câu chuyện kia, nhưng thật thú vị, mạch của hai câu chuyện vẫn được giữ xuyên suốt và song hành trong sự liên tưởng thâm kín. Một câu chuyện kể về cặp tình nhân lao vào cơn mê cuồng của tình yêu bất chính mà theo như người trong cuộc “chẳng phải vì lý tưởng đầy đam mê của hai kẻ bị nguyên rủa, đầy đọa, bị thế giới và Thượng Đế xa lánh đã lôi cuốn họ mà vì ý niệm về tình yêu bất chính là một thách thức đối với họ, bởi họ có một niềm khao khát không thể cưỡng lại được (và một niềm tin không gì lay chuyển nổi là họ có thể vượt qua thách thức ấy, giống như ai đó tin rằng mình có thể quản lý một nhà trọ vậy), niềm khao khát chấp nhận tình yêu bất chính và biến nó thành tình yêu chân chính” để rồi chấp nhận một kết thúc nghiệt ngã. Câu chuyện còn lại kể về một tù nhân vật lộn trong cơn lũ lụt với “hệ thống cơ bắp phải làm việc liên tục trong nhiều giờ liền... không tuân theo ý chí mà tuân theo sự suy hao vượt trên cả sự kiệt sức đơn thuần, gần như mê dại, như bị thôi miên, tiếp tục hoạt động dễ hơn là dừng lại” để bảo toàn mạng sống cho một người đàn bà mang thai mà anh ta được sai đi cứu để rồi phải chịu cảnh tù đày thêm mười năm. Với hai câu chuyện đều là bi kịch, Faulkner đã

thật tài tình, táo bạo trong cách miêu tả cá tính nhân vật cũng như diễn tả tâm lý căng thẳng, phức tạp và giằng xé bên trong con người cùng sự biến động gây choáng váng của ngoại cảnh. Đặc biệt với những nhân vật chính là tù nhân, người ngoại tình, tác giả đã hướng người đọc tới cái nhìn khách quan và tính nhân văn hơn là thành kiến và sự ghét bỏ khi ông để cho độc giả tự khám phá ra rằng những con người bị xã hội coi là tội lỗi ấy lại phần nào giúp chúng ta hiểu hơn về sự phức tạp của cuộc sống, về bản chất, bản năng, mong muốn thực sự của con người, nhất là khi do lựa chọn hoặc vì bất đắc dĩ, họ phải đứng trên ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết, giữa căm ghét và tha thứ, giữa trống rỗng và khổ đau. Cọ hoang là một tác phẩm văn chương xuất sắc xét trên nhiều khía cạnh.

Dịch tác phẩm này là một thách thức lớn đối với bất cứ dịch giả nào. Để chuyển ngữ tác phẩm này, người dịch đã dành nhiều thời gian đọc nguyên tác và các tài liệu nghiên cứu về William Faulkner. Người dịch cũng đã phải nhờ tới sự cố vấn và giảng giải của một số học giả người Mỹ am hiểu văn chương Faulkner cũng như văn hóa miền Nam nước Mỹ để làm sáng tỏ những tình huống đa nghĩa thuộc loại “tảng băng trôi” trong tác phẩm. Trong quá trình chuyển ngữ, người dịch đã cố gắng bảo tồn nội dung cũng như văn phong của tác giả một cách tối đa. Cũng xin lưu ý với độc giả rằng trong tác phẩm này, thỉnh thoảng tác giả sử dụng những câu dài, rất dài, đặc biệt có câu lên tới gần ba trăm chữ. Cho rằng Faulkner dùng câu dài một cách bất thường để diễn tả sự dồn dập của sự kiện, tâm trạng phức tạp hoặc dòng suy nghĩ bấn loạn của nhân vật nên trong bản dịch tiếng Việt, người dịch đã không đặt thêm những dấu chấm, phẩy cho những câu đó mà chỉ cố gắng làm mạch câu trở nên dễ theo dõi hơn mà thôi.

Được dịch tác phẩm này cũng là một vinh dự lớn. Người dịch xin trân trọng cảm ơn các học giả đã dày công nghiên cứu tác phẩm này cũng như phong cách văn chương của Faulkner và chia sẻ kết quả nghiên cứu của mình một cách rộng rãi giúp ích cho những người dịch nó sang các ngôn ngữ khác. Xin gửi lời cảm ơn đặc biệt tới tác giả người Mỹ Bill Dunn, người đã nhiệt tình và kiên nhẫn đóng góp thời gian lẫn hiểu biết của mình

giúp người dịch vượt qua những thách thức lớn nhất trong quá trình hoàn thành bản dịch.

Cuối cùng người dịch hoan nghênh sự phản hồi của độc giả về bản dịch này, mong các bạn đọc góp ý để cuốn sách trở nên hoàn thiện hơn.

**Hà Nội ngày 12/10/2014**



# CỌ HOANG

Tiếng gõ cửa lại vang lên, vừa dè dặt vừa dứt khoát, trong khi ông bác sĩ bước xuống cầu thang theo tia sáng đèn pin xuyên về phía trước rọi vào những bậc thang màu nâu xỉn, soi tới ván gỗ ghép cùng màu của hành lang tầng dưới. Đó là một căn nhà nhỏ hai tầng bên bờ biển được thắp sáng bởi một hoặc nhiều chiếc đèn dầu mà vợ ông đã mang lên trên gác sau bữa tối. Ông bác sĩ mặc áo ngủ mà không phải pyjama vì lý do giống hệt như lý do ông hút tẩu, thứ mà ông không ý thức được rằng mình chẳng bao giờ học được cách tận hưởng, cùng với những điều xì gà thỉnh thoảng ông cứ nhận của bệnh nhân vào các ngày Chủ nhật, mặc dù ông sở hữu một căn nhà nhỏ bên bờ biển cũng như căn nhà kề bên và thấy mình hoàn toàn có thể tự mua lấy. Bởi vì ông đã bốn mươi tám tuổi rồi và hồi mới mười sáu, mười tám, hai mươi tuổi, cha ông có thể đã nói (và ông tin) rằng thuốc lá với pyjama là những thứ dành cho đàn bà cùng những gã công tử bột.

Thời khắc nửa đêm đã qua rồi, nhưng chưa quá lâu.

Ông có thể phân biệt được mùi vị của gió cũng như cảm giác tựa hồ có thể sờ thấy nó ngay cả khi đang ở trong căn phòng mà tất cả cửa chính và cửa chớp đều đóng kín mít. Bởi vì ông sinh ra ở đây, bên bờ biển này mặc dù không phải trong chính căn nhà này mà ở nơi khác trong thị trấn, và đã sống ở nơi đây cả đời, tất nhiên cuộc đời ông gồm cả bốn năm học tại trường Y thuộc Đại học Quốc gia cùng hai năm làm bác sĩ thực tập ở thành phố New Orleans nơi mà (người đàn ông còn trẻ đã xấu xí, với đôi bàn tay mềm mại và mập mạp như tay phụ nữ này, đáng lẽ ra không nên làm bác sĩ, người mà thậm chí sau khoảng sáu năm ở thủ đô, với sự ngạc nhiên mang đậm ý thức cách ly và kiểu cách tỉnh lẻ, vẫn cảnh giác trước các bạn học cũng như những người cùng trang lứa - các gã trai còm nhom khoe vẻ bảnh bao trong những chiếc áo khoác mà đối với ông, đó là nơi họ phô ra

vô vàn khuôn mặt vô danh của những nữ y tá thực tập với thái độ tàn nhẫn và quả quyết như đeo đồ trang sức hoặc vòng nguyệt quế) ông đã chán ngấy. Vậy là ông tốt nghiệp, với thứ hạng nghiêng về tốp cuối hơn là tốp đầu trong lớp, rồi trở về nhà, trong cùng năm đó, cưới người vợ mà cha ông đã chọn; trong vòng bốn năm, ông trở thành chủ nhân ngôi nhà mà cha mình đã xây cất và nắm giữ hết cơ ngơi cha mình từng gây dựng, chẳng làm mất gì và cũng chẳng mở rộng thêm được chút nào, rồi trong vòng mười năm, ông sở hữu không chỉ căn nhà bên bờ biển nơi ông cùng vợ trải qua những mùa hè của một cặp vợ chồng không con mà còn cả căn nhà kề bên, nơi ông cho khách du lịch, thậm chí cả những nhóm người đi picnic hoặc những hội đi câu cá, thuê vào mùa hè. Buổi tối sau lễ cưới, ông cùng vợ đến New Orleans và ở trong một khách sạn hai ngày mặc dù họ chưa bao giờ có tuần trăng mật đúng nghĩa. Và mặc dù ngủ chung giường trong suốt hai mươi ba năm, họ vẫn chưa có lấy một mụn con.

Không những có thể phân biệt được mùi vị của gió, qua bức tường bếp mỏng, ông còn có thể nói chính xác được giờ giấc bằng cách ngửi mùi ôi của món xúp mướp tây trong chiếc nồi bằng đất nung được để trên cái bếp đã tắt ngấm từ lâu - cái nồi xúp to tương tự ông nấu hồi sáng để chia một phần cho những người hàng xóm và cả những người thuê căn nhà kế bên - nơi được một cặp nam nữ thuê từ bốn hôm trước mà thậm chí chẳng biết rằng người mang cho mình món xúp mướp tây không những là hàng xóm mà còn là chủ nhân của căn nhà đó. Người phụ nữ có mái tóc đen và đôi mắt vàng toát lên vẻ cứng rắn và lạ lùng trên gương mặt có làn da bị kéo căng ở chỗ gò má nhô cao với khuôn cằm không được thanh thoát cho lắm (thoạt đầu ông bác sĩ dùng từ “rầu rĩ” để tả vẻ mặt của người này nhưng sau đó đổi thành “sợ hãi ”), trẻ trung và suốt cả ngày dài đặng đặng cứ ngồi lì trên chiếc ghế hóng mát rề tiền mới toanh nhìn ra biển, mặc cái áo len sờn cũ cùng chiếc quần bò bạc thếp, đi giày vải, không đọc sách cũng chẳng làm gì hết, chỉ ngồi hoàn toàn bất động mà ông bác sĩ (hoặc người bác sĩ ở trong ông) không cần căn cứ vào đặc tính của làn da căng và sự bất động vô hồn của đôi mắt dường như chẳng nhìn vào đâu cả cũng có thể nhận ra ngay lập tức - sự lơ đãng bất động tuyệt đối khiến cả nỗi đau đớn lẫn khiếp

sợ đều không tồn tại, và trong trạng thái đó, sinh vật sống ấy dường như đang lắng nghe, thậm chí theo dõi quá trình chảy máu âm i không thể bù đắp được của một trong những cơ quan trong cơ thể mình, như tim chẳng hạn; người đàn ông cũng còn trẻ, mặc chiếc quần kaki bản thủ, nhếch nhác cùng chiếc áo dệt kim không tay và để đầu trần ở cái xứ mà ngay cả những người trẻ tuổi cũng tin rằng mặt trời mùa hè có thể gây chết người, lại còn thường đi chân đất sát mép nước dọc bờ biển, rồi trở về với một bó củi rêu được buộc bằng thắt lưng, đi ngang qua chỗ người đàn bà ngồi bất động trên ghế mà tuyệt nhiên không nhận được một dấu hiệu phản ứng nào từ cô ta, dù chỉ là thoáng cử động của mái đầu, thậm chí là của tròng mắt.

Nhưng vấn đề không phải ở tim đâu, ông bác sĩ nhủ thầm. Ngay từ ngày đầu tiên khi quan sát người đàn bà này qua giậu trúc đào ngăn giữa hai nhà - không phải cố tình nghe trộm, ông đã dám chắc như vậy. Tuy nhiên đối với ông, việc thừa nhận vấn đề không phải ở chỗ ấy dường như đã chứa đựng cả bí mật lẫn câu trả lời. Có vẻ ông đã thấy cái bóng lơ mơ của sự thật rồi, cứ như thể ông bị ngăn cách với sự thật chỉ bởi một tấm màn mỏng cũng giống như chỉ cách người đàn bà kia một tấm bình phong được tạo thành từ những lá trúc đào thưa thớt vậy. Không phải ông đang nghe trộm hay rình mò gì đâu, có lẽ ông nghĩ mình còn khối thời gian để khám phá xem cô ta đang lắng nghe bộ phận nào trong cơ thể mình chảy máu; họ đã trả tiền thuê căn nhà hai tuần (có lẽ lúc đó người bác sĩ trong ông cũng biết rằng không cần nhiều tuần, mà chỉ vài ngày thôi, ông sẽ biết sự thật), và ông nghĩ nếu cô ta cần sự giúp đỡ thì thật là may mắn vì ông - người cho thuê nhà - cũng là một bác sĩ cho đến khi ông chợt hiểu ra rằng có khả năng họ không biết ông là chủ nhà và nếu đúng như vậy, thì chắc gì họ đã biết ông là một bác sĩ.

Gã môi giới nhà đất nói với ông qua điện thoại về những người thuê nhà. “Cô ta mặc một cái quần”, anh ta nói. “Ý tôi là không phải quần chùng của phụ nữ đâu mà là quần của đàn ông. Tôi muốn nói rằng, cái quần cô ta mặc quá nhỏ so với cô ta ở những chỗ nhạy cảm mà bất cứ người đàn ông nào cũng muốn thấy nhưng không một người phụ nữ nào muốn như vậy cả,



trừ người mặc nó. Tôi cho rằng bà Martha không ưa kiểu ăn mặc đó lắm đâu.”

“Chẳng sao cả miễn là họ trả tiền thuê nhà đúng hạn”, ông bác sĩ nói.

“Ông yên tâm”, gã môi giới nhà đất nói. “Tôi sẽ lo việc đó. Tôi không làm cái nghề này bấy lâu để rồi chẳng thu được chút kinh nghiệm nào. Tôi bảo ‘Phải trả tiền trước chứ’ và gã đàn ông nói ‘Được thôi. Được thôi. Bao nhiêu?’ cứ như thể gã mang họ Vanderbilt<sup>[1]</sup> hoặc một đại gia nào đó, ôi, cái gã đàn ông vận chiếc quần bần thiu và chẳng có gì hết ngoài cái áo lót mặc trong áo khoác, rút phắt một xấp tiền ra, toàn đồng mười đô la. Tôi vừa mới đưa trả lại gã mười đô la tiền thừa, như vậy gã chỉ còn hai tờ mười đô la để sống thôi, rồi tôi nói ‘Tất nhiên nếu muốn thuê ngôi nhà nguyên trạng, có sẵn đồ đạc, thì anh có thể nhận được cái giá khá rẻ’ và gã nói ‘Được rồi. Được rồi. Bao nhiêu?’. Tôi tin rằng mình đã có thể thu được nhiều tiền hơn bởi vì nếu ông hỏi thì tôi xin nói gã không cần thêm bất cứ đồ đạc gì, tất cả những gì gã muốn là bốn bức tường để gã có thể ở bên trong cùng một cánh cửa để gã đóng lại sau khi đã chui vào đó. Cô ta thì thậm chí không ra khỏi taxi. Cô ta cứ ngồi yên trên xe và đợi, mà đúng là cái quần quá bé so với cô ta, quá bé ở những chỗ nhạy cảm.”

Giọng nói ngừng lại; đầu óc ông bác sĩ giờ đây đầy những tiếng ong ong, sự chuyển điệu của sự im lặng nực cười tăng dần, vậy nên ông nói gần như gắt gỏng: “Thế nào? Họ muốn có thêm đồ đạc hay không? Nhà chẳng có đồ đạc gì hết ngoài một chiếc giường, mà đệm trải giường thì không...”.

“Không, không, họ không muốn có thêm bất cứ thứ gì. Tôi đã nói với gã đó rằng trong nhà có một chiếc giường và bếp, còn họ mang theo một chiếc ghế gấp bằng vải bạt để trong taxi. Vậy thôi.” Sự im lặng tức cười kia lại choán hết đầu óc ông bác sĩ.

“Thế nào?”, ông bác sĩ hỏi. “Gì vậy? Anh bị làm sao đấy?”, dù dường như ông biết điều anh ta nói trước khi giọng nói ở đầu dây bên kia lại cất lên:

“Tôi cho rằng bà Martha sẽ chú ý đến cái bụng của cô ả đó hơn cả cái quần của cô ta. Tôi không nghĩ họ đã cưới nhau. Ồ, gã đó nói họ là vợ

chồng và tôi không nghĩ gã lừa cô ả, mà có lẽ gã thậm chí không nói dối về bản thân mình. Vấn đề là, họ chưa cưới nhau, cô ta chưa kết hôn với gã đàn ông đó. Bởi vì tôi có thể ngửi mùi của một người chồng. Cứ cho tôi gặp một người đàn bà mà mình chưa từng thấy trước đó trên đường phố của Mobile hoặc New Orleans mà xem, tôi chỉ cần ngửi mùi cũng có thể nói...”

Buổi chiều hôm đó họ nhận nhà - ngôi nhà đơn sơ chỉ có vồn vện một chiếc giường mà cả lò xo lẫn đệm đều ọp ẹp, chiếc bếp cũng như cái chảo rán vẫn còn nguyên những lớp mỡ rán cá bị đóng kết lại, ấm pha cà phê, bộ thìa nĩa và những con dao xoàng xĩnh, cọc cạch cùng những chiếc cốc, đĩa, tách chén và bình từng là vật đựng các loại mứt và thạch không phải do nhà làm, cùng một chiếc ghế để ngồi hóng gió trên bãi biển - nơi mà người đàn bà nằm ườn cả ngày trên đó như thể để ngấm những lá cọ chạm vào nhau phát ra âm thanh chua chát, khô khốc và hoang dại trước vẻ long lanh ngời ngời của mặt biển trong khi người đàn ông mang những khúc củi rêu vào bếp. Vào buổi sáng hai hôm trước, khi xe chở sữa đi một vòng qua bờ biển dừng lại ở đó, vợ ông bác sĩ đã nhìn thấy người đàn ông trở về từ cửa hàng bán thực phẩm nhỏ của một người Bồ Đào Nha từng làm nghề đánh cá, cầm một ổ bánh mì và một túi giấy to. Bà bèn nói với chồng cùng sự kết tội đầy gay gắt và bất bình rằng bà nhìn thấy người đàn ông đang lau dọn (hoặc cố gắng lau dọn) chỗ mổ cá ở bậc lên xuống bếp. Bà vợ là một người chẳng có eo ót gì nhưng chưa đến nỗi béo phúng phính giống ông bác sĩ, người mà từ khoảng mười năm trước toàn thân đã bắt đầu nhuộm một màu xám xịt cứ như thể cả mái tóc, nước da cùng màu mắt của bà ta đều đã và đang bị màu của những chiếc váy mặc ở nhà làm biến đổi một cách tinh vi. “Và anh ta đã tạo ra một đồng bản thiêu!”, bà kêu lên. “Một đồng bản thiêu bên ngoài bếp và có lẽ cả một đồng tương tự trên bếp nữa!”

“Có lẽ cô ta có thể nấu ăn”, ông bác sĩ ôn tồn nói.

“Nấu ở đâu kia chứ? Bằng cách nào? Ngồi ở ngoài sân kia mà nấu nướng ư? Anh ta bê bếp lò và mọi thứ ra đó cho cô ta ư?” Nhưng đó thậm chí không phải là điều khiến bà thực sự bất bình, mặc dầu bà không nói toạc móng heo ra như vậy. Bà không nói, “Họ không phải là một cặp trai gái có hôn thú đàng hoàng” dù trong đầu cả hai đều nghĩ như vậy. Cả hai

đều cho rằng một khi điều đó được nói trắng ra giữa vợ chồng họ, ông bác sĩ sẽ tống khứ những người thuê nhà đó ngay lập tức. Tuy nhiên, cả hai người đều không chịu nói ra điều đó vì lý do sâu xa hơn cả cái lý do rằng ông cảm thấy lương tâm họ phải có trách nhiệm trả lại tiền thuê nhà mà họ đã nhận nếu như đuổi hai người kia đi; riêng về phần ông, có một lý do sâu xa hơn thế, và ông đang nghĩ, Bọn họ chỉ có hai mươi đô la. Ấy là từ ba ngày trước. Và cô ta đang gặp chuyện gì đó không ổn, tiếng nói của người bác sĩ giờ đây át cả tiếng của một người tỉnh lẻ trung thành với chủ nghĩa đạo đức khắt khe, một tín hữu Báp-tít [2] từ khi lọt lòng mẹ. Và cũng có điều gì đó trong lòng bà vợ đang cất lên tiếng nói át cả tiếng của người theo giáo phái Báp-tít bởi vì sáng hôm nay, bà đã đánh thức ông bác sĩ dậy từ bên ngoài cửa sổ - nơi bà đứng với cái dáng quái gở trong chiếc váy ngủ bằng vải bông trông như một tấm vải liệm, mái tóc màu xám được làm xoăn bằng cách quấn giấy để chỉ cho ông thấy người đàn ông trẻ kia mới sáng sớm đã đi từ bãi biển về cùng một bó củi rêu được buộc bằng dây lưng. Và trưa hôm đó khi ông bác sĩ về nhà, bà vợ đã làm rất nhiều món xúp mướt tây, đủ cho hơn chục người ăn, làm với sự tận tụy không thể lay chuyển của những người phụ nữ Samarita tốt bụng, như thể bà tìm thấy niềm thích thú đầy hận thù và độc ác trước thực tế rằng việc làm phúc của người Samarita sẽ trả giá cho phần mướt tây cả ngày không được đụng đến còn lại trên bếp, để rồi được hâm đi hâm lại cho tới khi được hai con người thậm chí không thích nó đánh chén, những người được sinh ra và nuôi dưỡng trong không khí của biển, thích cá ngừ, cá hồi, cá mòi đóng hộp - loại hải sản bị giết và ướp ở một nơi cách đó ba nghìn dặm trong môi trường sặc mùi dầu máy và không khí thương mại.

Đích thân ông bác sĩ có dáng người thấp đậm, đầu tóc không được gọn gàng cho lắm và mặc bộ đồ lanh ấy đã đem bát xúp mướt tây đi cho - bát xúp đầy một chiếc khăn tay bằng vải lanh nhăn nhúm (thậm chí chưa được giặt là, mặc dù còn mới) được đưa qua giậu trúc đào một cách hơi vụng về, góp thêm cho việc làm mang tính biểu tượng không gì ngăn cản nổi của người theo đạo Cơ Đốc, hành động được thực hiện không phải bởi sự chân

tình hay lòng thương hại mà vì bốn phận, một vẻ đẹp ngượng ngùng của lòng tốt; ông bác sĩ hạ tô xúp xuống (người phụ nữ trẻ không đứng dậy khỏi ghế cũng không nhúc nhích, chỉ mỗi đôi tròng mắt vàng như mắt mèo của cô ta là chuyển động) cứ như thể tô xúp có chứa chất dễ gây cháy nổ, khuôn mặt béo phúng phính chưa được cạo râu của ông nở nụ cười ngớ ngẩn, nhưng đằng sau khuôn mặt đó, đôi mắt của người bác sĩ trong ông phát huy sự sắc sảo, không bỏ sót bất cứ điều gì khi tập trung quan sát khuôn mặt của người phụ nữ không quá gầy nhưng thực sự hốc hác mà chẳng hề mím cười, e ngại, và nghĩ, “Đúng rồi. Độ một hoặc hai. Có lẽ độ ba. Nhưng không phải là tim đâu”, rồi thức giấc, bừng tỉnh, để nhận ra đôi mắt hoang dại và trống rỗng đang nhìn trừng trừng ông - một người mà cô ta chưa từng gặp bao giờ - với nỗi hận thù vô biên, sâu nặng khôn lường. Đó là nỗi hận thù băng quơ, không hướng vào bất cứ người nào cụ thể, giống như một người trong lòng sẵn đã hân hoan vui sướng thì nhìn bất cứ cái cây hay cái cột nào cũng cảm thấy thích thú. Ông (người bác sĩ) không hề kiêu căng, biết rõ điều này; không phải nỗi hận thù kia nhằm vào ông. Nó nhằm vào toàn thể nhân loại, ông nghĩ vậy. Ồ, không, không. Đợi đã. Đợi đã - tấm màn bí mật sắp được vén lên rồi, những bánh răng của sự suy luận sắp sửa khớp nhau đâu vào đấy rồi - Không phải nỗi hận thù kia nhằm vào cả nhân loại mà nhằm vào tất cả đàn ông, toàn bộ giống đực. Nhưng tại sao kia chứ?

Tại sao? Trong tình huống này, bà vợ của ông ắt hẳn sẽ để ý đến dấu vết mờ mờ của chiếc nhẫn cưới trên ngón tay người đàn bà này, nhưng ông, người bác sĩ, thấy được nhiều hơn thế: Cô ta là người đàn bà đã có con, ông nghĩ. *Ít nhất là một đứa, chắc chắn cô ta có con rồi; Mình dám đem bằng cấp của mình ra đánh cược đấy. Và nếu Cofer (cái gã ở đại lý nhà đất) đã đúng khi khẳng định tay đàn ông kia không phải là chồng của cô ta, và như gã nói, gã chỉ cần người cũng biết tay đàn ông đó không phải là một người chồng bởi vì hình như gã làm nghề môi giới cho thuê những căn nhà bên bờ biển vì chính cái lý do hoặc sự thúc bách, hoặc nhu cầu tương tự đã khiến một số người dân ở các thành phố trang bị và cung cấp các căn phòng để những người giấu tên hoặc mang tên giả thuê thì... cứ cho là cô*

ta cảm thù đàn ông sâu sắc đủ để bỏ chồng, bỏ con; điều đó có thể hiểu được. Thế nhưng cô ta bỏ chồng con không chỉ để đi với người đàn ông khác mà còn để sống trong cảnh túng quẫn trong khi bản thân lại đang ốm nặng. Hay nói cách khác, cô ta đã bỏ chồng con đi theo một người đàn ông khác và chịu đựng cảnh khốn khó, để rồi phải... phải... Ông cảm nhận, nghe thấy tiếng chuyển động của những bánh răng sự thật: Những bánh răng kêu lách cách khi chuyển động nhanh; ông cảm thấy mình cần phải rất khẩn trương để bắt kịp nhịp chuyển động đó, bởi ông có linh cảm rằng tiếng lách cách cuối cùng sẽ báo hiệu các bánh răng khớp nhau cùng tiếng chuông của sự sáng tỏ sẽ ngân lên và ông sẽ không ở đủ gần để nhìn và nghe được: Đúng. Đúng. Người đàn ông kia, một đại diện của giống đực cũng như mình, người mà trước đó cô ta chưa từng gặp mà nếu có gặp cũng chẳng buồn nhìn đến lần thứ hai, đã làm chuyện gì đó với cô ta để đến nỗi mỗi lần từ bờ biển lên cùng với một bó củi rêu để nấu nướng cho cô ta ăn, anh ta đều phải bước qua khoảng không gian trải đầy cái nhìn chất chứa nỗi hận thù ghê gớm của người đàn bà ấy.

Cô ta thậm chí (chẳng buồn nhắc thân lên) không hề có biểu hiện muốn nhận bát thức ăn từ tay ông. “Không phải là xúp thường đâu, mà là món xúp mướp tây đấy”, ông nói. “Vợ tôi nấu món này đấy. Bà ấy... chúng tôi...” Người đàn bà không nhúc nhích, chỉ nhìn ông trân trân khi ông buộc cái thân hình béo phúng phính trong bộ đồ kẻ sọc nhăn nhúm của mình phải cúi xuống một cách vất vả với tô xúp trong tay; ông thậm chí không biết người đàn ông kia đang ở gần đó cho đến khi người đàn bà nói với anh ta.

“Cảm ơn”, cô ta nói. “Mang nó vào trong nhà đi, Harry.” Và giờ cô ta thậm chí không thèm nhìn ông nữa. “Cảm ơn vợ của ông”, cô ta nói.

Ông bác sĩ nghĩ về hai người thuê nhà khi bước xuống cầu thang trong ánh đèn chập chờn, đi vào vùng không khí đầy mùi xúp mướp tây ôi ở hành lang phía dưới để tiến ra phía phát ra tiếng gõ cửa. Không phải linh cảm hay điềm báo nói cho ông biết rằng người gõ cửa chính là người đàn ông mang tên Harry. Mà là bởi trong suốt bốn ngày qua, ông không nghĩ đến bất cứ chuyện gì khác ngoài chuyện người đàn ông trung niên trong chiếc

áo ngủ cổ lỗ sĩ mà giờ đây đã trở thành trang phục xuất hiện trong một vở hài kịch được diễn ở phạm vi quốc gia, choàng dậy trên chiếc giường cũ kỹ của người vợ vô sinh, đang nghĩ về (có lẽ đã và đang mơ thấy) ngọn lửa căm hờn sâu sắc không nhằm vào một người nào cụ thể hiển hiện trong đôi mắt của người đàn bà xa lạ kia; và ông lại linh cảm về điều sắp xảy ra, có cảm giác mình đang ở ngay phía bên kia tấm màn bí mật, đang mò mẫm, thậm chí đã chạm vào hình hài của sự thật nhưng chưa thực sự nắm bắt được nó, nhìn thấy nó rồi nhưng chưa thấy thật rõ ràng, cụ thể, và ông đứng như trời trồng trên bậc cầu thang trong đôi dép lê lố mốt, nghĩ thật nhanh: Phải rồi. Phải rồi. Một điều gì đó mà đàn ông, giống đực, đã gây ra hoặc cô ta tin là đã gây ra cho cô ta.

Tiếng gõ cửa lại vang lên, như thể qua sự thay đổi của ánh sáng đèn hắt ra từ khe cửa, người gõ cửa biết rằng ông bác sĩ đã dừng lại và giờ đây anh ta lại bắt đầu gõ với kiểu nài nỉ rụt rè của một kẻ xa lạ tìm kiếm sự giúp đỡ giữa đêm hôm khuya khoắt; vị bác sĩ lại tiếp tục dẫn bước, không phải để đáp lại tiếng gõ cửa lại vang lên mà cứ như sự tái diễn của tiếng gõ cửa đơn thuần trùng với cơn bế tắc nhạt nhẽo, cũ rích, lặp lại của bốn ngày thất bại và dò dẫm, đầu hàng và thỏa hiệp; cứ như thế bản năng có thể khiến ông di chuyển - thể xác có khả năng chuyển động song trí năng thì không, và ông tin rằng việc thể xác tiến lên phía trước có thể đưa ông đến gần tấm màn bí mật ngay khi nó được vén lên, để lộ ra sự thật cô lập bất khả xâm phạm mà ông gần như đã chạm tới. Vậy là ông mở cửa và ngó ra ngoài, soi đèn về phía người gõ cửa. Đó đúng là người đàn ông mang tên Harry. Anh ta đứng đó trong bóng tối, trước làn gió biển không ngừng thổi mạnh cùng tiếng xào xạc của những tàu lá cọ chẳng thể nhìn rõ giữa đêm đen, giống như mọi lần ông vẫn thấy anh ta, với chiếc quần vải thô bẩn thỉu và áo ba lỗ, nói lí nhí để xin lỗi vì đã làm phiền ông vào lúc đêm hôm và nhã nhặn trình bày nhu cầu cấp bách của mình, xin được gọi nhờ điện thoại khi ông bác sĩ, trong chiếc áo ngủ dài đến bắp chân, nhìn chăm soi người gọi cửa và nghĩ với niềm hân hoan dâng trào, Bây giờ mình sẽ khám phá ra bí mật đó là gì. “Được”, ông nói, “anh không cần phải gọi điện thoại đâu. Tôi là bác sĩ đây”.



“Ôi”, người kia nói. “Ông có thể sang bên đó ngay bây giờ được không ạ?”

“Được. Để tôi mặc quần đã. Có chuyện gì thế? Tôi hỏi để biết mình phải mang theo những gì.”

Người kia ngậm ngừng một lát - điều này không có gì lạ đối với ông bác sĩ bởi ông đã từng trải nghiệm nó và tin rằng mình biết nguồn cơn của vẻ ngậm ngừng ấy: Bản năng tự nhiên không thể tiết trừ của loài người là muốn giấu giếm một sự thật nào đó, thậm chí giấu cả bác sĩ hoặc luật sư - những người sở hữu kỹ năng và kiến thức được họ trả tiền. “Cô ấy bị chảy máu”, anh ta nói. “Tiền công của ông...”

Nhưng ông bác sĩ không để ý đến điều đó. Ông còn đang mải nghĩ:Ồ. Phải. Tại sao mình lại không... phổi, tất nhiên rồi. Tại sao mình không nghĩ cô ta bị bệnh phổi nhỉ? “Đúng rồi”, ông nói. “Anh đợi ở đây nhé? Hay vào trong này đợi nhỉ? Tôi sẽ xuống ngay.”

“Tôi đợi ở đây được rồi”, người kia nói. Nhưng ông bác sĩ không hề chú ý nghe câu trả lời ấy mà chạy vội lên thang gác, tiến vào phòng ngủ - nơi vợ ông đang chống khuỷu tay nhóm dậy nhìn ông vội vàng xỏ chân vào ống quần, quan sát cái bóng của ông được tạo ra từ ánh sáng của chiếc đèn trên cái bàn thấp cạnh giường ngủ hắt lên tường trông thật khôi hài, và cái bóng của bà trông cũng thật quái dị, giống như Nữ thần tóc rắn, bởi mái tóc màu xám quấn giầy tạo thành những lọn cứng quèo phía trên khuôn mặt xám xịt và chiếc váy ngủ cổ cao trông cũng xám xịt nốt, cứ như thể mọi thứ quần áo bà mặc đều nhuộm cái màu xám xịt của hệ thống đạo đức không thể thay đổi và bác bỏ của bà, kiểu đạo đức mà ông bác sĩ về sau hiểu ra là hoàn toàn dựa trên lý trí. “Đúng”, ông nói, “bị chảy máu. Có thể là xuất huyết. Phổi. Mà tại sao tôi lại không...”.

“Nhiều khả năng anh ta đã chém hoặc bắn cô ta”, bà vợ nói bằng giọng chua cay và lạnh lùng. “Mặc dù qua ánh mắt mà em thấy trong một lần nhìn cô ta ở khoảng cách rất gần, em có thể nói rằng cô ta mới chính là người sẽ chém và bắn ai đó.”

“Vớ vẩn”, ông nói, cúi xuống chỉnh dây đeo quần. “Vớ vẩn.” Bởi vì giờ đây không phải ông đang nói chuyện với bà. “Đúng. Đồ ngốc. Đưa cô

ta đi đâu không đưa lại đưa đến cái xó này. Đến bờ biển Mississippi. Em có muốn anh tắt đèn không?”

“Có. Nếu đợi đến khi được trả công thì có thể anh sẽ phải ở đó lâu đấy.” Ông thổi tắt chiếc đèn và bước xuống cầu thang trong ánh sáng đèn pin. Chiếc túi ông cần đang nằm trên cái bàn ngoài hành lang bên cạnh chiếc mũ đội đầu. Người đàn ông tên Harry vẫn đứng bên ngoài ngưỡng cửa.

“Có lẽ ông nên nhận cái này”, anh ta nói.

“Cái gì?”, vị bác sĩ hỏi. Ông dừng lại rồi nhìn xuống khi soi đèn pin lên tờ giấy bạc duy nhất trong tay người đàn ông. Dù không tiêu gì chẳng nữa, thì bây giờ anh ta cũng chỉ còn mười lăm đô la thôi, ông nghĩ. “Không, để sau đi”, ông nói. “Có lẽ chúng ta nên sang bên đó ngay.” Ông tiến lên trước theo ánh đèn pin nhấp nháy, bước thật nhanh trong khi người đàn ông kia đi qua khoảnh sân có mái che của nhà ông, qua giậu trúc đào để bước vào một khoảng trống nơi gió biển không bị ngăn trở, cứ mặc sức quét qua những cây cọ vô hình, rít lên từng cơn trong đám cỏ dại mọc trên khoảng đất trống; giờ đây ông có thể thấy ánh sáng yếu ớt trong ngôi nhà kia. “Cô ấy bị chảy máu, đúng không?”, ông hỏi. Trời tối om, gió vô hình từ ngoài biển thổi mạnh, thổi liên hồi giữa những cây cọ đứng trong bóng tối - âm thanh đều đều khó chịu chứa đầy tiếng sóng vỗ rì rào vào những hòn đảo chắn ngoài khơi, vào các mỏm cát và vách cát nhô ra biển được bảo vệ bởi những cây thông xơ xác đang vẫy mình trước gió. “Bị xuất huyết, đúng không?”

“Gì cơ?”, người kia nói. “Xuất huyết ư?”

“Không phải sao?”, ông bác sĩ nói. “Vậy thì cô ấy chỉ khạc ra một chút máu khi ho thôi, đúng không?”

“Khạc ư?”, người kia nói. Không phải ngôn từ mà chính là giọng điệu của anh ta mới đáng chú ý. Nó không hướng vào ông bác sĩ và còn hơn cả tiếng cười, cứ như thể cái đích nó nhắm tới không tiếp thu được tiếng cười; không phải ông bác sĩ - người sở hữu đôi chân ngắn ít vận động vẫn rảo bước về phía trước theo ánh đèn pin nhấp nháy, tiến về hướng có ánh đèn mờ mờ đang đợi họ - mà là tín hữu Báp-tít dường như đã dừng lại trong

khi người đàn ông trong ông nghĩ, không phải trong cơn sững sốt mà trong nỗi kinh ngạc đầy thất vọng: Mình sẽ phải mãi mãi sống phía sau chướng ngại của sự ngây thơ bất diệt giống một con gà bị nhốt trong chuồng ư? Ông nói rõ ràng và khá thận trọng; tấm màn bí mật giờ đây đang chuyển động giãn ra, nó sắp sửa tách rời và ông không muốn thấy những điều nằm sau tấm màn ấy; ông biết rằng vì sự thanh thản của tâm hồn mình sau này, ông không dám chứng kiến sự thật và cũng hiểu giờ thì đã quá muộn và ông chẳng thể cứu nổi mình nữa; ông nghe thấy giọng nói của chính mình cất lên câu hỏi ông không muốn hỏi, để rồi phải nhận câu trả lời mà mình không muốn nghe:

“Anh nói rằng cô ấy đang bị chảy máu. Cô ấy bị chảy máu ở đâu?”

“Ở chỗ mà phụ nữ thường bị chảy máu chứ còn ở đâu nữa hả?” Người kia trả lời, gần như gào lên bằng giọng bức tức, và vẫn không dừng lại. “Tôi không phải là bác sĩ. Nếu là bác sĩ, thì việc gì tôi phải lãng phí năm đô la cho ông hả?”

Ông bác sĩ không nghe thấy những lời anh ta nói. “Phải”, ông lẩm bẩm. “Phải. Tôi hiểu. Phải.” Ông không dừng lại. Ông biết chẳng thể dừng lại bởi vì gió vẫn không ngừng thổi qua. Bởi vì mình không còn ở cái tuổi thích hợp cho chuyện này, ông nghĩ. Nếu hai mươi lăm tuổi thì mình có thể nói, ơn Chúa mình không phải là anh ta vì mình biết đó chỉ là may mắn ngày hôm nay thôi và có thể ngày mai hoặc năm sau chuyện đó sẽ xảy ra với mình, vậy nên mình không cần phải ghen tị với anh ta. Và nếu sáu mươi lăm tuổi thì mình có thể nói, tạ ơn Chúa mình không phải là anh ta bởi khi đó mình nhận ra mình quá già nên chuyện đó không thể xảy ra với mình, vậy nên chẳng việc gì phải ghen tị với anh ta bởi vì anh ta có bằng chứng của tình yêu, của đam mê trên cơ thể cho thấy anh ta chưa chết. Nhưng bây giờ mình bốn mươi tám tuổi và mình cho rằng mình không đáng phải biết chuyện này. “Đợi đã”, ông nói, “đợi đã”. Người kia dừng lại; họ đứng đối diện với nhau, hơi nghiêng người trong gió đêm đầy những âm thanh khô khốc hoang dại của những cây cọ.

“Tôi đề nghị được trả công cho ông”, người kia nói. “Năm đô la không đủ sao? Nếu không đủ thì ông hãy cho tôi biết tên của người nào đó

chấp nhận mức thù lao này và cho tôi gọi nhờ điện thoại, được không?”

“Đợi đã”, ông bác sĩ nói. Vậy là gã Cofer đã nói đúng, ông nghĩ. Anh và cô ta không phải là vợ chồng. Có điều tại sao anh lại phải nói với tôi như vậy nhỉ? Tất nhiên ông chỉ nghĩ thôi, không thốt ra câu đó, thay vì thế ông nói: “Anh chưa... Anh chưa... Anh làm nghề gì nhỉ?”.

Người kia cao hơn ông bác sĩ, hơi cúi đầu trong gió mạnh, nhìn xuống ông với vẻ sốt ruột và cam chịu đầy bứt rứt. Trong gió đêm, ngôi nhà đơn sơ trở nên vô hình, ánh sáng lờ mờ không phải được đóng khung bởi bất kỳ ô cửa chính hay cửa sổ nào mà giống như một như một mảnh cờ xin màu, xám xịt, bất động trong gió. “Tôi làm gì á?”, anh ta nói. “Tôi đang cố trở thành một thợ vẽ. Ông hỏi thế là có ý gì?”

“Một thợ vẽ ư? Nhưng ở đây làm gì có hoạt động xây dựng, cũng chẳng có sự bùng nổ hay phát triển nào cả [3]. Tất cả đã lụi tàn từ chín năm trước rồi. Anh muốn nói rằng anh đến đây mà không có lời mời làm việc cũng như hợp đồng gì ư?”

“Tôi vẽ tranh”, người kia nói. “Chí ít, tôi nghĩ mình vẽ tranh... Sao hả? Tôi có được phép sử dụng điện thoại của ông hay không?”

“Anh vẽ tranh”, ông bác sĩ nói bằng giọng khẽ ngạc nhiên, cái giọng mà ba mươi phút sau và ngày hôm sau, ngày hôm sau nữa cứ lơ lửng giữa nỗi oán hận, tức giận và thất vọng: “Có lẽ cô ấy vẫn đang bị chảy máu. Đi thôi”. Họ bước đi. Ông vào nhà trước; ngay lập tức hiểu rằng mình đã đi trước người đàn ông kia và không giống như một vị khách, thậm chí cũng chẳng giống người sở hữu ngôi nhà, mà bởi ông tin rằng mình là một trong hai người có quyền bước vào ngôi nhà đó chừng nào người đàn bà kia còn trong ấy. Giờ đây, họ không còn ở ngoài trời đầy gió nữa. Giờ đây, gió, rầu rĩ và đen ngòm, mạnh và không thể đo lường được, tạt vào cánh cửa mà người đàn ông có tên Harry đã đóng lại phía sau lưng họ, ngay lập tức ông bác sĩ lại ngửi thấy mùi của món xúp mướp tây ôi. Ông thậm chí còn biết món đó được để chỗ nào trong gian bếp lạnh lẽo vì ông đã quá thông thuộc nơi này, và biết món xúp chưa hề được đun tới (Họ thậm chí không ném nó, ông nghĩ. Nhưng tại sao họ lại phải ném món đó chứ nhỉ? Nhân danh

Chúa, tại sao họ lại phải nếm nó chứ?). Cái bếp sứ mẻ, bộ xoong nồi đơn sơ, bộ dao nĩa xoàng xĩnh, những chiếc cốc, cái chén cộc cạch từng đưng nứt và hoa quả dầm được sản xuất hàng loạt và dán nhãn lòe loẹt. Ông biết rõ toàn bộ căn nhà này, ông sở hữu và xây dựng nó - những bức tường gỗ mỏng (chúng thậm chí không được nối với nhau bằng mộng ngầm như tường của căn nhà ông đang ở mà chỉ có những mối nối giả đã bị mưa nắng tác động và khí ẩm của biển làm cong vênh, lộ ra tất cả những thứ cần được che đi giống như chiếc quần rách để lộ da thịt) đầy những tiếng rì rầm của các hồn ma từ một nghìn ngày đêm được sử dụng làm chỗ tá túc của những người thuê nhà; những ngày đêm mà ông bác sĩ (không phải vợ ông) từng nhắm mắt lại, khăng khăng một niềm rằng luôn luôn có người thứ ba trong bất kỳ nhóm người hỗn tạp nào đã ở lại đây qua đêm trừ cặp đôi mới đến thuê nhà này, những người lạ tự xưng một cách đàng hoàng là vợ chồng, mặc dù bây giờ ông biết rõ và chắc chắn vợ ông cũng thừa hiểu họ không phải vợ chồng. Bởi vì ngày mai cái cảm giác giận dữ và oán hận này sẽ đan xen với nỗi thất vọng: Tại sao anh cứ nhất thiết phải nói với tôi chứ, ông nghĩ. Những người thuê nhà khác có đem chuyện của họ nói với tôi đâu, có làm phiền tôi đâu, có mang chuyện rắc rối đến đây đâu, mặc dù tôi không biết họ có thể đã mang đi khỏi đây những gì.

Ngay lập tức, ông có thể nhìn thấy ánh sáng đèn lờ mờ phía bên kia cánh cửa để mở. Nhưng nếu không có ánh sáng đó thì ông cũng biết đâu là cánh cửa có giường ngủ phía sau, chiếc giường mà vợ ông nói sẽ không nở để làm chỗ ngủ cho một người hầu da đen; ông có thể nghe thấy tiếng bước chân của người đàn ông kia phía sau mình và lần đầu tiên chợt nhận ra rằng người đàn ông có tên Harry vẫn đi chân trần sắp sửa đi vượt qua ông để bước vào phòng trước, rồi ông nghĩ (với tư cách là bác sĩ) mình, người thực ra có một phần nhỏ duy nhất cái quyền được bước vào căn phòng, có thể kiểm chế, và cảm thấy có một nhu cầu mãnh liệt được cười thành tiếng khi nghĩ, Các người thấy đấy, tôi không biết quy ước trong những trường hợp như thế này bởi vì khi còn trẻ và còn sống ở thành phố nơi mà những chuyện như thế này xảy ra, tôi nghĩ rằng mình sợ, quá sợ hãi, rồi ông dừng lại bởi người kia đã làm như vậy: Vì thế với cái nhìn mà bản thân không ý

thức được là khả năng thấy được các sự việc bị che khuất hoặc ở ngoài tầm mắt, ông dường như cảm giác cả hai người bọn họ đều đã dừng lại như thể để cho phép cái bóng người chồng hợp pháp của người đàn bà đang ở trong phòng, người hiện vắng mặt và đang tức giận, có quyền chính đáng đi vượt lên trước họ. Một tiếng động từ trong phòng vọng ra - âm thanh của một cái chai chạm vào ly - khiến họ dẫn bước.

“Đợi một chút”, người đàn ông tên Harry nói. Anh ta bước vội vào phòng; ông bác sĩ nhìn thấy chiếc quần bò bạc, quá chật so với người đàn bà được vắt trên chiếc ghế gấp dùng để ngồi hóng gió trên bãi biển. Nhưng ông không nhúc nhích. Ông chỉ đứng yên nghe tiếng bước chân trần của người đàn ông trên sàn nhà và sau đó nghe thấy giọng nói căng thẳng, không to, trầm trầm và khê khàng của anh ta. Vậy là bỗng nhiên ông nhận ra rằng mình biết tại sao trên khuôn mặt của người đàn bà mình nhìn thấy trước đó không hề có biểu hiện đau đớn hay sợ hãi nào, rằng chính người đàn ông mới đang mang nỗi đau đớn hoặc sợ hãi như khi mang những khúc củi rêu (chắc chắn không còn nghi ngờ gì nữa) dùng để nấu nướng cho cô ta. “Không, Charlotte”, anh ta nói. “Em không được làm thế. Em không thể làm thế. Hãy trở lại giường nằm đi.”

“Tại sao tôi lại không thể?”, người đàn bà cất giọng. “Tại sao tôi lại không thể hả?” Và giờ đây ông bác sĩ có thể nghe thấy họ đang cãi cọ. “Hãy để mặc tôi, đồ khốn vụng về” (Ông bác sĩ tin rằng mình đã nghe thấy từ “rat”). “Anh đã hứa rồi mà, rat. Đó là tất cả những gì em đòi hỏi ở anh và anh đã hứa rồi mà. Bởi vì, nghe này, rat...” Ông bác sĩ có thể nghe thấy từ đó, và giờ đây giọng nói trở nên khó nghe, đầy bí mật: “Không phải là anh ta, anh biết mà. Không phải là gã con hoang Wilbourne ấy đã làm chuyện đó đâu. Em đã rũ bỏ gã đó giống như đã rũ bỏ anh. Là người khác kia. Dù có chuyện gì xảy ra, anh cũng không được động đến anh ta. Em tự biện hộ cho cái mông của mình giống như người ta biện hộ cho cái bụng của họ và không ai biết sự thật về một con điếm như thế nào để mà kết tội một ai đó...”. Ông bác sĩ có thể nghe thấy tiếng bước đi của hai đôi chân trần; tiếng động nghe như thể họ đang khiêu vũ một cách cuồng nhiệt trong chốc lát mà không mang giày. Sau đó tiếng động ngừng lại, giọng nói



không còn khó nghe cũng không còn vẻ bí mật nữa. Nhưng nỗi thất vọng ở đâu nhỉ? Ông bác sĩ nghĩ. Con khiếp sợ ở đâu nhỉ? “Ôi Chúa ơi, em lại bị như thế rồi. Harry! Harry! Anh đã hứa rồi mà.”

“Anh hiểu. Được rồi. Quay về giường đi.” “Đưa ly rượu cho em.”

“Không. Anh đã nói và giải thích tại sao em không được uống nữa. Bây giờ em còn đau lắm không?”

“Chúa ơi, em không biết nữa. Em không biết mình có đau lắm hay không. Hãy đưa cho em một ly rượu đi, Harry. Có thể nó lại bắt đầu đấy.”

“Không. Không thể. Muộn rồi. Và lại bác sĩ đã đến rồi. Ông ấy sẽ lo chuyện đó. Anh sẽ mặc đồ cho em để ông ấy có thể vào trong này.”

“Và để cái váy ngủ duy nhất em có bị dính máu ư?” “Đó chính là lý do tại sao chúng ta có cái váy ngủ. Có thể đó là tất cả những gì cần phải có để bắt đầu giải quyết chuyện này. Thôi nào.”

“Tại sao lại phải mời bác sĩ chứ? Tại sao phải tốn năm đô la hả? Đồ vô tích sự... Không không không không. Nhanh lên. Nó lại bắt đầu rồi. Chặn nó lại nhanh lên. Em đau. Em không thể chịu nổi. Ôi, chết tiệt thật, chết tiệt thật...”, người đàn bà bắt đầu cười; đó là tiếng cười khó nhọc, không to, giống như tiếng nôn ọe hoặc tiếng ho. “Đấy. Nó đấy. Giống như súc sắc. Bảy rồi mười một. Có lẽ nếu như em có thể tiếp tục nói...” Ông bác sĩ có thể nghe thấy tiếng của hai đôi chân trần trên sàn nhà, tiếp đến là tiếng rên rỉ của đệm lò xo, người đàn bà vẫn cười - tiếng cười không to, đầy khó hiểu, và chất ngất nỗi thất vọng mà ông đã nhìn thấy trong mắt cô ta khi đưa bát xúp mướt tây cho cô ta buổi trưa hôm ấy. Ông đứng đó, ôm chiếc túi nhỏ màu đen sờn cũ đựng thuốc men và y cụ của mình, nhìn chiếc quần bò bạc phếch giữa đám trang phục đang vắt trên ghế; rồi ông thấy người đàn ông có tên Harry quay ra, nhặt chiếc váy ngủ trong đám quần áo đó lên và lại biến mất; ông bác sĩ nhìn chiếc ghế. Đúng, ông nghĩ. Anh ta mang nỗi đau đớn hoặc sợ hãi giống như mang những khúc củi rêu vậ. Rồi ông thấy người đàn ông tên Harry xuất hiện trở lại ở cửa phòng.

“Bây giờ ông có thể vào được rồi”, anh ta nói.

## ÔNG GIÀ [4]

Đạo ấy (vào tháng Năm, năm 1927, tháng xảy ra trận lụt lớn ở Mississippi) có hai người đàn ông bị kết án tù. Một người khoảng hai mươi lăm tuổi, dáng cao, gầy gò, bụng lép kẹp, có khuôn mặt rám nắng, mái tóc đen của người da đỏ và đôi mắt xanh chứa đầy oán hận - không phải nỗi oán hận hướng vào những người đã chặn đứng hành động phạm tội của hắn, cũng chẳng phải vào các luật sư hay các thẩm phán đã tống hắn vào tù, mà nhằm vào các nhà văn, những cái tên ảo gắn với các câu chuyện, các cuốn tiểu thuyết - những Diamond Dick và Jesse James, đại loại thế, những kẻ mà hắn tin rằng do sự khờ dại và dốt nát trong cách sử dụng phương tiện để kiếm tiền đã đẩy hắn vào tình cảnh hiện nay thông qua việc chấp nhận thông tin mà họ đặt lên con dấu của sự thật và tính xác thực (việc đó thậm chí còn tệ hơn cả hành động phạm tội bởi không có tuyên bố được chứng thực nào đi kèm hết, và vì thế thông tin nhanh chóng được những người đang mong chờ sự bảo đảm mà không phải chứng thực chấp nhận, sự bảo đảm mà hắn đã bỏ ra một hào hoặc mười lăm xu để mua), sự bảo đảm được bán lẻ để kiếm tiền và là điều mà khi được áp dụng vào thực tế đã cho thấy tính bất khả thi và (đối với kẻ bị kết án này) những gì các nhà văn đó viết giả dối đến mức đáng được coi là tội ác; có những lần hắn dừng con la và cái cày của mình lại giữa một luống đất (ở Mississippi không trại giam nào có tường vây kín; nơi hắn thụ án là một đồn điền trồng bông mà các tù nhân làm việc dưới sự giám sát của những khẩu súng trường và súng ngắn của lính gác, còn những người tù được tín nhiệm có nghĩa vụ coi quản các tù nhân khác) và ngẫm nghĩ trong nỗi bất lực tưởng chừng khiến hắn muốn phát điên, loay hoay giữa cái rắc rối mà hắn phải hứng chịu qua lần duy nhất vướng vào vòng lao lý cho đến khi một học thuyết lỗi thời đông dài và vô nghĩa cuối cùng cũng hình thành (bản thân

hắn đang tìm kiếm công lý từ chính cái nguồn mờ mịt hắn từng gặp công lý và bị hất mạnh trở lại, ngã nhào): Sử dụng chữ nghĩa để lừa gạt: Ai thèm tin rằng hắn đã bị lừa gạt bởi loại văn chương hạng ba không phải vì những đồng tiền ngớ ngẩn - thứ mà hắn không thực sự muốn - mà vì sự tự do, danh dự và lòng kiêu hãnh kia chứ.

Hắn đã thụ án được mười lăm năm (không lâu sau ngày sinh nhật lần thứ mười chín khi bị tống vào tù) vì tội cướp trên tàu hỏa. Hắn đã lên kế hoạch từ trước, làm đúng như các chuyên gia (không có thật) trong sách đã chỉ dẫn; hắn đã tích góp những cuốn sách bìa cứng trong hai năm, đọc đi đọc lại, ghi nhớ chúng, so sánh và cân nhắc giữa câu chuyện này với câu chuyện kia, phương pháp này với phương pháp nọ, chọn lựa những gì ưu việt nhất từ mỗi câu chuyện, mỗi cách thức, loại bỏ những chi tiết rườm rà khi kế hoạch của hắn dần hình thành, giữ vững tinh thần tiếp thu để thực hiện những thay đổi tinh vi vào phút chót mà không hề hấp tấp hay nóng vội khi các cuốn sách mới hơn xuất hiện vào đúng ngày được ấn định, y như một người thợ may tận tụy thực hiện các phương án chỉnh sửa kỹ lưỡng và tỉ mỉ cho một bộ y phục để mặc trước tòa. Và rồi, khi ngày hành sự đến, hắn thậm chí không có cơ hội để đi khắp các toa tàu và thu lượm những chiếc đồng hồ đeo tay, những chiếc nhẫn, trâm và dây lưng giấu tiền, bởi hắn đã bị bắt ngay khi vừa đặt chân lên toa tàu chở két sắt và vàng. Hắn không bắn ai hết vì khẩu súng lục mà người ta tước của hắn thực ra chẳng phải là súng mặc dù được nạp đạn; sau đó hắn thú nhận với ủy viên công tố của quận rằng sở dĩ hắn sắm khẩu súng đó cùng chiếc đèn lồng đốt bằng nến và chiếc khăn tay để bịt mặt màu đen là do những câu chuyện trong Báo Người thám tử đã gợi ý cho hắn. Vậy nên bây giờ, thỉnh thoảng (hắn có thừa thời gian) hắn trầm ngâm suy nghĩ về chuyện đó với vẻ vô cùng quan trọng bởi có những điều mình không biết phải nói như thế nào với bọn họ tại tòa. Cái hắn muốn không phải là tiền. Không phải là của cải vật chất ăn cướp được; hắn đơn giản chỉ muốn đeo một vòng nguyệt quế của niềm kiêu hãnh lên vầng ngực giống như chiếc huy chương của vận động viên Olympic - một biểu tượng, một vật tượng trưng cho thấy hắn cũng là nhân vật ưu tú nhất trong bước khởi đầu mà hắn lựa chọn, trong một thế giới

luôn biến chuyển và dễ đổi thay thuộc thời đại của hắn. Vậy là nhiều lần, khi dẫm chân trên những tảng đất đen màu mỡ đã được lưỡi cày của mình lật lên hoặc khi dùng cuốc tĩa bớt những mầm cây bông và mầm ngô hay khi ngả tấm lưng mỏi rũ trên giường sau bữa tối, hắn lại thổ ra một tràng những lời nguyện rửa, gay gắt và nhàm chán; không phải nguyện rửa những người đang sống đã đẩy hắn vào tình cảnh này mà nguyện rửa những gì hắn thậm chí không biết chỉ là bút danh, chỉ là những kẻ không có thực trên đời, chỉ là tước hiệu của những cái bóng viết về những cái bóng mà thôi.

Tù nhân thứ hai có dáng người thấp đậm. Gã hầu như không có tóc, và là người da trắng. Gã giống một sinh vật lộ ra dưới ánh sáng mặt trời khi người ta lật những tấm gỗ mục lên và gã cũng mang trong mình (mặc dù không phải qua đôi mắt như tù nhân thứ nhất) nỗi oán hận đầy bất lực và dữ dội. Nỗi oán hận đó không bộc lộ ra ngoài vì vậy, chẳng ai biết nó đang tồn tại. Nhưng không ai biết nhiều về gã, ngay cả những người đã tống gã tới đây. Nỗi oán hận của gã không nhằm vào những gì được in trong sách mà nhằm vào một thực tế đầy nghịch lý rằng gã phải đến đây vì sự lựa chọn và nguyện vọng của chính gã. Gã buộc phải lựa chọn giữa trang trại của bang Mississippi và nhà tù Liên bang ở Atlanta, và việc gã, kẻ giống một con ốc sên xanh xao, trọc lốc, đã chọn thụ án ở một nơi cho phép hắn được ở ngoài trời, tiếp xúc với ánh mặt trời chỉ là một cách biểu thị khác cho tính khí bí ẩn cô độc được bảo vệ nghiêm ngặt, tựa như thứ gì đó có thể bỗng nhiên khuấy động mặt nước ao tù trong chốc lát rồi lại chìm xuống trong yên ắng. Không người bạn tù nào của gã biết gã phạm tội gì, ngoài thông tin gã bị phạt tù một trăm chín mươi chín năm - thời gian chịu án đầy phi lý và bất khả thi này tự nó đã mang tính hoang đường và xấu xa, cho thấy lý do gã ở đây là bởi vì mọi đối tượng đấu tranh cho công lý, trụ cột của công lý và sự công bằng - những kẻ đã buộc gã phải tới đây vào thời điểm đó - đã trở thành các tông đồ mù quáng không phải của công lý thuần túy mà là của cách đối xử phù hợp với tính cách của con người, những công cụ mù quáng không phải của lẽ công bằng mà của nỗi oán hận và sự trả thù của con người, đã phát huy tác dụng trong sự phối hợp mang tính cá nhân đầy thù địch của thẩm phán và bồi thẩm đoàn - một nhóm người rõ ràng đã thủ

tiêu công lý và có lẽ cả luật pháp nữa. Hẳn là chỉ các luật sư của bang và Liên bang mới biết gã thực sự mắc tội gì. Tội của gã liên quan đến một người đàn bà và một chiếc xe hơi bị đánh cắp được lái qua biên giới của bang, một trạm xăng bị cướp và một người bị bắn chết. Có người đàn ông thứ hai ở trên xe vào thời điểm đó và bất cứ ai nhìn kẻ bị kết tội (như hai vị luật sư đã nhìn) đều hiểu rằng dù có rượu thúc đẩy lòng can đảm chẳng nữa, gã cũng chẳng dám bóp cò bắn bất cứ ai. Nhưng gã và người đàn bà cùng chiếc xe bị đánh cắp đã bị bắt, trong khi người đàn ông thứ hai, không nghi ngờ gì, chính là kẻ giết người, đã tẩu thoát, ngay lập tức bị đưa đến Văn phòng chương lý của bang trong tâm trạng bối rối trước hai vị luật sư đang vui sướng một cách hãn học và không dễ xiêu lòng, còn người đàn bà đầy giận dữ bị hai cảnh sát bắt thì ở căn phòng phía sau gã, và gã được phép lựa chọn. Gã có thể bị đưa ra xét xử ở tòa án Liên bang theo đạo luật Mann <sup>[5]</sup> với tội danh ăn cắp xe hơi, và như vậy bằng việc lựa chọn đi qua gian phòng nơi người đàn bà đang nổi cơn thịnh nộ, gã có thể nắm lấy cơ hội được giảm nhẹ tội ở tòa án Liên bang, hoặc bằng cách chấp nhận mức án dành cho kẻ giết người ở tòa án bang, hẳn sẽ không phải quay trở lại phòng giam phía sau cũng như đi qua chỗ người đàn bà kia nữa. Gã đã lựa chọn đứng trước vành móng ngựa và nghe vị thẩm phán (người đã nhìn xuống gã như thể chương lý của quận dùng chân lật một tấm ván mục lên và làm lộ một sinh vật cớm nắng là gã) tuyên phạt gã một trăm chín mươi chín năm tù tại trại lao động State Farm. Bởi thế (gã có đầy thời gian rảnh rỗi; sau khi người ta cố dạy gã cày ruộng và thất bại, gã bị đẩy xuống xưởng rèn và chính người đốc công, đồng thời là một người tù được tin cậy giao cho việc cai quản các tù nhân khác, đã yêu cầu tổng cố gã khỏi chỗ đó: Vậy là bây giờ, với chiếc tạp dề dài thườn thượt như một ả đàn bà, gã nấu nướng và quét dọn trong khu vực dành riêng cho phó giám đốc trại) nhiều lúc gã cũng trầm ngâm suy nghĩ với cảm giác bất lực và oán hận dù không biểu hiện điều đó ra ngoài như tù nhân thứ nhất, bởi vì gã không bao giờ đang khua chổi thì bỗng dừng tay nên chẳng ai biết cái cảm giác ấy tồn tại trong con người mình.

Chính tù nhân thứ hai, vào cuối tháng Tư ấy, bắt đầu đọc báo bằng giọng oang oang cho những tù nhân khác nghe khi họ từ ngoài đồng trở về với cổ chân bị xích nối từ người này đến người khác và bị một trong những người quản tù có vũ trang lừa đi ăn tối rồi tập trung trong dãy nhà dùm làm chỗ ngủ cho tù nhân. Đó là tờ Tin tức Memphis mà phó giám đốc trại đã đọc trong bữa ăn sáng; gã đọc thật to những bài báo cho các bạn tù của mình nghe - những kẻ chẳng mấy quan tâm đến thế giới bên ngoài, một vài người thậm chí không thể tự đọc báo, chẳng biết lưu vực sông Ohio và lưu vực sông Missouri ở đâu, một số kẻ chưa từng nhìn thấy sông Mississippi mặc dù ở quá khứ, trong vài ngày hoặc mười ngày, hai mươi hoặc ba mươi năm (và trong tương lai từ vài tháng cho đến suốt đời), họ cày ruộng và gieo trồng, ăn và ngủ dưới bóng con đê của nó; họ tuyệt nhiên không biết gì về dòng sông ấy, chỉ biết rằng có nước ở phía bên kia đê, ấy là qua lời đồn đại, và bởi vì thỉnh thoảng họ nghe thấy tiếng còi tàu vọng lại từ phía ngoài đê, và vào tuần trước, họ nhìn thấy những bông hoa tiêu di chuyển dọc bầu trời ở một khoảng cách cao hơn đầu họ sáu mươi feet [6].

Nhưng họ đã nghe người bạn tù ấy đọc báo, và ít lâu sau, ngay cả những kẻ như tù nhân có dáng người cao, người mà có lẽ chưa từng nhìn thấy chỗ nào nhiều nước hơn một cái hồ nhỏ, sẽ biết ba mươi feet theo thước đo mực nước sông ở Cairo hoặc ở Memphis nghĩa là gì và có thể (và đã) nói liến thoắng về những đụn cát. Có lẽ điều thực sự khiến họ xúc động là các thông tin về những nhóm người hộ đê theo nghĩa vụ, không phân biệt người da đen hay da trắng đang thay phiên nhau chống chọi với mực nước sông không ngừng dâng cao; các câu chuyện về những người đàn ông, mặc dù họ là người da đen, giống những người tù, bị buộc phải làm việc mà không được trả công xá gì ngoài chút thức ăn đạm bạc và một chỗ ngủ trong căn lều bẩn thỉu; các câu chuyện, hình ảnh được tiết lộ từ giọng đọc của tù nhân có dáng người thấp đậm: Những người đàn ông da trắng lấm lem với các khẩu súng ngắn quen thuộc, những hàng dài người da đen trông như những đàn kiến mang các bao cát leo lên bề mặt thoải của con đê, ném mạnh số “đạn dưng” chẳng đáng kể của họ vào mặt trận lụt rồi lại



quay trở lại để lấy thêm “đạn”. Hoặc có lẽ còn hơn thế. Có lẽ họ đã theo dõi sự sẵn tới của thảm họa với niềm hy vọng đầy ngỡ vực và nỗi kinh ngạc mà những kẻ nô lệ - những con sư tử, những con gấu, những con voi, những người giữ ngựa và đầu bếp chuyên làm bánh - đã cảm thấy khi nhìn ngọn lửa của thành Rome bốc lên ngùn ngụt từ các khu vườn của gia đình Ahenobarbus [7]. Nhưng họ đang nghe đọc báo; bây giờ là tháng Năm và tờ báo của giám đốc trại bắt đầu cho họ thấy những con chữ của đầu đề bài báo cao tới hai inch [8] và được in nghiêng nổi bật đến mức tưởng chừng cả những kẻ mù chữ cũng có thể đọc được: Nửa Đêm Lụt Tràn Qua Memphis, 4000 Người Thuộc Lưu Vực Sông Trắng Bị Mất Nhà, Thủ Hiến Bang Ban Bỏ Thiết Quân Luật Tại Các Hạt Sau, Xe Của Hội Chữ Thập Đỏ Cùng Bộ Trưởng Thương Mại Hoover Rời Washington Trong Đêm Nay; thế rồi, ba tối sau (trời mưa cả ngày - không có những trận mưa rào mau tạnh kèm sấm sét của tháng Tư và tháng Năm, mà chỉ có trận mưa dai dẳng liên miên của tháng Mười một và tháng Mười hai trước khi gió bắc giá buốt tràn về. Ban ngày các tù nhân không ra đồng làm việc được, và niềm lạc quan được nhai lại những tin tức đã trở nên cũ rích trong hai mươi tư giờ dường như chứa đựng sự phản luận của chính nó) xuất hiện những bài báo có tiêu đề: Lụt Giờ Đây Đã Ở Phía Dưới Memphis, 22.000 Người Đi Sơ Tán Đã Được An Toàn ở Vicksburg, Những Kỹ Sư Của Quân Đội Nói Đê Sẽ Trụ Được Qua Trận Lụt.

“Tao cho rằng như thế có nghĩa là đêm nay đê sẽ vỡ”, một tù nhân nói.

“Ồ, có lẽ đợt mưa này sẽ kéo dài cho đến khi nước lụt tràn đến đây”, một tù nhân khác nói. Tất cả bọn họ đều nhất trí với ý kiến đó bởi vì điều họ muốn nói - ý nghĩ đang xuất hiện trong đầu họ nhưng không được bày tỏ - là nếu mưa tạnh, dù đê bị vỡ và nước lụt tràn đến tận trại, họ vẫn sẽ phải ra đồng và làm cái việc mình bị bắt phải làm. Chẳng có gì là nghịch lý, là ngược đời trong chuyện đó hết, dầu cho họ có thể không diễn đạt được lý do mình hiểu được nhờ bản năng rằng đất mà họ cấy cấy và gieo trồng cũng như những thứ mà họ làm ra là không thuộc về họ - những người đổ mồ hôi lao động - và cũng chẳng thuộc về những người dùng súng bắt họ

phải làm việc, và đối với các tù nhân cũng như những người quản tù, những gì họ gieo xuống đất chỉ là những viên sỏi, những gì họ trồng tủa chỉ là những mầm bông và mầm ngô bằng giấy bồi mà thôi. Thế rồi chuyện xảy ra giữa niềm hy vọng điên cuồng và cả ngày dài ngồi không, cả buổi tối với các tin tức nổi bật từ tờ báo mà bạn tù đọc cho họ nghe, đúng vậy, họ đang ngủ chập chờn trong tiếng mưa rơi trên mái tôn thì bỗng đâu, vào nửa đêm, những bóng đèn điện được bật sáng choang và giọng của những người lính gác đánh thức họ dậy, họ nghe thấy tiếng xe tải đang nổ máy xịch xịch ợi sẵn.

“Ra ngoài mau!”, giám đốc trại gào lên. Ông ta đã mặc quần áo chỉnh tề, đi ủng cao su và mang súng ngắn. “Đê ở Mound’s Landing đã vỡ cách đây một giờ. Dậy và rời khỏi đây mau!”

# CỌ HOANG

Lần đầu tiên gặp Charlotte Rittenmeyer, người đàn ông tên Harry đang là bác sĩ thực tập tại một bệnh viện ở New Orleans. Anh là con út trong một gia đình có ba người con và được vợ hai của bố sinh ra khi ông chẳng còn trẻ trung gì; khoảng cách mười sáu năm đã tạo ra sự khác biệt giữa anh và người nhỏ tuổi hơn trong số hai bà chị cùng cha khác mẹ với anh. Lên hai tuổi, anh mồ côi cả cha lẫn mẹ và được người chị cả nuôi dưỡng. Cha anh nguyên là một bác sĩ. Ông bắt đầu học và hoàn thành chương trình y khoa vào thời mà cái danh bác sĩ bao gồm đủ mọi thứ, từ dược lý, chẩn đoán học tới phẫu thuật, cái thời mà chi phí giáo dục có thể được trả bằng hàng hóa hoặc công lao động; ông Wilbourne từng làm bảo vệ ở ký túc xá, phục vụ bàn ở nhà ăn tập thể và đã hoàn thành chương trình đào tạo bốn năm với khoản kinh phí bằng tiền mặt không quá hai trăm đô la. Bởi vậy, khi mở di chúc của ông, người ta đọc được đoạn cuối như sau:

*Đối với con trai tôi, Henry Wilbourne, tôi hiểu rằng ở thời của nó, điều kiện cũng như giá trị thực của đồng tiền đã thay đổi, bởi vậy tôi không thể mong nó sẽ lấy được bằng của khoa giải phẫu và bằng Y khoa với số tiền tương đương với chi phí ăn học của thời tôi còn sống, vì thế tôi để lại khoản tiền hai nghìn đô la dành cho việc học hành của nó để nó có thể lấy bằng đại học cũng như giấy phép hành nghề phẫu thuật và y khoa, và tôi tin rằng khoản tiền nói trên đủ cho mục đích đó.*

Bản di chúc được lập hai ngày sau khi Harry chào đời vào năm 1910, và hai năm sau, cha anh qua đời vì ngộ độc do mút máu từ vết răn cắn trên tay của một đứa trẻ nhà nghèo, vậy là người chị cả đảm nhận trách nhiệm nuôi nấng anh. Chồng chị làm việc tại cửa hàng thực phẩm ở một thị trấn nhỏ thuộc bang Oklahoma và họ đã có con, vậy nên khi Harry vào học trường Y - một trường được xếp hạng tương đối tốt nhưng lại có mức học

phí vừa phải - thì khoản tiền hai nghìn đô la dành để trang trải chi phí học hành trong hơn bốn năm của anh đã mất giá, chẳng hơn gì hai trăm đô la ở thời của cha anh. Thậm chí điều kiện của anh còn khó khăn hơn, vì ở ký túc xá lúc bấy giờ đã có hệ thống sưởi ấm bằng hơi nước và trường đại học có căng tin bán hàng tự động không cần người phục vụ; cách duy nhất một người đàn ông trẻ có thể kiếm tiền ở trường là bắt bóng hoặc chặn người giữ bóng trong các trận đấu bóng. Chị gái đã giúp đỡ anh - thỉnh thoảng lại gửi cho anh một hoặc hai đô la hay thậm chí vài con tem được gấp cẩn thận trong một bức thư. Số tiền đó dùng để mua thuốc lá và bằng cách không hút thuốc trong một năm, anh đã tiết kiệm được một khoản đủ để nộp lệ phí cho Hội sinh viên của trường Y. Anh không còn một xu dính túi để đi chơi với các cô gái (trường có cả nam sinh và nữ sinh) nhưng dẫu sao hồi đó anh cũng chẳng có thời gian cho chuyện ấy; đằng sau vẻ bình thản của đời sống tu viện, anh phải vật vã trong một cuộc chiến liên miên không ngừng nghỉ giống như bất cứ người nào trong một tòa nhà chọc trời của phố Wall khi cố gắng cân đối khoản tiền đang với dần của mình với những trang sách giáo trình được lật qua.

Nhưng anh đã xoay sở được, và với những gì còn lại của hai nghìn đô la, anh có đủ tiền để quyết định vào phút chót giữa việc trở về thị trấn ở Oklahoma để giơ tấm bằng cho chị gái xem, hoặc đi thẳng tới New Orleans nhận nhiệm vụ bác sĩ thực tập, nhưng vào thời điểm đó, anh không có đủ tiền để làm cả hai việc. Anh đã chọn New Orleans. Hay nói đúng hơn, anh chẳng có lựa chọn nào khác; anh viết cho chị gái và anh rề một bức thư bày tỏ lòng biết ơn đối với họ, gửi kèm một tờ giấy có chữ ký, ghi đầy đủ số tiền của những con tem bưu điện và những khoản tiền mà chị gái đã gửi cho mình, cùng với lãi suất (anh cũng gửi tấm bằng tốt nghiệp có những con chữ được ghi bằng tiếng Latin với lời chào được dập nổi cùng những chữ ký khó đọc mà chị gái và anh rề anh chỉ có thể giải mã được duy nhất tên anh trong số đó) rồi gửi bưu điện cho họ, sau đó mua vé tàu, trải qua mười bốn tiếng đồng hồ trên chuyến tàu chạy ban ngày. Anh đến New Orleans với một chiếc túi xách và một đô la ba mươi sáu xu.

Giờ đây, anh đã làm việc ở bệnh viện được gần hai năm. Anh sống trong khu nhà dành cho bác sĩ thực tập nội trú cùng với hai người khác cũng giống như anh - chẳng giàu có gì; mỗi tuần anh hút thuốc một lần: Một bao thuốc lá để hút vào dịp cuối tuần khi anh thực hiện nghĩa vụ mà giấy ghi nợ của mình chỉ ra - gửi trả cho chị gái những khoản tiền một hoặc hai đô la; một chiếc túi duy nhất vẫn chứa được tất cả những thứ anh sở hữu - quần áo của bệnh viện, hai mươi sáu năm tuổi đời, hai nghìn đô la, tấm vé tàu đi New Orleans cùng một đô la và ba mươi sáu xu - để ở góc của căn phòng trông chẳng khác gì trại lính với những chiếc giường sắt giống kiểu giường của quân đội; vào buổi sáng của ngày sinh nhật lần thứ hai mươi bảy, anh thức dậy và nhìn xuống đôi bàn chân mình, cảm thấy dường như anh đang nhìn hai mươi bảy năm không thể chối bỏ của cuộc đời bị thu nhỏ lại và biến dạng, như thể cuộc sống của anh sắp sửa được đặt một cách thụ động lên lưng anh, còn anh đang trôi lững lờ vô định ngoài ý muốn trên một dòng suối không ngừng chảy mà chẳng cần chút nỗ lực nào. Những năm tháng ấy dường như hữu hình trước mắt anh: Những năm trống rỗng khi tuổi trẻ của anh đã mất hút, những năm của tuổi thanh xuân sôi nổi, quãng đời dành cho sự vui chơi buông thả và sống thỏa máu liều, những năm tháng dành cho những mối tình tuổi mới lớn sớm nở tối tàn bi thương và nồng cháy, những năm tháng dành cho sự khám phá và thôi thúc đầy hoang dại của xác thịt, và tất cả những điều đó đã không dành cho anh; anh nằm nghỉ, không hẳn với cảm giác tự hào mà cũng chẳng phải với nỗi tủi nhục, mà đúng hơn là với sự thanh thản của một vị quan thái giám ở tuổi trung niên nhìn lại quãng thời gian vô nghĩa trước khi ông ta bị biến đổi, nhìn những hình bóng mờ nhạt giờ chỉ còn lại trong ký ức và không phải bằng xương thịt: Mình đã khước từ tiền bạc và vì thế khước từ cả tình yêu. Không phải là mình từ bỏ những thứ đó, mà là không nhận chúng. Mình không cần những thứ ấy; năm sau hoặc hai năm, năm năm nữa mình sẽ biết chính xác những gì mà giờ đây mình tin: Mình thậm chí không nhất thiết cứ phải ham muốn những thứ ấy.

Tối hôm đó, anh đi làm về muộn hơn mọi ngày một chút; khi đi qua phòng ăn, anh nghe thấy tiếng chén bát leng keng cùng tiếng người trò

chuyện xôn xao, còn ở phòng tập thể lúc đó không có ai khác ngoài một người tên là Flint vận quần âu cùng áo sơ mi, đang thắt chiếc cà vạt đen trước gương; anh ta quay ra nhìn khi Wilbourne bước vào, chỉ tay về phía một bức điện được đặt trên gối của anh. Bức điện đã bị mở. “Nó được để ở giường của tớ”, Flint nói. “Tớ đang mãi thay đồ nên không kịp nhìn tên trên đó. Tớ cứ thế cầm nó lên và mở ra. Tớ xin lỗi.”

“Không sao đâu”, Wilbourne đáp. “Khối người đã thấy một bức điện trước khi nó trở thành thứ riêng tư.” Anh lôi mảnh giấy màu vàng được gấp gọn ra khỏi chiếc phong bì. Bức điện được trang trí bởi những biểu tượng hình tràng hoa và những đường xoáy tròn ốc là do chị gái anh gửi: Một trong những bức điện mừng sinh nhật được in hàng loạt mà công ty điện tín gửi đến bất cứ đâu trong phạm vi nước Mỹ với giá hai mươi lăm xu. Anh nhận thấy Flint đang quan sát mình.

“Vậy ra hôm nay là sinh nhật của cậu”, Flint nói. “Tổ chức mừng sinh nhật chứ nhỉ?”

“Không”, Wilbourne nói. “Tớ nghĩ là không.”

“Gì cơ? Nghe này. Tớ sắp sửa đi dự tiệc ở khu phố Pháp. Tại sao cậu không đi cùng tớ nhỉ?”

“Không”, Wilbourne trả lời. “Dẫu sao cũng cảm ơn cậu.” Anh chưa kịp nghĩ tại sao không. “Tớ có được mời đâu.”

“Không quan trọng. Thực ra đó không hẳn là một bữa tiệc. Nó diễn ra tại một xưởng vẽ. Một anh chàng họa sĩ. Chỉ là một đám bạn bè ngồi với nhau trên sàn nhà uống rượu thôi mà. Đi nào. Cậu không muốn chết gí ở đây trong ngày sinh nhật của cậu đấy chứ.” Bây giờ anh mới bắt đầu nghĩ, Tại sao không? Tại sao mình lại không đi chứ? Và bây giờ, anh gần như có thể nhìn thấy người canh gác sự bình yên được rèn luyện, có thâm niên và biết cam chịu trong anh đang giơ vũ khí lên, ngài Moses <sup>[9]</sup> nghiêm khắc, không hề hoảng hốt, miễn dịch trước cơn hoảng hốt, nhất nhất cấm đoán một cách hăng hái và dứt tợn: Không. Mi sẽ không đi. Có sao để vậy. Bây giờ mi đang được bình yên; mi chớ có đòi hỏi thêm.

“Vả lại mình chẳng có bộ đồ nào để mặc cả.”



“Không cần đâu. Chủ tiệc có thể sẽ mặc áo choàng tắm ấy chứ. Cậu có một bộ com lê đen, đúng không?”

“Nhưng mình không...”

“Thôi nào”, Flint nói. “De Montigny có một bộ vest đấy. Cậu ấy mặc cùng cỡ với cậu. Tớ sẽ lấy bộ đó cho cậu.” Cậu ta đi đến tủ treo áo dùng chung của cả phòng.

“Nhưng mình không...”, Wilbourne đáp.

“Thôi nào”, Flint nói. Cậu ta đặt chiếc áo thứ hai lên giường sau đó tháo thắt lưng và bắt đầu cởi quần. “Tớ sẽ mặc bộ của Montigny còn cậu sẽ mặc bộ của tớ. Ba đứa chúng mình mặc cùng cỡ mà.”

Một giờ sau, trong bộ đồ đi mượn mà trước đó chưa từng mặc bao giờ, anh và Flint dừng lại tại một con phố chật hẹp, mờ tối với những ban công lô xô nằm giữa quảng trường Jackson và khu Hoàng gia ở khu phố Pháp - một bức tường gạch mịn với một cây cọ bấp cải xoắn lá bồm xồm, tả tơi phía trên và từ bên kia bức tường, mùi hương hoa nhài tỏa ra thơm ngát - mùi hương mà người ta dường như có thể nhìn thấy trên lớp không khí đậm đặc tù đọng vốn đã thấm đẫm mùi đường, chuối và gai dầu từ bến cảng, tựa một làn sương hoặc thậm chí như một lớp sơn. Một cánh cổng gỗ được lắp hơi lệch hiện ra, bên cạnh là sợi dây kéo chuông - vật tạo ra chuỗi âm thanh chói tai, lạnh lót và xa xăm dưới bàn tay của Flint. Họ nghe thấy tiếng đàn dương cầm trong nhà đang ngân lên một bản nhạc của Gershwin.

“Thấy chưa”, Flint nói. “Cậu không cần phải ngại gì về bữa tiệc này đâu. Cậu đã ngửi thấy mùi rượu Gin nhà nấu rồi đấy. Gershwin có lẽ cũng tự vẽ tranh để ngắm. Tôi dám đánh cược rằng Gershwin có thể vẽ thứ mà Crowe gọi là tranh giỏi hơn Crowe chơi cái mà Gershwin gọi là âm nhạc.”

Flint lại tiếp tục giật chuông nhưng chẳng thấy ai trả lời. “Dù sao cổng cũng không khóa”, Wilbourne nói. Đúng vậy, và họ bước vào một mảnh sân được lát những viên gạch mỏng đã bắt đầu xuống cấp. Ở đây có một bể nước tù đọng, một bức tượng bằng đất nung, một đám cây xuyên chi tốt um, một cây cọ, một khóm nhài rậm lá nở đầy hoa trắng muốt được ánh đèn điện qua ô cửa kiểu Pháp mở rộng rọi sáng, một ban công nhô ra ở ba mặt của ngôi nhà, những bức tường được xây bằng cùng một loại gạch

nung như Wilbourne đã thấy ở sân nâng đỡ một dãy lan can đã gãy đôi chỗ chẳng ăn nhập gì với ánh sáng thành phố trên nền trời u ám; trên tất cả là sự tinh vi giả tạo, âm thanh vang giòn, nghịch tai và mỏng manh của đàn dương cầm, tựa như các biểu tượng mà những đứa con trai mới lớn vẽ nguệch ngoạc lên một ngôi mộ cổ đổ nát đã bị đào bới.

Họ đi qua sân, tiến về phía những ô cửa sổ kiểu Pháp và nơi tiếng dương cầm cũng những giọng nói vọng ra. Đó là một căn phòng dài, sàn phòng không được phẳng cho lắm và những bức tường giăng kín các bức vẽ không được đóng khung; ngay lập tức, Wilbourne bị ảnh hưởng của sự rối rắm và trù tượng mà chúng tạo ra tác động, tựa hồ cảm giác khi ta bất ngờ nhìn thấy một bức tranh quảng cáo cỡ lớn của rạp xiếc ở một khoảng cách rất gần mà từ đó thị giác, con người của ta, dường như bắt đầu co lại một cách dữ dội trong cơn choáng váng. Căn phòng không có bất cứ đồ đạc gì ngoài chiếc đàn dương cầm mà một người đàn ông mặc áo choàng tắm, đội mũ Ba-xơ đang chơi. Có khoảng hơn chục người khác đang ngồi hoặc đứng trên sàn với ly rượu trên tay; một người phụ nữ mặc áo dài lanh không tay kêu lên: “Ôi Chúa ơi, có đám tang ở đâu vậy?” rồi bước tới, hôn Flint trong khi vẫn cầm ly rượu.

“Xin giới thiệu với các chàng trai và các cô gái, đây là bác sĩ Wilbourne”, Flint nói. “Hãy ngắm nhìn cậu ấy đi. Cậu ấy có một tập ngân phiếu trắng trong túi quần và một con dao mổ trong ống tay áo.” Chủ nhà thậm chí không quay đầu lại nhìn, mặc dù ngay sau đó có một người phụ nữ mang đến cho Wilbourne một ly rượu. Wilbourne biết đó là bà chủ của bữa tiệc, mặc dù không ai nói với anh điều này; người phụ nữ ấy đứng nói chuyện với anh, hay nói đúng hơn, đứng ở chỗ anh một lát, bởi vì anh không nghe thấy cô ta nói, chỉ nhìn đăm đăm những bức tranh trên tường; sau đó anh vẫn cầm ly rượu trong lúc đứng một mình trước bức tường. Trước đây, anh đã từng ngắm những bức tranh và bản sao của chúng trên các tạp chí song không hề thấy tò mò, bởi vì ngắm thì ngắm đấy nhưng anh không có chút tin cậy nào dành cho chúng, hết như một kẻ quê mùa nhìn vào bức tranh vẽ một con khủng long vậy. Nhưng giờ đây, kẻ quê mùa đó đang nhìn một con quái vật và quả thật Wilbourne đang đứng trước các bức

vẽ với sự tập trung tuyệt đối. Không phải anh say sưa ngắm đối tượng được vẽ, không phải vì cách vẽ hay màu sắc đã thu hút anh; những điều đó chẳng có ý nghĩa gì với anh hết. Không hề giận dữ hay ghen tị, anh đứng ngắm những bức tranh ấy với thái độ sững sốt trước điều kiện có thể mang đến cho một người đàn ông sự nhàn rỗi không thể phủ nhận và tiền bạc để dành thời gian vào việc vẽ những bức tranh như vậy, vào các buổi tối chơi dương cầm, cung cấp rượu cho những người mà anh ta không thèm để ý tới và (ít nhất trong một dịp) cả những người mà ngay đến tên của họ anh ta cũng chẳng cần biết. Anh đang đứng như thế thì một người nào đó từ phía sau lên tiếng “Rat và Charley đây”; và anh vẫn đứng im khi Charlotte nói qua vai.

“Anh nghĩ gì về bức vẽ đó?” Anh quay đầu lại thì thấy một phụ nữ trẻ, thấp hơn anh nhiều; thoạt đầu anh nghĩ cô hơi béo cho tới khi nhận ra không phải thế; cô có thân hình phát triển tự nhiên với khung xương rộng như khung xương của những con ngựa cái Ả Rập - một người phụ nữ dưới hai mươi lăm tuổi, mặc bộ váy hoa bằng vải cotton không được xinh xắn lắm, để mặt mộc ngoại trừ cặp môi dày được tô son và một vết sẹo mờ dài khoảng hơn hai phân ở một bên má mà anh nhận ra là một vết bỏng lâu năm, chắc chắn có từ khi cô còn bé. “Anh vẫn chưa quyết định được, đúng không?”

“Không”, anh nói. “Tôi không biết.”

“Anh không biết mình đang nghĩ gì, hay không biết mình có đang cố xác định xem bản thân có đang nghĩ gì hay không?”

“Vâng. Có lẽ vậy. Cô nghĩ gì về bức tranh này?”

“Thực quý và cái ngựa”, cô nói ngay. “Tôi cũng vẽ tranh mà”, cô nói thêm. “Tôi có thể nói vậy. Tôi cũng có thể nói mình vẽ được những bức trên tài bức đó. Anh tên là gì nhỉ? Anh mặc đồ như thế này để làm gì, chỉ để đi ngắm tình hình ở khu ổ chuột thôi sao? Để tất cả chúng tôi biết anh đang đi thăm khu ổ chuột à?”

Wilbourne nói cho cô nghe sự tình và cô nhìn anh; anh nhận thấy đôi mắt không mang màu hổ phách như anh nghĩ mà có màu vàng giống như mắt mèo của cô đang quan sát mình bằng cái nhìn điềm tĩnh đầy suy đoán

giống như cái nhìn của một người đàn ông, một cái nhìn chăm chú vượt trên cả sự bạo dạn đơn thuần. “Tôi mượn bộ com lê này của bạn. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi vận kiểu y phục này.” Rồi sau đó anh không định nói tiếp, thậm chí không ý thức được rằng mình sẽ nói, nhưng anh vẫn nói bởi vì dường như cả ý muốn và ý chí của anh đều đắm chìm trong cái nhìn của đôi mắt màu vàng đỏ: “Hôm nay là sinh nhật của tôi. Hôm nay tôi tròn hai mươi bảy tuổi”.

“Ồ”, cô thốt lên. Cô quay người lại, nắm cổ tay anh, một cái nắm tay kiên quyết và cứng rắn, kéo anh đi theo mình. “Đi nào.” Anh đi theo cô đầy ngỡ ngàng, cố gắng không dẫm lên gót chân cô, sau đó cô buông tay anh ra và bước lên trước, đi sang phía bên kia căn phòng - nơi có ba người đàn ông và hai người phụ nữ đang ngồi quanh một chiếc bàn bày đầy những chai rượu và những chiếc ly. Cô dừng bước, lại nắm cổ tay anh và kéo anh về phía một người đàn ông chạc tuổi anh đang mặc bộ com lê cài khuy chéo sẫm màu, có mái tóc vàng gợn sóng hơi mỏng và khuôn mặt không quá đẹp, khá điềm tĩnh, toát lên sự khôn ngoan hơn là vẻ thông minh, nhìn tổng thể thì anh ta có vẻ đàng hoàng, thuộc kiểu người lịch thiệp và thành đạt. “Đây là Rat <sup>[10]</sup>”, người phụ nữ giới thiệu. “Anh ấy là cựu sinh viên năm thứ nhất của Đại học Alabama. Đó là lý do tại sao chúng tôi vẫn gọi anh ấy là Rat. Anh cũng có thể gọi anh ấy là Rat.”

Tiếp đó - sau nửa đêm và sau khi Flint cùng người phụ nữ lúc trước hôn anh ta biến mất - họ ngồi trong sân bên khóm hoa nhài. “Tôi có hai con, đều là gái”, cô nói. “Buồn cười thật đấy, bởi nhà tôi toàn con trai, mỗi mình tôi là gái. Tôi thích anh cả của tôi nhất, nhưng bạn không thể ngủ với anh trai của mình được; lúc còn đi học, anh tôi và Rat ở chung phòng ký túc xá vì vậy, tôi kết hôn với Rat, và bây giờ tôi có hai con gái; hồi bảy tuổi, tôi bị ngã vào lò sưởi trong lúc hai anh em tôi đánh nhau, vì thế tôi có cái sẹo này. Vai, sườn, hông tôi cũng có sẹo và tôi có thói quen kể với mọi người về những cái sẹo đó trước khi họ mở miệng hỏi; bây giờ tôi vẫn giữ thói quen ấy ngay cả khi chuyện đó không còn quan trọng nữa.”

“Với ai cô cũng kể điều này à? Với người nào mới gặp lần đầu cô cũng thế à?”

“Về anh trai của tôi hay về cái sẹo?” “Cả hai. Có lẽ về vết sẹo.”

“Không. Buồn cười thật. Tôi đã quên rồi. Lâu lắm tôi không kể với ai về cơ thể mình. Đã năm năm rồi.”

“Nhưng cô đã kể với tôi đấy thôi.”

“Đúng vậy. Buồn cười lần thứ hai. Không, lần thứ ba rồi. Nghe này. Tôi đã nói dối anh đấy. Thực ra tôi không vẽ tranh đâu. Tôi làm việc với đất sét, thỉnh thoảng sử dụng chất liệu đồng, có khi dùng một mẫu đá, đục và vồ. Sờ tay tôi mà xem này.” Cô cầm tay anh, miết các đầu ngón tay anh dọc lòng bàn tay mình - bàn tay có các ngón mềm mại, khỏe, ngắn, với móng tay được cắt sát da như thể bị cắn, da ở lòng bàn tay và khớp ngón tay không hằn chai mà nhẵn và răn như da gót chân. “Tôi làm ra thứ đó: Một thứ mà anh có thể chạm vào, cầm lên, một thứ có trọng lượng trong tay anh mà anh có thể nhìn vào mặt sau của nó, một thứ gì đó chiếm chỗ của không khí, của nước và khi làm rơi nó thì chân anh bị gãy chứ nó không vỡ. Đó không phải là việc dùng một con dao hay một cái bút lông chọc vào một mảnh vải như kiểu anh đang cố chơi trò ghép hình. Đây là lý do tại sao tôi lại nói rằng mình có thể vẽ trên tài anh ta”, cô nói. Cô không nhúc nhích, thậm chí không hất đầu để ám chỉ căn phòng phía sau họ. “Không chỉ là thứ gì đó kích thích chồi vị giác của anh trong một giây để rồi trôi xuống, bị thải vào đường cống cũ kỹ, thứ mà chẳng có lý do gì để lưu lại. Mai tôi mời anh đến ăn tối nhé?”

“Tôi không thể. Đêm mai tôi phải trực.”

“Vậy tối ngày kia được không? Mấy giờ nào?” “Chẳng phải cô có hẹn với một vài người rồi sao?”

“Có vài người sẽ đến vào tối ngày kia. Nhưng họ sẽ không làm phiền anh đâu.” Cô nhìn anh. “Thôi được, nếu anh không muốn gặp gỡ nhiều người, tôi sẽ hủy hẹn với họ. Tối ngày kia được không? Bảy giờ nhé? Anh có muốn tôi đến bệnh viện đón anh bằng xe hơi không?”

“Không. Đừng làm như vậy.” “Tôi có thể, anh biết mà.”

“Tôi biết”, anh nói. “Tôi biết. Nghe này...”

“Vào trong đi”, cô nói. “Tôi sắp về rồi. Đừng mặc thứ này. Hãy mặc đồ của anh. Tôi muốn thấy anh mặc đồ của anh.”

Hai hôm sau, anh đến ăn tối. Anh nhận ra nơi mình tìm tới là một căn hộ tiện dụng nhưng đơn sơ nằm trong khu dân cư không thể chèn vào đâu được gần công viên Audubon, có một cô giúp việc da đen, hai đứa trẻ khoảng hai và bốn tuổi thực sự không đáng chú ý lắm, đều có mái tóc giống cô nhưng có những điểm khác giống bố chúng (người đàn ông mặc một bộ com lê cài khuy chéo màu đen, không phải bộ đồ mà Wilbourne thấy lần trước, đang pha một ly cocktail, một người không thật sự nổi bật và cứ khăng khăng rằng Wilbourne nên gọi mình là Rat), còn cô vận một bộ đồ vừa có thể mặc trong những bữa tiệc thân mật vừa có thể dùng cho các sự kiện trang trọng; bộ trang phục ấy đơn giản (không trau chuốt, cầu kỳ) giống lần đầu tiên anh gặp cô. Sau bữa ăn có chất lượng khá hơn những ly cocktail, cô đi ra ngoài cùng đứa con lớn đã cùng ngồi ăn tối với họ, nhưng một lúc sau, cô quay trở vào và nằm dài trên sofa hút thuốc trong khi Rittenmeyer tiếp tục hỏi Wilbourne những câu về nghề nghiệp như thể anh ta là chủ tịch Hội sinh viên trường Y. Mười giờ, Wilbourne nói anh phải về. “Không”, cô nói, “đừng về vội”. Vậy nên anh nán lại; mười rưỡi, Rittenmeyer bảo rằng hôm sau anh ta phải làm việc nên cần đi ngủ, rồi để cô và Wilbourne lại với nhau. Khi chỉ còn hai người, cô liền dụ điếu thuốc rồi đứng dậy và bước tới chỗ anh bên cạnh lò sưởi nguội lạnh, dừng lại và nhìn thẳng vào mắt anh. “Phải làm gì... Mọi người gọi anh là Harry đúng không? Phải làm gì đây, Harry?”

“Tôi không biết. Tôi chưa yêu bao giờ.”

“Em yêu rồi. Nhưng em cũng chẳng biết nữa. Anh có muốn em gọi taxi cho anh không?”

“Không.” Anh quay gót và cô tiễn anh ra cửa phòng. “Tôi sẽ đi bộ thôi.”

“Anh nghèo đến thế sao? Hãy để em trả tiền taxi cho anh. Anh không thể đi bộ về bệnh viện được. Ba dặm đường chứ có ít đâu.”

“Không xa lắm đâu.”



“Không phải tiền của anh ta đâu mà ngại. Em có tiền riêng. Em đã tiết kiệm được một ít tiền để dùng vào việc mà em chẳng biết là gì.” Cô đưa mũ cho anh và đứng đó, tay đặt trên nắm cửa.

“Ba dặm không xa đâu. Tôi đi bộ được mà...”

“Ừ”, cô nói. Cô mở cửa và họ nhìn nhau. Rồi cánh cửa được sơn màu trắng khép lại giữa họ. Họ không bắt tay tạm biệt nhau.

Trong sáu tuần tiếp theo, họ gặp nhau thêm năm lần nữa. Họ đi ăn trưa với nhau ở trung tâm thành phố, vì anh không tới nhà của chồng cô nữa và định mệnh hoặc may mắn (hay cũng có thể là vận rủi, bởi nếu không phải là vận rủi thì anh có thể đã phát hiện ra rằng cũng giống như ánh mặt trời, tình yêu chỉ tồn tại ở một điểm, trong một khoảng thời gian nhất định, ở một bộ phận của sự hiện sinh trên trái đất này) không mang đến cho anh thêm một lời mời dự tiệc theo kiểu “bắc cầu” nào. Họ gặp nhau ở chỗ này, chỗ kia của khu phố Pháp, nơi họ có thể ăn trưa bằng số tiền hai đô la mà trước đó anh dành để gửi trả nợ cho chị gái. Vào buổi hẹn hò thứ ba của hai người, cô đột nhiên nói: “Em đã nói cho Rat biết rồi”.

“Em đã nói cho anh ta biết rồi ư?”

“Về những bữa ăn trưa. Em đã nói cho anh ấy biết em đang hẹn hò với anh.” Sau đó cô không bao giờ nhắc đến chồng mình nữa. Trong lần hẹn hò thứ năm, họ không ăn trưa. Họ tới một khách sạn như đã định. Anh phát hiện ra rằng mình chẳng biết phải làm chuyện ấy như thế nào cho đúng cách, chỉ biết phỏng đoán và tưởng tượng mà thôi; bởi vì hoàn toàn mù tịt về nó nên anh tin rằng chắc chắn phải có một bí quyết nào đó để thành công, không phải cách thức bí mật để làm theo mà đúng hơn là một phép thuật vô hại: Một từ hay động tác bình thường hoặc rất tinh vi của bàn tay như khi mở một ngăn kéo tủ hay kéo một tấm ván. Đã có lần anh nghĩ tới việc hỏi cô phải bắt đầu chuyện ấy như thế nào vì anh chắc chắn cô biết, cũng như biết chắc chắn rằng cô muốn làm gì là làm bằng được, không chỉ bởi sự phối hợp hoàn hảo của cô mà còn bởi chỉ trong một khoảng thời gian ngắn ngủi, anh đã khám phá ra khả năng trời phú và bất bại của phụ nữ trong chuyện yêu đương thực tế. Nhưng anh không hỏi cô vì tự nhủ rằng khi cô nói cho anh biết phải làm gì (chắc chắn cô sẽ nói) và sẽ nói chính

xác, thì anh có thể sẽ tin rằng cô từng làm chuyện ấy rồi, và rằng cho dù cô đã làm rồi, anh cũng không muốn biết điều đó. Vậy nên anh hỏi Flint.

“Chúa ơi”, Flint kêu lên. “Cậu đang hẹn hò ư? Tớ thậm chí không biết cậu đã quen một cô gái.” Wilbourne gần như có thể nhận thấy Flint đang nghĩ rất nhanh, và gần như giật bắn người. “Là cái bữa tiệc ồn ào tại nhà Crowe tối hôm đó phải không? Nhưng thôi, đó là việc của cậu, đúng không nào? Chuyện đó dễ ợt. Hãy mang một chiếc túi chứa vài viên gạch được bọc trong khăn tắm để chúng không phát ra tiếng lạch cạch và bước vào khách sạn. Tất nhiên, tớ sẽ không chọn khách sạn Saint Charles hay Roosevelt đâu. Hãy chọn một khách sạn nhỏ hơn, nhưng đừng quá nhỏ. Có lẽ một khách sạn ở phía nhà ga ấy. Hãy bọc những viên gạch riêng ra nhé, như thế này này, bọc chúng lại. Và nhớ mang áo khoác ngoài theo nhé. Áo đi mưa ấy.”

“Ừ. Cậu có nghĩ rằng tớ nên bảo cô ấy cũng mang áo khoác theo không?”

Flint bật cười thành tiếng, tiếng cười cụt ngủn, không vang to. “Tớ nghĩ là không. Tớ cho rằng cô ả chẳng cần bất cứ sự huấn luyện nào từ cậu hoặc từ tớ... Đây”, anh ta nói nhanh, “khoan đã, để tớ nói nốt đã. Tớ không biết cô ta. Tớ không nói gì về cô ta đâu nhé. Tớ chỉ nói về đàn bà thôi. Cô ta có thể cũng sẽ đến đó với túi và áo khoác của chính mình với một tấm mạng che mặt cùng mẫu vé tàu Pullman thò ra từ túi xách tay, như thế không có nghĩa rằng cô ta từng làm chuyện ấy rồi đâu. Phụ nữ là thế. Trong chuyện này, không có bất cứ lời khuyên nào mà Don Juan hay Solomon có thể đưa ra cho cô gái mười bốn tuổi trẻ nhất, non dạ nhất từng được sinh ra trên đời này đâu.”

“Không vấn đề gì”, anh nói. “Có lẽ cô ấy sẽ chẳng đến đâu.” Anh nhận thấy rằng mình thực sự tin điều bản thân vừa nói. Thậm chí khi chiếc taxi dừng lại bên lề đường nơi anh đang đứng đợi cùng với cái túi xách, anh vẫn tin cô có lẽ sẽ không tới. Cô có mang áo khoác, nhưng chẳng mang theo túi cũng chẳng che mạng. Khi anh mở cửa taxi, cô lập tức bước khỏi xe, mặt cô toát lên vẻ cứng cõi, tỉnh táo, ánh mắt ngời lên màu vàng lạ lùng, giọng khàn khàn: “Thế nào? Đi đâu đây?”

Anh nói cho cô biết địa điểm. “Không xa đâu. Chúng ta có thể...” Cô quay gót, chực bước trở vào trong xe. “Chúng ta có thể đi bộ...”

“Anh là kẻ khốn khổ chết tiệt”, cô nói. “Lên xe đi. Khẩn trương lên.” Anh lên xe. Xe chuyển bánh. Khách sạn cách chỗ đó không xa. Một người khuân vác da đen làm nhiệm vụ xách túi cho anh. Sau đó, dường như Wilbourne cảm thấy đời mình chưa bao giờ và sẽ không bao giờ nhận thức rõ ràng về cô như lúc này khi cô đứng giữa tiền sảnh u ám của khách sạn tán chuyện với những kẻ không quen biết trong lúc anh dùng hai cái tên giả để đăng ký phòng và đưa cho nhân viên tiếp tân sáu đô la, những đồng tiền mà đáng lẽ anh phải gửi cho chị gái, và cô đợi anh, không hề cố giấu mình, cũng chẳng cố im lặng hoặc kìm nén theo cái kiểu bi thảm mà anh biết (anh nhanh chóng hiểu ra) là không chỉ riêng cô mới có, mà đó là một thuộc tính của mọi phụ nữ ở hoàn cảnh này, một thuộc tính khiến họ có vẻ đứng đắn, gần như đoan trang khi che đậy sự nghiêng ngả cuối cùng cũng như thái độ đầu hàng chung cuộc phảng phất tính khôi hài. Anh theo cô đi dọc hành lang tới một căn phòng mà người khuân vác đã mở sẵn cửa, tổng tiền người khuân vác rồi đóng cửa vào, nhìn cô đi tới ô cửa sổ duy nhất, cũ kỹ và bụi bặm, vẫn chưa bỏ mũ và cởi áo khoác trong lúc quay đầu lại mà không dừng bước, giống như một đứa trẻ đang chơi trò bắt tù binh rồi bước trở lại chỗ anh, đôi mắt màu vàng, toàn bộ khuôn mặt mà anh đã quyết định gọi là đẹp, toát lên vẻ cứng rắn và kiên định. “Ôi, Lạ Chúa, Harry”, cô nói. Cô đâm ngực anh thùm thụp bằng hai nắm tay siết chặt. “Không phải như thế này. Chúa ơi, không phải như thế này.”

“Được rồi”, anh nói. “Bình tĩnh nào.” Anh nắm lấy hai cổ tay cô trong khi hai bàn tay cô vẫn siết thành nắm đấm hướng vào ngực anh và cô vẫn cố giật tay ra để tiếp tục đâm anh. Được rồi, anh nghĩ. Không phải như thế này và không bao giờ như thế này. “Bình tĩnh nào.”

“Không phải như thế này, Harry. Không phải như thế này. Em đã nói rồi mà: Với em chuyện gì xảy ra và em làm gì không quan trọng, nhưng không phải lén lút và vụng trộm như thế này. Nếu chỉ là nhục dục để thỏa mãn ham muốn xác thịt với một người đàn ông, thì em cứ nhắm mắt làm thôi, chẳng bao giờ nhìn lên cao hơn cổ áo của người đàn ông và nghĩ ngợi

gì hết. Nhưng chuyện của chúng ta không phải như vậy Harry ạ. Không phải anh. Không phải anh.”

“Bình tĩnh nào”, anh nói. “Không sao đâu.” Anh dẫn cô tới giường và đứng nhìn cô trong khi vẫn nắm cổ tay cô.

“Em đã kể với anh rằng em muốn làm chuyện đó như thế nào, lấy một ít đồng sạch, cứng và tốt hoặc một mảnh đá rồi cắt nó ra, dù nó rắn như thế nào, dù mất bao nhiêu thời gian, biến nó thành thứ gì đó đẹp đẽ mà em có thể hãnh diện khoe với người khác - thứ mà anh có thể chạm vào, cầm lấy, ngắm nghía nó từ mặt sau và cảm nhận sức nặng, độ rắn của nó - và khi anh đánh rơi, vật đó sẽ không bị vỡ nhưng bàn chân bị nó rơi vào sẽ gãy vì độ rắn, trái tim sẽ vỡ chứ không phải bàn chân, nếu như em có trái tim. Nhưng lạ Chúa, Harry, em làm chuyện đó cho anh như thế này này.” Cô xòe bàn tay ra, và trước khi cô chạm vào anh, anh hiểu rằng cô sẽ vụn gãy hông anh.

“Anh không sao đâu”, anh nói. “Em không phải lo lắng về anh đâu. Em có muốn hút một điếu thuốc không?”

“Cho em xin một điếu.” Anh đưa cho cô một điếu thuốc và châm lửa giúp cô, nhìn theo góc nghiêng xuống mũi và cảm cô trong khi cô hút thuốc. Anh ném que diêm đi. “Hừm”, cô nói. “Thế đấy. Sẽ không có chuyện ly dị đâu.”

“Không ly dị ư?” “Rat theo đạo Thiên Chúa. Anh ta sẽ không chịu ly dị đâu.” “Em nói như vậy có nghĩa là anh ta...”

“Em đã nói cho anh ta biết chuyện của chúng mình rồi. Em không nói rằng em sẽ gặp anh ở một khách sạn. Em chỉ nói, giả sử em làm như vậy, thì chuyện gì sẽ xảy ra. Anh ta vẫn nói không thể ly dị được.”

“Em không thể ly dị ư?”

“Lấy cớ gì để ly dị chứ? Anh ta sẽ đấu tranh. Thậm chí là người theo đạo Thiên Chúa. Và còn có vấn đề khác nữa. Có lẽ em không thể làm thế được.”

“Ừ”, anh nói. “Còn các con của em nữa.”

Cô vừa hút thuốc vừa nhìn anh. “Không phải em đang nghĩ về các con của em. Ý em là em đã nghĩ về bọn trẻ rồi. Vậy nên bây giờ, em không cần nghĩ về chúng nữa bởi em biết câu trả lời cho vấn đề đó, biết mình không

thể thay đổi câu trả lời và không nghĩ mình có thể thay đổi bản thân vì lần thứ hai nhìn thấy anh, em đã biết những gì mình đọc được trong sách nhưng chưa bao giờ thực sự tin: Rằng tình yêu và đau khổ là một và giá trị của tình yêu là tổng cộng của tất cả những gì anh phải trả giá cho nó; bất cứ khi nào có được nó với giá rẻ nghĩa là khi ấy anh đã tự lừa dối bản thân. Vậy nên em đã quyết định không cần phải nghĩ về bọn trẻ từ lâu rồi. Em chỉ nghĩ về tiền thôi. Giáng Sinh nào anh trai em cũng gửi cho em hai mươi lăm đô la và em đã tiết kiệm khoản tiền đó trong năm năm qua. Tối hôm trước em nói với anh rằng em không biết tại sao mình lại dành dụm khoản tiền đó. Có lẽ em đã để dành cho chuyện này và chắc hẳn đây là điều đáng buồn cười nhất: Em đã tiết kiệm tiền trong ngần ấy năm và toàn bộ khoản tiền tiết kiệm được chỉ vón vện một trăm hai mươi lăm đô la, gần như không đủ cho hai chúng ta đi Chicago. Còn anh thì chẳng có gì hết.” Cô nghiêng người về phía chiếc bàn ở đầu giường, dụi điếu thuốc một cách chậm rãi và cực kỳ cẩn thận, rồi ngồi thẳng người lên. “Hết rồi. Chỉ có vậy thôi.”

“Không”, anh nói. “Không! Không đời nào.”

“Anh muốn cứ tiếp tục như thế này sao? Cứ hẹn hò với em và giữ cho em trong trạng thái như một quả táo ở trên cành ư?” Cô nhấc chiếc áo đi mưa của anh khỏi ghế và vắt nó lên cánh tay mình, đứng đó đợi.

“Em không muốn đi trước sao?”, anh nói. “Anh sẽ đợi khoảng ba mươi phút, sau đó sẽ...”

“Và mặc anh đi bộ một mình với cái túi qua cái sảnh đó để nhân viên lễ tân và gã khuân vác cười thầm bởi bọn họ đã nhìn thấy em ra khỏi khách sạn trước khi em có thời gian cời và mặc lại đồ ư?” Cô đi ra và đặt tay lên nắm cửa. Anh nhấc túi xách của mình lên, bước theo cô. Nhưng cô không mở cửa ngay. “Nghe này. Hãy nói với em lần nữa rằng anh không có tiền. Nói đi. Nói đi để em có thể nghe lọt tai một lý do thích hợp cho dù em không thể hiểu nổi. Một lý do thuyết phục mà em có thể chấp nhận để lý giải vì sao chúng ta không thể vượt qua dấu em chẳng thể tin và hiểu được rằng đó chỉ là vấn đề tiền bạc cùng trở ngại về tiền bạc mà thôi. Nào. Nói đi.”

“Anh không có tiền.”

“Được rồi. Lý do thích hợp đấy. Chắc chắn rồi. Đó sẽ là lý do thích hợp.” Cô bắt đầu run rẩy như một người đang trong cơn giận, xương khớp của cô dường như cũng rung theo. “Đó sẽ...”

“Charlotte”, anh nói. Anh đặt chiếc túi xuống và bước về phía cô. “Charlotte...”

“Đừng động vào em!”, cô khẽ nói trong cơn giận dữ đầy căng thẳng. “Đừng động vào em!” Tuy vậy trong khoảnh khắc đó, anh tin rằng cô chực bước về phía mình; cô dường như hơi ngả người về phía trước, ngoái nhìn về phía chiếc giường với vẻ day dứt và thất vọng. Rồi ổ khóa kêu tách một cái, cánh cửa bật mở và cô bước ra khỏi phòng.

Họ chia tay ngay khi anh kiếm được một chiếc taxi cho cô. Anh định bước lên xe theo cô để vào trung tâm thành phố tới bãi đỗ có chiếc xe hơi của cô. Đây là lần đầu tiên trong số hai lần trong đời anh thấy cô khóc. Cô ngồi đó, khuôn mặt toát lên vẻ khổ sở như thể đang bị vò xé, đầy tức giận với những giọt lệ tựa những giọt mồ hôi. “Ôi, kẻ khốn khổ, kẻ khốn khổ, đồ xuẩn ngốc. Lại là vấn đề về tiền. Anh đã trả cho cái khách sạn đó hai đô la, số tiền mà đáng lẽ anh nên gửi cho chị gái anh, mà chẳng nhận được gì, và bây giờ anh muốn dùng những đồng tiền mà anh định trả cho tiệm giặt để thanh toán tiền taxi mà chẳng nhận được gì ngoài quyền chớ cái mông chết tiệt đã từ chối anh vào phút cuối, và sẽ luôn chối từ...” Cô nghiêng người về phía lái xe. “Đi thôi!”, cô nói bằng giọng cáu kỉnh. “Đi! Vào trung tâm!”

Xe phóng nhanh; anh biết nó biến mất gần như ngay tức khắc, mặc dù anh không nhìn theo. Một lát sau, anh nói thành tiếng một mình: “Mình mang theo những viên gạch hóa ra chẳng được tích sự gì”. Vậy là anh đi bộ đến một thùng rác trên vỉa hè và, trong khi những người đi đường liếc nhìn anh bằng ánh mắt tò mò hoặc không gợn chút tò mò nào, anh mở túi ra, gỡ những viên gạch khỏi chiếc khăn tắm rồi bỏ chúng vào thùng rác. Thùng rác chứa cả đồng những tờ báo bị bỏ đi, vỏ trái cây cùng cả mớ rác thải không tên của những người đi qua nó trong mười hai tiếng đồng hồ. Những viên gạch được ném vào thùng rác mà không gây ra tiếng động nào; và rồi chẳng có tiếng vo ve hay tiếng kêu vù vù báo trước, mép của những tờ báo



chỉ nghiêng đi đôi chút làm lộ ra một chiếc ví da. Trong chiếc ví đó có cuống của năm tấm vé quay số dự thưởng tại công viên Washington, một thẻ nhận dạng khách hàng của quỹ Thác tít Xăng dầu Quốc gia, một tấm thẻ khác của tổ chức xã hội B.P.O.E ở Longview, Texas, và một nghìn hai trăm bảy mươi tám đô la tiền mặt.

Chỉ sau khi đến bệnh viện, anh mới biết chính xác số tiền trong ví, thoát đầu, trong lúc rảo bước về phía chi nhánh bưu điện anh chỉ nghĩ, Mình sẽ không nhận dù chỉ một đô la tiền biểu, sau đó (bưu điện không chỉ ở cách đó sáu dãy phố, mà còn ngược với đường anh đến bệnh viện) anh nghĩ, Mình thậm chí sẽ không dùng tiền trong ví để đi taxi và chủ nhân của chiếc ví sẽ chẳng phiền lòng đâu. Không phải mình muốn cuộc bộ đầu mà muốn chuyện này kéo dài, kéo dài mãi để không còn khoảng trống nào từ bây giờ đến sáu giờ tối khi có thể trốn trong chiếc áo choàng trắng, để bản thân bận ngập đầu với công việc nhàm chán hàng ngày như những gã da đen kéo chăn lên tận mặt khi đi ngủ. Thế rồi anh đứng trước những cánh cửa khóa kỹ vào chiều thứ Bảy của chi nhánh bưu điện và khi nhét chiếc ví vào túi quần rồi cài cúc, anh nghĩ làm sao mình lại không nhớ hôm nay là thứ mấy nhỉ và tiếp tục xách chiếc túi nhẹ tênh đi bộ qua mười hai dãy phố, nghĩ bụng, Thôi thì cũng được việc; dù sao mình cũng tránh được ít nhất bốn mươi lăm phút nhàm chán, nếu không mình cũng chẳng biết phải làm gì để giết thời gian.

Phòng tập thể vắng tanh. Anh cất túi xách, tìm thấy một chiếc hộp đựng bằng bìa các tông có in hình những nhánh cây holly đựng một chiếc khăn tay mà chị gái gửi cho anh vào dịp Giáng Sinh năm trước; anh lấy kéo và hồ dán sửa nó thành một cái hộp để đựng chiếc ví, chép tên và địa chỉ từ những tấm thẻ trong ví lên đó rồi nhét chiếc hộp xuống dưới đám quần áo của mình trong ngăn kéo; như thế coi như xong việc. Mình có thể đọc sách, anh nghĩ. Sau đó anh chửi thề, và nghĩ, Thế đấy. Tất cả đều đảo ngược. Sách và người trong sách lại tạo ra chúng ta và đọc về chúng ta cơ đấy, chứ không phải chúng ta tạo ra những nhân vật trong sách và đọc về họ - Những Doe, Roe và Wilbourne, Smith - những người đàn ông và những người đàn bà không có bộ phận sinh dục.

Sáu giờ, anh đi trực. Bảy giờ, anh tạm rảnh để đi ăn tối. Anh đang ăn thì một cô y tá thực tập ngó vào phòng, nói rằng có người muốn gặp anh qua điện thoại. Chắc chắn phải là người ở xa, anh nghĩ. Có thể là chị gái anh, đã năm tuần rồi anh chưa viết thư về, kể từ khi gửi khoản tiền hai đô la cuối cùng cho chị, và bây giờ chắc hẳn chị gọi điện cho anh, chị sẽ tiêu hai đô la, không phải để trách mắng anh mà để hỏi thăm xem anh có khỏe không (Nàng nói đúng, anh nghĩ, không phải anh đang nói về chị của mình. Thật buồn cười. Còn hơn cả hài kịch. Buồn cười thật. Mình đã làm người mình yêu lẫn người yêu thương mình thất vọng. Vậy nên khi giọng nói ở đầu dây vang lên “Wilbourne phải không?”, anh nghĩ đó là ông anh rể cho đến khi Rittenmeyer tiếp tục: “Charlotte muốn nói chuyện với anh”.

“Harry phải không?”, cô nói. Cô nói nhanh nhưng giọng rất bình tĩnh: “Em đã nói cho Rat biết chuyện hôm nay rồi, và cả kết cục không thành. Vậy nên bây giờ đến lượt anh ấy có quyền. Anh ấy đã cho em cơ hội nhưng em lại không tận dụng nó. Vậy nên lúc này đến lượt anh ấy cũng là công bằng thôi. Thật đứng đắn, chỉ có điều ‘đứng đắn’ là từ đáng ghét buộc phải sử dụng giữa anh và em để nói với anh rằng mối quan hệ của chúng ta đã...”.

“Charlotte”, anh ngắt lời cô. “Nghe này, Charlotte...” “Tạm biệt, Harry. Chúc may mắn. Và chúc...” “Nghe này, Charlotte. Em nghe anh nói đã được không?” “Gì cơ? Chuyện gì vậy?”

“Nghe này. Buồn cười lắm. Anh đã đợi em gọi cho anh suốt cả buổi chiều, chỉ có điều bây giờ anh mới biết điều này. Bây giờ anh mới biết rằng chiều thứ Bảy anh đi bộ về phía bưu điện... Em có nghe anh nói không đấy? Charlotte?”

“Chuyện gì vậy? Sao cơ?”

“Anh có một nghìn hai trăm bảy mươi tám đô la, Charlotte ạ.”

Bốn giờ sáng hôm sau, trong phòng thí nghiệm vắng người, anh dùng lưỡi dao bào cắt chiếc ví và những chiếc thẻ thành mảnh nhỏ rồi đem đốt, bỏ tro vào bồn vệ sinh và xả nước. Trưa ngày hôm sau, với hai vé tàu đi Chicago cùng phần còn lại của số tiền một nghìn hai trăm bảy mươi tám đô la trong túi quần cài khuy và chiếc túi xách được đặt trên chiếc ghế đối

diện, anh đã ngồi trên chuyến tàu chậm chậm lăn bánh vào ga ở đại lộ Carrolton và nhìn ra ngoài cửa sổ. Hai vợ chồng Charlotte đều có mặt ở đó, người chồng trong bộ com lê tối màu thường thấy với khuôn mặt của kẻ đàn anh không biểu lộ cảm xúc, tạo vẻ đứng đắn nghiêm trang và hoàn hảo cho một hành động ngược đời - trao vợ cho tình địch theo cái cách y hệt như nghi thức người cha trao dâu - một nghi thức đã thành tập tục trong các đám cưới tại nhà thờ, còn người vợ đứng bên cạnh mặc bộ váy đen và chiếc áo khoác không cài cúc, chăm chú nhìn những toa tàu chuyển động chậm chậm, tuy nhiên không phải bằng ánh mắt hoài nghi hay căng thẳng, và Wilbourne lại trầm ngâm suy nghĩ về khả năng thích nghi bẩm sinh với cơ chế sống chung như vợ chồng của phụ nữ, ngay cả với những phụ nữ ít kinh nghiệm và ngây thơ - nghĩ về sự tin tưởng đầy thanh thản vào cái số đa tình của họ như những con chim tin vào đôi cánh của mình - về niềm tin vững chắc và thắm lặng vào hạnh phúc xứng đáng sắp đến ngay tức thì nuôi dưỡng họ trở thành những con chim đủ lông đủ cánh, cho phép họ bay từ bến đậu của sự đứng đắn vào không gian chưa được chứng minh, chưa được thử nghiệm, nơi chẳng có bến đỗ nào hết (Không phải là tội lỗi đâu, anh nghĩ. Mình không tin vào tội lỗi. Cái đó nằm ngoài thời gian. Con người chúng ta sinh ra đã bị nhấn chìm trong những bước đi sát gót bởi hăng hà sa số những kẻ ẩn danh sống cùng thời, cùng thế hệ; chỉ cần đi trật hay chùn bước một lần là anh bị giẫm chết liền), không hề có nỗi kinh hoàng hay hốt hoảng và vì thế suy ra chẳng có lòng can đảm hay gan dạ ở đây: Chỉ có niềm tin tuyệt đối vào đôi cánh mỏng manh và bay bổng chưa được thử nghiệm - biểu tượng của tình yêu - đã làm họ thất bại một lần bởi vì, với sự đồng thuận và chấp nhận, họ đã ngẫm nghĩ về cái nghi lễ mình đã khước từ khi bay lên. Hai người đi lướt qua rồi biến mất, và trước khi họ khuất dạng, Wilbourne thấy người chồng cúi xuống xách chiếc túi; tiếng con tàu hãm phanh rít lên trong không khí và anh nghĩ, Anh ta sẽ lên tàu cùng nàng, cực chẳng đã anh ta mới phải làm việc đó, và mình cũng chẳng muốn (còn nàng thì sao nhỉ?), nhưng anh ta buộc phải làm thế cũng giống như cứ phải mặc bộ com lê tối màu mà mình tin rằng anh ta chẳng muốn mặc, phải hiện diện ở buổi tiệc đêm đầu tiên ấy và uống nhiều như bất cứ

gã đàn ông nào có mặt tại đó mà không một lần ngồi trên sàn nhà để một cô vợ (vợ của anh ta hoặc vợ của người khác) nằm ườn trên đầu gối.

Một lát sau, Wilbourne nhìn lên và thấy hai người bọn họ đang đứng bên cạnh ghế của mình; anh liền đứng dậy và giờ đây, cả ba người họ đang chặn mất lối đi giữa cửa toa tàu trong khi những hành khách khác dồn lại chen qua họ hoặc đứng lại đợi họ di chuyển; Rittenmeyer đang xách túi - một việc mà bình thường sẽ không tự mình làm khi ở đó có nhân viên khuân vác của hãng Pullman cũng như sẽ không tự đứng dậy lấy cho mình một ly nước ở nhà hàng vậy; nhìn khuôn mặt không tì vết và chẳng biểu lộ chút cảm xúc của anh ta hiển hiện phía trên chiếc sơ mi và chiếc cà vạt hoàn hảo không thể chê vào đâu được, Wilbourne ngạc nhiên nghĩ, Tại sao chứ, anh ta đang đau khổ, thực sự anh ta đang đau khổ, có lẽ chẳng phải chúng ta đau khổ vì chúng ta có trái tim hoặc cơ quan cảm giác mà bởi chúng ta có khả năng đau khổ, tự huyễn hoặc, tự lừa dối mình hoặc có lẽ có khả năng tự hành hạ mình. “Đi nào”, Rittenmeyer nói. “Tránh khỏi lối đi nào.” Giọng anh ta gay gắt, bàn tay anh ta gằn như thô lỗ khi đẩy Charlotte vào ghế ngồi và đặt chiếc túi xuống bên cạnh túi xách của anh. “Hãy nhớ đây. Nếu không nhận được tin tức gì trước ngày mừng Mười hằng tháng thì tôi sẽ báo cho thám tử. Và nhớ là không được nói dối, hiểu chưa? Không được dối trá.” Anh ta quay đi, thậm chí không thèm nhìn Wilbourne mà hất đầu về phía cuối toa tàu. “Tôi muốn nói chuyện riêng với anh”, anh ta nói bằng giọng cố kìm nén cơn tức giận. “Đi nào.” Khi họ đi được nửa đường xuống cuối toa, tàu hỏa bắt đầu chuyển bánh, Wilbourne tưởng rằng anh ta sẽ chạy vội ra cửa toa, và một lần nữa nghĩ, Anh ta đang đau khổ, ngay cả trong trường hợp này, lịch tàu chạy cũng đang tạo ra một tấn hài kịch trong cái bi kịch mà anh ta buộc phải diễn cho đến đoạn kết cay đắng hoặc dừng lại để thở.

Nhưng người đàn ông kia thậm chí không vội xuống tàu. Anh ta vẫn bước đi với vẻ bình tĩnh, gạt tấm rèm dẫn vào phòng dành cho người hút thuốc sang một bên, và đợi Wilbourne bước vào. Dường như anh ta đọc được vẻ ngạc nhiên trên khuôn mặt anh. “Tôi mua vé tàu đi đến tận Hammond”, anh ta nói bằng giọng khàn khàn. “Anh khỏi cần lo cho tôi.”

Có vẻ như một câu hỏi ngầm đang khiến anh ta nổi giận; Wilbourne gần như có thể thấy rằng anh ta đang đấu tranh để ghìm giọng của mình xuống. “Hãy lo cho cái thân anh đi, hiểu chưa? Lo cho cái thân anh ấy. Hoặc vì Chúa hãy...” Anh ta lại cố gắng ghìm giọng xuống, kiềm chế nó như thể ghìm cương ngựa, tuy nhiên vẫn bắt nó phải tiếp tục cất lên; anh ta rút một chiếc ví từ trong túi quần ra. “Nếu anh mà...”, anh ta nói. “Nếu anh dám...”

Anh ta không thể nói ra điều đó, Wilbourne nghĩ. Anh ta thậm chí không thể chịu đựng nổi việc nói ra điều đó. “Nếu tôi không đối xử tốt với cô ấy, không tử tế với cô ấy. Anh muốn nói như vậy phải không?”

“Nếu anh đối xử tệ với cô ấy thì tôi sẽ biết liền”, Rittenmeyer nói. “Nếu không nhận được tin tức gì của cô ấy trước ngày mừng Mười hằng tháng, tôi sẽ cho thám tử điều tra. Và đừng có hòng nói dối tôi, hiểu chưa? Hiểu chưa hả?” Người anh ta run lên, khuôn mặt hoàn hảo đầy giận dữ phía dưới mái tóc cũng hoàn hảo như tóc giả. “Cô ấy có một trăm hai mươi lăm đô la tiền riêng và không chịu cầm thêm. Nhưng khi thật, cô ấy không sử dụng những đồng tiền đó. Cô ấy sẽ giữ nó đến khi nào cần thiết tới mức buộc phải sử dụng. Vậy nên, đây, hãy cầm lấy.” Anh ta rút một tấm ngân phiếu từ trong ví ra rồi đưa cho Wilbourne. Đó là một tấm ngân phiếu trị giá ba trăm đô la, có thể dùng để thanh toán cho hãng đường sắt Pullman America và được xác nhận ở một góc bằng mực đỏ: Dùng để thanh toán cho một vé tàu hỏa đến New Orleans, Louisiana.

“Tôi sẽ thanh toán bằng tiền của tôi”, Wilbourne nói. “Khốn kiếp”, người kia nói. “Cái này để thanh toán vé tàu. Nếu nó được đổi để lấy tiền mặt và được chuyển về cho ngân hàng mà không có vé tàu nào được mua, tôi sẽ khiến anh bị bắt vì tội gian lận. Hiểu chưa? Đừng hòng giỡn mặt tôi.”

“Ý anh là anh muốn cô ấy quay trở về? Anh sẽ chấp nhận cô ấy nếu cô ấy quay về với anh?” Nhưng Wilbourne không cần phải nhìn thẳng vào mặt người đàn ông kia, anh nói nhanh: “Tôi xin lỗi. Tôi xin rút lại câu hỏi đó. Không người đàn ông nào có đủ sức chịu đựng để trả lời câu hỏi đó”.

“Chúa ơi”, người kia nói, “Chúa ơi. Tôi phải đấm anh mới được”. Anh ta nói thêm bằng giọng ngạc nhiên pha lẫn hoài nghi, “Mà tại sao tôi lại không đấm anh nhỉ? Anh có thể nói cho tôi biết được không hả? Chẳng

riêng gì một bác sĩ mà bất cứ bác sĩ nào cũng được cho là có quyền lực đối với các tuyến cơ thể của con người hay sao?”.

Thế rồi bỗng nhiên, Wilbourne nghe thấy giọng của chính mình cất lên trong nỗi hoài nghi và ngạc nhiên thâm lặng; dường như đối với anh giờ đây, cả hai bọn họ đều đang đứng trong cùng một hàng, đều phải chịu số phận bi đát và đều thất bại trước đàn bà: “Tôi không biết. Có lẽ làm như thế sẽ khiến anh cảm thấy dễ chịu hơn”. Nhưng khoảnh khắc đó đã trôi qua. Rittenmayer quay đi, lấy một điều thuốc từ trong túi áo khoác ra và đưa tay tìm diêm từ một chiếc hộp gắn trên tường. Wilbourne nhìn anh ta từ phía sau, muốn hỏi liệu người này có muốn anh ở đây làm bầu bạn cho tới khi tàu đến Hammond hay không. Nhưng lại một lần nữa Rittenmeyer dường như đã đọc được ý nghĩ ấy.

“Đi đi”, anh ta nói. “Hãy rút khỏi đây và để tôi yên.” Wilbourne để mặc anh ta đứng nhìn ra ngoài cửa sổ và đi về chỗ ngồi của mình. Charlotte không ngược lên mà ngồi bất động nhìn ra cửa sổ, cầm một điều thuốc chưa được châm lửa trên tay. Lúc này, tàu đang chạy dọc theo một bờ hồ lớn, chẳng bao lâu nữa sẽ đi qua giao điểm giữa Maurepas và Pontchartrain. Tiếng rít của động cơ tàu vọng lại phía sau và con tàu chạy chậm chậm trong khi bên dưới nó vang lên âm thanh dội lại của trụ cầu. Cả hai phía đều là nước, một vùng nước mênh mông có những cầu tàu gỗ đang xuống cấp bao quanh - nơi những con thuyền xám xịt neo đậu. “Em thích nước”, cô nói. “Đó sẽ là nơi để chết. Không phải là chết trong không trung oi bức, trên mặt đất nóng hầm hập, rồi phải đợi nhiều giờ máu mới đủ lạnh để khiến ta chìm vào giấc ngủ và thậm chí phải mất nhiều tuần để tóc ta ngừng phát triển. Nước mát làm ta lạnh thật nhanh để ta có thể ngủ, rửa sạch não, tẩy hết những gì ta từng nhìn thấy khỏi mắt và máu của ta, xóa hết những gì ta đã nghĩ, đã cảm thấy, đã khao khát và đã chối bỏ. Anh ấy đang ở trong toa dành cho người hút thuốc phải không? Em vào đó nói chuyện với anh ấy một lát được không?”

“Em có thể đi ư?...”

“Sắp tới ga Hammond rồi.”



Tại sao em lại hỏi anh chứ, anh ta là chồng của em kia mà, anh định nói như vậy nhưng lại cố kiềm chế. “Anh ta ở trong phòng dành riêng cho nam”, anh nói. “Có lẽ anh nên...” Nhưng cô đã đứng dậy và đi qua anh; anh nghĩ, Nếu nàng dừng bước và ngoái lại nhìn mình thì như vậy nghĩa là nàng đang nghĩ, “Sau này mình có thể biết chắc rằng chí ít mình đã nói lời tạm biệt anh ấy” và quả thật cô đã dừng lại, họ nhìn nhau, rồi cô lại tiếp tục bước đi. Giờ đây, vùng nước mênh mông đã bị bỏ lại phía sau, tiếng dội lại của trụ cầu không còn nữa và tiếng rít của động cơ tàu lại vang lên trong khi con tàu tiếp tục tăng tốc, và gần như ngay lập tức họ thấy nó đang đưa họ đi qua một vùng ngoại ô có những ngôi nhà tồi tàn chắc hẳn là thuộc Hammond, và họ tránh nhìn ra ngoài cửa sổ lúc con tàu dừng lại một lát rồi tiếp tục chuyển bánh; anh thậm chí không có thời gian để đứng lên khi cô quay trở lại, đi nhanh qua anh và ngồi vào ghế của mình. “Vậy là em đã quay lại”, anh nói.

“Anh nghĩ em sẽ không quay lại chứ gì. Em cũng không nghĩ mình sẽ quay lại.”

“Nhưng em đã quay lại.”

“Chỉ có điều mọi chuyện chưa kết thúc đâu. Nếu anh ta lại lên tàu, với một tấm vé đi Slidell thì...” Cô quay đầu lại, nhìn anh đăm đăm mặc dù không chạm vào anh. “Chưa xong đâu. Nó sẽ phải bị cắt bỏ.” “Bị cắt bỏ ư?”

“Nếu mắt của người làm người sa vào tội lỗi thì hãy móc mắt ra, và với các bộ phận khác cũng vậy”. Thế đấy. Phải cắt toàn bộ... một thứ gì đó. Em phải cắt nó đi mới được. Phòng đặc biệt ở đằng kia không có người. Hãy tìm người phụ trách tàu và kiểm chỗ ở phòng đó để đến Jackson.”

“Phòng đặc biệt ư? Phòng đó có giá...”

“Đồ ngốc!”, cô nói. Lúc này nàng không yêu mình, anh nghĩ. Lúc này nàng không yêu bất cứ thứ gì. Cô vừa nói bằng giọng thầm thì đầy căng thẳng, vừa đấm đầu gối anh thùm thụp. “Đồ ngốc!” Cô đứng dậy.

“Đội đã”, anh nói, chộp lấy cổ tay cô. “Anh sẽ lo chuyện đó.” Anh không mất thời gian để tìm thấy người phụ trách chuyển tàu ở lối đi cuối toa. “Được rồi”, anh nói. Cô đứng dậy ngay lập tức, cầm túi xách và áo

khoác lên. “Nhân viên khuôn vác sẽ đến...”, anh nói. Cô không dừng lại. “Để anh xách cho”, anh cầm lấy túi xách từ tay cô lẫn túi của mình rồi bước theo cô dọc lối đi. Sau này nhớ lại, anh thấy đó đúng là một cuộc đi bộ tưởng như vô cùng tận giữa những hàng ghế đầy người, nơi mà các hành khách ngồi đó chẳng có việc gì khác để làm ngoài việc nhìn anh và cô đi qua, cảm tưởng như thể tất cả mọi người trên tàu chắc hẳn đều biết chuyện của họ, biết rõ hai người bọn họ đã gieo rắc ra xung quanh cái mùi của sự xấu xa và thảm họa. Họ đi vào phòng đặc biệt.

“Khóa cửa lại”, cô nói. Anh đặt hai chiếc túi xuống và khóa cửa. Anh chưa từng ở trong phòng đặc biệt trên tàu hỏa nên loay hoay với cái ổ khóa một lúc. Khi anh quay trở vào cô đã cởi váy - chiếc váy nằm dưới sàn tạo thành một vòng tròn quanh chỗ cô đứng, trong bộ đồ lót của năm 1937 ít vải và đầy nữ tính, giơ hai tay che mặt. Rồi cô bỏ tay xuống và anh nhận thấy khuôn mặt cô chẳng hề biểu lộ nỗi xấu hổ hay e thẹn, cũng tuyệt nhiên không có những giọt nước mắt, anh không mong điều ấy. Sau đó cô bước ra khỏi cái vòng tròn được tạo từ chiếc váy, bước tới và bắt đầu tháo cà vạt của anh, gạt những ngón tay vụng về của anh ra.

# ÔNG GIÀ

Khi bình minh muộn màng ló rạng, hai tù nhân cùng với hai mươi người khác đang ở trên xe tải.

Một tù nhân được giao nhiệm vụ lái xe, hai người cai ngục có vũ trang ngồi trong buồng lái với anh ta. Trên thùng xe cao ngất ngưỡng không có mái che giống chuồng ngựa, các tù nhân đứng chen chúc nhau như những que diêm trong một bao diêm bị dựng đứng hoặc giống như những quả đạn cối hình bút chì được xếp trong vỏ đạn pháo, bị xích chân bằng một sợi dây xích duy nhất, chạy ngoằn ngoèo, len lỏi giữa những bàn chân bất động và những cẳng chân khẽ đung đưa, những chiếc cuốc chim và xẻng được chốt cả hai đầu vào thân xe bằng thép.

Thế rồi đột nhiên, họ thấy trận lụt mà tù nhân có vóc người thấp đậm từng đọc cho họ nghe suốt hai tuần nay lù lù hiện ra trước mắt. Con đường đê dẫn xuống phía nam mà dân địa phương gọi là “dump”, cao hơn mặt đất bằng phẳng xung quanh khoảng tám feet, hai bên đường là những cái hố để lấy đất đắp đê. Những cái hố này đã giữ nước sau những trận mưa thu trong suốt mùa đông, nhưng giờ đây họ nhận thấy chúng đã biến mất ở một bên đường, thay vào đó là một vùng nước màu nâu phẳng lặng đang lan rộng tới những cánh đồng phía dưới, trải ra thành những mảng bất động kéo dài đến cuối các luống cày, hơi ánh lên dưới ánh sáng của một ngày u ám tựa như những thanh ngang dọc của tấm lưới sắt khổng lồ. Và rồi (chiếc xe tải đang chạy khá nhanh) trong khi họ im lặng quan sát (họ thôi không nói chuyện nữa mà hầu hết đã trở nên im lặng và trang nghiêm, nhích chân và nghiêng cổ để hướng những con mắt thao láo về phía tây), chớp của các luống cày cũng nhanh chóng biến mất để lại vùng nước màu nâu bất động, phẳng lặng - nơi có các cột điện thoại cùng hàng rào thẳng đứng đánh dấu

những ranh giới dường như bất di bất dịch và chắc như thế được đổ bê tông.

Đó là sự bất động hoàn toàn và phẳng lặng tuyệt đối. Vùng nước lụt đó không những trông có vẻ vô hại mà còn hiền hòa. Quả thật trông nó gần như êm ả. Tựa hồ người ta có thể bước trên bề mặt của nó vậy. Vùng nước phẳng lặng đến mức các tù nhân không hiểu nó có khả năng chuyển động hay không cho đến khi họ tới cây cầu đầu tiên. Có một con mương ở phía dưới cầu cùng một dòng suối nhỏ, nhưng giờ đây, cả con mương và dòng suối đều đã biến mất, chỉ còn những hàng bách và những bụi mâm xôi biểu thị hình hài, đánh dấu đường đi của chúng. Ở đây họ vừa nhìn vừa nghe thấy sự chuyển động chậm của bề mặt phẳng lặng ngược với hướng chảy của con sông (“nước chảy ngược”, một tù nhân nói khẽ) và nghiêng về phía đông, sâu bên dưới bề mặt ấy vọng lên tiếng âm ì (mặc dù không ai trên xe tải có thể so sánh) nghe như có một con tàu điện ngầm đang chạy dưới lòng đất với vận tốc rất cao và đầy bí ẩn. Cứ như thế nước có ba tầng riêng rẽ và tách biệt, bề mặt hiền hòa và êm ả mang váng bọt cùng những đám cành cây nổi lênh bênh, tiếp đến là trận lụt xông tới ào ạt và cuồng nộ dường như được che đậy bởi sự tính toán thâm hiểm, và cuối cùng là con suối nguyên thủy, chảy thành dòng nhỏ róc rách một cách vô tư và vô thức theo chiều ngược lại, đáp ứng đích đến của cuộc phiêu lưu tựa như một đàn kiến trên những thanh ray đường tàu, chúng (những con kiến) không ý thức được sức mạnh và cơn cuồng nộ của trận lụt tựa như một trận lốc xoáy đang quét qua sao Hỏa.

Giờ đây, ở cả phía bên trái và bên phải của con đường đều có nước, cứ như thể bọn họ vừa mới nhận ra chuyển động của nước thì lập tức nước rũ bỏ vẻ gian dối cùng sự che đậy của nó, và bọn họ dường như có thể nhìn thấy nước đang dâng lên sườn đồi; những thân cây cao phía sau họ vài dặm, khi họ đi qua còn chưa ngập nước mà lúc này đã bị ngập đến các cành thấp, chỉ còn phần ngọn nhô trên mặt nước trông như những bụi cây trên một bãi cỏ đã được cắt tỉa. Chiếc xe tải chạy ngang qua một căn nhà tranh của người da đen đã bị nước dâng lên đến bệ cửa sổ. Một người đàn bà đang ôm chặt hai đứa trẻ ngồi xổm trên nóc nhà, một người đàn ông và một đứa

trẻ mới lớn đứng trong biển nước ngập đến ngang thắt lưng đang cố lôi một con lợn kêu eng éc lên cái mái dốc của nhà kho - nơi có những con gà giò và một con gà tây đậu thành hàng. Gần nhà kho đó có một đồng cỏ khô với một con bò cái đứng trên ngọn đước buộc dây vào cây cột ở chính giữa đang rống liên hồi; một thằng bé da đen vừa quát tháo vừa quát mạnh con la không có yên cương, hai căng chân ghì lấy bụng con la trong khi nghiêng người kéo sợi dây thừng lôi con la thứ hai đến chỗ đồng cỏ, người và la lội bì bõm, làm nước bắn tung tóe. Người đàn bà trên mái nhà bắt đầu thét gọi chiếc xe tải đang chạy qua, giọng của bà ta vang lên giữa vùng nước đục ngầu nghe yếu ớt và thâm, nhỏ dần, nhỏ dần khi chiếc xe chạy qua, để rồi cuối cùng tắt lịm, không biết do xe đã chạy xa hay vì bà ta đã ngừng gào thét.

Rồi con đường biến mất. Không có một đoạn dốc nào báo hiệu điều đó, nhưng quả thực con đường đột ngột lụi mất bên dưới mặt nước đục ngầu không gợn sóng, chẳng có ranh giới, giống một lưỡi dao mỏng và phẳng được xiên vào thịt bởi một bàn tay khéo léo, được tời trong nước mà không gây ra chút xáo động nào, cứ như thể nó vốn dĩ đã như thế, được xây dựng theo cách đó. Chiếc xe tải dừng lại. Người cầm lái nháy xuống khỏi ca bin, bước về phía sau xe, lôi hai cái xẻng được để giữa những bàn chân xuống, từng lưỡi xẻng chạm vào sợi xích chạy ngoằn ngoèo giữa các cổ chân phát ra tiếng kêu loảng xoảng. “Chuyện gì thế này?”, một người hỏi, “Các người định làm gì thế hả?”. Người tù làm nhiệm vụ lái xe không trả lời. Anh ta quay trở lại phía đầu xe, nơi mà một trong hai người lính gác đã ra khỏi buồng lái mà không mang theo súng ngắn. Anh ta và người lái xe đều đi ủng, mỗi người cầm một cái xẻng, thận trọng lội xuống nước rồi dò đường bằng cán xẻng. Tù nhân ban nãy lại lên tiếng. Đó là một người đàn ông trung niên có mái tóc màu xám bù xù và khuôn mặt đầy bực tức. “Bọn họ làm cái quái gì thế hả?”, ông ta hỏi. Một lần nữa không ai trả lời ông ta. Chiếc xe tải chuyển bánh, chuẩn bị tiến vào trận lụt, nhích từng tí một phía sau hai người dò đường, bắt đầu dẫn mình vào vùng nước đục ngầu. Thế rồi tù nhân có mái tóc màu xám bắt đầu gào lên: “Mẹ kiếp, mở khóa xích ra đi!”. Ông ta bắt đầu vùng vẫy, giãy đạp dữ dội, đánh đấm những người

đứng gần mình cho đến khi ông ta tới được sát buồng lái, vừa dấm thành thành lên mái buồng lái vừa gào: “Mẹ kiếp! Tháo xích cho bọn tao đi! Tháo xích ra mau! Đồ chó đẻ!”. Ông ta gào lên, không nhằm vào một ai, “Bọn chúng sắp dìm chết chúng ta rồi! Mở khóa xích đi!”. Ông ta không nhận được câu trả lời, cứ như thể tất những người ở trong bán kính mà giọng nói của ông ta có thể vọng tới đều đã chết. Chiếc xe vẫn bò lên phía trước, người lính gác và người tù trước đó làm nhiệm vụ lái xe vẫn đang dùng cán xẻng để dò đường, người lính gác thứ hai giờ đây làm nhiệm vụ lái xe, hai mươi hai tù nhân bị xích chân đứng chen chúc trên sàn xe. Họ đi qua một cây cầu nữa, hai hàng thanh chắn bằng sắt hiện ra nghiêng nghiêng trên mặt nước trông thật phi lý và mỏng manh, chạy song song một đoạn, rồi lại nghiêng nghiêng chìm xuống nước theo một kiểu rất kỳ quặc, có nghĩa mà lại như vô nghĩa tựa như chuyện trong một giấc mơ nhưng không hẳn là ác mộng. Chiếc xe tải vẫn bò lên phía trước.

Gần trưa họ tới một thị xã - điểm đến của họ. Đường phố được lát đá; giờ đây, bánh xe tải tạo ra những âm thanh nghe như tiếng xé vải. Xe chạy nhanh hơn, người lính gác và người tù được tín nhiệm giờ đây đã trở lại buồng lái, chiếc xe chạy nhanh hơn nữa, sóng ở đầu xe dạt sang hai bên vỉa hè tới những bãi cỏ liền kề và những cổng vòm của các ngôi nhà - nơi có những người dân đứng giữa những đồng hồ đạc ngổn ngang. Họ đi qua một khu phố thương mại; trong cửa hiệu có một người đàn ông đi ủng lội trong nước ngập đến đầu gối đang kéo chiếc xuống có đáy phẳng chở một chiếc két sắt.

Cuối cùng họ cũng tới được đường tàu. Nó nằm vắt ngang đường phố ở góc phải, chia thị xã ra làm hai phần. Nó cũng nằm trên một con đê, cao khoảng tám hoặc mười feet so với mặt bằng thị xã; đường phố chạy thẳng về phía đường tàu, rẽ ngoặt theo góc phải bên một xưởng ép bông và một cái sàn chất hàng được dựng trên những cột cao cỡ ngang bằng với cửa toa chở hàng của tàu hỏa. Trên sàn căng một cái lều dã chiến bằng vải bạt và có một vệ binh quốc gia mặc đồng phục, đeo súng trường cùng dây gài đạn.

Chiếc xe rẽ ngoặt và bò khỏi vùng nước, leo lên con dốc mà những chiếc xe chở bông từng sử dụng đồng thời là nơi những chiếc xe tải cùng xe



con chó đầy đồ đạc đến và xếp các thứ lên sàn chất hàng. Các tù nhân được giải phóng khỏi sợi dây xích trên xe tải và bị còng chân hai người một, chen chúc giữa đồng đồ đạc lộn xộn gồm giường tủ, hòm xiềng, bếp ga, bếp điện, đài, bàn, ghế, những bức tranh đóng khung mà một hàng dài người da đen đã khuân vác đến dưới sự giám sát của một người da trắng râu ria xồm xoàm mang ủng lội nước, mặc chiếc quần nhung kẻ dính đầy bùn đất, đi tới cửa chính của xưởng ép bông được một người lính khác đang đứng với cây súng trường lăm lăm trong tay canh gác, họ (các tù nhân) không dừng lại mà bị hai người lính mang súng ngắn lùa vào một nhà xưởng sâu hút và tối tăm nơi những kiện bông cùng những chiếc gương được lắp trên những cái bàn trang điểm và bàn có ngăn kéo lấp lánh trong sự câm nín đồng nhất với sự hội tụ không phản chiếu của ánh sáng vàng vọt giữa đồng đồ đạc hỗn tạp.

Họ di chuyển lên sàn chất hàng nơi có chiếc lều dã chiến và người lính gác. Họ đợi ở đó. Không ai nói cho họ biết họ đang chờ đợi điều gì cũng như tại sao họ lại phải làm vậy. Trong khi hai người lính áp giải tù nhân nói chuyện với người lính gác trên sàn chất hàng trước cửa lều, các tù nhân ngồi thành một hàng dọc theo rìa của sàn chất hàng như những con chim ó Buteo đậu trên hàng rào, những cái chân bị xích đung đưa phía trên mặt nước màu nâu phẳng lặng mà từ đó con đê có đường tàu nhô lên, sạch sẽ và nguyên vẹn trong cái kiểu cự tuyệt có tính chất phủ nhận đầy nghịch lý trước sự đổi thay và những điềm báo. Những người tù không nói chuyện, chỉ im lặng nhìn sang phía bên kia đường tàu - nơi mà một nửa của thị xã bị chia cắt dường như đang nổi lên bênh, nhà cửa, cây cối hiện lên theo trật tự giống một đám rước lộng lẫy trên bình nguyên mênh mông nước dưới bầu trời đầy mây xám xịt.

Một lúc sau, bốn chiếc xe tải khác từ trại giam chạy tới.

Chúng nối đuôi nhau thành một cụm, bộ tản nhiệt của xe này gần sát với đèn chiếu hậu của xe kia, với bốn tiếng động cơ riêng rẽ đánh như xé vải và biến mất ở phía bên kia xưởng ép bông. Không lâu sau, đám người trên sàn chất hàng nghe thấy tiếng bước chân, tiếng lách cách của những cái còng, toàn bộ trọng tải (tất cả tù nhân) của chiếc xe tải đầu tiên từ

xưởng ép bông xuất hiện, rồi đến toán tù nhân của chiếc xe thứ hai, thứ ba; có hơn một trăm người mặc quần áo tù với khoảng mười lăm, hai mươi lính gác mang súng trường và súng ngắn. Toán tù nhân của chiếc xe tải thứ nhất đứng dậy, hai người một bị còng bằng những cái còng tựa như những dây rốn biết phát ra tiếng loảng xoảng, lạch cạch; sau đó trời bắt đầu mưa - một trận mưa phùn ảm đạm, đều đều, với nhịp độ chậm tựa như mưa tháng Mười một chứ không phải mưa tháng Năm. Tuy nhiên không ai trong số họ nhúc nhích dù chỉ một phân về phía cánh cửa để mở của xưởng ép bông. Họ thậm chí không nhìn về phía đó bằng ánh mắt mong đợi hoặc hy vọng, cũng chẳng phải ánh mắt không biểu hiện những điều đó. Nếu động não suy nghĩ, chắc hẳn họ biết rằng chỗ trong cái nhà xưởng đó dành để chứa đồ đạc, cho dù bây giờ nó vẫn chưa chập kín. Hoặc có lẽ họ biết rằng, dù trong đó còn chỗ trống chẳng nữa, nó cũng chẳng dành cho họ; không phải những người lính gác muốn họ bị ướt mà là những người lính gác không quan tâm đến việc tránh cho họ khỏi bị ướt. Vậy nên họ chỉ im lặng đứng đó như những con chó trong một cuộc thi săn mồi trên cánh đồng, bất động, kiên nhẫn, trầm ngâm với những cổ áo được dựng lên và những cái còng số tám, quay lưng về phía mưa như cách những con cừu và gia súc thường đứng.

Một lúc sau, họ biết rằng số lính gác đã tăng thêm mười hai người hoặc hơn thế, những người lính gác không hề bị lạnh và ướt trong chiếc áo ponsô bằng cao su, có một viên sĩ quan mang súng lục ở thắt lưng, thế rồi, không di chuyển một phân nào, họ bắt đầu ngửi thấy mùi thức ăn; quay đầu lại nhìn, họ thấy một căn bếp dã chiến được dựng ngay bên trong cửa của xưởng ép bông. Nhưng họ vẫn không nhúc nhích mà đợi đến khi bị lừa vào hàng mới dịch từng tí một về phía trước, cúi đầu đầy kiên nhẫn trong mưa, rồi mỗi người nhận một tô thịt hầm, một cốc vại cà phê và hai lát bánh mì. Họ ăn những thứ đó trong mưa. Vì sàn chất hàng ướt nên họ không ngồi bệt mà ngồi xồm, cúi người về phía trước cố che cho bát thức ăn và cốc cà phê đang bị những giọt mưa rơi vào đều đặn như rơi vào những cái ao nhỏ và, chẳng có hình dạng cũng chẳng có âm thanh, mưa làm những lát bánh mì ướt nhep.

Họ đứng trên sàn chất hàng ba tiếng đồng hồ thì tàu đến. Những người đứng ở rìa sàn chất hàng lặng lẽ quan sát đoàn tàu chở khách có vẻ đang chạy bằng năng lượng tự sinh, kéo theo một đám khói tỏa ra từ ống khói mà họ không nhìn thấy, một đám mây được tạo thành từ khói tàu không bay lên cao mà dạt sang bên trông có vẻ nặng nề và chậm chạp rồi nằm bẹp xuống mặt đất bị ngập nước trong tình trạng không trọng lượng và kiệt sức. Con tàu từ từ tiến đến rồi dừng lại, một toa chở hàng duy nhất được ghép bằng gỗ theo kiểu cổ với phần cuối không được che chắn được nối với đầu tàu có động cơ trông nhỏ hơn đáng kể so với phần toa được nó kéo. Họ bị lừa vào trong toa tàu, từng người từng người nối gót nhau tiến về phía cuối toa nơi có một cái lò sưởi nhỏ bằng sắt nung. Không có lửa trong lò sưởi, tuy vậy họ cứ tiến về phía nó - cái khối sắt cam lạnh, lạnh lẽo bị những vết dui thuốc lá làm cáu bẩn và những bóng ma của cả nghìn chuyến du hí vào ngày Chủ nhật đến Memphis hoặc Moorhead và cả những chuyến trở về đeo bám - những củ lạc, quả chuối, tã bẩn của trẻ con - được đôn thành đồng ở một góc gần lò sưởi. “Vào đi, vào đi”, một người lính gác quát lên. “Ngồi xuống.” Ít nhất ba người lính đã bỏ súng xuống để đi giữa bọn họ, không cho phép họ đứng túm tụm lại gần lò sưởi, buộc họ phải vào chỗ ngồi.

Không có đủ chỗ ngồi cho tất cả bọn họ. Những người không được ngồi thì đứng ở lối đi, tay vẫn bị còng; họ nghe tiếng con tàu nhả phanh rít lên trong không khí, tiếng động cơ bật ra bốn tiếng nổ hơi, toa chở khách chuyển động với một cú giật bất thành linh; sàn chất hàng và xương ép bông biến mất trong nháy mắt khi con tàu dường như đổi từ trạng thái bất động sang chạy hết tốc lực với cùng một kiểu hư ảo, ma mị như khi nó xuất hiện, cứ như thể nó chạy lùi mặc dù động cơ ở đằng trước, cũng như nó đã chạy về phía trước với động cơ ở đằng sau.

Các tù nhân thậm chí không biết con tàu chạy đến đoạn đường ray bị ngập nước. Họ cảm giác như tàu dừng lại, nghe thấy động cơ phát ra một tiếng nổ hơi rền rĩ không có âm thanh dội lại giữa một vùng điều hui, hoang vắng, và họ thậm chí không tò mò; họ ngồi hoặc đứng phía sau những ô cửa sổ tàu khi con tàu lại chuyển động như thể đang bò, tự tìm đường như

chiếc xe tải lúc trước đã dò dẫm nhích lên phía trước trong khi dòng nước lụt đục ngầu cuộn xoáy giữa những chiếc xe tải và nan hoa của bánh xe đang chạy, tấp làn hơi nước như mây sương vào cái bụng đầy lửa đang kéo toa của máy tàu; một lần nữa, động cơ tàu lại phát ra bốn tiếng nổ hơi ngắn ngủi tràn đầy niềm hân hoan hoang dại và thách thức, nhưng đồng thời thể hiện lời chia tay thậm chí vĩnh biệt, như thể cái khối sắt có khớp nối ấy biết rằng nó không dám dừng lại và sẽ không thể quay trở về. Hai giờ sau, trong bóng chiều nhập nhoạng, qua những ô cửa sổ mờ hơi nước, họ nhìn thấy một nhà đồn điền đang bốc cháy. Căn nhà đó đứng trơ vơ, chẳng liên kết cái gì hết, chẳng có nhà hàng xóm láng giềng nào, một ngọn lửa tựa như giàn thiêu cháy không ngừng khăng khăng trốn khỏi cái bóng của chính nó, rùng rợn trong bóng tối trên một vùng tiêu điều, hoang tàn ngập lụt theo cái kiểu đầy nghịch lý, tức tối và kỳ quái.

Sau khi trời tối, con tàu thỉnh thoảng lại dừng lại. Các tù nhân không biết mình đang ở đâu. Họ không hỏi hay nghĩ đến chuyện hỏi mình đang ở đâu, cũng như chẳng buồn thắc mắc tại sao mình phải lên tàu và lên để làm gì. Họ thậm chí không thể nhìn thấy, bởi vì toa tàu không được thắp sáng còn các ô cửa sổ thì bị mưa làm mờ mặt ngoài và nhiệt tỏa ra từ những cơ thể chen chúc nhau làm mờ mặt trong. Tất cả những gì họ có thể nhìn thấy là những tia sáng đèn pin màu trắng đục không rõ phát ra từ đâu. Họ có thể nghe thấy tiếng la hét, tiếng ra lệnh, thể rồi những người lính gác trong toa tàu bắt đầu quát tháo; họ lùa những đôi chân ra phía cửa lên xuống, các cổ chân bị xích phát ra tiếng lách cách, loảng xoảng. Họ bước xuống trong tiếng rít của hơi nước toả thổi qua toa tàu. Nằm dọc cạnh con tàu và trông na ná như con tàu là một động cơ cũ kỹ được gắn với một dãy những chiếc xuồng nhỏ và thuyền đáy phẳng. Có thêm nhiều lính nữa; ánh đèn pin nháy nhót trên những nòng súng và dây gài đạn, chiếu loang loáng trên những sợi xích ở cổ chân của các tù nhân khi họ bước rón rén xuống vùng nước ngập đến đầu gối và lên thuyền; giờ đây cả toa tàu lẫn đầu tàu đều biến mất hoàn toàn trong màn hơi nước khi đội lái tàu bắt đầu dập lửa trong thùng đốt nhiên liệu.

Một giờ sau, họ bắt đầu nhìn thấy những ngọn đèn ở phía trước - một dãy đèn đỏ lập lòe, yếu ớt giăng dọc chân trời, như thể được treo lơ lửng ở một độ cao gần mặt đất. Nhưng phải mất ít nhất một giờ nữa họ mới tới được chỗ có những ngọn đèn đó trong khi các tù nhân ngồi xồm tùm tùm lại trên thuyền trong những bộ quần áo ướt sũng (họ không còn cảm thấy mưa rơi thành giọt nữa) và đôi mắt đăm đăm về phía các ngọn đèn càng ngày càng gần hơn cho tới khi, cuối cùng, đỉnh của con đê hiện ra; giờ đây, họ có thể thấy rõ một dãy lều dã chiến nằm dọc mặt đê và những đám người ngồi xồm quanh các đồng lửa, ánh sáng đèn phản chiếu trên mặt nước cho thấy một số lượng lớn thuyền nhẹ khác được neo vào sườn đê cao mờ tối phía trên. Ánh sáng đèn pin lóe lên, nhấp nháy dọc chân đê giữa những chiếc thuyền chở tù nhân đã được cột chặt lạng lẽ neo đậu ở đó trong đêm tối.

Khi lên tới mặt đê, các tù nhân có thể nhìn thấy một dãy lều bằng vải kaki được dựng rải rác với những đám người vây quanh đồng lửa - đàn ông, đàn bà, trẻ con, người da đen, người da trắng - ngồi co ro hoặc đứng tùm tùm giữa các bọc tư trang méo mó, đầu họ ngoái lại, con người sáng lấp lánh trong ánh lửa khi lạng lẽ nhìn những bộ quần áo tù kẻ sọc và những sợi xích; ở một đoạn xa hơn của con đê là một đàn la và hai hoặc ba con bò cái cũng đứng chen chúc và bị buộc vào một chỗ. Thế rồi tù nhân có dáng người cao phát hiện ra một âm thanh khác. Không phải bây giờ hẳn mới bất ngờ nghe thấy âm thanh ấy, hẳn nhận ra rằng lúc nào mình cũng nghe thấy nó - thứ âm thanh nằm ngoài kinh nghiệm và khả năng thẩm thấu của mình, thứ âm thanh mà từ trước đến giờ hẳn đã quên như một con kiến hoặc một con bọ chét quên mất âm thanh của trận tuyết lở từ đồng tuyết mà nó đã bò lên; hẳn đã di chuyển phía trên vùng con đê lụt nước này từ trưa và cũng đã điều khiển cái cày, cái bừa và cả máy gieo hạt di chuyển trong cái bóng của nó suốt bảy năm nay qua, nhưng hẳn đã không nhận ra ngay lập tức tiếng rì rầm sâu thẳm vọng tới từ phía bên kia đê. Hẳn dừng chân. Hàng dài tù nhân phía sau hẳn cũng phải dừng bước như những toa tàu chở hàng đột nhiên bị dồn lại, với tiếng lách cách của kim loại vang lên hệt như tiếng va chạm của các toa tàu. “Đi!”, một người lính quát to.

“Tiếng gì thế nhỉ?”, hấn cất tiếng hỏi. Một người đàn ông da đen đang ngồi xổm cạnh đồng lửa gần nhất trả lời: “Ông Già đấy. Đó là Ông Già.”

“Ông Già ư?”, hấn hỏi lại.

“Đi đi! Đi lên trên kia đi!”, người lính quát. Họ tiếp tục bước qua một đàn la khác đứng túm tụm với nhau, những con người đảo qua đảo lại, những khuôn mặt dài ủ ê quay ra nhìn rồi lại hướng vào đồng lửa; họ đi qua những đám người đó tới một chỗ có những cái lều dã chiến bỏ trống của một chiến dịch do quân đội triển khai có thể chứa hai người một. Lính gác lừa các tù nhân vào trong lều, ba tù nhân bị lừa vào một cái trong khi vẫn bị xích.

Họ bò vào lều bằng tứ chi, giống như những con chó bò vào những cái chuồng chật hẹp, và ở yên trong đó. Chẳng bao lâu sau những cái lều ấm lên nhờ nhiệt tỏa ra từ cơ thể họ. Họ yên lặng và khi đó tất cả đều có thể nghe thấy âm thanh ấy, họ nằm đó lắng nghe tiếng rì rầm trầm sâu, khỏe khoắn và đầy sức mạnh. “Ông Già ư?”, tù nhân bị kết tội trộm cướp trên tàu hỏa nói.

“Đúng”, tù nhân khác đáp. “Lão ấy không nói khoác đâu.” Lính gác đánh thức họ dậy vào lúc rạng đông bằng cách đá vào những bàn chân thò ra khỏi lều. Ở phía đối diện với bến sông lầy lội và những chiếc thuyền lấm láp đang đỗ san sát thành từng cụm là một căn bếp dã chiến mới dựng, và họ đã có thể ngửi thấy mùi cà phê. Tù nhân có dáng người cao không di chuyển ngay lập tức về phía có thức ăn mặc dù ngày hôm qua hấn chỉ được ăn một bữa duy nhất vào buổi trưa trời mưa tầm tã. Thay vì thế, lần đầu tiên hấn thấy con sông mình đã ở trong cái bóng của nó suốt bảy năm cuộc đời nhưng chưa bao giờ được nhìn tận mắt; hấn đứng lặng trong nỗi kinh ngạc, nhìn mặt nước màu nâu không vỡ thành những con sóng mà chỉ hơi dập dềnh. Nước trải dài từ chỗ con đê hấn đang đứng tới hết tầm nhìn - một vùng nước mênh mông ngẫu bọt mang màu sô cô la, nặng nề và chậm chạp chỉ bị cắt bởi một đường kẻ mỏng kéo dài một dặm xa trông thật mỏng manh tựa như một sợi tóc, và lát sau, hấn nhận ra cái thứ trông như sợi tóc ấy là gì. Đó là một con đê khác, hấn thầm nghĩ. Từ chỗ đó nhìn ra đây người ta cũng sẽ thấy con đê này giống như thế. Mình đang đứng ở cái chỗ

mà nhìn từ đó, người ta cũng thấy nó hết như vậy. Hẳn bị thúc từ phía sau; giọng nói của một lính gác vọng lên phía trước: “Đi nào! Đi nào! Các anh còn khối thời gian để ngắm nhìn cái đó!”.

Giống như ngày hôm trước, họ cũng nhận được các suất ăn gồm xúp thịt hầm, cà phê và bánh mì, họ lại ngồi xồm, cúi cong lưng trước những tô xúp và những cốc cà phê y như thế, mặc dù bây giờ trời không mưa. Một cái nhà kho ghép bằng gỗ còn nguyên vẹn đã bị trôi trong đêm. Giờ đây, nó bị mắc kẹt cạnh con đê trong khi một đám người da đen xúm lại mạnh ai người ấy rút những tấm ván lợp và ván lót sàn rồi mang chúng lên bờ; ngồi ăn một cách bình tĩnh và nhẩn nha, tù nhân có dáng người cao nhìn cái nhà kho nhanh chóng chìm xuống dưới mặt nước y như một con ruồi chết biến mất trước một đàn kiến siêng năng.

Họ ăn xong. Trong khi họ đứng hoặc ngồi xồm trong những bộ quần áo thô cứng chưa kịp khô qua một đêm nhưng đã trở nên ấm hơn không khí ngoài trời một chút, trời lại bắt đầu mưa. Một lát sau họ bị thúc đứng dậy, buộc phải chia thành hai nhóm, một trong hai nhóm được trang bị những chiếc cuốc chim và xẻng dính đầy bùn ở gần đó và được ra lệnh đi thành hàng trên mặt đê. Một lát sau, chiếc xuồng máy cùng đoàn thuyền chở đầy những người da đen lẫn da trắng ôm khư khư gói bọc tư trang trong lòng lạch lè kéo tới qua một vùng có lẽ là cánh đồng trồng bông đã bị ngập trắng. Khi động cơ của cái xuồng kia ngừng bật, tiếng ghi ta từ đâu đó khẽ ngân lên trên mặt nước. Những chiếc thuyền được kéo vào bờ; các tù nhân nhìn những người đàn ông, đàn bà và trẻ con vất vả trèo lên con dốc lầy lội, mang vác các bao tải nặng và gói bọc linh tinh. Tiếng ghi ta vẫn không ngừng cất lên giai điệu và giờ đây các tù nhân nhìn thấy người chơi đàn - một người đàn ông da đen còn trẻ, mông móp tọt, đeo cây ghi ta trên người bằng một sợi dây vải buộc quanh cổ. Anh ta leo lên đê, vừa đi vừa gảy đàn. Anh ta không mang theo bất cứ thứ gì khác, không thức ăn, không tư trang, thậm chí cả áo khoác cũng không.

Tù nhân có dáng người cao mãi nhìn cảnh đó đến nỗi không nghe thấy người lính gác đứng ngay bên cạnh đang gọi tên hắn. “Nghe đây!”, người lính gác gào lên. “Các anh có biết chèo thuyền không?”



“Chèo thuyền ở đâu kia chứ?”, tù nhân có dáng người cao ngơ ngạc hỏi.

“Ở dưới nước chứ còn ở đâu nữa”, người lính nói.

“Thế anh nghĩ chèo thuyền ở đâu hả?”

“Tôi sẽ không chèo thuyền ở chỗ kia đâu”, tù nhân có dáng người cao nói, hất hàm về phía con sông nằm khuất bên kia con đê phía sau lưng hẳn.

“Không, ở bên này cơ”, người lính nói. Anh ta cúi xuống thật nhanh, mở khóa xích nối giữa tù nhân có dáng người cao và tù nhân thấp đậm, đầu hói. “Ở dưới đường kia cơ.” Anh ta đứng lên. Hai tù nhân đi theo anh ta xuống thuyền. “Cứ chèo thuyền theo những cái cột điện kia cho đến khi các anh tới một trạm xăng. Các anh có thể trông thấy mái của trạm xăng vẫn chưa bị ngập. Nó nằm cạnh một nhánh sông và các anh có thể nhận ra nhánh sông đó nhờ những ngọn cây chồi lên khỏi mặt nước. Hãy đi theo nhánh sông đó cho tới khi các anh tới một cây bách bị gãy ngang và có một người phụ nữ ở trên đó. Hãy đón cô ta xuống và đi theo hướng tây cho tới khi tới một trang trại có người đàn ông ngồi trên mái nhà...” Anh ta quay đầu lại, nhìn hai tù nhân giờ đây đang đứng im như phỗng, thoạt tiên nhìn chiếc thuyền sau đó nhìn mặt nước với vẻ điềm tĩnh tuyệt đối. “Thế nào? Các anh còn chờ đợi gì nữa hả?”

“Tôi không biết chèo thuyền”, tù nhân có dáng người thấp đậm nói.

“Vậy thì đã đến lúc các anh phải học chèo thuyền rồi đấy”, người lính gác nói. “Xuống thuyền đi”, anh ta ra lệnh.

“Nước không làm các anh đau đâu mà sợ. Không ai bắt các anh tắm đâu mà lo.”

Tù nhân có dáng người thấp đậm giữ vị trí ở mũi thuyền, người còn lại ngồi ở phía đuôi thuyền, họ đẩy chiếc thuyền ra khỏi bờ đê, thấy những cặp tù nhân khác được tháo xích và đang tiến đến những chiếc thuyền còn lại. “Tôi không biết có bao nhiêu tù nhân cũng giống như chúng ta lần đầu tiên trong đời nhìn thấy nhiều nước như thế này”, tù nhân có dáng người cao nói. Người bạn đồng hành của hẳn không trả lời. Gã quỳ trong lòng thuyền, thỉnh thoảng lại dùng mái chèo khuấy nước một cách thận trọng. Tấm lưng dày của gã dường như toát lên nỗi mệt mỏi và lo lắng đầy căng thẳng.

Sau nửa đêm, thỉnh thoảng lại có một chiếc xuồng cứu hộ chở đầy những người đàn ông, đàn bà và trẻ con mất nhà đạu tại Vicksburg. Đó là một chiếc xuồng chạy bằng động cơ có đáy nông; suốt cả ngày nó chạy lên, chạy xuống dọc nhánh sông có cây bách và chạy qua những cánh đồng trồng bông (nơi mà nhiều lần, thay vì bơi, nó đã lội qua) thu lượm những “chuyến hàng” tiều tụy của mình từ những nóc nhà, nhà kho, thậm chí trên các chạc cây, và bây giờ nó được kéo vào cái thành phố phát triển nhanh như nấm của sự điều hieu và buồn tẻ - nơi mà những ngọn đèn dầu nhà khói trong mưa phùn còn những bóng đèn điện được mắc một cách vội vàng thì tỏa sáng phía trên các lười lê của cảnh sát, các băng đeo tay có hình chữ thập đỏ của các bác sĩ, y tá và những người cung cấp đồ ăn thức uống tại chỗ. Con dốc phía trên gần như kín những lều là lều, tuy nhiên từng ấy lều vẫn không đủ cho tất cả mọi người; những người đến một mình hay đến cùng gia đình ngồi hoặc nằm dưới bất kỳ mái che nào họ có thể tìm thấy, đôi khi nằm dưới mưa, trong cảm giác mệt lử như thể đang chết lâm sàng trong khi các bác sĩ, y tá và những người lính đi lại xung quanh họ.

Trong số những người lên bờ đầu tiên có phó giám đốc trại tù, theo sau ông ta là tù nhân có dáng người thấp đậm và một người đàn ông da trắng khác - người đàn ông nhỏ thó với khuôn mặt xanh xao, hốc hác, râu ria xồm xoàm vẫn còn hằn rõ vẻ tức giận đầy hoài nghi. Phó giám đốc trại dường như biết chính xác mình muốn đi đâu. Với hai người đồng hành sát gót, ông ta bước nhanh giữa những đống đồ đạc ngổn ngang và những người đang ngủ để rồi một lát sau đứng trong một văn phòng được dựng tạm bợ có ánh điện sáng chói mắt gần giống phòng chỉ huy của quân đội, nơi giám đốc trại ngồi cùng với hai sĩ quan đeo lon thiếu tá. Phó giám đốc trại lên tiếng, “Chúng ta bị mất một người”. Rồi ông nói tên của tù nhân có dáng người cao.

“Không thấy anh ta đâu ư?”, giám đốc trại hỏi.

“Đúng vậy. Hẳn chết đuối rồi.” Không quay đầu lại, ông ta nói với tù nhân có dáng người thấp đậm: “Hãy kể cho ông ấy nghe đầu đuôi sự việc đi”.

“Anh ta nói biết chèo thuyền”, tù nhân có dáng người thấp đậm nói. “Tôi thì không. Tôi nói với anh ta như vậy...”, gã minh họa bằng một cái lắc đầu, “... tôi thì không thể. Vậy nên khi chúng tôi chèo thuyền tới nhánh sông...”. “Chuyện gì đã xảy ra?”, giám đốc trại hỏi.

“ Xuồng cứu hộ mang tin về”, phó giám đốc trại nói. “Người đàn bà ngồi trên chạc cây bách ở nhánh sông, và người này...”, ông chỉ tay vào người đàn ông thứ ba; giám đốc trại và hai sĩ quan nhìn người đàn ông thứ ba. “... ở trên mái của một nhà trang trại. Xuồng cứu hộ không còn chỗ để đón họ xuống... Kể tiếp đi.”

“Vậy là chúng tôi đến nhánh sông”, tù nhân có dáng người thấp đậm tiếp tục kể bằng giọng đều đều, không hề chuyển điệu. “Sau đó thuyền và anh ta mỗi người một nơi. Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra. Tôi chỉ ngồi yên bởi anh ta quả quyết rằng anh ta biết chèo thuyền. Tôi chẳng nhìn thấy nước xoáy. Tôi chỉ thấy bỗng nhiên thuyền quay vòng tròn rồi bắt đầu trôi theo kiểu giạt lùi với tốc độ rất nhanh giống như bị tàu hỏa kéo đi vậy, rồi nó lại xoay tít, và khi nhìn lên, tôi thấy một cánh tay ở phía trên đầu mình; tôi túm lấy cánh tay đó nhưng chiếc thuyền giạt một cái giống như ông giạt một cái tắt ra khỏi chân vậy, rồi tôi lại thấy chiếc thuyền như thể đang lật úp còn anh ta, cái người nói rằng biết chèo thuyền ấy, cố bám vào thuyền bằng một tay còn tay kia vẫn cầm mái chèo...” Hãn ngừng nói. Giọng hãn không đuối dần, chỉ đơn giản ngừng bật và hãn đứng im lặng nhìn chai whiskey chỉ còn một nửa trên bàn.

“Làm thế nào ông biết hãn đã chết đuối?”, giám đốc trại nói với cấp phó của mình. “Làm thế nào ông dám chắc không phải hãn nhận thấy có cơ hội bỏ trốn và đã tận dụng nó?”

“Bỏ trốn ư?”, người kia nói. “Toàn bộ vùng châu thổ đều bị ngập lụt rồi. Nước ngập sâu tới mười lăm thước khắp năm mươi dặm, nước dâng lên tận những quả đồi. Và lại chiếc thuyền đã bị lật mà.”

“Anh ta bị chết đuối rồi”, tù nhân có dáng người thấp đậm nói. “Ông không cần phải lo lắng về anh ta đâu. Anh ta đã được giải tội rồi; sẽ không ai gặp vấn đề gì khi ký giấy xác nhận điều đó đâu.”

“Không ai khác nhìn thấy anh ta sao?”, giám đốc trại nói. “Thế còn người đàn bà ở trên cây thì sao?”

“Tôi không biết”, phó giám đốc nói. “Tôi chưa tìm thấy cô ta. Tôi cho rằng một chiếc thuyền khác đã cứu cô ta rồi. Còn đây là người đàn ông ở trên mái nhà trang trại.”

Một lần nữa, giám đốc trại và hai sĩ quan lại nhìn người đàn ông thứ ba, kẻ có khuôn mặt hốc hác, râu ria xồm xoàm, một khuôn mặt vẫn hiện hữu nỗi kinh hoàng cùng sự pha trộn giữa sợ hãi, bất lực và giận dữ.

“Anh ta không đến cứu ông đúng không?”, giám đốc trại nói. “Ông không hề nhìn thấy anh ta đúng không?”

“Chẳng ai đến cứu tôi hết”, người tị nạn nói. Ông ta bắt đầu run rẩy mặc dù thoạt đầu nói bằng giọng khá bình tĩnh. “Tôi ở trên đó, trên cái mái nhà chết tiệt ấy, mong được cứu từng phút, và tôi nhìn thấy cái xuồng cứu hộ ấy chạy đến nhưng nó không còn chỗ cho tôi. Xuồng chở đầy những thằng con hoang da đen và một thằng trong số chúng ngồi trên xuồng, điềm nhiên chơi đàn ghi ta; xuồng chở cái thứ ấy, một chiếc đàn ghi ta, vậy mà không có chỗ cho tôi!”, ông ta nói bằng giọng giận dữ; bây giờ ông ta bắt đầu gào lên trong run rẩy, mặt ông ta méo mó, vẹo vọ. “Cái xuồng đó có chỗ cho một thằng con hoang da đen nhưng không có chỗ cho tôi...”

“Bình tĩnh nào”, giám đốc trại nói. “Hãy bình tĩnh.” “Hãy rót cho ông ta một ly rượu”, một trong hai viên sĩ quan nói. Giám đốc trại rót rượu. Phó giám đốc trại đưa ly rượu cho người đàn ông tị nạn, và ông ta cầm lấy ly rượu bằng đôi tay run run, cố gắng đưa ly rượu lên miệng. Họ nhìn ông ta trong khoảng hai mươi giây, sau đó phó giám đốc trại cầm lấy ly rượu từ tay người tị nạn đưa lên miệng cho ông ta uống. Rượu chảy thành dòng nhỏ từ hai bên mép ông ta xuống cái cằm lờm chờm râu.

“Vậy nên chúng tôi đưa ông ta và...”, phó giám đốc trại nhắc tên của tù nhân có dáng người thấp đậm, “... lên thuyền, cứu cả hai trước khi trời tối rồi đưa về đây. Nhưng người tù kia đã biến mất”.

“Vậy đấy”, giám đốc trại nói. “Trong mười năm qua, tôi chưa để mất một tù nhân nào, thế mà bây giờ chuyện này lại xảy ra... Ngày mai tôi sẽ cử

ông quay lại trại. Hãy thông báo cho gia đình tù nhân đó biết, và hoàn thành các thủ tục giấy tờ cần thiết ngay lập tức.”

“Được thôi”, phó giám đốc trại nói. “Thưa giám đốc, hẳn không phải là một tù nhân tồi và có lẽ không biết điều khiến chiếc thuyền. Có điều hẳn nói mình biết chèo thuyền. Nghe này. Hay là tôi viết vào giấy chứng nhận giải tội rằng hẳn đã chết đuối trong khi cố gắng cứu người gặp nạn tại vùng lụt và gửi cho thống đốc ký. Sẽ thật tốt nếu như người thân của hẳn có thể treo cái giấy chứng nhận đó lên tường khi hàng xóm láng giềng tới chia buồn. Thậm chí có thể gia đình hẳn sẽ nhận được một khoản tiền bởi vì suy cho cùng, người ta đưa hẳn đến trại để trồng bông chứ không phải để làm thẳng góc trên chiếc thuyền trong lũ lụt.”

“Được”, giám đốc trại nói. “Tôi sẽ suy nghĩ về chuyện đó. Điều quan trọng phải làm là gạch tên hẳn khỏi sổ sách vì lý do đã chết trước khi chính trị gia nào đó cố bỏ túi tiền trợ cấp thức ăn của hẳn.”

“Được”, phó giám đốc trại nói. Ông ta quay ra và dồn những người đi cùng rời khỏi lều. Trong đêm tối lất phất mưa phùn, ông ta nói với tù nhân có dáng người thấp đậm: “Bạn đồng hành của anh khá hơn anh đấy. Anh ta đã được tự do. Anh ta đã mãn hạn tù rồi nhưng anh thì vẫn còn một chặng đường dài phải đi đấy”.

“Đúng vậy”, tù nhân có dáng người thấp đậm nói. “Tự do. Anh ta đã có được tự do.”

# CỌ HOANG

Buổi sáng ngày thứ Hai, khi thức dậy trong một khách sạn ở Chicago, Wilbourne nhận thấy Charlotte đã mặc quần áo và đi ra ngoài, mang theo mũ, áo khoác cùng túi xách tay, để lại một mảnh giấy viết tay nguệch ngoạc mà trong trạng thái chưa hoàn toàn tỉnh ngủ, thoạt nhìn bạn tưởng mình đã ở với một người đàn ông cho đến khi hiểu ra đó là nét chữ của phụ nữ: Trưa sẽ về. C. và bên dưới chữ viết tắt đó có dòng chữ: Hoặc có thể muộn hơn. Charlotte trở về trước buổi chiều khi anh đã lại ngủ; cô ngồi bên giường, luồn những ngón tay vào tóc anh rồi lay lay đầu anh trên gối để đánh thức anh dậy; cô vẫn mặc nguyên áo khoác không cài cúc và đội chiếc mũ hơi lệch ra sau, nhìn xuống anh bằng đôi mắt màu vàng nghiêm nghị, và giờ đây, quả thực anh lại ngẫm nghĩ về khả năng sắp xếp cuộc sống trong mối quan hệ ngoài hôn nhân của phụ nữ. Đó không phải là sự tấn tiện hay khả năng quán xuyến, mà là năng lực vượt trên những điều đó, phụ nữ (toàn bộ phái nữ) được tạo hóa ban cho khả năng không thể sai hỏng, một khả năng hòa hợp tự nhiên với bản chất của người đàn ông mà họ quan hệ cũng như với hoàn cảnh, và nếu cần, có thể thể hiện tính keo kiệt không chút thú vị của một bà vợ nông dân vùng Vermont được kể trong truyện ngụ ngôn hoặc thói hoang phí đến mức phi lý của người tình trong kịch trào phúng của sân khấu kịch Broadway mà hoàn toàn không để ý đến giá trị thực chất của phương pháp tiết kiệm hoặc lãng phí mình đang áp dụng, cũng chẳng bận lòng lắm về thứ đồ trang sức lòe loẹt rẻ tiền mình đã mua hoặc không có; họ sử dụng cả sự hiện hữu lẫn thiếu vắng của trang sức hoặc tài chính như những con tốt trên bàn cờ trong cuộc chơi với phần thưởng không phải sự an toàn mà là sự đứng đắn trong môi trường mình sống, thậm chí trong cái tổ uyên ương ở dưới bụi hoa hồng, để tuân theo một luật lệ hoặc mô hình; anh nghĩ, *Không phải sự lãng mạn của tình yêu*

bất chính cuốn hút phụ nữ, cũng chẳng phải vì lý tưởng đầy đam mê của hai kẻ bị nguyên rủa, đày đọa, bị thế giới và Thượng đế xa lánh đã lôi cuốn họ mà vì ý niệm về tình yêu bất chính là một thách thức, bởi họ có một niềm khao khát không thể cưỡng lại được (và một niềm tin không gì lay chuyển nổi rằng họ có thể vượt qua thách thức ấy, giống như ai đó tin rằng mình có thể quản lý một nhà trọ vậy), niềm khao khát chấp nhận tình yêu bất chính và biến nó thành tình yêu chân chính, chấp nhận chàng Lothario [\[11\]](#) và tia những món tóc quăn của người đàn ông độc thân đã nhử họ vào cái bẫy của sự đứng đắn trên những chuyến tàu ngoại ô lộn xộn vào ngày thứ Hai. “Em tìm được rồi”, cô nói. “Tìm được gì cơ?”

“Một căn hộ. Một căn phòng. Nơi chúng ta có thể ở và cũng là nơi để em làm việc.”

“Cũng là nơi để em làm việc ư?” Với chứng đãng trí hoang dã, cô lại túm tóc anh rồi lắc mạnh và thực sự làm anh đau chút ít; một lần nữa anh lại nghĩ, Con người nàng phần nào chẳng yêu bất kỳ ai hay bất cứ thứ gì; rồi sau đó một suy luận sâu sắc tựa như tiếng sét ngầm - một luồng ánh sáng trắng - hoặc bản năng, anh không biết rõ nó là gì, lóe lên trong đầu anh: Tại sao nhỉ, vì nàng cô đơn chẳng? Không phải là cô đơn. Nàng có cha cùng bốn người anh và cưới người đàn ông giống anh trai mình, và có lẽ từ bé đến giờ nàng chưa từng có được một khoảng trời riêng thế nên nàng phải sống cả cuộc đời trong nỗi cô đơn tuyệt đối và thậm chí không biết đến tình yêu, giống như một đứa trẻ chưa bao giờ nếm bánh và chẳng biết bánh là gì.

“Đúng vậy. Anh nghĩ rằng một nghìn hai trăm đô la đủ cho chúng ta sống mãi mãi ư? Anh sẽ sống trong cảm giác tội lỗi; anh không thể sống bằng những đồng tiền đó được.”

“Anh biết chứ. Tối hôm ấy anh đã suy nghĩ về điều đó trước khi nói với em qua điện thoại rằng anh có một nghìn hai trăm đô la. Nhưng đây là tuần trắng mặt; chuyện đó để sau...”

“Em biết.” Cô lại túm tóc anh và làm anh đau mặc dù bây giờ anh biết cô ý thức được điều đó. “Nghe này: Sẽ luôn luôn là tuần trắng mặt. Mãi



mãi và mãi mãi, cho đến khi một trong hai chúng ta chết. Sẽ không thể là bất cứ gì khác. Không phải thiên đường, chẳng phải địa ngục: Không có sự chuộc tội thanh thân an toàn thoải mái nào để anh và em mong ngóng cho đến khi đạo đức, khả năng kiên nhẫn chịu đựng, nổi hổ thẹn hoặc ăn năn chiến thắng chúng ta.”

“Vậy anh không phải là nơi em đặt niềm tin, mà là tình yêu”, anh nói và cô nhìn anh. “Không phải anh, chẳng phải bất cứ ai.”

“Đúng vậy. Tình yêu. Khi người ta nói rằng tình yêu giữa hai người nào đó đã chết, điều đó không đúng. Tình yêu không chết. Nó chỉ chối bỏ và rời xa anh, nếu anh không đủ tốt và không còn xứng đáng với nó nữa. Tình yêu không chết, chỉ anh chết thôi. Tình yêu giống như đại dương ấy: Nếu anh không tốt và làm vẩn đục nó, nó sẽ nôn anh ra một nơi nào đó để anh chết. Anh sẽ chết, nhưng em thích chết ở biển hơn là bị nôn ra trên bờ biển, chết khô dưới ánh mặt trời với một vết như hôi thối vô danh, và chỉ có mấy chữ Đây là... trên bia mộ. Dậy đi nào. Em đã nói với người cho thuê nhà rằng chúng ta sẽ chuyển đến đó trong hôm nay.”

Trong vòng một giờ sau, họ rời khách sạn với những chiếc túi xách, bắt taxi tới căn hộ cô thuê; họ leo lên ba tầng cầu thang. Cô thậm chí đã có chìa khóa trong tay và mở cửa cho anh vào; anh biết không phải cô đang nhìn căn phòng mà là nhìn mình. “Thế nào?”, cô nói. “Anh thích không?”

Đó là một căn phòng lớn hình chữ nhật với ô cửa sổ trần ở phía bắc, có lẽ là công trình thủ công của một nhiếp ảnh gia bị phá sản hoặc đã chết hay cũng có thể là của một người thuê nhà là điêu khắc gia hoặc một họa sĩ, với bếp và buồng tắm được xây thụt vào một cách kín đáo. Nàng đã thuê căn phòng có ô cửa sổ trần này, anh thầm nghĩ, trong khi phụ nữ nói chung khi thuê nhà thường quan tâm đến buồng vệ sinh. Họ chỉ cần có một chỗ để ngủ và nấu ăn thôi. Nàng đã chọn một chỗ không phải để cả hai trú ngụ mà để giữ gìn tình yêu; không phải nàng đơn giản chỉ chạy khỏi người đàn ông này để đến với người đàn ông khác; chỉ muốn đổi một mẫu đất sét mà nàng đã nặn thành một bức tượng bán thân để lấy một mẫu đất sét khác. Anh bước vào phòng, và nghĩ, Có lẽ không phải mình đang ôm nàng mà là đang bám lấy nàng bởi có điều gì đó trong con người mình không thừa nhận rằng

bọn mình có thể trụ được, hoặc không tin vào điều ấy. “Ồn đấy”, anh nói. “Chỗ này được đó. Giờ thì không gì có thể đánh bại chúng ta.”

Trong sáu ngày tiếp theo, anh của một vòng tới các bệnh viện, phòng vấn (hoặc được phỏng vấn bởi) các giám đốc và những người phụ trách nhân sự ở những nơi ấy. Đó là các cuộc phỏng vấn ngắn. Anh không kén chọn việc và có bằng Y khoa do một trường có uy tín cấp để giới thiệu, chào mời; anh đã trải qua hai mươi tháng làm bác sĩ thực tập nội trú tại một bệnh viện danh tiếng, tuy vậy thường thì cứ sau khoảng ba hoặc bốn phút đầu, anh lại nhận ra có điều gì đó không ổn. Anh biết đó là điều gì, mặc dù đã tự nhủ rằng sự thực không phải như vậy (khi anh ngồi trên chiếc ghế đầy nắng giữa những kẻ nhàn rỗi, người chăm sóc cây cối, bảo mẫu và những đứa trẻ trong một công viên): Mình chưa thực sự cố gắng và cũng không thực sự hiểu rõ mức độ cần thiết của sự cố gắng vì mình đã hoàn toàn chấp nhận các quan niệm của nàng về tình yêu; mình có một niềm tin vô hạn rằng mình sẽ được tình yêu bao bọc và nuôi dưỡng như người nông dân ở vùng Mississippi hoặc Louisiana được cải đạo tại một Hội trại phục hồi đức tin, hết lòng ngưỡng vọng tôn giáo mà anh ta tôn thờ, biết rằng lý do không phải vậy, mà là vì anh mới chỉ làm bác sĩ thực tập nội trú được hai mươi tháng thay vì hai mươi tư tháng như quy định, và anh thầm nghĩ, Mình đã bị những con số làm cho thất bại, rồi lại nghĩ, hình như người ta quan niệm rằng thà chết trong sự thơn thỏ còn hơn được cứu sống bởi một kẻ bỏ đạo.

Cuối cùng, anh cũng tìm được một công việc bình thường tại phòng xét nghiệm của bệnh viện từ thiện thuộc một quận có nhiều người da đen sinh sống, nơi các nạn nhân của rượu hoặc bị thương do súng lục và dao thường được cảnh sát đưa tới, và công việc của anh là làm thủ tục xét nghiệm cho những bệnh nhân mắc bệnh giang mai. “Làm công việc đó, em không cần đến kính hiển vi hay công cụ xét nghiệm của Wassermann”, tối hôm ấy anh nói với cô. “Tất cả những gì em cần là lượng ánh sáng đủ để em có thể biết họ thuộc chủng tộc nào.” Cô gác hai tấm ván lên khung phía dưới của ô cửa sổ trần để tạo thành cái mà cô gọi là “bàn làm việc” và là chỗ mà thỉnh thoảng cô đặt lên đó một túi đựng thạch cao được mua từ tiệm tạp hóa giá rẻ dù anh không thật sự quan tâm cô định làm gì với thứ đó. Giờ

đây, cô cầm cúi bên bàn với một mảnh giấy và một chiếc bút chì trong khi anh nhìn đôi bàn tay không thon dài nhưng mềm mại của cô đang viết ra những con số ngổn ngang trên mặt giấy với tốc độ rất nhanh.

“Một tháng anh sẽ kiếm được từng này”, cô nói. “Và mỗi tháng chúng ta tiêu hết từng này. Và chúng ta có từng này để bù vào các khoản chi tiêu.” Các con số lạnh lùng, rõ ràng rành rành, những nét bút chì tạo cho chúng vẻ khinh miệt, chắc chắn; giờ đây cô cũng bảo đảm rằng hàng tuần, anh không chỉ gửi cho chị gái khoản tiền anh muốn hoàn trả mà còn cả một khoản tương đương với tiền phòng và tiền ăn tại một khách sạn ở New Orleans trong sáu tuần. Rồi cô ghi một mốc thời gian bên cạnh con số cuối cùng; đó là một ngày đầu tháng Chín. “Đến ngày đó chúng ta sẽ không còn đồng nào cả.”

Anh nhắc lại điều mình đã nghĩ ra khi ngồi ở công viên ngày hôm ấy: “Sẽ ổn cả thôi. Anh phải quen với tình yêu đã. Trước đây anh chưa bao giờ trải nghiệm nó; em thấy đấy, anh đã bỏ qua ít nhất mười năm ở phía sau. Anh vẫn chưa quen với cuộc sống mới này mà. Nhưng anh sẽ sớm vào guồng thôi”.

“Đúng vậy”, cô nói. Rồi cô vò mảnh giấy, búng nó đi và quay về phía anh. “Nhưng điều đó không quan trọng. Chỉ là thịt hầm hay bánh hăm-bơ-gơ thôi mà. Và đói không phải là đói ở đây...” Cô vỗ vào bụng anh một cái. “Ở đây chỉ là cái dạ dày của anh đang réo thôi. Cái đói thực sự ở đây này.” Cô chỉ vào ngực anh. “Đừng bao giờ quên điều đó nhé.” “Anh sẽ không quên đâu. Không phải bây giờ.” “Nhưng anh có thể sẽ quên. CƠN ĐÓI SẼ XUỐNG TỚI ĐÂY, TỚI BỤNG VÀ ANH SẼ SỢ NÓ. Bởi vì ít nhiều anh luôn sợ những gì mình đấu tranh để chống lại. Nếu trước đây đã từng yêu rồi thì trưa hôm đó anh sẽ không ở trên chuyến tàu ấy. Đúng không?”

“Đúng vậy”, anh nói. “Đúng. Đúng thế.”

“Vậy vấn đề không chỉ là rèn cho trí não nhớ rằng, đói không phải là ở dạ dày. Mà chính cái dạ dày của anh phải tin điều đó. Cái dạ dày của anh có tin điều đó không hả?”

“Có”, anh nói. Chỉ có điều bản thân nàng không thật chắc chắn về điều đó, anh nghĩ thầm, bởi vì ba ngày sau khi từ bệnh viện trở về, anh thấy bàn

làm việc của cô bày đầy những mẫu dây kim loại bị vặn xoắn và những lọ sen-lắc, keo hồ, những mẫu gỗ của bút chì, vài tuýp màu vẽ và một cái chảo nước ngâm giấy lụa - những thứ mà sau hai ngày đã trở thành một bộ sưu tập các bức tượng nhỏ - tượng những con nai, ngựa và chó săn, tượng đàn ông, đàn bà và cả những bức tượng không rõ giới tính - tinh xảo và lạ mắt, toát lên vẻ dị thường và phi lý; chiều hôm sau nữa khi trở về, anh không thấy cô và những bức tượng ấy đâu. Một giờ sau cô trở về, đôi mắt màu vàng của cô trông như mắt mèo trong bóng tối, không vui mừng cũng chẳng hân hoan mà đúng hơn là đầy quả quyết, cùng với tờ bạc mười đô la mới cứng.

“Ông ta đã mua tất cả những bức tượng đó”, cô kể, và nói tên của một cửa hàng bách hóa nổi tiếng. “Sau đó ông ta để em trưng bày các bức tượng đó trong một gian hàng. Em có thêm đơn đặt hàng trị giá một trăm đô la - làm tượng các nhân vật lịch sử liên quan đến Chicago. Anh biết đấy - tượng bà O’Leary với khuôn mặt kiểu Nero cùng với một con bò sữa và cây đàn Hawaii, Kit Carson với đôi chân như Nijinsky và không có mặt, chỉ có hai con mắt cùng vàng trán nhô ra để che cho chúng, những con trâu cái đầu to, hông nở. Và còn tất cả các cửa hàng khác ở đại lộ Michigan nữa. Đây. Anh cầm lấy này.”

Anh từ chối. “Đó là tiền của em. Tiền em kiếm được mà.” Đôi mắt màu vàng của cô đăm đăm nhìn anh không chớp - cái nhìn khiến anh bối rối như một con sâu bướm, một con thỏ lúng túng trong luồng sáng đèn pin; một sự bao phủ gần giống lớp kết tủa hóa học dạng lỏng mà trong đó tất cả cạnh bả của sự dối trá nhỏ nhặt và tính ủy mị đều tan rã. “Anh không...”

“Anh không thích cái ý niệm người đàn bà của mình giúp mình một tay lo cơm áo, đúng không? Nghe này. Anh không thích những gì chúng ta đang có sao?”

“Em biết là anh thích mà.”

“Vậy thì việc chúng ta phải trả giá như thế nào đâu có quan trọng gì, đúng không? Tiền mà chúng ta có bây giờ là thứ anh nhặt được của người khác; anh sẽ không làm thế nữa, đúng không? Vì tình yêu, chúng ta làm thế

không đáng ư, cho dù ngày mai tất cả sẽ tan vỡ và chúng ta phải dành hết phần đời còn lại để trả lãi?”

“Em nói đúng. Chỉ có điều không phải là ngày mai tất cả sẽ tan vỡ. Cũng không phải tháng sau. Cũng chẳng phải năm sau...”

“Không. Chừng nào chúng ta còn xứng đáng được giữ tình yêu, nó sẽ không tan vỡ. Chừng nào chúng ta đủ tốt. Chừng nào chúng ta đủ mạnh mẽ. Chừng nào chúng ta xứng đáng được phép có nó. Hãy cố gắng đạt được những gì anh muốn một cách đàng hoàng nhất có thể, rồi hãy giữ gìn nó. Hãy giữ gìn nó.” Cô bước tới, choàng tay ôm anh thật chặt, ghì người vào cơ thể anh, không phải bằng sự âu yếm mà giống như cái cách cô túm tóc anh để đánh thức anh dậy. “Đó là những gì em sẽ làm và cố gắng làm. Em thích nặn tượng bằng đôi tay mình. Em không nghĩ rằng việc mình thích, muốn có và giữ bấy nhiêu đó là quá đáng.”

Cô kiếm được khoản tiền một trăm đô la từ đơn hàng đó, và giờ thì cô làm việc hăng đăm sau khi anh đã lên giường ngủ được một lúc; trong năm tuần tiếp theo cô kiếm thêm được hai nghìn tám trăm đô la nữa, rồi thực hiện một hợp đồng trị giá tới năm nghìn đô la. Sau đó cô không thể kiếm thêm được đơn đặt hàng nào nữa. Tuy nhiên cô vẫn tiếp tục làm việc, đêm nào cũng vậy, bởi vì ban ngày cô ra ngoài mang theo những mẫu tượng cùng tượng đã hoàn thiện, và bây giờ cô thường làm việc dưới sự quan sát của ai đó khi căn hộ của họ đã trở thành một câu lạc bộ. Đầu tiên là tay nhà báo McCord làm việc cho một tờ báo ở New Orleans lúc người anh ít tuổi nhất của Charlotte mới vào đó tập tọng viết lách. Cô gặp McCord trên đường phố, một hôm anh ta đến ăn tối và một hôm khác anh ta mời họ đi ăn; ba ngày sau, anh ta xuất hiện tại căn hộ của họ vào buổi tối cùng ba người đàn ông, hai người phụ nữ và bốn chai whiskey, rồi sau đó Wilbourne không bao giờ đoán được khi về nhà anh sẽ thấy ai ở đó, chỉ biết rằng Charlotte không ở nhà một mình và, cho dù có mặt ai, cho dù tình trạng ế ẩm đã kéo dài nhiều tuần và mùa hè đã ở trước mặt, cô vẫn làm việc trong bộ áo liền quần rẻ tiền, bản thủ giống như bộ đồ của bất cứ họa sĩ làm việc ở nhà nào với một ly rượu whiskey pha nước lọc được để giữa những sợi kim loại cong queo, những lọ keo hồ, màu vẽ và thạch cao - các

chất liệu không ngừng được biến thành các bức tượng tinh xảo, lạ lùng, trông thật kỳ dị và phi lý.

Rồi cô nhận được đơn đặt hàng cuối cùng - một đơn hàng nhỏ mà khi thực hiện xong, cô không nhận thêm được bất cứ đơn đặt hàng nào nữa. Việc bán những bức tượng của cô chấm dứt một cách đột ngột và không thể lý giải nổi giống y như cái cách nó bắt đầu. Ở các cửa hàng, người ta nói với cô rằng bây giờ là mùa hè rồi và các khách du lịch cũng như dân cư sinh sống ở đây đang rời khỏi thành phố để tránh cái nóng như nung người. “Họ nói dối”, cô bảo. “Mặt hàng đó đã bão hòa rồi thì có”, cô nói với anh cũng như tất cả những người đến căn hộ của họ như vậy: Đó là vào một buổi tối, cô trở về nhà muộn cùng một hộp các tông đựng đầy các bức tượng bị từ chối, khi tất cả những người hay lui tới nơi ở của họ đã có mặt đông đủ. “Tôi đã biết trước điều này rồi. Bởi vì những thứ này chỉ để mua vui mà thôi.” Cô lôi những bức tượng ra khỏi hộp và đặt chúng trở lại bàn làm việc. “Chúng giống như thứ gì đó được tạo ra chỉ để sống ở nơi tối tăm thiếu không khí, như trong phòng bọc sắt của ngân hàng hoặc trong đầm lầy đầy khí độc, chứ không phải ở những nơi đầy dưỡng khí trong lành của cây xanh ở Oak Park và Evanston. Đúng thế đấy. Bây giờ tôi không còn là một họa sĩ nữa, tôi mệt và đói, tôi sẽ nằm cuộn tròn với một trong những cuốn sách hay và một mẫu vỏ bánh mì mà bọn tôi có. Vậy nên tất cả các bạn, mỗi người hãy bước tới cái bàn này, tự chọn cho mình một bức tượng nhân dịp này, và đập vỡ nó đi.”

“Chúng ta vẫn có thể kiếm sống được mà”, anh nói với cô. Và lại, nàng chưa dừng việc đó đâu, anh nghĩ. Nàng không từ bỏ đâu. Nàng sẽ không bao giờ từ bỏ, cũng giống như trước đó anh từng cho rằng có một phần nào đó trong con người cô mà anh cũng như Rittenmeyer chưa bao giờ chạm tới được - cái phần thậm chí không yêu cả tình yêu. Trong vòng chưa đầy một tháng, anh tin rằng mình đã có được bằng chứng cho điều đó; một hôm, anh về nhà và thấy cô lại đang cặm cụi bên bàn làm việc, với niềm phấn khích cao độ mà anh chưa từng thấy trước đó - một niềm phấn khích không thể gọi là hân hoan nhưng mãnh liệt và có sức thôi thúc không thể cưỡng nổi khi cô nói với anh về việc mình đang làm. Đó là một trong

những người đàn ông mà McCord từng dẫn tới nhà họ - một nhiếp ảnh gia. Cô sẽ làm những con rối và búp bê, còn anh ta sẽ chụp ảnh chúng cho trang bìa và quảng cáo trên tạp chí; có lẽ sau đó người ta sẽ sử dụng những con rối thật trong các trò chơi đố chữ hay hoạt cảnh sân khấu - một đoàn múa rối, tàu ngựa cho thuê hoặc bất cứ thứ gì. “Đây là tiền của em”, cô nói với anh. “Một trăm hai mươi lăm đô la mà em chưa bao giờ thuyết phục được anh cầm chúng.”

Cô điên cuồng làm việc. Cô thường cấm cụi làm việc khi anh đã đi ngủ, còn anh thường thức vào lúc hai hoặc ba giờ sáng và nhận thấy bóng điện chói lóa phía trên bàn làm việc của cô vẫn thắp. Giờ đây, anh thường trở về căn hộ (đầu tiên là trở về từ bệnh viện, sau đó là từ ghế đá công viên - nơi anh giết thời gian ban ngày của mình sau khi mất việc, rời chỗ đó và về nhà vào giờ tan tầm như thường lệ để cô khỏi nghi ngờ) và nhìn thấy những bức tượng to cỡ gần bằng trẻ nhỏ - một bức tượng Đôn Ki-hô-tê với khuôn mặt hốc hác, ngẩn ngơ, mơ mộng, điên điên rồ rồ và một bức tượng Fanx-tap (một nhân vật trong kịch của Shakespeare) với khuôn mặt phì nộn toát lên vẻ mệt mỏi của một thợ cạo mắc bệnh giang mai (đó là tượng một nhân vật, nhưng khi quan sát nó anh dường như lại nhìn thành hai: Một người đàn ông và một khối thịt tựa như con gấu lớn, con gấu và người quản gấu mắc bệnh lao phổi ốm yếu; anh cảm thấy dường như mình có thể nhìn thấy người đàn ông vật lộn với cả đồng ruột giống như người quản gấu vật nhau với con gấu, không phải để đánh bại mà để đi qua và trốn khỏi nó, tựa như bạn vật nhau với những con thú trong cơn ác mộng vậy), nhân vật Roxane với các lọn tóc xoắn tít và một núi kẹo gôm trông chẳng khác gì người thuyết minh những tờ nhạc bướm trong cửa hiệu rẻ tiền, Cyrano [\[12\]](#) với khuôn mặt của người Do Thái đang đóng vai hài xoàng xĩnh trong một vở hài kịch, một khuôn mặt với lỗ mũi không được tạo hình loe ra hết như động vật thân mềm, một tay cầm mẫu pho mát, tay kia cầm tập ngân phiếu - tất cả những bức tượng đó được bày chất đống ở khắp mọi chỗ trong căn hộ, cả trên sàn lẫn trên tường, ngang ngạnh và mỏng manh, gây cảm giác khó chịu; chúng được tạo ra một cách nhanh chóng đến khó tin, được bắt



đầu, tiếp tục và hoàn thiện dưới sự hồi thúc của tính siêng năng mãnh liệt - trong một khoảng thời gian không phải được chia theo ngày và đêm kế tiếp nhau mà được chia thành từng quãng bởi hoạt động ăn và ngủ.

Thế rồi sau khi hoàn thành bức tượng cuối cùng, cô đi ra ngoài cả ngày, vắng nhà đến tận nửa đêm; anh thường trở về vào buổi chiều và thấy mấy chữ được viết nguệch ngoạc trên một mảnh giấy, một góc báo hoặc thậm chí trên cuốn danh bạ điện thoại: *Đừng đợi em. Ra ngoài ăn đi*, và anh làm như cô dặn rồi trở về, lên giường nằm, có hôm ngủ cho đến khi cô trần truồng bò lên giường (cô không bao giờ mặc đồ ngủ, cô nói với anh rằng mình chưa từng có một chiếc váy ngủ) đánh thức anh dậy, buộc anh phải nghe mình nói bằng những động tác như vật lộn, ôm anh trong vòng tay cứng rắn trong khi nói bằng giọng nhanh, trầm và dứt khoát, không phải về tiền hay việc thiếu tiền, không phải về những chi tiết của diễn biến trong ngày với hoạt động chụp ảnh, mà về cuộc sống và hoàn cảnh hiện tại của họ cứ như nó là một chỉnh thể trọn vẹn không quá khứ, không tương lai, một chỉnh thể mà trong đó họ là những cá nhân, còn nhu cầu về tiền cùng những bức tượng mà cô tạo ra là các phần cấu thành giống như của một hoạt cảnh hoặc trò đố chữ, không phần nào quan trọng hơn phần nào; nằm thả lỏng người trong bóng tối trong khi vẫn ôm anh, cô thậm chí chẳng cần biết anh có mở mắt hay không, anh dường như thấy cuộc sống chung của họ giống một quả cầu mong manh, một cái bong bóng mà cô cố giữ cho cân bằng, nguyên vẹn trong giông tố như một con hải cẩu được huấn luyện để giữ một quả cầu. Nàng còn bi đát hơn cả mình, anh nghĩ. Nàng thậm chí không biết có điều gì để hy vọng hay không.

Thế rồi việc làm rối và búp bê của cô cũng kết thúc đột ngột như việc cung cấp tượng trang trí cho các cửa hiệu. Một buổi tối, anh trở về thì thấy cô ở nhà và đang đọc sách. Bộ áo liền quần bẩn thỉu mà cô mặc trong nhiều tuần (bây giờ là tháng Tám) đã biến mất và bàn làm việc của cô giờ đây chẳng những không còn bày đầy các mẫu dây kim loại và màu vẽ mà còn được kéo ra giữa phòng và phủ một mảnh vải hoa sặc sỡ, một tập tạp chí cùng những cuốn sách được để ở một góc, ngạc nhiên hơn cả là trên bàn

còn có một lọ hoa. “Em có vài thứ ở đây”, cô nói. “Chúng ta sẽ ăn tối ở nhà để thay đổi không khí.”

Cô có món sườn cừu hoặc món gì đó, trong khi chuẩn bị bữa ăn, cô đeo chiếc tạp dề cũng mới tinh như khăn trải bàn và lòe loẹt đến mức kỳ dị; anh chợt nghĩ sự thất bại, cũng đã tác động đến cô như tác động đến một người đàn ông, bằng cách mang đến cho cô sự khiêm tốn đáng quý song lại làm toát lên ở cô một phẩm chất mà trước đó anh chưa từng thấy, một phẩm chất không chỉ rất đàn bà mà có thể gọi là rất nữ tính. Họ ăn tối, sau đó cô dọn bàn. Anh đề nghị giúp một tay nhưng cô từ chối. Vậy nên anh ngồi đọc sách bên ngọn đèn bàn, lắng nghe tiếng lau dọn vọng ra từ trong bếp, rồi cô đi ra và vào phòng ngủ. Vì đi chân trần nên khi cô bước ra từ phòng ngủ, anh không nghe thấy bất kỳ tiếng động nào trên sàn nhà; chỉ khi nhìn lên anh mới nhận ra cô đang đứng bên cạnh mình - sự hợp lý đơn giản và gọn gàng của những đường cong trên cơ thể cùng cái nhìn chăm chú và tỉnh táo từ đôi mắt màu vàng của cô. Cô gỡ cuốn sách khỏi tay anh và đặt nó lên chiếc bàn mới được cải tạo. “Cởi quần áo ra nào”, cô nói. “Em vẫn có thể làm chuyện ấy đấy.”

Trong hai tuần tiếp theo, anh vẫn không nói với cô về chuyện mình mất việc. Anh không còn sợ tin xấu của mình có thể làm ảnh hưởng đến việc mà cô đang tập trung, bởi nếu lý do đó từng có hiệu lực thì giờ đây nó cũng chẳng còn như vậy nữa, và không còn khả năng anh có thể tìm được việc làm trước khi cô cần phải biết sự thật vì anh đã thử và đã thất bại, cũng chẳng phải vì anh có niềm tin giống như niềm tin của Micawber <sup>[13]</sup> về tương lai; có lẽ một phần là do anh hiểu rằng đủ trẻ muộn sẽ trở thành đủ sớm, nhưng chủ yếu (anh không cố gắng phỉnh phờ bản thân) là bởi anh đặt niềm tin sâu sắc ở cô. Không phải ở anh và cô, mà là ở cô thôi. Chúa sẽ không để nàng chết đói đâu, anh nghĩ. Nàng quá đáng giá. Chúa sẽ đối xử tốt với nàng. Ngay cả người đã tạo ra tất cả mọi thứ cũng mê thích một thứ gì đó đủ để muốn giữ gìn nó chứ. Vậy là hàng ngày, anh vẫn rời căn hộ vào giờ thường lệ và ngồi ở ghế đá công viên cho đến lúc phải về nhà. Và mỗi ngày một lần, anh lấy ví, lôi ra một mảnh giấy ghi số tiền đang giảm dần,

cứ như thế hy vọng mỗi lần làm như thế, anh sẽ thấy số tiền thay đổi hoặc ngày hôm trước mình đã đọc nhầm, để rồi phải đối mặt với thực tế phũ phàng rằng số tiền vẫn thế và anh cũng chẳng đọc nhầm - những con số rõ ràng, và mỗi ngày khoản tiền một trăm tám mươi hai đô la lại hụt đi năm hoặc mười đô so với ngày trước đó; cho đến khi anh biết số tiền trong ví của mình không còn đủ để trả tiền thuê nhà ba tháng vào ngày đầu tiên của tháng Chín. Và rồi sau đó, thỉnh thoảng anh lại lấy ra một mảnh giấy khác - tấm ngân phiếu màu hồng với giá trị hiển thị Ba trăm đô la chẵn. Anh làm điều đó theo cái cách gần như long trọng, giống như việc chuẩn bị tẩu thuốc theo nghi thức của kẻ nghiện thuốc phiện, và sau đó lại rời xa hiện thực như kẻ nghiện thuốc phiện trong khi nghĩ ra cả trăm cách sử dụng nó, đổi chỗ các con số và thay đổi giá trị quy đổi bằng hàng hóa tương đương như chơi trò ghép hình, ý thức được rằng đây là một kiểu tự hành hạ (anh nghĩ, bởi vì mình vẫn đang, và có khả năng sẽ luôn luôn, ở trong giai đoạn túng thiếu), biết rằng nếu quả thực tờ ngân phiếu đó có thể đổi thành tiền mặt và sử dụng được thì anh thậm chí chẳng dám đùa bỡn với ý tưởng đó.

Một buổi chiều, anh trở về nhà và thấy cô lại đang cặm cụi bên bàn làm việc. Vẫn là cái bàn đó, và nó vẫn ở giữa phòng; cô chỉ lật tấm khăn trải bàn lên, đẩy tập sách và tạp chí ra đầu bàn, cô đeo tạp dề chứ không mặc bộ đồ áo liền quần và giờ đây, cô làm việc một cách trẻ nãi đến đáng ngạc nhiên như người nào đó đang nghiên cứu một bộ bài để giết thời gian. Bức tượng cô làm không cao - tượng một người đàn ông nhỏ bé, có lẽ là nhân vật từ thời xa xưa, có khuôn mặt không thể gọi là nét nào ra nét ấy của một thằng hề ngây ngô vô hại, trông rất ngớ ngẩn và dị dạng. “Đây là tượng Mùi khó ngửi”, cô nói. Rồi anh hiểu ra, “Chỉ là mùi khó ngửi thôi. Chứ có phải là một con chó sói đứng án ngữ ở cửa đâu. Mà chó sói là vật thể có thật. Cừ khôi và độc ác. Mạnh mẽ nữa, mặc dù chúng là những con vật hèn nhát. Nhưng đây chỉ là mùi khó ngửi thôi bởi vì cái đống không ở đây...”, một lần nữa cô lại dấm vào bụng anh. “Đống là đống ở trên này cơ. Nó không giống cái này đâu. Nó trông như pháo thăng thiên hoặc pháo ống hay ít nhất cũng giống pháo hoa cải tóe lửa thành than có carbon phát sáng cơ.”

Cô ngược lên nhìn anh. Rồi anh biết đã đến lúc họ phải đối mặt với thực tế. “Chúng ta còn bao nhiêu tiền?”

“Một trăm bốn mươi tám đô la. Nhưng không sao. Anh...”

“Vậy là anh đã trả tiền thuê nhà ba tháng tới rồi cơ đấy.” Vậy đấy, bây giờ thì đã quá muộn rồi. Vấn đề của mình là mỗi lần nói ra sự thật hoặc nói dối, mình dường như phải bán mình, phải tự thuyết phục chính mình tin điều đó trước đã. “Hãy nhìn em đi. Anh muốn nói rằng hai tháng nay anh không làm ở bệnh viện nữa?”

“Đó là do tay thám tử. Thời gian vừa rồi em bận nên quên không viết thư về New Orleans. Anh ta không cố tình làm tổn... không cố tình khiến anh bị đuổi việc đâu. Chỉ vì anh ta không nhận được tin tức của em nên lo lắng thôi. Anh ta cố tìm hiểu xem em có ổn không. Không phải anh ta mà là tay thám tử đã tiết lộ bí mật. Vậy nên họ đuổi việc anh. Buồn cười thật. Anh bị đuổi việc vì lý do đồi bại về đạo đức. Mà sự thực đâu phải vậy, tất nhiên. Dù sao công việc đó cũng không ổn định và anh biết sớm muộn gì nó cũng sẽ...”

“Ôi”, cô nói. “Chúng ta không còn chai rượu nào. Anh ra cửa hàng mua một chai trong khi em... à, mà không, đợi đã. Chúng ta sẽ ra ngoài ăn và uống rượu luôn. Ngoài ra, chúng ta sẽ phải tìm một con chó.”

“Một con chó ư?” Từ chỗ mình đứng, anh có thể nhìn thấy cô vào bếp, lấy trong ngăn đá ra hai dẻ sườn dành cho bữa tối và gói chúng lại.

“Đúng thế”, cô nói. “Anh lấy mũ đi.”

Đó là một buổi tối tháng Tám nóng nực, đèn nê-ông chói lòa, sáng lóa, những khuôn mặt đầy vẻ ma quái hết như những xác chết lần lượt lướt qua trên đường phố, cả khuôn mặt của cô và anh cũng vậy; khi họ bước đi, cô vẫn cầm hai dẻ sườn bọc trong tờ giấy dày và bóng nhẫy của cửa hàng thịt. Trên đường đi họ gặp McCord. “Chúng tôi bị mất việc rồi”, cô nói với anh ta. “Vậy nên chúng tôi đang đi tìm một con chó.”

Wilbourne cảm thấy dường như có một con chó vô hình giữa bọn họ. Bây giờ họ đang ở trong một quán bar, nơi họ thường gặp gỡ hai lần một tuần do tình cờ hoặc hẹn trước với nhóm người mà McCord đã đưa tới cuộc sống của họ. Có bốn người quen đang có mặt ở đó (“Chúng tôi mất việc

rồi”, McCord nói với họ. “Và bây giờ chúng tôi đang đợi một con chó.”), bảy người bọn họ ngồi quanh một chiếc bàn dành cho tám người, một chiếc ghế để trống, tờ giấy gói được mở ra và hai dẻ sườn được đặt trên chiếc đĩa để bên cạnh một ly whiskey nguyên chất giữa những chiếc cốc vại chứa whiskey pha soda. Họ chưa ăn gì; hai lần Wilbourne ghé sát cô, nói: “Chúng ta không nên ăn chút gì sao? Sẽ ổn cả thôi; anh có thể...”.

“Phải, sẽ ổn thôi. Ổn thôi.” Không phải cô đang nói với anh. “Chúng tôi có tận bốn mươi tám đô la; hãy nghĩ đến số tiền đó. Phong lưu hơn cả anh em nhà Armour’s [14] ấy chứ.

Uống thôi nào, những chàng trai đáng yêu. Và hãy tìm con chó đi nào.”

“Phải đấy”, McCord nói. “Hãy uống mừng những gã giàu có đa tình trong biển cả của hemingwaves nào.” [15]

Đèn nê-ông sáng trưng, chói lóa, đèn giao thông nhấp nháy chuyển từ màu xanh sang màu đỏ rồi lại trở về màu xanh phía trên những chiếc taxi rên rĩ và những chiếc limousine trông như xe tang. Họ vẫn chưa ăn gì mặc dù hai thành viên của nhóm đã vắng mặt, và bây giờ bọn họ còn sáu người, ngồi chen chúc trên một chiếc taxi trong khi Charlotte vẫn cầm hai dẻ sườn (giờ đây không còn mảnh giấy bọc nữa) và McCord ôm con chó vô hình; bây giờ con chó có tên là Moreover [16] theo Kinh Thánh. “Nghe này”, McCord nói. “Hãy lắng nghe một phút này. Doc, Gillespie và tôi sở hữu chỗ đó. Gillespie hiện giờ đang ở trên ấy, nhưng ngày mừng Một cậu ta sẽ phải trở lại thành phố và vì thế sẽ không có ai ở đó hết. Các bạn có thể mang một trăm đô la của mình tới đó...”

“Anh chẳng thực tế chút nào”, Charlotte nói. “Anh đang nói về sự an toàn. Anh không có tâm hồn sao? Harry, bây giờ chúng ta còn bao nhiêu tiền?”

Anh nhìn đồng hồ đo cây số trên taxi. “Một trăm hai mươi đô la.”

“Nghe này”, McCord nói.

“Thôi được”, cô nói. “Nhưng bây giờ không phải lúc nói chuyện đó. Anh đã chuẩn bị giường ngủ, vậy thì hãy đi nằm đi. Và hãy kéo chăn qua

đầu.” Họ dừng lại tại một quầy thuốc ở Evanston với một cái đèn pin trong tay, chiếc taxi chạy chậm chậm dọc vỉa hè của một khu dành cho những người giàu ở vùng ngoại ô trong khi Charlotte nhào người qua McCord để rọi đèn pin tới những thảm cỏ lúc nửa đêm. “Ở kia có một con kìa”, cô nói.

“Tôi chẳng nhìn thấy con chó nào cả”, McCord nói. “Hãy nhìn về phía hàng rào kia mà xem. Anh đã bao giờ nghe nói đến một hàng rào sắt có những nhánh hoa Păng-xê được uốn thành vòng ở mỗi ô mà lại không có một con chó sắt ở bên trong chưa? Ngôi nhà này có mái hai lớp.”

“Tôi chẳng nhìn thấy ngôi nhà nào hết”, McCord nói. “Tôi cũng không nhìn thấy. Nhưng hãy nhìn cái hàng rào đó đi.”

Chiếc taxi dừng lại và bọn họ bước ra khỏi xe. Ánh đèn pin nhảy nhót trên hàng rào sắt có những thanh nhọn hình mũi giáo xoắn kiểu trôn ốc được chôn cố định xuống bệ bê tông; có cả một chỗ buộc ngựa trên bức tượng khắc nổi một thằng bé da đen ở bên cạnh cái cổng cuốn nhỏ. “Cô nói đúng”, McCord nói, “Có một con ở đây”. Bây giờ họ không sử dụng đèn pin, nhưng thậm chí trong ánh sao mờ họ có thể nhìn thấy nó - một con chó Saint Barnard bằng sắt có khuôn mặt vừa giống hoàng đế Franz Josef lại vừa giống một chủ nhà băng ở Maine năm 1859. Charlotte đặt những dẻ sườn lên trán tường rồi họ quay trở lại xe. “Nghe này”, McCord nói. “Chỗ đó được trang bị đầy đủ - ba phòng và bếp, giường ngủ, dụng cụ nấu ăn, và có thừa gỗ để chặt làm củi; nếu muốn, cô có thể tắm ở hồ. Và tất cả những ngôi nhà khác ở xung quanh đều sẽ vắng khách sau ngày mừng Một tháng Chín, sẽ không ai quấy rầy cô hết; nhà ở ngay bên hồ, cô có thể câu cá và chỉ cần vài trăm đô la tiền thực phẩm là đủ sống, mà phải đến tháng Mười, hoặc có thể là đến tháng Mười một trời mới trở lạnh; các bạn có thể ở đó đến Giáng Sinh hoặc lâu hơn nữa nếu không ngại cái lạnh...”

Tối Chủ nhật trước ngày lễ Lao động, McCord lái xe đưa họ đến vùng hồ đó cùng một lượng thực phẩm trị giá một trăm đô la - đồ hộp, đậu hạt, gạo, cà phê, muối, đường và bột - được để ở ghế phụ. Wilbourne ngẫm nghĩ về hàng hóa quy đổi của đồng đô la cuối cùng mà họ có với tâm trạng khá điềm tĩnh. “Anh không biết tiền dễ chuyển đổi như thế nào đâu cho đến khi

đổi nó để lấy một thứ gì đó”, anh nói. “Có lẽ đó chính là kiểu thu hoạch tiệm giảm mà các nhà kinh tế thường nói tới.”

“Không phải cậu muốn nói đến tính dễ chuyển đổi”, McCord nói. “Mà là tính dễ bốc hơi của đồng tiền. Đó là cái mà Quốc hội gọi là tiền mặt. Nếu tiền chảy vào chúng ta ào ạt trước khi chúng ta mang những thứ này vào một chỗ có mái che, thì cậu sẽ hiểu thôi. Đậu, gạo và rau quả sẽ làm chúng ta tràn ra khỏi cái xe này như ba que diêm trong một thùng ủ men rượu.” Họ có một chai whiskey và McCord cùng Wilbourne thay nhau lái xe trong khi Charlotte ngủ. Họ đến căn nhà bên hồ ngay trước bình minh. Đó là một cái hồ rộng hơn một trăm héc ta, có những cây vân sam phái sinh bao quanh, bốn khoảnh đất trống ở ven hồ, trên mỗi khoảnh đất có một căn nhà nhỏ (có khói bay lên từ ống khói của một trong các căn nhà đó) và một cái cầu, giống cầu tàu nhô ra hồ. “Đó là Bradley đấy”, McCord nói. “Tôi cứ nghĩ anh ta đã biến khỏi đây rồi cơ.” Ở đó còn có bãi tắm hẹp nơi một con hươu đực đang đứng bất động, toàn thân nhuộm một màu hồng trong ánh bình minh ngày Chủ nhật, đầu ngẩng cao, nhìn họ từ xa trước khi co chân chạy nhanh như gió, cái đuôi cụt của nó cong cong hình vòng cung theo những bước chạy dài trong khi Charlotte, đứng bật dậy từ trong xe với khuôn mặt hơi nặng sau giấc ngủ, chạy ào ra mép nước, reo lên, “Đây chính là những gì mình đã cố gắng tạo ra! Không phải những con vật, những con chó, con nai hay ngựa mà là sự chuyển động, là tốc độ”.

“Chắc chắn rồi”, McCord. “Hãy ăn cái đã.” Họ dỡ đồ trên xe xuống và mang các thứ vào trong nhà, bắt đầu nhóm lửa; trong khi Charlotte nấu bữa sáng, Wilbourne cùng McCord mang chai rượu ra sát mép nước và ngồi xôm ở đó.

Họ cầm cả chai mà uống, chúc tụng nhau. Và rồi chỉ còn khoảng một ly rượu trong chai. “Của Charlotte”, McCord nói. “Cô ấy có thể uống như một kẻ đã cai rượu lâu ngày giờ mới lại được uống.”

“Tôi đang hạnh phúc”, Wilbourne nói. “Tôi biết chính xác mình đang đi đâu. Một lối đi thẳng tắp giữa hai hàng can, hộp và bao tải, mỗi bên trị giá năm mươi đô la. Không phải ở phố xá đông đúc toàn những nhà và người. Nơi này vắng vẻ. Và hồ nước lao xao trong khi anh nằm ngắm nó.”



Ngồi xồm và vẫn cầm chai rượu gần như đã cạn, anh dùng bàn tay còn lại để khóa nước, nước hồ phẳng lặng trong hơi thở của bình minh với nhiệt độ tương đương với nước đá nhân tạo trong các phòng khách sạn, những giọt sóng lăn tăn chậm chậm lan từ chỗ cổ tay anh ra xa theo hình nan quạt. McCord nhìn anh chăm chăm. “Và rồi mùa lá rụng cùng đợt lạnh đầu tiên sẽ đến, những chiếc lá vàng, lá đỏ bay trong gió, những chiếc lá kép - hình ảnh phản chiếu của một chiếc lá trên mặt hồ - sẽ dâng lên để gặp chiếc lá rơi cho đến khi chúng chạm vào nhau, khẽ rung, nhưng không khít hoàn toàn. Và khi có thể mở mắt ra một phút nếu muốn và nhớ làm điều đó, anh hãy nhìn cái bóng của những chiếc lá rung lên khi chúng chạm vào khuôn ngực của người bên cạnh anh.”

“Lạy Chúa”, McCord nói. “Kẻ bắt chước Teasdale <sup>[17]</sup> dở ẹc nào đây hả? Cậu chưa kết thúc đoạn trường đoản cú khát của mình đâu. Cậu chưa hoàn thành giai đoạn làm quen với thiếu thốn đâu. Nếu không cẩn thận, cậu sẽ nói chuyện đó với một gã sẽ tin và đưa súng cho cậu để xem cậu sử dụng nó như thế nào. Đừng nghĩ về bản thân mình nữa, hãy nghĩ cho Charlotte một chút đi.”

“Đó chính là người tôi đang nói đến đấy thôi. Nhưng dù gì tôi cũng sẽ không sử dụng súng đâu. Bởi vì tôi bắt đầu chuyện này quá muộn. Tôi vẫn còn tin ở tình yêu.” Rồi anh kể cho McCord nghe về tấm ngân phiếu. “Nếu không tin vào tình yêu thì tôi đã đưa cho anh tấm ngân phiếu này và gửi cô ấy về cùng anh ngay trong tối nay.”

“Và nếu cậu tin vào tình yêu nhiều như vẫn nói, thì cậu đã xé nó từ tám đời rồi.”

“Nếu tôi xé nó đi, thì sẽ không ai lấy được tiền hết. Ngay cả anh ta cũng không thể nhận lại số tiền từ ngân hàng.”

“Quý tha ma bắt hãn ta đi. Cậu đâu có nợ nần gì hãn cơ chứ. Chẳng phải cậu đã cướp vợ hãn khỏi tay hãn là vì hãn sao? Cậu tuyệt thật đấy. Cậu thậm chí không có gan của một kẻ ăn vụng, đúng không?” McCord đứng dậy. “Vào nhà thôi. Tôi ngửi thấy mùi cà phê rồi.”

Wilbourne không nhúc nhích, tay anh vẫn ở dưới nước. “Tôi chưa làm cô ấy tổn thương.” Rồi anh nói, “À mà tôi đã làm cô ấy tổn thương rồi. Nếu cho đến bây giờ vẫn chưa để lại dấu ấn của mình nơi cô ấy, thì tôi đã...”

“Thì sao?”

“Thì tôi đã không chịu tin vào tình yêu.”

Trong một phút, McCord đứng nhìn anh trong khi anh ngồi xồm, một tay vẫn cầm chai rượu, một tay để nước ngập đến khuỷu. “Khốn thật!”, anh nói. Rồi họ nghe thấy tiếng Charlotte gọi. Wilbourne đứng dậy.

“Tôi sẽ không dùng súng đâu”, anh nói. “Tôi sẽ vẫn chấp nhận chuyện này.”

Charlotte không uống rượu ngay mà đặt chai rượu lên mặt lò sưởi. “Để nhắc chúng ta nhớ đến sự khai hóa văn minh đã trở nên uống phí khi lông trên người bắt đầu phát triển”, cô nói. Họ ăn sáng. Mỗi phòng ngủ có một chiếc giường đơn bằng sắt, và hai chiếc khác được kê trong khoảng hiên được ngăn bằng tấm bình phong. Trong khi Wilbourne rửa bát đĩa, Charlotte và McCord trải những tấm khăn mà họ tìm thấy trong tủ lên những chiếc giường ngoài hiên; khi đi ra, Wilbourne thấy McCord nằm thư giãn trên một chiếc giường với đôi chân đã tháo giày và đang hút thuốc. “Lại đây đi”, anh ta nói. “Năm nghỉ đi. Charlotte nói cô ấy không muốn ngủ nữa.” Cô đi ra ngoài, mang theo một tập giấy, một cái cốc thiếc và hai hộp màu vẽ.

“Chúng tôi còn một đô la rưỡi, thậm chí sau khi đã mua chai whiskey này”, cô nói. “Có lẽ con hươu đó sẽ quay lại.”

“Hãy xát ít muối vào đuôi của nó nhé”, McCord nói. “Có lẽ nó sẽ đứng yên để làm mẫu cho cô vẽ đấy.”

“Tôi không muốn nó làm mẫu cho tôi vẽ. Đó không phải là điều tôi muốn. Tôi không muốn sao chép hình ảnh của một con hươu. Việc đó ai mà chẳng làm được cơ chứ.” Cô đi ra, cánh cửa bị đóng sập lại sau lưng. Wilbourne không nhìn theo cô mà nằm hút thuốc, gối đầu lên hai tay.

“Nghe này”, McCord nói. “Các bạn còn nhiều thức ăn, có nhiều củ ở đây và đây thứ để che chắn khi trở lạnh, và khi tình hình ở thành phố khả

quan hơn, có lẽ tôi có thể bán vài thứ lặt vặt mà cô ấy làm ra, kiếm đơn đặt hàng...”

“Tôi không lo lắng lắm đâu. Tôi đã nói với anh rồi, tôi hạnh phúc mà. Không ai có thể tước đi của tôi những gì tôi đã và đang có.”

“Đừng có ngọt ngào như thế. Nghe này. Tại sao cậu không đưa cho tôi cái ngân phiếu chết tiệt đó và gửi cô ấy về thành phố cùng tôi, còn cậu có thể dùng chỗ thực phẩm đáng giá cả trăm đô la ấy, sau đó đi vào rừng, ăn kiến, làm Thánh Anthony trên cây và vào Giáng Sinh, cậu có thể kiếm một cái vỏ trai rồi tự làm một món quà cho mình. Tôi ngủ đây.” Anh ta trở mình, dường như ngủ ngay lập tức, và chẳng bao lâu sau Wilbourne cũng thiếp đi. Khi tỉnh giấc một lần và nhìn ánh mắt trời, anh biết rằng đã quá trưa và nhận thấy cô không ở trong nhà. Nhưng anh chẳng băn khoăn mà nằm đó một lát, chẳng phải để nhìn lại hai mươi bảy năm khô khan, kham khổ của đời mình, mà là nghĩ cô cũng chẳng đi đâu xa, chỉ ở trong một lối mòn thẳng tắp giữa hai hàng can và túi thực phẩm được mua với giá năm mươi đô la mỗi hàng, và cô sẽ đợi anh. Nếu thực tế đúng là như vậy, thì nàng sẽ đợi, anh nghĩ. Nếu chúng mình cứ nằm như thế này phía dưới những chiếc lá vàng, lá đỏ bị gió cuốn bay của một năm đang cạn dần, dưới những cái hôn lặp lại của vô số những chiếc lá thì chúng mình sẽ ở bên nhau trong sự biệt lập, mặc kệ Mac cùng sự giễu cợt của anh ta.

Khi cô trở về, mặt trời đã xuống thấp đến mức trông như thể đang treo lơ lửng phía trên các ngọn cây. Tờ đầu tiên của tập giấy lúc trước cô mang đi vẫn trắng tinh, mặc dù màu vẽ đã được sử dụng. “Thế nào? Không tồi chứ?”, McCord nói. Anh ta đang bận nấu một món ăn với đậu, gạo và những quả mơ khô - một món tủ hay nói cách khác là món thuộc chuyên môn về ẩm thực mà gã độc thân nào dường như cũng biết và vài người có thể tạo ra mặc dù chỉ mới liếc qua.

“Có lẽ một con chim nhỏ đã mách cho cô ấy biết anh đang làm gì với chỗ thực phẩm trị giá năm mươi xu của chúng tôi nên cô ấy phải chạy vội về”, Wilbourne nói. Việc pha chế cuối cùng cũng kết thúc. Món ăn không tồi lắm, Wilbourne thừa nhận. “Chỉ có điều tôi không biết liệu nó có thực sự hợp vệ sinh hoặc có tác dụng phòng ngừa hay không, tôi ném thử thấy

không phải như vậy nhưng nó tương ứng với bốn mươi hoặc năm mươi xu đây và liệu có phải tôi không có tuyến sản sinh ra tính hèn nhát trong vòm miệng hoặc dạ dày hay không.” Anh và Charlotte rửa bát đĩa, còn McCord đi ra ngoài và trở về với một ôm cúi, bắt đầu nhóm lửa. “Đêm nay chúng ta không cần đốt lửa đâu”, Wilbourne nói.

“Có tốn xu nào đâu, chỉ tốn củi thôi mà”, McCord nói. “Và từ đây đến biên giới Canada cậu có thể kiếm được vô khối củi. Cậu có thể làm cho khói của nhà này tỏa khắp cả vùng Bắc Wisconsin nếu muốn.” Sau đó họ ngồi bên đống lửa, hút thuốc và hầu như im lặng cho đến khi McCord lên đường trở về thành phố. Dù gì anh ta cũng không ở lại, dẫu ngày mai có vui hay không. Wilbourne tiễn McCord và khi bước lên xe, McCord ngoái lại nhìn cái bóng của Charlotte phản chiếu trong ánh lửa. “Đúng”, anh ta nói. “Cậu không cần phải lo lắng, chỉ là một bà già được một cảnh sát hoặc một hướng đạo sinh dắt qua đường thôi mà. Bởi vì khi chiếc xe của kẻ say rượu chết tiệt lao đến, không phải bà già mà là gã cảnh sát hoặc chàng hướng đạo sinh sẽ bị nó cán. Hãy cẩn thận đấy.”

“Cẩn thận ư?”

“Đúng. Cậu không thể lúc nào cũng e sợ mà không dám chấp nhận chút đau đớn nào.”

Wilbourne quay vào nhà. Đêm đã khuya, nhưng cô vẫn chưa cởi quần áo; anh lại ngẫm nghĩ, không phải về khả năng thích nghi với hoàn cảnh của đàn bà mà về khả năng thích nghi với mối quan hệ bất hợp pháp, thậm chí vô đạo đức, với tiêu chuẩn đứng đắn kiểu tư sản khi nhìn cô đi chân trần quanh phòng, tạo ra những sự thay đổi tinh tế ở những đồ đạc được bày sẵn trong cái nơi trú ngụ tạm bợ đó cũng như ở trong các phòng khách sạn mà họ chỉ thuê một đêm, lấy ra từ một trong những chiếc hộp mà anh tin rằng chỉ chứa những thứ từ căn hộ họ thuê ở Chicago - những thứ mà anh chẳng những không biết cô có mà còn quên rằng họ đã sở hữu bấy lâu nay - các cuốn sách mà họ đã mua, một cái bát bằng đồng, thậm chí một cái khăn phủ bàn in hoa từ cái bàn làm việc của cô trước đây, một hộp các tông đựng xì gà đã được cô biến thành vật giống như chiếc quan tài nhỏ, một bức tượng mô phỏng ông già nhỏ thó và tượng Mùi Khó Ngửi; anh nhìn cô

đặt bức tượng lên bệ lò sưởi rồi đứng đó ngắm nó một lát với vẻ trầm ngâm, cầm chai rượu chỉ còn khoảng một ly mà anh và McCord để phần mình, sau đó với vẻ điềm tĩnh gần như trang trọng, cô rót rượu ra nền lò sưởi. “Cúng tiến Thần Lửa và Thần Đất”, cô nói. “Em không biết tiếng Latin, nhưng các vị thần sẽ hiểu em muốn nói gì.”

Họ ngủ trên hai chiếc giường đơn ngoài hiên, đến gần sáng thì trời trở lạnh, cô liền đi chân trần trên sàn gỗ từ giường của mình sang giường anh, chui vào chăn với anh, người cô phảng phất mùi thịt xông khói và dầu thơm, khuỷu tay và hông cô thúc vào người anh khiến anh tỉnh giấc. Ánh sáng màu trắng xám trùm lên mặt hồ, và khi nghe thấy tiếng chim hót, anh biết chính xác đó là loài chim gì, thậm chí còn biết nó thuộc thể nào; anh lắng nghe tiếng hót trầm đục của nó rồi thầm nghĩ, trong tất cả các loài động vật chỉ có con người là cố làm mòn nhụt những giác quan tự nhiên của mình; động vật bốn chân lấy thông tin qua việc ngửi, nhìn, nghe và không tin gì khác ngoài các giác quan đó trong khi động vật hai chân chỉ tin vào những gì mình đọc được.

Buổi sáng lửa ấm mang lại cảm giác dễ chịu. Trong khi cô rửa bát đĩa thì anh ra phía sau nhà chặt thêm củi sưởi; anh cởi áo len lúc ánh mặt trời trở nên gay gắt, và khi nghe thấy tiếng gọi của cô từ trong nhà vọng ra, anh đang nghĩ ở đời khí hậu này, ngày lễ Lao động được đánh dấu bằng tiếng thở dài của mùa hè hướng về mùa thu và sự lạnh lẽo. Anh vào nhà thì gặp một người lạ đang đứng giữa phòng với một cái thùng các tông trên vai; người đàn ông này chạc tuổi anh, đi chân trần, mặc chiếc quần kaki bạc phếch và áo ba lỗ, có nước da rám nắng, đôi mắt xanh da trời, hàng lông mi bạc vì nắng cùng mái tóc màu rơm với những sóng tóc đối xứng - sự phản ánh về tay nghề không thể chê vào đâu được của một thợ cắt tóc - đang lặng im nhìn bức tượng trên bệ lò sưởi. Qua cánh cửa để mở phía sau người đàn ông đó, Wilbourne nhìn thấy một chiếc xuống máy nhỏ. “Đây là...”, Charlotte nói. “Anh vừa mới giới thiệu tên anh là gì nhỉ?”

“Bradley”, gã đàn ông lạ mặt trả lời. Anh ta nhìn Wilbourne, đôi mắt nhiều lòng trắng tương phản với màu da của anh ta giống như như một tấm

phim Kodak âm bản, cố giữ chiếc hộp cân bằng trên vai bằng một tay, chìa tay còn lại ra để bắt tay Wilbourne.

“Đây là Wilbourne”, Charlotte nói. “Bradley là hàng xóm. Hôm nay anh ấy sẽ rời khỏi đây. Anh ấy mang cho chúng ta chỗ thực phẩm chưa dùng đến.”

“Tha lỗi những thứ này đi chẳng ích gì”, Bradley nói.

“Vợ anh nói với tôi rằng các bạn còn ở lại đây một thời gian, vậy nên tôi nghĩ...”, anh ta dành cho Wilbourne cái bắt tay lạnh lùng và mạnh chẳng khác gì động tác bóp vỡ xương cổ tay của người khác. “... Tôi tốt nghiệp một trường đại học ở miền Đông cách đây hai năm và hiện đang làm môi giới chứng khoán.”

“Anh thật tốt bụng. Chúng tôi rất vui được nhận những thứ này. Nào, để tôi...” Nhưng bàn tay kia của người đàn ông đã quăng cái hộp các tông chứa đầy thực phẩm xuống sàn nhà. Charlotte và Wilbourne giữ ý không nhìn những thứ trong hộp. “Cảm ơn rất nhiều. Chúng ta càng có đông người ở trong nhà thì chó sói càng khó mò tới.”

“Hoặc là chúng ta tập trung lại khi chó sói mò tới”, Charlotte nói. Bradley nhìn cô. Anh ta chỉ cười bằng miệng còn mắt thì không - đó là đôi mắt của kẻ muốn lợi dụng người khác, mang đầy vẻ quả quyết của một kẻ chỉ đạo thành công các buổi khiêu vũ ở trường đại học.

“Một ý tưởng không tồi”, anh ta nói. “Các bạn...” “Cảm ơn”, Charlotte nói. “Anh dùng cà phê nhé? “Cảm ơn, tôi ăn sáng rồi. Chúng tôi dậy sớm. Tối nay chúng tôi phải trở về thành phố.” Anh ta lại nhìn bức tượng trên bệ lò sưởi. “Tôi xin phép xem nó một chút nhé?”, anh ta nói rồi đến bên lò sưởi. “Tôi có biết nhân vật này không nhỉ?

Hình như...”

“Tôi hy vọng là không”, Charlotte nói. Bradley nhìn cô.

“Cô ấy muốn nói chúng tôi hy vọng anh chưa biết”, Wilbourne nói. Nhưng Bradley lại nhìn Charlotte, đôi lông mày bạc rướn lên vẻ dò hỏi phía trên đôi mắt đầy mong muốn chiếm đoạt và không hề mang ý cười.

“Đó là tượng Mùi Khó Ngửi”, Charlotte nói.

“Ồ. Tôi hiểu.” Anh ta nhìn bức tượng. “Cô đã tạo ra nó. Hôm qua tôi nhìn thấy cô vẽ. Ở phía bên kia hồ.”

“Tôi biết anh đã nhìn thấy tôi.”

“Lúc ấy cô đang ký họa”, anh ta nói. “Thứ lỗi cho tôi nhé? Không phải tôi cố ý rình mò đâu.”

“Tôi cũng có cố giấu mình đâu.” Bradley nhìn cô và giờ đây, lần đầu tiên, Wilbourne thấy đôi lông mày và cái miệng của anh ta phối hợp đồng điệu với nhau, cùng thể hiện vẻ giấu cợt, mỉa mai và độc ác - những biểu hiện khiến toàn bộ con người anh ta toát lên sự tự tin, xác xược và thô bỉ.

“Thật vậy hả?”, anh ta nói.

“Thật mà”, Charlotte nói. Cô tới bên lò sưởi rồi cầm bức tượng lên. “Chán quá, anh chị lại đi khỏi đây trước khi chúng tôi kịp sang thăm vợ anh. Nhưng có lẽ anh sẽ nhận cái này làm kỷ niệm.”

“Không; thực sự, tôi...”

“Anh nhận đi mà”, Charlotte vui vẻ nói. “Chắc chắn anh cần nó hơn chúng tôi.”

“Cảm ơn cô.” Anh ta cầm lấy bức tượng. “Cảm ơn cô. Tối nay chúng tôi sẽ trở về thành phố. Nhưng có lẽ trên đường ra khỏi đây chúng tôi sẽ ghé thăm các bạn. Vợ tôi sẽ...”

“Vâng”, Charlotte nói.

“Cảm ơn”, anh ta nói rồi quay ra phía cửa. “Cảm ơn cô lần nữa nhé.”

“Chúng tôi cũng xin cảm ơn anh lần nữa”, Charlotte nói. Wilbourne nhìn anh ta bước ra ngoài, đẩy chiếc xuống khỏi bờ và trèo lên xuống. Sau đó anh đi tới chỗ chiếc hộp và cúi xuống.

“Anh định làm gì vậy?”, Charlotte hỏi.

“Anh định mang nó ném vào cửa nhà hăn.”

“Đồ ngốc”, cô nói. Cô bước tới bên anh. “Đứng thẳng lên nào. Chúng ta sẽ ăn những thứ đó. Hãy đứng thẳng như một người đàn ông thật sự nào.” Anh đứng lên, cô choàng tay ôm và kéo anh về phía mình với vẻ nôn nóng tột độ được kìm nén. “Tại sao anh không lớn khôn lên hả, gã hướng đạo sinh phá hoại hôn nhân? Anh không biết rằng ngay cả những kẻ điên cũng nhận ra chúng ta trông chẳng giống một cặp vợ chồng hợp pháp



sao? Cô ghì siết lấy anh, hơi ngả người về phía sau, cặp hông áp vào người anh khẽ lắc trong khi nhìn anh đăm đăm qua đôi mắt màu vàng ánh lên vẻ bí hiểm và giễu cợt với mức độ đủ để anh nhận ra - sự chân thực đến tàn nhẫn và gần như không thể chịu đựng nổi. “Như một người đàn ông, em nói rồi đấy”, cô nói, ghì siết anh vào bờ hông đang chuyển động của mình mặc dù việc đó không cần thiết. Nàng không cần phải chạm vào người mình anh nghĩ. Không cần âm thanh của giọng nói, thậm chí không cần mùi cơ thể của nàng, chỉ cần một chiếc dép lê, một trong những điều xúi giục mơ hồ đối với tình dục, bị vứt trên sàn nhà cũng đủ. “Nào. Được đấy. Như vậy khá hơn đấy. Được đấy.” Cô buông một tay ra và bắt đầu cởi cúc áo của anh. “Chỉ có điều người ta cho rằng làm chuyện này trước mười hai giờ trưa là không may mắn đâu, đúng không nhỉ? Có đúng vậy không nhỉ?”

“Ừ”, anh nói. “Ừ.” Cô bắt đầu cởi dây thắt lưng của anh.

“Hoặc đây là cách anh làm dịu bớt sự nhục mạ nhằm vào em, được không? Hay anh sẽ lên giường với em chỉ vì ai đó tình cờ nhắc anh nhớ ra rằng con người em có hai nửa [18]?”

“Ừ”, anh nói. “Ừ.”

Sau đó vào giữa trưa, họ nghe thấy tiếng xe của Bradley nổ máy. Cô đang nằm sấp, vắt ngang nửa người trên anh (lúc ngủ, cô nặng nề thả lỏng cơ thể, đầu cô ở dưới cằm anh, hơi thở của cô chậm và sâu); cô liền nhòm dậy, một bên khuỷu tay tì trên bụng anh, tấm chăn tuột khỏi vai cô, trong khi tiếng động cơ xe nhỏ dần. “Ôi, cái yết hầu”, cô nói. “Có sao đâu, bấy lâu nay chúng ta luôn chỉ có hai người với nhau thôi”, anh nói.

“Từ cái đêm đầu tiên ấy. Từ lúc chúng ta đứng trước bức tranh đó. Chúng ta chỉ có hai người với nhau, dù ai ở quanh ta ra đi chẳng nữa.”

“Em biết điều đó. Em muốn nói rằng bây giờ em có thể đi bơi.” Cô trườn ra khỏi giường. Anh nhìn cô, ngắm tấm thân mộc mạc, nở nang và rắn chắc hơn thân hình của người mẫu quảng cáo dầu cá trên tạp chí Hollywood một chút, quan sát đôi chân trần của cô bước nhẹ trên ván lót sàn đi về phía cửa.

“Có mấy bộ đồ bơi ở trong tủ đấy”, anh nói. Cô không trả lời. Tiếng sập cửa vang lên. Sau đó anh không thể nhìn thấy cô nữa, còn nếu muốn, anh sẽ phải nhồm dậ.

Sáng nào cô cũng đi bơi song vẫn chưa hề đụng tới ba bộ đồ bơi trong tủ. Ăn sáng xong, anh thường nằm trên chiếc giường đơn và nghe tiếng bước chân trần của cô ở trong phòng lẫn ngoài hiên; có khi anh nhìn thân hình rám nắng, mịn màng và rắn chắc của cô lướt qua trong hiên. Sau đó anh lại ngủ tiếp (đúng một giờ sau thì thức dậy - một thói quen của anh trong vòng sáu ngày đầu) để rồi sau đó đưa mắt nhìn ra ngoài, thấy cô nằm ngửa hoặc sấp trên chiếc cầu nhô ra hồ, hai tay khoanh trước ngực hoặc chống cằm; thỉnh thoảng anh cứ nằm đó, không ngủ, thậm chí chẳng nghĩ gì, chỉ tồn tại trong trạng thái lơ mơ giống như một bào thai, thụ động và không có cảm giác trong cái bụng của sự yên bình và hoang vắng, cử động chỉ đủ để môi anh chạm vào một bên hông rám nắng của cô và nếm vị của mặt trời khi cô dừng lại bên giường. Thế rồi một ngày anh nhận thấy mình có vấn đề.

Tháng Chín trôi qua, đêm và sáng trời khá lạnh; cô đã đổi giờ bơi từ sau bữa sáng sang sau bữa trưa và họ bàn với nhau khi nào sẽ chuyển giường từ ngoài hiên vào trong phòng có lò sưởi. Nhưng về bản chất, ngày không thay đổi - vẫn là khúc lặp lại bất biến của khoảng thời gian đổ nắng giữa bình minh và hoàng hôn, vẫn là những ngày dài tĩnh lặng, vẫn là sự tiếp nối đơn điệu và thuần túy của những trưa tràn đầy thứ mật ấm nóng của mặt trời, còn năm đang trôi qua trong sự úa tàn của những chiếc lá to bản mang sắc vàng đỏ không biết từ đâu đến cũng chẳng rõ sẽ bay về đâu.

Hàng ngày, cô ra khỏi nhà cùng tập giấy và hộp màu vẽ ngay sau khi đi bơi và tắm nắng, bỏ lại anh quanh quẩn trong căn nhà vừa trống vắng lại vừa xáo động bởi tác động mạnh từ sự hiện hữu của cô - vài bộ quần áo, tiếng động tựa như tiếng thì thầm từ đôi chân trần của cô trên sàn gỗ - trong khi anh tin rằng mình đang lo lắng, không phải về cái ngày cạn kiệt thức ăn chắc chắn sẽ đến, mà vì anh nhận ra mình chẳng hề bận tâm đến điều đó: Trạng thái lạ lùng mà vào một mùa hè trước kia anh từng trải nghiệm khi bị anh rể điệu đi thực hiện nghĩa vụ công dân bởi anh từ chối không chịu đi

bầu cử. Anh nhớ khi đó, nổi bực tức chực bùng nổ thành cơn thịnh nộ và anh đã cố đưa ra lý do với anh rể để rồi cuối cùng hiểu rằng mình nói một cách hăng hái như vậy không phải để thuyết phục ông anh rể mà là để bào chữa cho nổi tức giận của bản thân giống như trong cơn ác mộng lúc nửa đêm, anh dường như đã chộp lấy chiếc quần đang tụt xuống; không phải anh đang nói với ông anh rể mà là đang nói với chính mình.

Điều đó trở thành nỗi ám ảnh đối với anh; khi bình tĩnh lại, anh hiểu rằng mình đã phát điên một cách âm thầm và ngấm ngấm; giờ đây anh không ngừng nghĩ về dây hộp và những cái túi mà anh cố làm cho khớp theo tỉ lệ nghịch với số ngày đang tăng dần, tuy nhiên anh không nhìn giá để thực phẩm hay đếm những gì họ còn. Anh cứ tự nhủ rằng trước kia mình từng phải lên ra ghế đá công viên, lôi một mảnh giấy từ trong ví ra rồi cặm cụi lấy số này trừ đi số kia, trong khi giờ đây tất cả những gì anh phải làm chỉ là liếc dây hộp trên giá; anh có thể đếm số hộp và biết chính xác thực phẩm của họ còn đủ cho bao nhiêu ngày, có thể lấy một chiếc bút chì và đánh dấu ngày lên giá và thậm chí không cần đếm chúng, anh vẫn có thể liếc cái giá và đọc được ngày họ cạn lương thực ngay lập tức, giống như đọc nhiệt kế vậy. Nhưng anh thậm chí không nhìn vào đó.

Anh biết rằng trong khoảng thời gian này mình đang bị điên và đôi khi cũng đấu tranh chống lại chứng điên, tin rằng mình đã chế ngự được nó, bởi những chiếc hộp, ngoài thú nhận bi thảm rằng chúng thậm chí chẳng quan trọng, thì chúng cũng hoàn toàn không nằm trong mối quan tâm của anh như thể chúng chưa hề tồn tại, và anh cứ nhìn những gì quen thuộc xung quanh mình với cảm giác chán nản náo nùng, thậm chí chẳng ý thức được rằng mình đang lo lắng quá đỗi khi nhận ra bản thân không biết lo lắng về điều đáng phải lo; trong nỗi kinh ngạc đến bàng hoàng, anh nhìn cái nơi hoang vắng tràn ngập ánh mặt trời - nơi hiện tại cô đã đi khỏi mà như chưa đi và là nơi mà lát nữa cô trở về, sẽ lại bước vào cái không gian vẫn còn lưu lại mùi hương thoang thoảng của cô khi cô ra ngoài, và cô có thể sẽ nhận thấy anh đang nằm dài trên giường mà không ngủ, thậm chí không đọc sách, bởi anh đã đánh mất những thói quen đó và đang lấm bầm một mình, Mình buồn chán. Mình chán muốn chết. Ở đây mình chẳng được tích

sự gì. Ngay cả nàng cũng chẳng cần mình. Mình đã chặt củi đủ dùng cho đến tận Giáng Sinh rồi và chẳng còn việc gì khác để làm nữa.

Một hôm, anh bảo cô cùng anh phân loại màu và giấy vẽ. Cô làm như anh nói và phát hiện ra anh bị mù màu, thậm chí không thể nhận biết được màu sắc. Sau đó, ngày nào anh cũng nằm trong khoảng rừng thưa nhỏ hẹp có mùi nhựa cây rất hắc, hút một cái tẩu rẻ tiền (thứ duy nhất anh đem theo trước khi rời Chicago để dự phòng cho cái ngày họ hết sạch cả thức ăn lẫn tiền bạc), một nửa tập giấy dùng để vẽ phác thảo và một ít màu vẽ chưa sử dụng đựng trong hộp được để bên cạnh. Rồi một hôm, anh quyết định tạo một cuốn lịch - ý niệm được hình thành một cách ngây thơ không phải bởi tư duy hay mong muốn, mà do nỗi buồn bực của cơ bắp, và anh thực hiện việc đó với niềm thích thú âm thầm hoàn toàn theo cảm tính của người đàn ông chạm khắc một cái giỏ từ hột đào hoặc khắc Kinh Lạy Cha trên đầu một cây kim; anh vẽ những nét rõ ràng trên mặt giấy, ghi những con số biểu thị ngày tháng lên đó, suy tính để sử dụng các màu thích hợp và khác nhau cho những ngày Chủ nhật và ngày lễ. Anh lập tức phát hiện ra rằng mình đã mất khả năng tính ngày, nhưng điều đó chỉ giúp anh thêm hào hứng, kéo dài việc anh đang làm, tạo thêm thích thú - cái giỏ bằng hột đào trở thành một chiếc giỏ kếp, Kinh Lạy Cha trở thành mật mã. Và anh nhớ lại buổi sáng đầu tiên cùng McCord ngồi xõm trên bờ hồ, biết hôm đó là ngày bao nhiêu và thứ mấy, rồi đếm xuôi bằng cách khôi phục lại từ trí nhớ về những ranh giới lờ mờ giữa những buổi bình minh kế tiếp, lần tìm các ngày thứ Ba, thứ Sáu, Chủ nhật từ cái nơi hoang vắng bị tác động bởi ánh sáng mặt trời và không có thủy triều này, lần ra từng ngày từng ngày một; và khi chợt nghĩ rằng mình có thể chứng thực các con số, chứng minh sự chính xác toán học của những khoảng trống vô tận đầy ánh nắng mà trong đó, các ngày đơn lẻ đã mất hút bằng những ngày Charlotte có kinh nguyệt và khoảng thời gian giữa hai chu kỳ của cô, anh cảm thấy mình chắc hẳn đang trải nghiệm cái cảm giác của ông già mê nghiên cứu chiêm tinh học sống trên ngọn đồi cổ xưa ở Syria sau khi tình cờ biết được công thức của một nhà toán học ở Alexandria - chứng minh sự thật về các vì sao mà ông đã

ngắm hằng đêm trong suốt cuộc đời - và biết rằng sự thật là như vậy nhưng không biết giải thích bằng cách nào và tại sao mình lại biết.

Có điều gì đó không ổn xảy ra với anh. Anh ngồi nhìn thứ mà mình tạo ra, hân hoan và ngạc nhiên đến mức sửng sốt trước sự khéo léo của mình trong việc sáng chế cho Thượng Đế và tự nhiên một thứ bộc lộ sự phí phạm, nông cuồng không có khuôn mẫu, phi lý, phi toán học và chẳng theo bất kỳ trật tự nào, chứng minh những khó khăn trong việc làm tính khi anh phát hiện ra mình đã để tháng Mười có những sáu tuần và ngày mà anh đang sống là ngày Mười hai tháng Mười một. Anh cảm thấy dường như mình có thể nhìn thấy rõ ràng các chữ số rất thật và đơn lẻ trong sự kế tiếp không tên của những ngày đã mất; anh dường như nhìn thấy dây hộp chứa thực phẩm trên giá cách mình nửa dặm, các hình thù rõ ràng như những quả ngư lôi giờ đây đã rơi từng chiếc từng chiếc một khỏi giá - không tiếng động và trọng lượng - vào khoảng thời gian chập chạp không phải về phía trước mà ở trạng thái ngược dòng thời gian và bằng cách nào đó tìm thức ăn cho hai nạn nhân của nó khi họ còn thở; thời gian giờ đây là đối tượng chuyển động, tiến về phía trước một cách từ từ và chẳng thể cưỡng lại được, thấm hút những chiếc can đó, từng chiếc, từng chiếc một cách đều đặn và không ngừng như bóng mây bao trùm không gian. Đúng vậy, anh nghĩ. Mùa hè India đấy. Mình đã bị một ả điểm già dụ tới thiên đường của một gã đàn; bị thần Lilith già khụ và mệt mỏi của năm bóp nghẹt và vắt kiệt tất cả sức mạnh lẫn ý chí.

Anh đốt những tờ lịch đi rồi quay trở về căn nhà bên hồ. Cô vẫn chưa về. Anh đi tới giá để thực phẩm và đếm những chiếc hộp trên đó. Khoảng hai tiếng đồng hồ nữa mặt trời mới lặn; khi nhìn về phía hồ, anh phát hiện ra rằng hiện tại mình không nhìn thấy mặt trời mà chỉ có một đám mây lớn như đám bông bần trên bầu trời giăng từ phía đông lên phía bắc, sang phía tây và cảm giác không khí cũng đã thay đổi. Đúng vậy, anh nghĩ. Đồ chó cái già. Cô ta đã phản bội mình và bây giờ cô ta thậm chí không cần phải giả vờ giả vịt nữa. Cuối cùng anh nhìn thấy cô đi vòng theo bờ hồ trở về, mặc quần của anh cùng một chiếc áo len cũ mà họ tìm thấy trong tủ để chặn. Anh bước ra để gặp cô. “Lạy Chúa lòng lành”, cô nói. “Em chưa bao

giờ nhìn thấy anh phấn khích như thế này. Anh đã vẽ được một bức tranh hay cuối cùng đã phát hiện ra rằng loài người thậm chí không cần phải cố gắng cũng có thể tạo ra các tác phẩm nghệ thuật...” Anh không ý thức được rằng mình di chuyển nhanh đến thế; khi choàng tay ôm cô và làm cô đứng khựng lại bằng sức mạnh của cơ thể; cô ngả người về phía sau, nhìn anh bằng ánh mắt thể hiện sự thẳng thắn và không vương chút ngạc nhiên giả tạo.

“Ừ”, anh nói. “Hôn một cái nhé?”

“Tại sao, tất nhiên rồi”, cô nói. Rồi cô lại ngả người về phía sau để nhìn anh. “Có chuyện gì vậy? Chuyện gì đã xảy ra vậy?”

“Em có sợ phải ở đây một mình đêm nay không?” Anh hỏi trong khi cô bắt đầu vùng vẫy để thoát ra khỏi vòng tay anh.

“Buông em ra. Em thấy anh không ổn lắm.” Anh buông cô ra, mặc dù cố đối diện với cái nhìn từ đôi mắt màu vàng không chớp của cô - đôi mắt mà anh chưa bao giờ có thể nói dối khi nhìn thẳng vào nó. “Đêm nay ư?”

“Hôm nay là ngày Mười hai tháng Mười một.”

“Đúng. Vậy có chuyện gì nào?” Cô nhìn anh. “Vào nhà đi. Vào nhà và nói rõ đầu đuôi em nghe xem nào.” Họ vào nhà; cô đứng lại và đối diện với anh. “Nào, anh hãy nói rõ ngọn ngành xem.”

“Anh vừa mới đếm những chiếc hộp. Anh đã tính...” Cô nhìn anh chằm chằm với vẻ cứng cỏi gần như lạnh lùng. “Chúng ta chỉ còn đủ thức ăn cho khoảng sáu ngày nữa.”

“Phải. Vậy thì sao nào?”

“Thời tiết ôn hòa. Cứ như thế thời gian đã ngừng trôi và chúng ta giống như hai lát khoai tây trên mặt hồ. Vậy nên anh đã không nghĩ ngợi để rồi đâm lo hoặc khoanh tay ngồi nhìn. Anh sẽ đi bộ tới ngôi làng gần nhất. Nó chỉ cách đây mười hai dặm thôi. Anh có thể trở về trước chiều mai.” Cô nhìn anh không chớp. “Có một bức thư. Thư của Mac đang ở đó.”

“Anh nằm mơ thấy nó ở đó, hay anh đã tìm thấy nó trong bình cà phê khi kiểm tra chỗ thực phẩm còn lại?”

“Có thư ở đó thật mà.”

“Thôi được. Nhưng đợi đến sáng mai hãy đi. Anh không thể đi bộ mười hai dặm trước khi trời tối được.” Họ ăn tối và đi ngủ. Lần này cô lên giường ngủ với anh từ sớm, thúc mạnh khuỷu tay vào người anh khi bàn tay gây đau của cô túm tóc anh, lắc đầu anh với vẻ nôn nóng hoang dại. “Lạy Chúa, trong đời mình em chưa từng thấy ai cố gắng hết sức để trở thành một người chồng như anh đang làm. Hãy nghe em nói này, anh ngốc lắm. Anh thử nghĩ xem nếu những gì em muốn chỉ là có một người chồng thành đạt, đủ thức ăn và một chiếc giường thì em đã ở lại nơi em có tất cả những thứ ấy, chứ tội gì em phải đến đây hả?”

“Em cũng phải ngủ, phải ăn chứ.”

“Tất nhiên chúng ta phải ngủ, phải ăn. Nhưng tại sao phải lo lắng về chuyện đó nhỉ? Giống như người ta cứ lo phải tắm chỉ vì phòng tắm sắp bị mất nước.” Rồi cô ngồi bật dậy, đột ngột ra khỏi giường với niềm phấn khích; anh nhìn cô vội vàng bước ra mở cửa và thò đầu ra ngoài. Anh có thể ngửi thấy mùi tuyết trước khi cô nói, “Đang có tuyết rơi”.

“Mình biết. Mình biết trưa nay nàng hiểu ra rằng trò chơi đã kết thúc.”

“Nàng ư?” Cô đóng cửa lại. Lần này cô đi tới chiếc giường khác và trèo lên đó. “Cố ngủ đi anh. Ngày mai anh sẽ phải đi bộ vất vả đấy, nếu như tuyết rơi nhiều.”

“Dù sao thư vẫn ở đó.”

“Được rồi”, cô nói rồi ngáp và xoay lưng lại phía anh. “Có thể thư đã được chuyển tới đó khoảng một hoặc hai tuần rồi.”

Rạng sáng, anh lên đường. Tuyết đã ngừng rơi và trời khá lạnh. Anh tới ngôi làng gần nhất sau bốn giờ đi bộ và tìm thấy bức thư của McCord gửi cho họ. Trong phong bì thư có hai mươi lăm đô la; anh ta đã bán được một bức tượng và tìm được việc làm cho Charlotte ở một cửa hàng trong mùa Giáng Sinh. Không lâu sau khi trời tối, anh về tới căn nhà bên hồ. “Em có thể bỏ tất cả những gì chúng ta còn vào nồi”, anh nói. “Chúng ta có hai mươi lăm đô la. Và Mac tìm được một công việc cho em đấy. Tối thứ Bảy, anh ấy sẽ lái xe tới đây.”

“Tối thứ Bảy ư?”



“Anh đã gọi điện cho Mac rồi. Anh ở đó đợi anh ấy trả lời nên về muộn.”

Họ ăn tối và lần này cô lặng lẽ đi tới chiếc giường chật hẹp với anh, khẽ trườn tới gần anh, và anh ngạc nhiên vì từ trước đến giờ chưa từng thấy cô xử sự như vậy trước bất cứ chuyện gì.”

“Em sẽ tiếc nếu phải rời khỏi đây.”

“Em sẽ tiếc ư?”, anh khẽ nói bằng giọng bình thản, trong khi vẫn nằm ngửa, hai tay khoanh trước ngực như bức tượng đá trên một ngôi mộ cổ của thế kỷ X. “Tiếc thì tiếc nhưng khi tới đó, em có thể sẽ cảm thấy vui vì mình đã trở về. Em sẽ gặp lại mọi người, McCord và những người em thích, sẽ hưởng Giáng Sinh và mọi thứ. Em có thể đi gọi đầu và làm móng tay ở tiệm.” Lần này cô - người có thói quen tấn công anh dữ dội mà không cần quan tâm đến cảm giác của anh, thường túm tóc anh lắc giật không chỉ vì muốn có sự chuyển biến mà còn vì muốn nhấn mạnh - lại nằm im. Quả thực, lần này cô nằm im, thậm chí gần như không thở, giọng nói của cô không tràn ngập tiếng thở dài mà đầy hoài nghi đến mức gây ngạc nhiên:

“Có thể em sẽ. Em. Em có thể. Harry, anh nói thế là có ý gì?”

“Anh muốn nói rằng anh đã gọi điện cho Mac đến đón em. Em sẽ có việc làm đến hết mùa Giáng Sinh. Anh nghĩ anh sẽ giữ một nửa số tiền hai mươi lăm đô la này và ở lại đây. Có lẽ Mac có thể sẽ tìm cho anh công việc nào đó; nếu không có công việc gì khác, thì có thể xin việc tại W.P.A [\[19\]](#) cũng được. Khi đó anh sẽ trở về thành phố và chúng ta có thể...”

“Không!”, cô kêu lên. “Không! Không! Lạy Chúa, không! Hãy ôm em đi! Hãy ôm em thật chặt, Harry! Chúng ta đã làm tất cả những gì có thể và phải trả giá để được như thế này: Để chúng ta được ở bên nhau, ngủ với nhau hằng đêm, chứ không phải chỉ để ăn, tìm chỗ sơ tán, ngủ cho ấm người rồi lại thức dậy ăn, tìm chỗ để sơ tán và ngủ cho ấm người! Hãy ôm em đi! Hãy ôm em thật chặt! Thật chặt!” Anh ôm cô bằng hai cánh tay căng cứng, mặt vẫn hướng lên phía trên, bờ môi cong cong để lộ cả những chiếc răng.

Chúa, anh nghĩ. Chúa sẽ giúp nàng. Chúa sẽ giúp nàng.

Họ rời khỏi vùng tuyết phủ bên hồ, mặc dù trước khi tới Chicago, họ đã đi qua khoảng không gian cuối của mùa hè đang trôi về phía nam của India. Nhưng những ngày ấy cũng chẳng kéo dài và giờ đây ở Chicago cũng đang là mùa đông, gió Bắc từ Canada tràn xuống khiến nước trong Hồ Lớn đóng băng và thổi thốc vào những hẻm núi đá nơi có những cây Holly đã đâm chồi đón mùa Giáng Sinh sắp đến, làm khuôn mặt của những viên cảnh sát, nhân viên văn phòng, kẻ ăn mày và cả những người thuộc Hội Chữ thập đỏ và Cứu thế quân mặc trang phục của ông già tuyết nhăn nhúm và lạnh cóng; ngày tàn đi trong ánh đèn nê-ông tỏa sáng trên khuôn mặt trùm khăn hay mũ bằng lông thú của các bà vợ và các cô con gái của những đại gia phất lên nhờ khai thác gỗ và nuôi gia súc, các ả tình nhân của những tay cảnh sát từ châu Âu và từ những khu du lịch sinh thái tới để nghỉ lễ tại các căn hộ sang trọng bên hồ nước đã đóng băng và ở trong phố, khoe khoang sự giàu sang của thị thành trước khi lên đường tới Florida, những đứa con trai của các nhà môi giới chứng khoán ở Luân Đôn, các hiệp sĩ ở Midland, những thượng nghị sĩ ở Nam Phi, những người đến để ngắm cảnh Chicago bởi đã đọc các tác phẩm của Whitman, Masters, Sandburg ở trường Oxford hoặc Cambridge - các thành viên của giống người không có tài khám phá, được trang bị sổ ghi chép, máy ảnh cùng túi không thấm nước đựng đồ vệ sinh cá nhân khi đi du lịch, giống người đã quyết định bỏ qua mùa nghỉ lễ của người Thiên Chúa giáo trong các khu rừng hoang vu, tối tăm mà ở đó người ta dễ bị cắn, đốt.

Charlotte làm việc trong chính cái cửa hiệu từng mua những bức tượng đầu tiên mà cô tạo ra. Công việc của cô là sắp xếp và trang trí cửa hàng, vậy nên ngày làm việc của cô thỉnh thoảng bắt đầu vào buổi chiều, lúc tiệm đã đóng cửa và những người làm công khác hết giờ làm. Wilbourne và đôi khi cả McCord đợi cô tại quán bar ở góc đường nơi họ ăn tối sớm. Sau đó, McCord rời khỏi đó để bắt đầu buổi làm việc lấy đêm làm ngày của anh ta tại tòa soạn báo còn Charlotte và Wilbourne trở lại cái cửa hàng mà giờ đây đã bắt đầu đời sống nghịch chuyển kỳ cục của nó - kính crom, hang động bằng cẩm thạch nhân tạo - nơi mà trong tám tiếng đồng hồ ban ngày đã đầy ứ những tiếng rì rầm đầy tham lam, thô tục của những

người mua hàng mặc đồ may bằng lông thú, nơi thừa mưa về nhẵn nhớt đồng dạng cố hữu của những cô bán hàng mặc đồ xa tanh tựa những con rô bốt, giờ đây không còn sự ồn ào, chỉ còn ánh sáng lấp lánh và không khí im ắng cùng sự dội lại của bầu im lặng sâu hút, nơi dường như đang bị thu nhỏ, đây ập nổi tức giận căng thẳng nham hiểm như một bệnh viện vắng người lúc nửa đêm mà trong đó một vài bác sĩ phẫu thuật trông giống người Pích-mê [20] cùng vài y tá chiến đấu bằng sự đứng đắn không ồn ã để giành giật sự sống mỏng manh, vô tâm tích nào đó, nơi mà Charlotte cũng mất hút (không hẳn là biến mất hoàn toàn: Thỉnh thoảng, anh nhìn thấy cô trao đổi với ai đó như thể bằng ngôn ngữ cơ thể về đồ vật mà một trong số họ đang cầm, hoặc đi lại trong gian hàng). Anh có một tờ báo buổi tối và trong hai hoặc ba tiếng đồng hồ tiếp theo, anh ngồi trên chiếc ghế mỏng manh đặt giữa các bức tượng không có khớp nối và rỗng ruột được tạo tác đầy tinh tế có khuôn mặt trông thanh thản đến mức gần như khó tin, các bức găm thêu kim tuyến, những đồng xêquin hoặc những viên kim cương giả lấp lánh, trong khi những người phụ nữ làm công việc lau dọn xuất hiện trong tư thế quỳ, đẩy những chiếc xô phía trước như thể họ là một loài vật, chuột chũi chẳng hạn, từ một đường hầm hoặc một cái lỗ nào đó trong lòng đất bò lên, phục vụ quy tắc vệ sinh khó hiểu nào đó, không phải vì sự lộng lẫy cam lạng mà họ thậm chí chẳng buồn nhìn mà vì cái khu vực ngấm bí mật mà họ sẽ bò trở về trước khi trời sáng.

Khi Giáng Sinh đến gần, mười một giờ hoặc nửa đêm, thậm chí muộn hơn, anh và cô mới trở về nhà - căn hộ không có bàn làm việc cũng chẳng có ô cửa sổ trần mà là một căn hộ mới và đơn sơ, thuộc một quận gần công viên (nơi mà cứ khoảng mười giờ sáng khi đang nằm trên giường giữa giấc ngủ đầu tiên và giấc ngủ thứ hai của ngày, anh có thể nghe thấy giọng nói của những đứa trẻ đang vui chơi bị các cô bảo mẫu làm phiền vọng tới), nơi mà Charlotte lên giường đi ngủ còn anh thì lại ngồi bên chiếc máy chữ, ném hầu hết thời gian của cả ngày vào cái công cụ mà thoát tiên anh mượn của McCord, sau đó thuê từ một đại lý rồi mua về cho riêng mình giữa đồng súng ngắn và những chiếc răng vàng trong một tiệm cầm đồ; với

chiếc máy chữ, anh đã viết rồi bán cho những tạp chí chuyên đăng các mẫu truyện rẻ tiền dành cho độc giả nữ - những mẫu truyện bắt đầu bằng câu “Tôi có một cơ thể và những khát khao của một người đàn bà, nhưng xét về hiểu biết và sự trải đời thì tôi chỉ là một đứa trẻ” hoặc “Ước gì tôi có tình yêu của người mẹ che chở cho tôi trong cái ngày kinh khủng đó”, những mẫu truyện mà từ chữ cái in hoa đầu tiên cho đến đoạn cuối cùng đều được anh viết bằng thôi thúc đau đớn và nổi điên cuồng khôn nguôi giống như trung vệ của một đội bóng học hành chật vật, cướp được bóng (chính các tác phẩm như Chim hải âu, Nghìn lẻ một đêm mới là đấu thủ của gã trung vệ chứ không phải là những vạch vôi rõ ràng rành rành, đáng sợ và vô nghĩa như cơn ác mộng của một kẻ điên trên sân thi đấu) và chạy vượt mồ hôi cho tới khi cuộc chơi kết thúc - gục xuống hoặc nằm vắt ngang đường biên, không quan trọng là đường biên của bên nào; sau đó, đôi khi vào lúc mặt trời hiện ra bên ngoài ô cửa sổ mở toang của phòng ngủ lạnh lẽo, anh trèo lên giường nằm cạnh Charlotte trong khi cô trở mình về phía anh mà không tỉnh giấc, lẩm bẩm điều gì đó bằng giọng nghèn nghẹt nghe chẳng rõ, và anh lại nằm đó ôm cô giống như đã từng làm trong cái đêm cuối cùng bên hồ; anh thức chong chong, cứng người, im lặng và không hề biết đến cảm giác thèm ngủ, chỉ nằm đó đợi mùi và tiếng vọng của mẻ truyện rẻ tiền mới nhất dành cho loại độc giả tầm thường được trút ra khỏi cơ thể mình.

Vậy là hầu như anh thức trong khi cô ngủ và ngược lại. Cô thường thức dậy, đóng cửa sổ, mặc quần áo rồi pha cà phê (bữa sáng mà khi túng thiếu và không biết sắp tới lấy đâu ra cà phê để cho vào bình, họ chuẩn bị đồ ăn và ăn cùng nhau, những chiếc bát đĩa bẩn được xếp kề nhau ở bồn rửa) và rời khỏi nhà lúc nào anh không hay biết. Sau đó đến lượt anh thức dậy, lắng nghe tiếng những đứa trẻ đi ngoài đường phố trong khi cà phê được hâm nóng, uống cà phê rồi ngồi xuống bên chiếc máy chữ, không cần cố gắng hay có niềm hồi tiếc đặc biệt nào, bắt đầu trôi vào cơn mê của tính sáng tạo đơn điệu. Thoạt đầu, anh tự làm bữa trưa cho mình theo kiểu thực hiện một thủ tục - lấy thực phẩm, thái thịt và chế biến chúng hệt như tối hôm trước, giống một đứa bé trai trong bộ quần áo kiểu Daniel Boone mới toanh tích trữ những chiếc bánh quy trong ngăn tủ để chối. Nhưng từ khi

mua được cái máy chữ (anh tự nhủ sẽ sẵn lòng từ bỏ vị trí nghiệp dư của mình và thậm chí không còn phải giả vờ với chính mình rằng đó là một việc làm cho vui nữa), anh bắt đầu chẳng buồn bận tâm đến chuyện ăn trưa, thay vì thế anh ngồi viết mãi miết, chỉ ngừng gõ máy chữ để các ngón tay được nghỉ ngơi một lúc, trong khi điều thuốc chầm chậm cháy xém vào mép bàn, nhìn mà như không nhìn vào hai hoặc ba dòng chữ hiển hiện của mẫu truyện hư cấu ngớ ngẩn mới nhất được đánh máy bằng chữ đậm và đám bã kẹo cao su, rồi chọt nhớ ra điều thuốc và vội cầm nó lên, dụi vào mép bàn, tạo ra một vết sẹo mới trên mặt gỗ trước khi tiếp tục viết. Rồi cứ đến giờ nhất định, anh lại rời khỏi căn hộ với một chiếc phong bì đã được dán tem ghi sẵn địa chỉ đôi khi vừa mới ráo mực, và đi bộ qua các con phố đông đúc, qua những buổi chiều đang bị rút ngắn một cách đều đặn của một năm đang lụi tàn, để đến cái quán bar - nơi anh, Charlotte và McCord gặp nhau.

Ở quán bar cũng đã có không khí Giáng Sinh, những nhánh Holly và dây tầm gửi được đặt giữa những chiếc ly được xếp thành hình tháp lấp lánh, những chiếc gương nhại lại hình ảnh của những chiếc áo khoác nhẹ của phục vụ trông thật khôi hài, những bát rượu rum cùng whiskey được hâm nóng bốc hơi để khách có thể ngấm và khuyến nhau dùng trong khi đã cầm trong tay ly cocktail hoặc whiskey pha soda có đá họ đã uống trong suốt mùa hè. McCord ngồi tại chiếc bàn quen thuộc với những thứ anh ta gọi là bữa sáng - một cốc vại bia, một ít bánh quy hoặc lạc rang muối hay bất cứ thứ gì quán bar có, còn Wilbourne thì nhâm nhi ly rượu mà anh cho phép mình thưởng thức trước khi Charlotte xuất hiện (“Bây giờ tôi có thể trả tiền cho sự điều độ và tinh táo”, anh nói với McCord) và họ đợi đến khi các cửa hàng hết khách, những cánh cửa kính mở rộng, dồn ra phố thứ ánh sáng lạnh lẽo và nhợt nhạt của đèn nê-ông cùng các khuôn mặt trùm khăn và mũ lông thú có cài những nhánh Holly, làm lộ ra khoảng không gian hút gió tựa các hẻm núi diêm dúa và đầy màu sắc tươi tắn với những giọng nói hoạt bát cất lên lời chúc đầy thiện ý từ những cái miệng không ngừng thở ra khói, các nhân viên bán hàng trong bộ đồ xa tanh đen đỏ ra như một dòng thác, những đôi chân sưng to vì đứng lâu, những khuôn mặt thể hiện nỗi

đau đớn vì đã phải mang vẻ nhảu nhó cứng nhắc trong suốt nhiều tiếng đồng hồ. Và rồi Charlotte bước vào quán; họ ngừng nói chuyện, nhìn cô bước tới, chen qua đám đông ở quầy bar, len lách giữa đám người phục vụ cùng những chiếc bàn kê san sát, với chiếc áo khoác không cài cúc mặc ngoài bộ đồng phục gọn ghẽ, chiếc mũ được đội theo kiểu hơi hếch về phía sau như thể cô đã dùng cánh tay gạt nó trong một cử chỉ thể hiện cơn thối mệu thường thấy ở phụ nữ, đi tới bên chiếc bàn họ đang ngồi, sắc mặt không được hồng hào mà đầy vẻ mệu mỏi mặc dù cô vẫn bước đi một cách mạnh mẽ và vững chãi như mọi khi, đôi mắt toát lên vẻ trung thực cố hữu không thể lung lạc phía trên chiếc mũi ngắn cùng sự mạnh mẽ trên cái miệng thô, rộng, nhọt nhọt. “Rượu rum nhé, các chàng”, cô nói rồi ngồi lún sâu trong chiếc ghế đã được một trong hai người bọn họ kéo ra: “Rồi, bố ạ”. Sau đó họ ăn, vào cái giờ không thích hợp khi mà hầu như những người khác chỉ mới bắt đầu chuẩn bị nấu nướng (“Tôi cảm thấy bọn mình giống như ba con gấu trong một cái chuồng vào chiều Chủ nhật vậy”, cô nói), ăn bữa mà không ai trong bọn họ muốn rời giải tán, McCord tới tòa soạn, Charlotte và Wilbourne quay trở lại cửa hàng.

Hai ngày trước Giáng Sinh, cô bước vào quán bar với một gói quà trong tay. Đó là quà Giáng Sinh dành cho hai đứa con gái của cô. Nơi họ đang sống không còn bàn làm việc cũng chẳng có ô cửa sổ trần. Cô mở cái gói đó ra rồi gói lại theo cách của mình trong lúc ngồi ở mép giường - nơi mà việc hoài thai trẻ con xảy ra không có chủ ý giờ đây trở thành cái bệ tôn nghiêm của hoạt động nghi lễ dành cho chúng; cô ngồi giữa đám giấy gói quà được trang trí hình những chiếc lá nhỏ, những sợi dây màu xanh, đỏ mỏng manh và những cái nhãn được phết keo dính mà nhìn hai gói quà mình đã chọn mua với giá khá đắt nhưng chẳng có gì đặc biệt bằng ánh mắt chờ đẫn, chán nản. “Em thậm chí không được dạy cách gói các thứ”, cô nói. “Trẻ con ư?” Đây thực sự không phải là việc của trẻ con mà là của người lớn: Một tuần để quay trở lại làm trẻ con, để tặng thứ mà bản thân anh không muốn cho người chẳng muốn nhận nó, và đòi hỏi người ta phải cảm ơn mình. Và bọn trẻ cũng làm như thế, trao đổi cái chúng không muốn cho anh. Chúng tạm thôi không làm trẻ con để chấp nhận vai trò mà anh đã từ



bỏ bởi ham muốn được phát triển vượt khỏi đũa trẻ trong chúng, đũa trẻ bị sao chép theo kiểu trộm giật không từ bất cứ mảnh khốe nào - lừa dối, vụng trộm, đóng kịch - để đạt được bất cứ điều gì, bất cứ đồ trang trí lòe loẹt rẻ tiền nào. Những món quà chẳng có ý nghĩa gì với chúng hết cho đến khi chúng đủ lớn để biết một món quà nào đó trị giá khoảng bao nhiêu tiền. Đó là lý do tại sao các bé gái lại thích quà hơn bé trai. Vậy là chúng nhận thứ mà anh tặng không phải vì thà nhận những thứ đó còn hơn không có gì mà bởi đó là tất cả những gì chúng mong đợi từ những kẻ ngốc, những kẻ mà vì lý do nào đó, chúng phải sống cùng hoặc buộc phải có liên quan trên đời này... Bọn họ đã đề nghị em tiếp tục làm việc ở cửa hàng.”

“Gì cơ?”, anh hỏi. Nãy giờ anh không để tâm nghe xem cô nói gì, mà cứ nhìn chăm chăm đôi bàn tay thô của cô giữa đám dây kim tuyến và nghĩ: Bây giờ là lúc mình phải nói, Hãy về nhà đi em. Hãy ở bên các con em đêm nay.

“Gì cơ?”

“Họ sẽ giữ em lại làm việc ở cửa hàng cho đến hè.” Lần này anh đã nghe rõ điều cô nói; anh từng trải qua cảm giác tương tự khi nhận ra con số trên cuốn lịch mà mình tạo ra, bây giờ anh đã biết vấn đề của mình bấy lâu nay, tại sao sáng sớm anh lại nằm cứng người và đầy cảnh giác bên cạnh cô, tin rằng lý do anh không thể ngủ được là để đợi mùi của thứ văn chương tầm thường, rẻ tiền của mình loãng đi, lý do tại sao anh lại ngồi trước một trang bản thảo còn dang dở trên máy chữ, tin là mình đang chẳng nghĩ về điều gì cả, chỉ nghĩ đến tiền mà thôi, tin rằng chẳng bao giờ bọn họ có được đủ tiền như mong đợi, cũng như một kẻ nghiện rượu nhận thấy với mình bao nhiêu rượu cũng chẳng đủ: Không bận tâm chút nào hoặc bận tâm quá nhiều. Mình đang nhớ về thành phố, anh nghĩ. Thành phố và mùa đông, một sự kết hợp quá dữ dội đối với chúng mình - mùa đông dồn con người vào bên trong những bức tường ở bất cứ nơi đâu họ sống, nhưng mùa đông và thành phố kết hợp với nhau thành một địa lao; Thậm chí tội lỗi cũng trở thành thói thường, ngay cả ngoại tình cũng được xá tội. “Không”, anh nói. “Bởi chúng ta sẽ rời khỏi Chicago.”

“Rời khỏi Chicago ư?”



“Đúng vậy. Mãi mãi. Em sẽ không làm việc chỉ vì tiền nữa. Đợi chút”, anh nói nhanh. “Anh biết thời gian qua chúng ta sống như thế đã cưới nhau được năm năm rồi, nhưng anh sẽ không đặt gánh nặng của người chồng lên vai em nữa. Anh biết mình nghĩ, ‘Mình muốn vợ mình được hưởng những gì tốt nhất’ nhưng chưa nói, ‘mình không thích người phụ nữ của mình phải làm việc để kiếm sống’. Đó không phải là mục đích của chúng ta. Khi hiểu ra mình làm việc vì mục đích gì thì đã quá muộn và chúng ta đã nhiễm thói quen làm việc mất rồi. Em có nhớ em đã nói gì ở bên hồ khi anh gợi ý rằng em nên rời khỏi đó không - rằng ‘Chúng ta đã trả giá để đạt được điều này: Để được ở bên nhau, được ăn, ngủ cùng nhau’ có đúng không nào? Bây giờ em hãy nhìn chúng ta mà xem. Khi chúng ta ở bên nhau, thì đó là ở quán rượu, trong xe hơi hoặc đi bộ trên đường phố đông đúc và khi chúng ta ăn cùng nhau, thì đó là ăn tại một quán ăn đầy người trong khoảng thời gian người ta cho em nghỉ ở cửa hàng để em có thể ăn và giữ sức, để họ có thể tiếp tục khai thác giá trị của đồng tiền mà họ trả cho em vào những ngày thứ Bảy, và chúng ta không ngủ cùng nhau nữa, chúng ta nhìn nhau ngủ, người này thức thì người kia ngủ; khi chạm vào em, anh biết em quá mệt và biết mình không nên làm em thức giấc, còn em, có lẽ em mệt tới mức không đủ sức để chạm vào anh.”

Ba tuần sau, với cái địa chỉ được viết nguệch ngoạc trên một mẫu rìa báo nào đó được gấp lại trong túi áo vest, anh bước vào một tòa nhà văn phòng, đi lên tầng hai mươi để tới một cánh cửa kính mờ có ghi tên Callaghan Mines; lúc bước vào trong, anh gặp chút khó khăn vì phải vượt qua một cô nhân viên văn phòng khi cuối cùng cũng hiện diện ở phía bên kia một chiếc bàn phẳng gần như chỉ có mỗi cái điện thoại và bộ bài được bày sẵn cho kiểu chơi một người, đối mặt với một người đàn ông khoảng năm mươi tuổi có đôi mắt lạnh lùng, khuôn mặt đỏ bừng bừng, đầu tóc trông như kẻ cướp đường và mang thân hình của một hậu vệ thuộc đội bóng sinh viên; người đàn ông nặng hai trăm hai mươi pound [21] đó đã phát phì trong một bộ vest tông bằng vải tuyết đắt tiền chẳng hợp với mình chút nào, cứ như thể ông ta đã kiếm được bộ đồ đó từ một vụ bán tổng bán

tháo, và giờ đây Wilbourne đang cố giới thiệu ngắn gọn về trình độ cũng như kinh nghiệm trong nghề y của mình với ông ta.

“Tôi không quan tâm đến những cái đó”, người đàn ông ngắt lời anh. “Anh có thể xử lý các vết thương thông thường mà những người làm việc trong hầm mỏ gặp phải không?”

“Tôi chỉ đang cố nói với ông...”

“Tôi đã nghe anh nói rồi. Tôi hỏi anh điều khác kia. Tôi nói rồi, tôi chỉ cần biết anh có thể xử lý những vết thương thông thường hay không thôi.” Wilbourne nhìn ông ta.

“Tôi không nghĩ mình...”

“Tôi chỉ quan tâm đến cái mỏ đó. Những người sở hữu nó. Những người đã đổ tiền vào đó. Những người sẽ trả lương cho anh chừng nào anh còn hữu ích. Tôi không quan tâm anh biết ít hay nhiều về mổ xẻ và thuốc men, cũng cóc cần biết anh có bao nhiêu bằng. Chẳng ma nào ở đó quan tâm đến chuyện ấy đâu; chẳng có thanh tra nhà nước nào kiểm tra bằng cấp và giấy phép hành nghề của anh cả. Tôi muốn biết liệu anh có phải là người đáng tin cậy để giao phó việc chăm sóc sức khỏe ở mỏ của tôi và công ty của tôi hay không. Lo chuyện thương vong trong những vụ nổ mìn. Lo chuyện bảo hộ lao động cho những gã người Ý nhật và xúc quặng, những gã người Đông Âu phụ trách mặng thuốc nổ và những gã người Tàu điều khiển xe goòng - những kẻ mà do sai lầm trong suy nghĩ có thể đánh đổi với công ty một bàn tay hoặc một bàn chân để lấy lương hưu hoặc một chuyến quay trở về Canton hoặc Hồng Kông.”

“Ồ”, Wilbourne nói. “Tôi hiểu. Có. Tôi có thể đảm nhận việc đó.”

“Được. Anh sẽ được đưa tới mỏ ngay lập tức. Lương của anh sẽ là...”, ông ta đưa ra một con số.

“Mức lương đó không phải là nhiều”, Wilbourne nói. Người đàn ông nhìn anh bằng đôi mắt đỏ ngầu. Anh đối diện với cái nhìn đó. “Tôi tốt nghiệp một trường đại học Y có tiếng. Chỉ thiếu vài tuần là tôi hoàn thành chương trình của bác sĩ thực tập tại bệnh viện - nơi có một...”

“Vậy là anh không muốn nhận việc làm này. Nó không xứng với bằng cấp của anh và, tôi dám nói, không xứng với những gì anh đáng được

hưởng. Chào nhé, chúc một ngày tốt lành.” Đôi mắt lạnh lùng của ông ta nhìn anh trừng trừng; anh không nhúc nhích. “Tôi nhắc lại, chúc buổi sáng tốt lành.”

“Tôi sẽ phải đưa cả vợ tôi đến đó”, Wilbourne nói.

Hai ngày sau con tàu chở họ rời ga lúc ba giờ sáng. Họ đợi McCord tại căn hộ nơi họ đã sống trong hai tháng mà chẳng để lại dấu vết gì ngoài những vết cháy xém do thuốc lá gây ra trên mặt bàn. “Thậm chí không có dấu vết của tình yêu”, anh nói. “Không có dấu vết của sự đồng điệu ngọt ngào và hoang dại, không có dấu vết của bàn chân trần háo hức và vội vã bước về phía giường ngủ trong ánh đèn mờ ảo, không có dấu vết của tấm chăn bị lật một cách nôn nóng. Chỉ có tiếng rên rỉ của đệm lò xo, và sự giải phóng tuyến tiền liệt của cuộc hôn nhân tưởng chừng như đã kéo dài mười năm. Thời gian qua chúng ta quá bận; chúng ta đã phải thuê và trả tiền thuê nhà cho hai con rô bốt.” McCord đến và họ xách hai chiếc túi mình đã mang theo khi rời New Orleans ra khỏi căn hộ, cùng chiếc máy chữ. Gã quản lý căn hộ cho thuê bắt tay cả ba người bọn họ và bày tỏ niềm nuối tiếc trước sự tan rã của những mối ràng buộc thú vị của người một nhà. “Chỉ hai chúng tôi đi thôi”, Wilbourne nói. “Và không ai trong chúng tôi là người ái nam ái nữ đâu.” Gã quản lý nháy mắt, nhưng chỉ duy nhất một lần.

“Ôi”, ông ta nói. “Chúc các bạn một chuyến đi thú vị. Các bạn đã gọi taxi chưa?” Họ đã có xe của McCord; họ ra xe trong ánh sáng dịu dịu, lấp lánh của bóng đèn nê-ông cuối cùng còn sáng và tiếng tắt đèn lách tách. Người khuân vác chuyển hai cái túi và chiếc máy chữ của họ cho người xếp hành lý trên tàu.

“Chúng ta vẫn còn thời gian để uống với nhau một ly đấy”, McCord nói.

“Anh và Harry uống với nhau đi”, Charlotte nói. “Tôi lên tàu ngủ một lát đây.” Cô bước tới, choàng tay ôm McCord trong khi mặt hướng lên cao. “Tạm biệt, Mac.” McCord cử động và hôn cô. Cô lùi lại rồi quay gót bước đi; hai người đàn ông nhìn cô bước lên tàu và mất hút. Ngay lúc đó, Wilbourne cảm nhận được rằng McCord biết anh ta sẽ không bao giờ còn gặp lại Charlotte nữa.

“Uống với nhau một ly nhé?”, McCord nói. Họ đi tới quán bar của nhà ga và tìm đến một chiếc bàn; khi họ ngồi xuống như bao nhiêu chiều đã ngồi với nhau trong khi đợi Charlotte, vẫn những khuôn mặt đỏ bừng bừng vì bia rượu, vẫn những chiếc áo trắng của những người hầu bàn và phục vụ ở quầy rượu, những chiếc ly lấp lánh được xếp trên giá, chỉ thiếu những bát rượu tỏa hơi và những nhánh cây trang trí cho Giáng Sinh (McCord nói Giáng Sinh là sự giải phóng khỏi đời trần tục của giai cấp tư sản, mùa mà thiên đường và trái đất hòa hợp làm một, ra chỉ dụ và đòi hỏi tất cả những người chồng, người cha phải ở bên trong chúng ta, dịp mà trước bệ thờ có hình dạng của một máng ăn cho gia súc được mạ vàng và người đàn ông bị trừng phạt có thể nằm úp sấp trong sự tôn sùng ủy mị trước câu chuyện cổ tích đã chinh phục thế giới phương Tây, khi mà trong bảy ngày, người giàu trở nên giàu hơn và người nghèo càng nghèo hơn trong sự xá tội: Sự làm mới của một tuần theo ước định để lại một trang trắng tinh khôi cho các ghi chép của xác thịt, và trong chốc lát, giống như một chú ngựa (“có ngựa”, McCord nói) đầy hãnh học và hận thù), người hầu bàn bước tới - cũng cái măng sét màu trắng, khuôn mặt của kẻ vô danh tiểu tốt này chẳng có nét nào đặc biệt. “Cho bia”, McCord nói. “Cậu uống gì?”

“Bia gừng”, Wilbourne đáp. “Gì cơ?”

“Tôi không uống rượu.” “Từ khi nào vậy?”

“Từ tối qua. Tôi không còn tiền để uống rượu nữa.” McCord nhìn anh.

“Khốn kiếp”, McCord nói. “Mang cho tôi một ly rượu rye.” Người hầu bàn lui gót. McCord vẫn nhìn Wilbourne trừng trừng. “Đồng ý với cậu”, anh ta nói, “Nghe này. Tôi hiểu đó không phải việc của mình nhưng vẫn muốn nói. Ở đây cậu vẫn có thể kiếm tiền, còn Charlotte có việc làm tốt, các cậu có một chỗ không đến nỗi nào để chui ra chui vào. Vậy mà bỗng nhiên cậu bỏ tất cả, giữa tháng Hai bắt Charlotte phải nghỉ việc đến sống ở một vùng mỏ, nơi không có đường xe lửa, không điện thoại, thậm chí không có một cái nhà vệ sinh hợp tiêu chuẩn, chỉ có một khoản lương...”

“Vì điều này. Vì lý do này mà chúng tôi chuyển đến đó. Tôi đã trở thành...”, anh bỏ lửng câu nói. Người hầu bàn đặt đồ uống lên bàn rồi đi ra.

Wilbourne nâng ly bia gừng lên.

“Hãy nâng cốc vì sự tự do.”

“Được”, McCord lau bầu. “Có lẽ cậu nên uống nhiều vào bởi tôi nghĩ còn lâu cậu mới lại được thưởng thức thứ đó. Cả nước ngọt, thậm chí soda nữa. Và có lẽ cậu sẽ phải chôn chân ở một nơi khó sống hơn nơi này. Bởi vì lão Callaghan đó rất thâm hiểm đấy. Tôi biết chút ít về hắn. Hắn là một con mèo rừng. Nếu sự thật về hắn được viết trên một tấm bia mộ thì đó sẽ không phải là văn bia đâu, mà là hồ sơ tội phạm.”

“Được rồi”, Wilbourne nói. “Vậy thì hãy nâng cốc vì tình yêu.” Có một chiếc đồng hồ được treo ở lối vào quầy bar, mặt đồng hồ được tạo theo kiểu rập khuôn đầy cảnh báo bí hiểm và vô cảm; anh còn đứng hai mươi phút. Mình chỉ mất hai phút để nói điều mình phải mất hai tháng mới phát hiện ra, anh nghĩ. “Tôi thực sự đã trở thành một người chồng”, anh nói. “Vì lý do ấy đấy. Tôi thậm chí không biết điều đó cho tới khi Charlote nói với tôi rằng cửa hàng đã đề nghị cô ấy ở lại làm việc đến hè. Thoạt đầu, tôi cứ phải thận trọng, phải luyện tập để có đủ tự tin thốt ra hai tiếng “vợ tôi” hoặc “bà Wilbourne”, sau đó phát hiện ra rằng mình đã e ngại không dám thốt ra hai tiếng đó trong suốt nhiều tháng; từ khi chúng tôi ở vùng hồ đó về, đã đôi lần tôi nghĩ ‘mình muốn vợ mình được hưởng những gì tốt nhất’ giống như một người chồng thực sự với chiếc phong bì trong đó có lương tháng được lĩnh vào ngày thứ Bảy, với căn nhà ở ngoại ô được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại giúp ích cho người vợ trong việc nội trợ, với tấm khăn phủ bàn bằng vải gai mịn óng ánh vào sáng Chủ nhật - buổi sáng của riêng anh miễn là anh không bị sa thải hoặc bị xe cán trong mười năm tới - kẻ tội đồ trước mọi đam mê và điếc đặc trước mọi hy vọng, thậm chí không hề biết trên đời có đam mê và hy vọng, không nhận thức được rằng trong bóng tối, sự mộng mị và nhạo báng đang chờ cơ hội để hủy diệt mình. Tôi thậm chí đã thôi không cảm thấy xấu hổ về cái cách mình kiếm tiền hay hối lỗi vì những mẩu truyện mình đã viết nữa, cũng như anh công nhân vệ sinh có căn nhà mua trả góp để vợ anh ta có thể có được điều kiện sống tốt nhất mà không cảm thấy xấu hổ về tấm thẻ nhân viên và cái thụt bồn cầu mà anh ta mang theo bên mình nữa. Thực ra, ngoài lý do viết để kiếm tiền, tôi đã trở

nên thích viết những mẩu truyện đó, giống như một thằng bé chưa bao giờ nhìn thấy băng phấn kích khi muốn đi trượt băng sau khi học được cách trượt. Còn nữa, sau khi bắt đầu viết những mẩu truyện đó, tôi hiểu ra rằng trước đó, mình đã không biết về nguồn gốc sâu xa của sự đồi bại mà con người có khả năng tạo ra, và đó chính là...”

“Cậu muốn nói nguồn gốc sâu xa của sự đồi bại là sự sung sướng”, McCord nói.

“... sự đứng đắn. Có lúc nghĩ lại, tôi phát hiện ra rằng sự lười nhác sản sinh ra tất cả những ưu điểm và phẩm chất dễ chịu nhất của chúng ta - trầm tư, điềm đạm, không hấp tấp, không quấy rầy người khác; khả năng tiêu hóa tốt của cả tinh thần và thể xác: Sự khôn ngoan để tập trung vào những thú vui phạm tục - ăn uống và vệ sinh, làm tình và tắm nắng - còn hơn là cách sống chẳng có gì thú vị, chẳng có ái tình, chẳng có gì khác trên đời này, chỉ sống một cuộc đời ngăn ngui với ý thức về sự ngăn ngui đó. Ô phải, cô ấy đã dạy tôi điều đó đấy. Nhưng tôi hiểu được nó một cách rõ ràng chỉ mới đây thôi, và sau đó đi đến một kết luận có tính logic, rằng chính những đức tính mà chúng ta gọi quan trọng - tiết kiệm, siêng năng, tự lập - đã sản sinh ra tất cả mọi thói xấu - cuồng tín, tự mãn, hay xía vào chuyện của người khác, sợ hãi, và tội tệ nhất là tính đứng đắn. Như chúng tôi chẳng hạn. Để mình (lần đầu tiên trong đời) trở thành người có khả năng thanh toán, để biết chắc chắn thức ăn cho ngày mai sẽ đến từ đâu (tiền, tiền, chết tiệt thật; ban đêm, chúng tôi nằm thao thức lập kế hoạch chi tiêu; đến mùa xuân chúng tôi sẽ mang theo nó trong túi áo), tôi đã thực sự trở thành kẻ tôi đòi và nô lệ của sự đứng đắn như bất kỳ...”

“Như bất kỳ ai trừ cô ấy”, McCord nói.

“Không. Nhưng cô ấy làm đàn ông tốt hơn tôi. Chính anh đã từng nói như vậy. Tôi muốn nói như bất cứ người nào phụ thuộc vào rượu và thuốc phiện rằng mình đã trở thành một bà nội trợ. Tôi đúng là một bà nội trợ, chỉ còn thiếu sự công nhận chính thức trên giấy tờ và thẻ an sinh xã hội mà thôi. Chúng tôi đã sống trong một căn hộ không phải kiểu nhà của người du mục, cũng chẳng phải một tổ uyên ương thu nhỏ, thậm chí không thuộc một phần của thành phố mà ở một khu dân sinh nơi quy chế và kiến trúc đều

cho thấy đó là chỗ ở dành cho những người có mức thu nhập cỡ năm nghìn đô la một năm. Tôi luôn bị đánh thức vào buổi sáng bởi tiếng ồn của những đứa trẻ đi lại trên đường phố; khi mùa xuân đến và các ô cửa sổ buộc phải mở thông thoáng, hầu như suốt ngày tôi phải nghe tiếng la hét đầy bực bội của những ả bảo mẫu người Thụy Điển theo gió vọng tới từ công viên và ngửi mùi nước tiểu của trẻ con. Tôi gọi đó là nhà, có một góc mà cả hai chúng tôi gọi là thư phòng; tôi thậm chí đã mua cái máy đánh chữ chết tiệt ấy - thứ mà trong hai mươi tám năm không có, thậm chí không cần biết đến sự tồn tại của nó, tôi vẫn xoay sở để sống được, một đồ vật quá nặng và cồng kềnh để mang theo, nhưng là thứ mà tôi không dám bỏ lại cũng như không dám bỏ...”

“Tôi thấy cậu vẫn mang nó theo đấy thôi”, McCord nói. “Tôi không dám bỏ hay bỏ lại cái thứ ấy... Đúng thế.

Lòng can đảm chính là mối hoài nghi đối với sự may mắn.

Nếu không, đó chẳng phải là lòng can đảm. Tôi không dám bỏ nó lại cũng như không dám bỏ lông mi của mình. Tôi đã tự trói chân tay mình bằng cái băng mực nhỏ xíu, hàng ngày thấy mình bị kẹt cứng như con gián vướng phải mạng nhện; mỗi buổi sáng, để vợ mình có thể đi làm đúng giờ, tôi cọ rửa ấm pha cà phê, bồn rửa và cứ hai tuần một lần (cũng vì lý do đó) tôi mua sườn lợn để tự chế biến vào ngày Chủ nhật từ chính cái cửa hàng chúng tôi thường mua rau củ; chúng tôi mặc và cởi đồ lót trước mặt nhau, tắt đèn trước khi làm tình. Thế đấy. Không phải chí hướng quyết định nghề nghiệp của chúng ta đâu, chính sự đứng đắn tạo ra những người chữa bệnh bằng phương pháp nắn khớp xương, những nhân viên bán hàng, những người dán áp phích quảng cáo, những người lái xe điện và những kẻ viết truyện giật gân.” Trong quán bar có một cái loa phát thanh; lúc này một giọng nói không rõ từ đâu gào lên một câu mà trong đó có một từ được nhấn mạnh vài lần - từ “tàu”, rồi hai hoặc ba giây sau, người nghe nhận ra các từ khác mà cái loa đó phát ra là tên của các thành phố xa xôi nào đó nằm rải rác trên lục địa phố chỉ được nghe tên hơn là nhìn thấy, cứ như thể người nghe (giọng nói trong loa quá to) đang bị treo lơ lửng trong vũ trụ, nhìn quả địa cầu quay chậm chậm thoát ẩn thoát hiện để lộ ra các phần của



thiên cầu lấp ló, rồi lại giấu những phần đó vào mây sương trước khi nhãn quan và nhận thức có thể nắm bắt chúng. Anh lại nhìn đồng hồ; anh vẫn còn mười bốn phút nữa. Mười bốn phút để cố nói những gì mà mình đã nói rồi, chỉ gói gọn trong vài từ, anh nghĩ.

“Nghe này, tôi thích. Tôi chưa bao giờ phủ nhận điều đó. Tôi thích. Tôi thích đồng tiền mình làm ra. Tôi thậm chí thích cái cách mình làm ra tiền cũng như thứ mình tạo nên, như tôi đã nói với anh. Không phải vì một hôm tôi ý thức được rằng mình đang nghĩ, ‘Vợ mình phải có được những gì tốt nhất’, mà bởi phát hiện ra mình đang lo sợ. Đồng thời tôi nhận ra rằng mình vẫn sẽ lo sợ, cho dù làm gì chẳng nữa, rằng chừng nào cô ấy còn sống hoặc chừng nào còn sống, tôi vẫn sẽ lo sợ.”

“Bây giờ cậu vẫn còn lo sợ ư?”

“Đúng vậy. Và không phải tôi lo sợ về vấn đề tiền bạc.

Tiền bạc, cái thứ chết tiệt đó. Tôi có thể kiếm đủ số tiền chúng tôi cần; chắc chắn không có giới hạn trong việc tôi sáng tạo ra những mẫu truyện về vấn đề tình dục của phụ nữ. Không phải tôi lo sợ về vấn đề tiền bạc, cũng chẳng phải về Utah đâu. Tôi muốn nói tôi lo sợ về chính bản thân chúng tôi kia. Về tình yêu. Bởi vì tình yêu không thể tồn tại mãi được. Không có chỗ cho tình yêu trong thế giới ngày nay, thậm chí ở Utah cũng không. Chúng ta đã giết chết nó rồi. Chúng ta đã mất một thời gian dài để làm điều đó, nhưng con người rất giỏi, có khả năng sáng tạo vô hạn nên cuối cùng chúng ta đã tống khứ tình yêu giống như tống tiễn lễ Giáng Sinh vậy. Chúng ta có radio thay cho giọng nói của Chúa và thay vì chắt chiu tiền bạc có liên quan với chúng ta về mặt cảm xúc trong nhiều tháng, nhiều năm cho một cơ hội dùng toàn bộ tiền vì tình yêu, giờ đây chúng ta có thể dàn mỏng nó ra thành những đồng xu và tự kích thích mình trước bất cứ quầy bán báo nào để có được cảm giác thỏa mãn nhất thời giống như cảm giác mà những chiếc kẹo cao su hoặc những thanh sô cô la từ máy bán hàng tự động có thể mang lại. Nếu hôm nay, Chúa Jesus tái thế thì chúng ta sẽ phải mau chóng đóng đinh câu rút Ngài trong sự phòng thủ, để biện minh và bảo vệ cho công cuộc văn minh hóa mà trong hai nghìn năm chúng ta đã lao động, chịu đựng khổ đau rồi chết trong cơn thét gào và nguyên rủa vì cuồng nộ, bất lực và kinh

hoàng đế tiến hành và hoàn thiện theo trí tưởng tượng của con người; nếu thần Vệ Nữ được tái sinh, thì thần sẽ là một người đàn ông bản thủ trong một nhà vệ sinh thuộc hệ thống tàu điện ngầm cầm trong tay cả năm bưu thiếp của Pháp...” McCord xoay người trên ghế ngồi và gọi người phục vụ bằng một cử chỉ thể hiện cơn quá khích được kìm nén. Người phục vụ xuất hiện, McCord chỉ tay vào ly của mình. Một lát sau, anh ta đã rót đầy rượu vào chiếc ly của McCord và biến khỏi đó.

“Được rồi”, McCord nói. “Vậy thì đã sao nào?”

“Tôi đã ở ngoài quỹ đạo của thời gian. Chuyện bắt đầu từ cái đêm ở New Orleans khi tôi nói với cô ấy rằng tôi có một nghìn hai trăm đô la, và số tiền đó đã giúp chúng tôi tồn tại cho đến cái đêm cô ấy cho tôi biết cửa hàng sẽ giữ cô ấy lại làm việc. Tôi vẫn gắn với thời gian, dựa vào nó trong không gian giống như anh gắn với nó, dựa vào nó từ khi cái không phải anh trở thành anh, và anh vẫn sẽ như vậy cho đến khi cái không anh kết thúc thông qua phương tiện mà bản thân anh từng dựa vào - đó là sự vĩnh hằng - nhưng chỉ dựa vào nó thôi, không truyền xung thần kinh, giống như con chim sẻ có khả năng đứng được trên đường dây điện cao thế nhờ đôi chân không dẫn điện, chỉ dựa vào dòng thời gian chạy qua trí nhớ - điều mà chỉ tồn tại trong mối liên quan với dữ kiện trực tiếp của ý thức và hiện tại mà chúng ta biết (tôi cũng đã hiểu ra điều đó), ngoài ra thời gian không tồn tại. Anh biết đấy: Tôi không phải là quá khứ. Tôi là hiện tại, tôi sống, cảm nhận và chỉ khi đó thời gian mới bắt đầu tồn tại, có ý nghĩa, là quá khứ, là tương lai. Khi tôi là quá khứ, không sống và không phải là hiện tại, thời gian không tồn tại [22]. Cũng giống như khoảnh khắc ngừng ngửi của trình tiết vậy: Trình tiết là trạng thái thực ra không tồn tại ngoại trừ trong cái khoảnh khắc anh biết anh mình mất trình; với tôi, trạng thái đó tồn tại lâu như vậy bởi tôi quá già, đã đợi quá lâu; hai mươi bảy năm là sự chờ đợi quá lâu để tổng ra khỏi hệ thống cơ thể của anh thứ mà anh nên tổng ra từ lúc mười bốn, mười lăm tuổi hoặc thậm chí nhỏ hơn - cuộc sờ soạn cuống cuồng của hai kẻ non nớt thở hỗn hển ở bậc cửa hoặc trong một vựa cỏ khô vào giữa trưa. Anh hãy nhớ điều này: Vách núi dựng đứng và tăm tối; cả nhân

loại, ai cũng tiến về phía vách núi đó, chỉ là đến trước, hoặc sau anh mà thôi, nhưng điều đó chẳng có nghĩa gì với anh cả bởi vì người khác không thể cảnh báo hay nói cho anh biết phải làm gì để sống sót. Đó là hành trình cô độc. Anh phải thực hiện hành trình đó trong cô độc và có thể chịu đựng được sự cô độc khủng khiếp đó mà vẫn sống, giống như điện ấy. Và trong một hoặc hai giây, anh sẽ hoàn toàn cô độc: Chẳng phải trước đó anh đã cô độc và sau đó không cô độc mà bởi vì anh chưa bao giờ cô độc; dù trước hay sau đó anh cũng được an toàn và có bầu bạn trong sự ẩn danh rồi rằm không thể lần dò ra được: Cát bụi sinh ra từ cát bụi; cái gì sinh ra từ đất rồi thì cũng trở về với đất thôi. Nhưng anh sắp cô độc rồi, anh buộc phải cô độc, anh biết điều đó, cái gì đến sẽ phải đến; anh kết bạn với con vật mà anh cười trong suốt cuộc đời, một con ngựa già quen thuộc, để tiến lên cái vách núi dựng đứng đó...”

“Có giống ngựa chết tiệt đó cơ đấy”, McCord nói. “Tôi đang đợi nó đây. Cậu đang cường điệu và phân tích quá kỹ mọi chuyện. Không phải chúng ta đang nói chuyện mà là đang lên mặt dạy dỗ nhau giống như hai mục sư truyền giáo lưu động cùng đi trong một con hẻm.”

“... có thể anh luôn nghĩ rằng mình có thể kiềm chế khi cần, có thể cứu vãn được điều gì đó, cũng có thể không, nhưng rồi anh biết mình không thể, lúc nào cũng hiểu rõ mình không thể và không thể; anh là sự xác nhận bỏ đạo cũng như khẳng định vững chắc duy nhất trong nỗi kinh hoàng mà qua đó anh từ bỏ ý chí, hy vọng, từ bỏ tất cả - bóng tối, sự rơi ngã, tiếng sấm của nỗi cô độc, cơn choáng váng và cái chết - thời điểm khi bị chặn lại bởi khối đất sét có trọng lượng [23], anh cảm thấy toàn bộ nhựa sống chảy ra khỏi mình và đổ dồn vào cái tử cung để tiếp nhận không thể nhìn thấy, cái nền chất lỏng ấm nóng khó nhận biết - cái hệ thống hầm mộ - tử cung hay tử cung - hầm mộ chỉ là một mà thôi. Nhưng rồi anh trở lại trạng thái bình thường: Hẳn là anh luôn biết khi trở lại trạng thái bình thường, anh có thể sống một cuộc đời bảy mươi năm hoặc đại khái thế, nhưng mãi mãi về sau anh sẽ biết rằng mình đã mất đi một khoảng thời gian nhất định, một hoặc hai giây tồn tại trong không gian, chứ không phải trong quỹ đạo thời

gian, rằng chẳng phải anh sống bảy mươi năm như người ta đã quy cho anh mà một ngày nào đó anh sẽ phải tính lại - là sáu mươi chín năm ba trăm sáu mươi tư ngày hai mươi ba giờ năm mươi tám...”

“Lạy Chúa”, McCord nói. “Lạy các tiểu thiên sứ. Nếu không may tôi có một đứa con trai, thì vào ngày sinh nhật lần thứ mười của thằng bé tôi sẽ dẫn nó đến một nhà thổ sạch sẽ và thú vị.”

“Đó là những gì đã xảy ra với tôi đấy”, Wilbourne nói. “Tôi đã đợi quá lâu. Hai giây ở tuổi mười bốn hoặc mười lăm bằng tám tháng ở tuổi hai mươi bảy. Tôi đã nằm ngoài quỹ đạo thời gian, bên cái hồ ở Wisconsin với chín đô la hai mươi xu thực phẩm, chúng tôi gần như đã hết cái ăn và sắp chết đói. Tôi nghĩ mình đã vượt qua được. Tôi tin rằng mình đã tỉnh táo lại đúng lúc và vượt qua được; chúng tôi trở về đây và cứ nghĩ mình đã chiến thắng cho đến đêm trước Giáng Sinh khi Charlotte nói với tôi rằng cửa hiệu đó muốn giữ cô ấy lại làm việc, tôi liền hiểu ra tình trạng của hai đứa rằng cái đói chẳng là gì cả, nó không gây ra chuyện gì hết ngoài việc giết chết chúng ta, trong khi điều này còn tồi tệ hơn cả cái chết hoặc sự chia lìa: Đó là lãng mộ của tình yêu, cái linh cứu hồi thối của xác chết giữa những hình hài di động không có cơ quan khứu giác của xác thịt lâu đời với đòi hỏi gay gắt, không có cảm giác và bất tử.” Những cái loa phóng thanh lại đồng thời phát ra tiếng nói oang oang; đúng lúc đó người hầu bàn xuất hiện và McCord thanh toán tiền. “Vậy nên tôi lo sợ”, Wilbourne nói. “Dạo đó, khi còn ở vùng hồ ấy, tôi không lo sợ bởi vì tôi ở ngoài thời gian, nhưng bây giờ tôi đã nhận thức được và tôi đã biết lo sợ, ơn Chúa. Bởi vì cái năm 1938 sau Công nguyên này không còn chỗ cho tình yêu nữa. Người đời sử dụng đồng tiền để chống lại tôi trong khi tôi đang ngủ bởi vì tôi dễ bị đồng tiền làm tổn thương. Sau đó tôi thức dậy, kiểm soát vấn đề tài chính và nghĩ mình có thể chiến thắng họ cho tới tối hôm phát hiện ra rằng người đời đã lấy sự đứng đắn để chơi tôi và cái đó còn khó chống đỡ hơn cả tiền. Bây giờ thì tôi không dễ bị tổn thương bởi tiền bạc hay sự đứng đắn nữa, vậy nên người đời sẽ phải tìm thứ gì đó khác để buộc chúng tôi phải thích nghi với cái kiểu sống của con người mà giờ đây đã tiến hóa đến mức có thể tồn tại mà không cần tình yêu - thích nghi hoặc là chết.”

Họ đi vào khu vực có mái che dành cho tàu hỏa - nơi âm đạm như một cái hang luôn có điện và không biết đến ánh sáng tự nhiên, ngày cũng như đêm chỉ có ánh đèn vàng vọt của mùa đông giữa những làn khói của động cơ; ở đó có một hàng dài những toa xe lửa đen thui dường như đứng ngập sâu, bị vùi và gắn vĩnh viễn vào nền xi măng. Họ đi qua những bức tường bằng kim loại đen nhem, các dãy phòng ngủ nhỏ như những chiếc hộp đầy tiếng ngáy, để đến toa tàu có hành lang. “Vậy nên tôi lo sợ. Bởi vì người đời tinh ranh, xảo quyệt, họ sẽ vẫn tinh ranh và xảo quyệt như vốn có; nếu để chúng tôi chiến thắng họ, họ cảm thấy như vậy chẳng khác nào việc để mặc cho một vụ giết người hoặc trộm cướp xảy ra. Tất nhiên chúng tôi không thể chiến thắng họ; tất nhiên chúng tôi thất bại; đó là lý do tại sao tôi lo sợ. Không phải là tôi lo sợ cho bản thân; anh có nhớ cái đêm ở bên hồ, anh đã nói với tôi rằng một bà già được một cảnh sát hoặc một cậu hướng đạo sinh dắt qua đường, và rằng khi một chiếc xe do một kẻ say rượu lái chạy đến thì không phải là bà già, mà là...”

“Nhưng tại sao hai người lại phải đi Utah giữa tháng Hai để chiến thắng các quan niệm xã hội chứ? Và nếu không thể đánh bại những quan niệm đó thì tại sao cậu lại phải đi Utah chứ?”

“Bởi vì tôi...” Hơi nước cùng không khí phát ra những tiếng xì xì phía sau họ như một tiếng thở dài; người khuân vác, cũng giống như người hầu bàn, không biết từ đâu bất ngờ xuất hiện.

“Nào, các ông”, anh ta nói. “Chúng ta đi thôi.” Wilbourne và McCord bắt tay nhau. “Có thể tôi sẽ viết thư cho anh”, Wilbourne nói. “Charlotte có thể sẽ viết thư cho anh. Cô ấy làm một quý ông lịch sự tốt hơn tôi.” Anh bước vào trong toa tàu rồi quay đầu lại, người khuân vác ở phía sau anh, tay anh ta đặt trên nắm cửa trong lúc chờ đợi; anh và McCord nhìn nhau, trao đổi hai lời nói lặng thầm, mỗi người đều biết rằng họ sẽ không nói thành lời: Tôi sẽ không bao giờ gặp lại anh nữa và Không. Anh sẽ không bao giờ gặp lại chúng tôi nữa. “Bởi vì những con quạ và chim sẻ bị bắn rơi khỏi cành cây, chết đuối trong cơn lũ hoặc bị giết bởi các cơn bão và hỏa hoạn, chứ không phải bởi những con điều hâu. Và có lẽ tôi có thể là chồng của một con chim ưng, dù tôi là một con quạ.” Tàu dồn toa và bắt đầu di

chuyển, các toa nối đuôi nhau chạy phía dưới chân anh. “Và có một điều tôi tự nhủ trong thời gian ở vùng hồ đó”, anh nói. “Rằng có gì đó trong tôi mách bảo rằng cô ấy không phải là người tình mà là mẹ. Tôi đã đi xa thêm một bước rồi đấy.” Tàu chuyển động, anh nghiêng người ra ngoài, McCord cũng bắt đầu chạy để bắt kịp anh. “Rằng có điều gì đó trong tôi nói với tôi rằng anh và cô ấy là cha mẹ. Hãy chúc tôi may mắn đi.”

“Hãy nhận sự nguyên rủa của tôi thì có”, McCord nói.

# ÔNG GIÀ

Đúng như lời khai của tù nhân có dáng người thấp đậm, khi ngoi lên khỏi mặt nước, tù nhân có dáng người cao vẫn cầm trong tay cái mà hẳn gọi là mái chèo. Hẳn giữ chặt vật đó không phải để phòng trường hợp trèo được lên thuyền và sẽ dùng đến nó, mà bởi hẳn không tin mình có thể trở lại thuyền hoặc có được gì khác để bám víu và cũng chẳng có thời gian để nghĩ đến việc buông mái chèo. Mọi chuyện diễn ra quá nhanh với hẳn. Hẳn không được cảnh báo khi cảm thấy cú giật đầu tiên của dòng nước xoáy, hẳn đã nhìn thấy chiếc thuyền bắt đầu xoay tròn và người đồng hành của mình biến mất thật đột ngột và dữ dội, sau đó chính hẳn cũng bị cuốn theo dòng xoáy, vật lộn với cái mái chèo - vật mà hẳn không ý thức được rằng mình vẫn đang cầm trong tay, và hẳn cố ngoi lên mặt nước, bám lấy chiếc thuyền đang xoay tròn - chiếc thuyền mà mới phút trước còn cách xa hẳn chừng mười bước chân, phút sau đã ở ngay phía trên đầu như thể sắp đập vỡ sọ hẳn, cho đến khi bám được vào đuôi thuyền; hẳn cứ bám nhằng nhằng lấy chỗ đó, trở thành bánh lái của chiếc thuyền, hai đối tượng - hẳn và chiếc thuyền với mái chèo thẳng đứng ở phía trên trông giống như một cột buồm - biến mất khỏi tầm nhìn của tù nhân có dáng người thấp đậm (người đã biến mất khỏi tầm nhìn của tù nhân có dáng người cao cũng trong chớp mắt nhưng theo chiều thẳng đứng) như một con rối bị giật khỏi sân khấu một cách thô bạo với tốc độ nhanh đến khó tin.

Giờ đây, hẳn đang ở nơi từng là một con kênh, một nhánh sông cạn mà có lẽ từ khi lục địa này được hình thành cho đến trước ngày hôm qua vẫn chưa có nước chảy thành dòng. Bây giờ kênh đầy ắp nước; từ đuôi thuyền, hẳn dường như thấy cây cối và bầu trời đang lướt qua mình với tốc độ chóng mặt và nhìn xuống hẳn giữa những khối màu vàng lạnh lẽo trong nỗi ngạc nhiên đầy đau thương và sầu thảm. Nhưng bầu trời và cây cối được



một thứ gì đó cố định và giữ an toàn; hẳn nghĩ đến thứ ấy trong một thoáng phần nộ đầy tuyệt vọng, hẳn nhớ ra rằng đất - thứ nằm ở đâu đó phía dưới hẳn - ở ngoài phạm vi mà bàn chân hẳn có thể chạm tới, cố định và có được nền móng chắc chắn, được mồ hôi lao động của nhiều thế hệ làm vững chãi đến vĩnh viễn; hẳn đang nghĩ như vậy thì một lần nữa, không báo trước, đuôi thuyền lại đập vào sóng mũi hẳn một cú gây choáng váng. Bản năng đã khiến hẳn bám vào đuôi thuyền giờ đây lại khiến hẳn quẳng mái chèo lên thuyền để bám lấy mép thuyền bằng cả hai tay khi chiếc thuyền lại điên cuồng xoay tròn theo vòng xoáy của nước. Bám cả hai tay vào mép thuyền, hẳn trườn lên đuôi thuyền, nắm úp sấp, mặt nhoe nhoét máu và nước, hẳn thở hổn hển, không phải vì kiệt sức mà vì phần nộ - hậu quả của nỗi kinh hoàng.

Nhưng hẳn phải tỉnh dậy ngay lập tức vì tin rằng mình đã đi quá nhanh (và quá xa). Vậy là hẳn gượng dậy từ tư thế nằm úp mặt trên mái chèo dính máu và ướt rượt, người hẳn cũng ướt đẫm, chiếc quần may bằng vải bông chéo sũng nước nặng như đeo đá trên người hẳn, tóc ở phía sau đầu dính bết vào sọ hẳn, nước lẫn máu chảy thành vệt trên áo hẳn, rồi hẳn vừa vội vàng vừa thận trọng đưa cẳng tay lên quệt ngang mặt rồi liếc nhìn cẳng tay và vội chộp lấy mái chèo, bắt đầu cố điều khiển chiếc thuyền theo hướng ngược dòng. Hẳn thậm chí không chột nghĩ hay biết bạn đồng hành của mình đang ở đâu, ở trên cái cây nào trong số những cái cây hẳn đã hoặc có thể đã lướt qua. Hẳn thậm chí không suy nghĩ về điều đó bởi hẳn biết chắc chắn rằng người kia đang trôi theo hướng ngược dòng với mình, và sau trải nghiệm vừa rồi, hẳn biết rằng thuật ngữ “ngược dòng” tàng ẩn ý nghĩa của sự ác liệt, sức mạnh và tốc độ mà ý niệm về nó là điều mà trí thông minh và lý trí của hẳn từ chối nắm bắt, giống như ý niệm về một viên đạn súng trường trước một cánh đồng trống bông rộng mênh mông.

Mũi thuyền bắt đầu quay ngoắt lại theo hướng ngược với dòng chảy của con sông. Nó quay nhanh đến nỗi trong khoảnh khắc kinh hãi và phần nộ, hẳn không kịp nhận ra nó đã quay dễ dàng đến mức nào theo hình cánh cung và một bên mạn thuyền đã nắm sát mép của vùng nước xoáy, lại bắt đầu xoay tròn một cách dữ dội trong khi hẳn ngồi đó, răng nhe ra trên

khuôn mặt rỉ máu, hai cánh tay bện rện cầm mái chèo đập lia lịa xuống mặt nước - cái phương tiện có vẻ vô hại đã một lần khiến hấn bị quấn trong những nếp cuộn chuyển động rắn như thép tựa một con rắn anaconda đang dườn như không có chút chống cự nào trước sự thúc bách của hấn và nhu cầu về không khí, hoặc thứ na ná như không khí: Chiếc thuyền từng đe dọa hấn đã thực sự đập vào mặt hấn một cách dữ dội gây choáng váng, chẳng khác gì cú đá bằng móng guốc của một con la, giờ đây dường như nằm nhẹ tênh như vật không trọng lượng trên vùng nước xoáy tựa một bông hoa kế, xoay tròn như chong chóng trong khi hấn đập mái chèo xuống nước, nghĩ và mừng tượng đến sự an toàn của người bạn đồng hành chẳng phải động chân động tay và sự thoải mái của người mà hấn được phái đi cứu đang ở trên cây chẳng biết làm gì ngoài chờ đợi, nghĩ ngợi trong cơn giận dữ đầy sợ hãi và bất lực trước tính độc đoán của con người đã đẩy một kẻ lên cây để hưởng an toàn và đẩy một kẻ khác lên chiếc xuồng điên cuồng không thể điều khiển nổi bởi nó biết chắc rằng hấn, một trong hai kẻ được phái đi, sẽ cố gắng quay trở lại để cứu người bạn đồng hành của mình.

Chiếc thuyền đã xoay ngược và bây giờ lại trôi vào dòng nước xoáy. Dường như nó lại chuyển phắt từ trạng thái bất động sang chuyển động với tốc độ chóng mặt, và hấn nghĩ mình chắc hấn đã trôi xa, cách chỗ người bạn đồng hành nhiều dặm, mặc dù thực ra hấn đã cua một vòng tròn lớn từ khi trở lại thuyền và cái vật (một đám cây bách đang bị những đoạn gỗ và củi rêu của cơn lũ vây quanh) mà chiếc thuyền giờ đây sắp sửa đâm vào chính là vật mà lúc trước nó đã đâm phải trước lúc đập đuôi vào mặt hấn. Hấn không biết điều ấy vì chỉ chăm chăm nhìn vào mũi thuyền mà chẳng nhìn lên cao hơn. Bây giờ hấn cũng không làm vậy và chỉ nhận thấy rằng mình sắp sửa đâm vào cái gì đó; hấn dường như cảm thấy sự ngoan cố hết sức hoang dã và nguy hiểm, đầy hân hoan và háo hức không thể sửa chữa được như một dòng điện chạy qua kết cấu vô tri của chiếc thuyền; và hấn - kẻ không ngừng đập mái chèo xuống mặt nước xảo quyệt và buồn tẻ, với những gì mà hấn tin là giới hạn của sức lực, sự dự trữ cuối cùng - đã huy động mẫu cuối cùng của sức chịu đựng cùng ý chí để tiếp tục đập mái chèo trước khoảnh khắc cú va đập xảy ra, hoàn thành việc đẩy và tỉnh lại

trong phản xạ dữ dội của bản năng, như một người đàn ông trượt trên băng đưa tay giữ mũ với túi đựng tiền của anh ta, khi chiếc thuyền đâm vào bụi cây và một lần nữa khiến hắn đập mặt xuống đáy thuyền.

Lần này, hắn không gượng dậy ngay tức khắc. Hắn nằm úp mặt, hầu như duỗi thẳng tay trong tư thế gần như thả lỏng - một kiểu thiên bất đắc dĩ. Hắn biết dù thế nào mình vẫn phải gượng dậy, giống như trong cuộc sống sớm muộn gì con người ta cũng phải đứng lên và rồi sau một thời gian, sớm muộn gì sẽ lại nằm xuống. Và hắn không hẳn đã mệt lử hay hết hy vọng, cũng chẳng phải sợ gượng dậy. Đối với hắn, chuyện đơn giản chỉ là tình cờ rơi vào một hoàn cảnh mà khi đó thời gian và môi trường, chứ không phải bản thân, bị thôi miên; hắn đang bị một dòng nước chảy tới đâu chẳng rõ dùng làm đồ chơi trong một ngày dần tàn lụi về điểm không có buổi tối; khi kết thúc trò chơi với hắn, nó sẽ phun hắn trở lại thế giới khá an toàn nơi hắn bị giật khỏi và trong thời gian đó, nó chẳng thêm quan tâm hắn đã làm gì hoặc không làm gì. Vậy nên hắn nằm úp mặt, giờ đây không chỉ cảm thấy mà còn nghe được tiếng ào ạt của luồng nước bên dưới ván thuyền. Rồi hắn ngẩng đầu lên và lần này khẽ đưa tay sờ lên mặt, sau đó giống như lần trước, hắn lại nhìn máu dính trong lòng bàn tay, thế là hắn ngồi dậy trong tư thế quỳ, cúi xuống mạn thuyền và hỉ ra một cục máu; khi hắn đang lau tay vào quần thì một giọng nói khe khẽ vang lên từ đâu đó trên cao: “Phải mất một lúc anh mới dậy được đấy”, và hắn - kẻ mà vào lúc đó chẳng có lý do cũng như thời gian để ngược mắt lên bất cứ điểm nào cao hơn mạn thuyền - đã nhìn lên và thấy một người đàn bà ngồi trên chạc cây đang nhìn mình. Cô ta ở cách hắn chưa tới mười feet, đang ngồi trên chạc thấp nhất của một trong những cái cây đã làm hắn bị mắc kẹt, mặc chiếc áo choàng rộng in hoa và chiếc áo nhà binh của lính trơn, đội mũ che nắng; đó là một người đàn bà hắn thậm chí không buồn nhìn kỹ bởi cái liếc nhìn đầu tiên gây giật mình đã quá đủ để nói với hắn về mọi giai đoạn trong cuộc đời và gốc gác của cô ta - người có thể đã là em gái của hắn nếu hắn có em gái, là vợ của hắn nếu hắn không phải vào tù ở giai đoạn giữa niên thiếu và thanh xuân khi mà chỉ thêm vài tuổi nữa hắn sẽ trở thành một người đàn ông sung mãn để lập gia đình; người đàn bà đó ngồi bám chặt lấy thân cây, đôi chân

không đi tất mang giày lao động cao gót của đàn ông không buộc dây cách mặt nước không đến một thước, cô ta có khả năng là em gái của người nào đó và chắc chắn (hoặc đáng ra phải là) vợ của ai đó, hẳn biết vậy mặc dù hẳn phải vào tù khi còn quá trẻ để có đủ trải nghiệm về phụ nữ và phát hiện thêm điều gì đó về người mà mình vừa mới nhìn thấy. “Trong một phút, tôi đã nghĩ rằng anh sẽ không quay lại cơ đấy.”

“Quay lại ư?”

“Sau lần đầu tiên. Sau khi anh đâm vào cái bụi cây này lần thứ nhất, trở lại thuyền và chèo đi.” Hẳn nhìn quanh và lại đưa tay khẽ sờ lên mặt mình; thật kỳ lạ khi hẳn lại ở đúng cái chỗ mà lúc trước bị chiếc thuyền đập vào mặt.

“Đúng vậy”, hẳn nói. “Dẫu sao bây giờ tôi cũng đang ở đây.”

“Anh có thể chèo thuyền lại gần đây hơn một chút được không? Tôi đứng dậy hơi khó; có lẽ tôi nên...” Hẳn không chú ý nghe những gì người đàn bà nói vì vừa phát hiện ra rằng mái chèo của mình đã biến mất; lần này khi bị chiếc thuyền ném về phía trước, hẳn đã làm văng mái chèo, không phải văng vào lòng thuyền mà văng ra khỏi thuyền. “Nó ở trên ngọn của đám cây này này”, người đàn bà nói. “Anh có thể lấy nó xuống. Đây. Hãy bắt lấy cái dây leo này.” Đó là một cây nho leo trên cái cây thân gỗ và bị nước lũ làm bật rễ. Người đàn bà đã quấn một vòng cây nho này quanh người; và bây giờ cô ta đang gỡ nó ra rồi quăng về phía hẳn cho tới khi hẳn bắt được. Cầm một đầu của dây nho, hẳn kéo thuyền vòng qua phía cuối của bụi cây, lấy mái chèo xuống và kéo thuyền đến phía dưới một cành cây to rồi buộc thuyền vào đó; và bây giờ hẳn nhận thấy người đàn bà đang cựa quậy, cố nhắc mình lên với vẻ nặng nề, cẩn trọng để tụt xuống khỏi chạc cây - vẻ nặng nề không thể hiện nỗi đau đớn mà chỉ cho thấy sự cẩn thận hết mức, còn vẻ lúng túng chẳng bổ sung gì vào toàn bộ nỗi kinh ngạc thoát đầu có thể được gọi là thất kinh - thứ đã sẵn sàng cho linh cữu của một giấc mơ bất khả chiến bại vì thậm chí trong cảnh tù đày, hẳn vẫn cứ tiếp tục (và thậm chí với niềm khao khát xưa cũ, mặc dù chúng đã khiến hẳn bại hoại) bí mật đọc ngẫu nhiên những truyện huyền tưởng in trên các tạp chí giật gân bị kiểm duyệt và được đưa lậu vào nhà tù theo cách bí mật không kém,

và ai mà biết được khi cùng với bạn đồng hành bước lên chiếc thuyền này, hẳn lại không mơ đến việc giải cứu Helen, hoặc Garbo ở ngoài đời thực [24] khỏi đỉnh tháp chót vót hay hang rỗng hiem trở. Hẳn nhìn người đàn bà, không có một nỗ lực nào khác để giúp cô ta ngoài việc giữ cho chiếc thuyền thăng bằng trong khi cô ta di chuyển từ chạc cây xuống; hẳn nhìn toàn bộ cơ thể ấy, cái bụng to làm phùng cả áo, bị treo lơ lửng bởi hai cánh tay, thầm nghĩ: Đây là những gì mình vớ được đây. Trong toàn bộ cái gọi là thế giới đàn bà, đây là những gì mình buộc phải dính líu trên một chiếc thuyền đây.

“Cái nhà trang trại đó ở đâu?”, hẳn hỏi. “Nhà trang trại ư?”

“Cái nhà có người ở trên mái ấy. Người còn lại ấy.” “Tôi không biết. Ở quanh đây có vô số nhà trang trại.

Với đầy người trên mái nhà, tôi nghĩ vậy.” Người đàn bà nhìn hẳn chăm chú. “Anh bị chảy nhiều máu quá”, cô ta nói. “Anh trông như một tù nhân.”

“Đúng vậy”, hẳn làu bàu. “Tôi cảm thấy như thể mình đã bị treo cổ rồi ấy. Thôi, tôi phải cầm mái chèo lên và tìm cái nhà trang trại đó ngay thôi.” Hẳn nhổ neo. Nói đúng hơn, hẳn tháo cái dây nho buộc thuyền. Đó là tất cả những gì hẳn phải làm, mặc dù lúc ấy mũi thuyền ghéch lên trên một đám gỗ bị mắc kẹt và hẳn thì giữ thuyền bằng cái dây nho trong vùng nước phía sau đám gỗ, hẳn cảm thấy tiếng âm ì đều đều và không ngừng nghỉ, năng lượng của nước ở phía ngoài những tấm ván thuyền ọp ẹp mà mình đang ngồi xồm bên trên lập tức cướp lấy quyền điều khiển chiếc thuyền, không phải bằng cú giật mạnh mà bằng một loạt những cái chạm nhẹ, ngập ngừng như mèo vờn ngay khi hẳn tháo cái dây nho ra; giờ đây hẳn hiểu mình đã ấp ủ một niềm hy vọng thiếu cơ sở rằng trọng lượng bổ sung có thể giúp hẳn dễ điều khiển chiếc thuyền hơn. Trong một hoặc hai phút đầu tiên, hẳn nuôi niềm tin điên rồ (và cũng thiếu cơ sở) rằng có thêm người đàn bà chiếc thuyền sẽ bớt chòng chành; hẳn đã điều khiển con thuyền ngược dòng nước và cố xoay xử để duy trì việc đó, rồi bằng sự ráng sức đầy sợ hãi, hẳn tiếp tục xoay xử được thậm chí cả sau khi phát hiện ra rằng thuyền đang trôi

nhưng đuôi của nó lại ở phía trước và bằng cách nào đó vẫn tiếp tục lướt đi dù mũi thuyền bắt đầu rệu rã, lắc lư: Giờ đây hẳn biết cách chống lại sự chuyển động không thể cưỡng lại được để có thể giữ mũi thuyền ở hướng xuôi dòng với hy vọng tận dụng đà của chính chiếc thuyền để đẩy nó đi theo vòng tròn rồi sau đó theo hướng ngược dòng; chiếc thuyền chuyển động từ mạn thuyền, sau đó đến mũi thuyền rồi lại đến mạn thuyền, trôi từ bên này sang bên kia con kênh, tiến về phía những cái cây mọc như một bức tường bị ngập nước khác; thế rồi con thuyền bắt đầu lướt đi với tốc độ đáng sợ, họ đang ở trong một vùng nước xoáy mà không hề hay biết, hẳn còn chẳng có thời gian để rút ra kết luận, thậm chí không kịp kinh ngạc; hẳn cúi rạp người, răng nhe ra trên khuôn mặt sưng vù bê bết máu, phổi muốn nổ tung trong khi khua mái chèo tới tấp và bị những cái cây rũ xuống đầu. Chiếc thuyền bị va đập, quay tròn, rồi lại va đập; người đàn bà nửa nằm nửa ngồi phía mũi thuyền bám chặt lấy mép thuyền, như thể đang cố né để tránh cái bụng chửa của mình; không phải hẳn đập mái chèo xuống nước mà xuống một cái thân cây đang chảy nhựa, mong muốn của hẳn bây giờ không phải là đến được một địa điểm nào đó, mà là giữ cho chiếc thuyền khỏi va cái thân rệu rã của nó vào các thân cây. Thế rồi hẳn cảm thấy có gì đó bất ngờ nổ rồi đập vào gáy mình, và những cái cây ủ rũ, dòng nước xoáy cuồn, khuôn mặt của người đàn bà cùng tất cả mọi thứ biến mất trong một vùng ánh sáng chói lóa câm lặng.

Một giờ sau, chiếc thuyền trôi chầm chậm trên con đường dùng cho xe chở gỗ đã bị ngập thành sông cho đến tận cuối khu rừng, tiến vào một cánh đồng trống bông - một quang cảnh tiêu điều u ám, lặng như tờ, mênh mông, chỉ bị phá vỡ bởi hàng cột điện giống như sinh vật nhiều chân đang lội dưới nước. Người đàn bà giờ đây đang chèo thuyền một cách đều đặn và khoan thai, với sự tập trung đến lạ lùng, trong khi người tù ngồi xồm, đầu gục xuống hai đầu gối, cố làm máu mũi ngừng chảy bằng những vốc nước. Người đàn bà ngừng chèo và để mặc chiếc thuyền trôi chầm chậm, trong khi đưa mắt nhìn quanh. “Chúng ta đến nơi rồi”, cô ta nói.

Người tù ngẩng đầu lên và cũng đưa mắt nhìn quanh. “Đến đâu cơ?”

“Tôi cứ nghĩ anh phải biết chứ.”



“Tôi thậm chí không biết mình đã ở đâu. Mặc dù biết đâu là hướng bắc, nhưng tôi không biết liệu đó có phải là nơi mình muốn tới hay không.” Hãn vãi một vốc nước nữa lên mặt rồi hạ tay xuống và nhìn máu đỏ thẫm trên tay mình, không phải với vẻ buồn nản hay lo lắng, mà là bối rối đầy giận dữ và mỉa mai. Người đàn bà nhìn vào gáy hãn.

“Chúng ta phải đến chỗ nào đó.”

“Chẳng lẽ tôi không biết điều ấy sao? Một người ở trên mái của nhà trang trại. Một người ở trên cây. Và bây giờ lại thêm cái thứ trong bụng cô nữa.”

“Tôi chưa đến ngày sinh đâu. Có lẽ do hôm qua phải trèo lên cái cây đó nhanh quá, và phải ở đấy cả đêm nên trông tôi nặng nề như vậy thôi. Tôi sẽ làm tất cả những gì có thể. Nhưng chúng ta nên sớm tìm đến một chỗ nào đó.”

“Đúng”, người tù nói. “Tôi cũng nghĩ mình muốn tới chỗ nào đó song tôi không may mắn trong chuyện ấy đâu. Cô chọn một chỗ đi và chúng ta sẽ thử vận may. Đưa mái chèo cho tôi nào.” Người đàn bà đưa mái chèo cho hãn. Con thuyền bây giờ có hai đầu nên hãn chỉ việc xoay người lại.

“Anh định đi đường nào đấy?”, người đàn bà hỏi. “Đừng bận tâm. Cô cứ việc ngồi cho vững.” Hãn bắt đầu chèo thuyền qua cánh đồng bông. Trời lại bắt đầu mưa, mặc dù lúc đầu không nặng hạt. “Đúng”, hãn nói. “Hãy hỏi chiếc thuyền. Tôi đã ở trên chiếc thuyền này từ sáng và chẳng biết mình định đi tới đâu, cũng chẳng biết mình đang đi đâu.”

Lúc đó là khoảng một giờ. Đến cuối buổi chiều, chiếc thuyền (họ lại đang ở trên một con kênh mà họ chèo thuyền vào đó từ lúc nào không hay biết và giả dụ có lý do nào đó để ra khỏi đấy thì cũng đã quá muộn để thực hiện, và đối với người tù thì rõ ràng chẳng có lý do nào hết và thực tế là tốc độ của họ đã lại tăng lên là lý do đủ để họ ở trên con kênh này) gặp một vùng nước rộng đầy những thứ trôi nổi mà nhờ kích thước của nó, người tù nhận ra đó là con sông Yazoo, mặc dù hãn chỉ được thấy đất nước này trong một khoảng thời gian ngắn ngủi - đất nước mà hãn đã không rời bỏ dù chỉ một ngày trong bảy năm đã qua của cuộc đời mình. Điều mà hãn không biết là thuyền của mình đang dần bỏ xa những thành phố. Vậy nên ngay khi



cách con thuyền trôi cho họ thấy hướng của dòng chảy, hẳn bắt đầu chèo theo hướng mà hẳn tin là xuôi dòng, nơi hẳn biết có những thành phố - thành phố Yazoo hoặc chí ít là Vicksburg nếu như vận may của hẳn khiêm tốn; còn không, thì cũng là các thành phố nhỏ hơn mà hẳn không biết tên nhưng ở đó có thể có con người sinh sống, có những ngôi nhà, đại loại thế, và bất cứ chỗ nào hẳn có thể đến được để bàn giao cái trách nhiệm này và quay lưng lại với người đàn bà này mãi mãi, chấm dứt vĩnh viễn toàn bộ những gì liên quan đến người đàn bà bụng mang dạ chửa đó rồi trở về với cuộc sống tu viện của những khẩu súng ngắn và những sợi xích, nơi hẳn được an toàn và không phải vướng víu với những chuyện như thế này. Giờ đây, với khả năng sắp tìm thấy bến bờ cùng cảm giác sắp được giải thoát khỏi người đàn bà này, hẳn thậm chí không cảm thấy căm ghét cô ta nữa. Khi nhìn lên cái thân hình nặng nề, xồ xề hiện hữu trước mặt mình, hẳn cảm thấy dường như đó không phải là người đàn bà ấy mà đúng hơn là số đông những người đang sống, ì trệ, hằm hè, đòi hỏi và đối với số đông ấy, hẳn và cô ta đều là nạn nhân; hẳn nghĩ, như đã từng nghĩ trong ba hoặc bốn giờ đầu, rằng chỉ cần một chút sơ sẩy của con mắt hoặc bàn tay trong phút đó - không, trong giây đó - cũng đủ để đẩy cô ta xuống nước và bị chìm chết bởi cái khối trọng lượng vô nghĩa kia, thậm chí không nhất thiết phải cảm thấy đau đớn, và với tư cách là người chịu trách nhiệm về sự an toàn của cái khối trọng lượng đó, hẳn không còn muốn trả thù cô ta chút nào, mà cảm thấy thương cô ta như đã thương cái cây sống trong một khu nhà kho bị thiêu để diệt trừ những loài sâu bọ sống ký sinh trên mình nó.

Hẳn chèo thuyền đều và mạnh tay xuôi theo dòng nước, điều tiết sức của mình một cách có tính toán, điều khiển chiếc thuyền di chuyển về phía mà hẳn tin là xuôi dòng, là thành phố, là con người, là thứ gì đó họ có thể tin cậy, trong khi thỉnh thoảng người đàn bà lại rướn mình về phía trước để tát nước mưa khỏi thuyền. Bây giờ trời mưa đều đều, mặc dù vẫn chưa xối xả, bầu trời và ánh sáng ban ngày lại đang mờ đi không thương xót; chiếc thuyền di chuyển trong màn mưa mù mịt và xám xịt kết hợp với nước bị củi rác cản dòng, sủi bọt. Giờ đây ánh sáng ban ngày bắt đầu tắt và người tù tự hứa với bản thân phải tăng mức cố gắng thêm một hoặc hai lần bởi dường

như hấn chợt cảm thấy tốc độ di chuyển của con thuyền đã giảm đi. Quả đúng như vậy, mặc dù hấn không biết điều ấy. Hấn đơn thuần coi đó là một hiện tượng mù mịt đầu óc, hoặc cùng lắm là kết quả của sự cố gắng vật lộn liên tục trong cả một ngày dài mà không được ăn uống gì bị những giai đoạn của nỗi lo lắng và tức giận đầy bất lực trước tình trạng khó xử hoàn toàn vô lý mà mình đã lâm vào và làm phức tạp thêm. Vậy nên hấn khua mái chèo nhanh hơn, không phải vì sự báo nguy mà, trái lại, vì lúc đó hấn cũng đã nhận được sự nâng lên của dòng chảy một con sông được biết đến bởi cái tên không thể xóa bỏ với nhiều thế hệ con người - những người đã kéo đến sống bên các dòng sông, thậm chí trước khi họ đặt tên cho nước và lửa, bị thu hút đến sống bên các vùng nước chảy - dòng chảy của số phận con người, của sự xuất hiện bằng thực thể bị ép buộc và bị đòi hỏi một cách cứng nhắc bởi cái thứ đã hấp dẫn họ. Vậy là hấn đã không được cảnh báo gì hết. Hấn chèo thuyền ngược với hướng mà hấn tưởng mình định tới, không hề hay biết rằng toàn bộ lượng nước mà trong bốn mươi tiếng đồng hồ đã tràn về phía bắc qua vùng đê bị vỡ lại ở phía trước hấn, đang trên đường đổ ra sông.

Bây giờ trời đã tối hấn. Màn đêm đã thực sự buông xuống, bầu trời mờ mịt xám xịt đã biến mất, mặc dù tầm nhìn trên mặt nước đã trở nên rõ hơn và ánh sáng mà màn mưa buổi chiều xóa khỏi không gian giờ đây đã tập trung trên mặt nước như được chính mưa tạo ra khiến vùng nước lữ màu vàng trải rộng phía trước hấn, ngay ở chỗ tầm nhìn kết thúc, trông như thể có lân quang. Thực ra bóng tối cũng mang đến những lợi ích nhất định; giờ đây hấn không còn nhìn thấy mưa nữa. Hấn cũng như quần áo của hấn đã ướt sũng trong suốt hơn hai mươi tư giờ vậy nên từ lâu rồi, cảm giác về mưa với hấn đã tắt lịm. Giờ đây hấn không cần cố gắng để khỏi phải nhìn thấy cái bụng to của người đàn bà ngồi trên thuyền nữa. Vậy nên hấn cứ việc chèo thuyền, mạnh tay và đều đặn, không bị cảnh báo và chẳng phải bận tâm mà chỉ cảm thấy tức tối khi chèo mãi mà vẫn chưa nhìn thấy bất kỳ sự phản chiếu nào trên những đám mây báo hiệu sự hiện diện của một hoặc những thành phố mà hấn định ninh rằng mình đang tiến đến nhưng thực ra lại là những gì đã bị hấn bỏ xa phía sau nhiều dặm, rồi bỗng nhiên hấn nghe

thấy một âm thanh. Hãn không biết đó là tiếng gì vì hãn chưa từng và sẽ chẳng nghe thấy âm thanh đó một lần nữa bởi âm thanh đó không phát ra cho mọi người nghe mà cũng không người nào có khả năng nghe nó nhiều hơn một lần trong đời. Và bây giờ hãn cũng không bị âm thanh đó làm hoảng sợ bởi hãn chẳng có thời gian để sợ và bởi mặc dù toàn bộ tầm nhìn phía trước không xa và rõ ràng, nhưng trong khoảnh khắc tiếp theo, hãn đã nhìn thấy cái trước đó mình chưa từng nhìn thấy trong khi nghe âm thanh ấy. Những gì hiện hữu trước mắt là cái đường sắc nét nơi mặt nước ánh lên như phát quang gặp bóng tối giờ đây cao hơn tới mười feet so với chính nó trong khoảnh khắc hãn nhìn thấy trước đó và nó cuộn về phía trước như tấm bánh tráng được cuộn lại để làm thành bánh pudding. Nó vồng lên rồi gập xuống; đỉnh của nó cuộn cuộn tựa như bờm của một con ngựa đang phi nước kiệu, cả ánh lân quang cũng vậy, lặn tẩn và rung rinh như lửa. Trong khi người đàn bà ngồi gục đầu ở mũi thuyền, ý thức hoặc không ý thức được rằng người tù chẳng biết điều gì đang đợi họ ở trước mặt, thì hãn với cái mặt sưng vù và đầy những vết máu lại há hốc miệng trong nỗi kinh hãi cũng nổi ngạc nhiên đầy ngờ vực, tiếp tục chèo thuyền hướng thẳng tới nơi hãn không biết là đâu. Lại một lần nữa, hãn đơn giản không có thời gian để ra lệnh cho các cơ bắp đang vận động như bị thôi miên của mình ngừng hoạt động. Hãn tiếp tục khua mái chèo mặc dù con thuyền đã ngừng chuyển động về phía trước mà dường như đang treo trên không trung trong khi mái chèo vẫn cứ được đẩy lên, thu về, rồi lại được đẩy lên; giờ đây thay vì ở trên không trung, chiếc thuyền bất ngờ bị vây quanh bởi một mớ hỗn độn - những tấm ván, những ngôi nhà nhỏ, những xác động vật chết đuối, những cái cây nhấp nhô lặn ngụp như những con cá heo - như đang trôi lơ lửng trong tình trạng không trọng lượng và đầy lưỡng lự giống một con chim bay là là phía trên một vùng thôn quê đang trôi nổi, chẳng biết nên đổ xuống đâu hoặc có nên đổ xuống hay không, trong khi người tù trong tư thế ngồi xổm vẫn đang miệt mài chèo thuyền và chờ đợi cơ hội để thét lên. Hãn không phát hiện ra mình đang đối mặt với điều gì. Trong chớp mắt đuôi thuyền dường như dựng đứng rồi sau đó vọt lên, loạng choạng trườn lên bức tường nước cuộn cuộn như một con mèo, rồi lướt lên đỉnh của bức

tường đó và bị treo trong không trung giữa những cành cây đã ra lá mới mà từ đó người tù, tựa một con chim trong tổ đợi cơ hội để thét lên trong khi vẫn không ngừng thực hiện động tác chèo thuyền mặc dù giờ đây trong tay hắn không còn mái chèo nữa, nhìn xuống một thế giới hỗn loạn đang chuyển động theo kiểu nghịch hành lạ lùng và kỳ cục.

Vào khoảng nửa đêm, cùng với tiếng sấm rền như đại bác và những tia sét giống một chiếc ác quy đang tóe lửa, như thể các phân tử bị dồn nén, tích tụ trong bốn mươi tiếng đồng hồ, chứng táo bón của bầu trời tuôn ra trong sự chào mừng bằng những tiếng nổ âm vang và ánh sáng chói lòa trước sự nhất trí hoàn toàn với quá trình tuôn chảy như thác dạt dữ dội không ngừng với cái đám hỗn độn gồm những xác bò, xác la và các gian nhà phụ, các căn lều cùng những cái lồng gà, con thuyền của hắn trôi qua Vicksburg. Người tù không biết điều đó. Hắn không nhìn lên bất cứ điểm nào cao hơn mặt nước mà vẫn ngồi xồm, bám chặt mép thuyền và nhìn chăm chăm vào mớ lộn xộn màu vàng xung quanh - cái đám rác gồm nào là cây, nào là cột chống của những ngôi nhà, những cái đầu dài trông thật tang thương của những con la mà hắn tránh được nhờ chiều dài của một tấm ván gẫy được giật ra từ đầu chính hắn cũng không biết trong lúc thuyền cứ đập dềnh lên xuống (và những cái đầu la đó dường như cứ hướng vào hắn với vẻ trách móc qua đôi mắt không còn sinh khí, trong nỗi ngạc nhiên đầy ngờ vực), và chiếc thuyền lúc thì trôi về phía trước theo hướng nằm ngang, lúc thì đuôi thuyền lại trôi trước, có lúc ở trong nước, lúc lại dềnh lên trên các mái nhà, những cái cây, thậm chí trên lưng những con la cứ như thể ngay cả khi đã chết rồi, những con vật khốn khổ ấy vẫn không thoát khỏi cái số kiếp phải mang gánh nặng, chịu cảnh đê đầu cưỡi cổ mà giống vật bị thiến như chúng phải chịu. Nhưng hắn không nhìn thấy Vicksburg; chiếc thuyền di chuyển với tốc độ nhanh ở một cửa sông chẳng có chút gì êm ả với bờ ngăn cao chóng mặt và ánh sáng chói lóa phía trên nhưng hắn không nhìn thấy, hắn chỉ chứng kiến cái đám hỗn độn nổi lên bên phía trước mặt mình đang tản ra với tốc độ dữ dội rồi lại dồn tụ lại, và hắn bị hút qua một vùng nước không có vật cản nhanh đến nỗi chẳng kịp nhận ra đó là một cái trụ cầu của đường sắt; trong một thoáng kinh hoàng, chiếc thuyền dường như

bị treo trong sự lưỡng lự bất động trước cái sườn to lù lù của một tàu thủy chạy bằng hơi nước, tựa hồ đang chần chừ không biết có nên trườn qua hay lặn xuống bên dưới nó, rồi sau đó một làn gió mạnh, lạnh buốt sặc mùi vị cùng cảm giác ướt át và hiu quạnh mênh mông thổi ào tới chỗ hấn; chiếc thuyền vọt lên và trong cơn bộc phát cuối cùng, nó mửa hấn lên bộ ngực hoang dã của Cha đẻ của những dòng sông [25].

Và đây là những gì hấn kể khi đã yên vị trên giường của mình ở trong trại tù với tấm chăn quấn quanh người, được cắt tóc và cạo râu sạch sẽ.

Trong ba hoặc bốn giờ tiếp theo, sau khi tiếng sấm sét đã ngừng, chiếc thuyền trôi trong bóng tối mịt mù trên một vùng nước đục ngầu mà dù có thể nhìn ra được, hấn cũng sẽ thấy nó không có biên giới. Hoang đại và vô hình, nước quăng mình xung quanh và bên dưới thuyền, nổi sóng nhấp nhô với những đám bọt bắn thiu đầy mảnh vỡ và rác rưởi của sự hủy diệt - những vật không tên, khổng lồ và vô hình cứ va đập vào con thuyền rồi lại trôi theo dòng nước xoáy. Hấn không biết mình đang ở trên Sông. Lúc đó cho dù biết, hấn cũng không chịu tin điều đó. Ngày hôm qua, hấn biết mình đang ở trên một con kênh nhờ các khoảng trống đều đặn giữa những cái cây tạo thành đường biên. Giờ đây, dù có đi trong ánh sáng ban ngày, hấn cũng không nhìn thấy một đường biên nào hết, nếu đây là nơi cuối cùng dưới mặt trời (hoặc đúng hơn dưới bầu trời u ám) mà hấn đang đứng thì hấn mới ngờ ngờ nó là một con sông; nếu bận tâm suy nghĩ mình đang ở đâu, nếu ngẫm nghĩ về đất phía dưới, thì hấn đơn giản chỉ buộc bản thân phải tin rằng mình đang chèo thuyền đi với tốc độ chóng mặt không thể lý giải nổi trên cánh đồng trồng bông rộng nhất thế giới; nếu hấn - kẻ mà ngày hôm qua biết rằng mình đang ở trên một con sông - đã chấp nhận sự thật đó trong niềm tin tốt đẹp và thái độ nghiêm trang, sau đó nhìn thấy con sông ấy quay ngoắt lại mà không hề cảnh báo, xô vào hấn một cách có mục đích, đầy khủng khiếp và cuồng nộ như con ngựa điên điên cuồng lao vào một đường mòn, nếu hấn ngờ rằng vùng nước mênh mông hoang vắng mà hấn phát hiện ra mình đang lạc vào là một con sông dù chỉ trong một giây, thì đơn giản ý thức của hấn cũng không chịu tin điều đó; hấn sẽ chết ngất.

Khi ánh sáng ban ngày - một buổi bình minh xơ xác và u ám đầy mây lướt nhanh giữa những cơn gió mạnh kèm theo mưa lạnh buốt - ló rạng và lại có thể nhìn thấy cảnh vật xung quanh, hẳn biết không phải mình đang ở trên một cánh đồng trồng bông. Hẳn biết rằng vùng nước hoang vắng mà trong đó chiếc thuyền bị quăng quật không chày trên bất cứ mảnh đất nào có dấu chân thuần hóa của con người, phía sau chiếc thuyền là cái mông trướng phình và biến dạng của một con la. Đúng lúc đó hẳn chợt nảy ra ý nghĩ rằng tình trạng hiện tại của con sông không phải là điều bất thường của một thập kỷ, mà những năm nó chấp nhận chịu đựng các loại máy móc tạm bợ thuộc phát minh vụng về của con người trên bề mặt phẳng lặng và yên ả của nó mới là điều bất thường; dòng sông giờ đây đang làm những gì nó thích và đã phải kiên nhẫn đợi chờ trong mười năm, như một con la làm việc cho bạn mười năm để có quyền đá bạn một cái. Và hẳn cũng biết một điều khác về nỗi sợ hãi hẳn thậm chí đã không thể khám phá ra vào một dịp khác lúc thực sự sợ hãi - dịp mà trong khoảng ba hoặc bốn giây của cái đêm đó, vào thời trai trẻ khi hẳn nhìn xuống khẩu súng lục hai nòng của người bưu tín viên đang hoảng sợ trước lúc người đó có thể tin rằng khẩu súng của hẳn (của người tù) sẽ không nhả đạn - nếu cứ chịu đựng nỗi sợ hãi đủ lâu thì sẽ đến lúc anh không còn cảm thấy khổ sở cực độ về mặt tinh thần nữa mà đơn giản chỉ cảm thấy ngứa ngáy, bứt rứt giống như cảm giác ran rát sau khi bỏng vậy.

Bây giờ, hẳn (người mà đã hai mươi tư tiếng đồng hồ không được ăn uống và năm mươi tiếng đồng hồ không được ngủ) không phải chèo thuyền nữa mà chỉ việc lái chiếc thuyền đi trong một vùng hoang vắng - nơi mà đã từ lâu rồi hẳn không dám tin rằng có khả năng đó là một con sông - cố gắng dùng mảnh gỗ ấy chỉ để giữ cho chiếc thuyền không bị vỡ và có thể nổi giữa những ngôi nhà, cây cối cùng xác động vật (toàn bộ những thành phố, cửa hàng, công viên và sân trại đập dềnh đù giỡn xung quanh hẳn như những đàn cá), không gắng sức để đến một cái đích cụ thể nào, chỉ cố giữ cho chiếc thuyền nổi đến chùng nào có thể. Hẳn đâu có mong muốn gì nhiều cho bản thân. Hẳn chỉ muốn rũ bỏ người đàn bà cũng như cái bụng to kèn càng này, và hẳn đang cố gắng làm điều đó một cách đúng đắn, không



phải vì bản thân hấn mà vì cô ta. Hấn có thể đã tống cô ta trở lại một cái cây nào đó, vào bất cứ lúc nào.

“Anh có thể bỏ thuyền và mặc xác cô ta”, tù nhân có dáng người thấp đậm nói. “Rồi người ta sẽ phạt anh mười năm tù vì tội bỏ trốn, sau đó treo cổ anh vì tội giết người và bắt người nhà của anh phải bồi thường chiếc thuyền.”

“Đúng vậy”, tù nhân có dáng người cao nói, nhưng hấn đã không làm thế. Hấn muốn rũ bỏ người đàn bà đó một cách đúng đắn, tìm được bất kỳ người nào hấn có thể giao lại cô ta cùng một chỗ vững chắc để gửi cô ta ở đây, rồi hấn sẽ quay trở lại sông, nếu điều ấy làm vừa lòng ai đó. Đây là tất cả những gì hấn muốn - gặp được cái gì đó, bất cứ cái gì. Hấn đâu có đòi hỏi nhiều. Chỉ có bấy nhiêu thôi, vậy mà hấn không thể thực hiện được. Hấn kể cho các bạn tù nghe chiếc thuyền đã trôi đi như thế nào.

“Anh không gặp ai trên đường đi sao?”, tù nhân có dáng người thấp đậm hỏi. “Không gặp một chiếc tàu thủy hay bất cứ phương tiện gì sao?”

“Tôi không biết”, tù nhân có dáng người cao nói. “Tôi cố giữ cho chiếc thuyền nổi trên mặt nước cho đến khi bóng tối mỏng dần, loãng đi và cảnh vật trở nên rõ hơn.”

“Bóng tối ư?”, tù nhân có dáng người thấp đậm hỏi. “Tôi tưởng anh nói khi đó là ban ngày chứ.”

“Đúng”, tù nhân có dáng người cao nói. Hấn đang cuộn một miếng thuốc, cẩn thận đổ thuốc lá sợi từ một cái túi thuốc mới ra một mảnh giấy nhàu nhĩ. “Một miếng nữa này.”

Chiếc thuyền vẫn trôi nhanh theo một hành lang nước ngoằn ngoèo có những cái cây ngập nước vây quanh mà người tù một lần nữa lại nhận ra đó là con sông chảy theo hướng mà cho đến hai ngày trước, vẫn ngược dòng so với hướng di chuyển của con thuyền. Cũng như hai ngày trước, trực giác của hấn không cảnh báo một cách chính xác rằng hấn đang lái ngược dòng. Hấn sẽ không nói giờ đây hấn tin mình đang ở trên chính dòng sông mà hai ngày trước hấn đã ở, mặc dù hấn sẽ không ngạc nhiên khi nhận thấy mình đang tin, đã tin và có vẻ như vẫn tiếp tục tin như vậy ở một giai đoạn không xác định, trong tình trạng hấn là một thứ đồ chơi và con tốt trên vùng địa lý



không ổn định, hoang dã, nguy hiểm này. Hẳn đơn thuần hiểu ra mình lại đang ở trên một con sông, với kết luận tiếp theo về một phần của bề mặt trái đất dù không quen thuộc nhưng có thể nhận ra được. Giờ đây hẳn tin tất cả những gì mình phải làm là chèo thuyền đi đủ xa và hẳn sẽ đến một nơi nào đó được gọi là đường chân trời, cao hơn mặt nước dẫu không khô ráo thì có lẽ chỉ ít cũng có người ở; và nếu hẳn chèo thuyền đủ nhanh và đến kịp, và rằng sự thúc bách mãnh liệt duy nhất là kiểm chế không nhìn người đàn bà chẳng thể biến mất ấy hay sự tồn tại của người hành khách mà hẳn có trách nhiệm đảm bảo an toàn - người có hình hài đã lại hiện hữu trước mắt hẳn khi bình minh lên, trông không còn ra người nữa - bạn có thể cộng thêm hai mươi tư giờ nữa vào hai mươi tư giờ năm mươi phút đầu tiên cho dù tính cả con gà mái bị chết đuối - con vật có một bên cánh bị mắc kẹt dưới tấm ván của một cái mái lợp mà trong chốc lát đã trôi ngay cạnh chiếc thuyền ngày hôm qua và bị hẳn ăn sống một phần mặc dù người đàn bà không đụng đến nó, mà đã trở thành một cái bụng đơn nhất có tri giác, kỳ quái, trơ lì mà hẳn tin nếu hẳn có thể nhìn đi chỗ khác và tránh xa nó, thì nó sẽ biến mất, và nếu như cái liếc nhìn của hẳn không dừng lại tại cái điểm nó chiếm cứ, thì nó sẽ không hiện hữu trở lại. Đó là những gì hẳn đang làm lúc này khi phát hiện ra sóng đang xô về phía mình.

Hẳn không biết bằng cách nào mình lại phát hiện ra sóng đang xô về phía mình. Hẳn chẳng nghe thấy âm thanh của sóng, chẳng chạm vào và cũng chẳng nhìn thấy sóng. Hẳn thậm chí không tin rằng việc nhận ra chiếc thuyền giờ đây đang ở trong vùng nước không chảy - sự chuyển động của dòng nước, dù đúng hay không, lúc trước theo phương nằm ngang, rồi sau đó không như vậy nữa mà chuyển sang chiều thẳng đứng - đủ để cảnh báo hẳn. Có lẽ hẳn biết được điều đó là nhờ niềm tin gần như cuồng tín và không gì lay chuyển nổi vào tính sáng tạo cùng hoang dã bẩm sinh của cái phương tiện mà trên đó số mệnh của hẳn dường như bị phó mặc vĩnh viễn cho may rủi; một sự kết án vượt trên cả nỗi kinh hoàng hoặc ngạc nhiên và giờ đây không phải còn quá sớm để con sông chuẩn bị làm bất cứ điều gì nó định làm. Vậy là hẳn điên cuồng điều khiển đuôi thuyền xoay theo hướng ngược lại như một con ngựa đang chạy, hẳn thậm chí không thể

phân biệt được con sông mình đã gặp trước đó nằm ở đâu. Hãn không biết liệu có phải mình không thể nhìn thấy con sông ấy hay nó đã biến mất vào một thời điểm nào đó hãn không hề hay biết; liệu nó đã biến mất trong một thế giới bị nước nhấn chìm hay là thế giới đã bị nhấn chìm bởi một con sông không giới hạn. Vậy nên giờ đây hãn không thể xác định được liệu thuyền của mình đang chạy ngay trước những con sóng hay rẽ sóng; tất cả những gì hãn có thể làm là đẩy cái cảm giác về sự tàn bạo đang tăng lên nhanh chóng lại phía sau và chèo thuyền nhanh hết mức mà hệ thống cơ bắp tê dại và rã rời của mình cho phép, cố giật cái liếc nhìn của mình khỏi người đàn bà để gắn nó vào một điểm khác cho tới khi hãn đến được một chỗ nào đó bằng phẳng và cao hơn mặt nước. Sự cố gắng cũng như đấu tranh của hãn bộc lộ gần như rõ ràng trong đôi mắt sâu và hốc hác, cứ như thể đôi mắt đó là hai mũi tên cao su có đầu mút được bắn ra từ một cái súng đồ chơi của trẻ con; hệ thống cơ bắp phải làm việc liên tục trong nhiều giờ liền của hãn giờ đây không tuân theo ý chí mà tuân theo sự suy hao vượt trên cả tình trạng kiệt sức đơn thuần, gần như mê dại, như bị thôi miên, tiếp tục hoạt động để hơn là dừng lại, và hãn, một lần nữa, lái chiếc thuyền liêu xiêu đâm thẳng vào một chướng ngại vật mà nó không thể vượt qua và một lần nữa, để mô tả chuyện đã xảy ra, hãn lao người về phía trước, ngồi bằng cả tứ chi với khuôn mặt sừng vù, nhìn chăm chăm vào người đàn ông mang súng ngắn và nói bằng giọng khàn khàn sâu thẳm: “Vicksburg ư? Vicksburg ở đâu?”.

Thậm chí khi hãn đã cố kể tất cả, thậm chí sau bảy tuần, sau khi sự an toàn, an ninh, tính đảm bảo cùng việc canh gác cẩn mật tăng cường gấp đôi và mười năm tù được bổ sung vào thời gian thụ án của hãn vì tội cố ý bỏ trốn, nổi oán giận đầy hoài nghi và kỳ cục trước kia vẫn quay trở lại hiển hiện trên khuôn mặt, trong giọng điệu và lời nói của hãn. Hãn thậm chí đã không lên một chiếc thuyền khác. Hãn kể lại rằng hãn đã bám vào một cái cọc (đó là một nhà thuyền không được sơn, có ống khói, đang trôi thì bị hãn đâm vào và có vẻ như nó không đổi hướng mặc dù ba người trên thuyền chắc hãn đã nhìn thấy hãn rõ ràng rành rành và không rời mắt khỏi hãn; người đàn ông thứ hai đi chân trần để râu, có mái tóc được tết bím, và sau

đó - hẳn không biết trong bao lâu - một người đàn bà trong bộ quần áo đàn ông bẩn thỉu, nghiêng người bên cửa với ánh mắt lạnh lùng) bị kéo đi một cách không thương tiếc, không ngừng cố gắng giải bày, giải thích nguyện vọng và nhu cầu khiêm tốn, hợp lý (ít nhất là đối với bản thân hẳn) của mình; cố gắng nói ra mong muốn giản dị của mình, một lần nữa hẳn dường như lại cảm thấy nỗi nhục nhã xưa cũ không thể nào quên được tựa một cơn sốt rét hoành hành trong người khi nhìn vụn thuốc lá rơi xuống đều đều và nhạt nhòa giữa những ngón tay run rẩy và sau đó, ngay cả mảnh giấy quần thuốc lá cũng rơi xuống với một tiếng động khô khốc, mỏng tèo.

“Đốt quần áo của tôi đi ư?”, người tù nói. “Đốt nó đi ư?” “Anh mong trốn thoát bằng cách nào khi cứ mặc nguyên bộ quần áo tù trên người hả?”, người đàn ông mang súng ngăn trên nhà thuyền nói. Hẳn cố kể sự tình, gắng sức giải thích như thế hẳn không chỉ cố giải bày với ba người trên nhà thuyền đó mà còn với vạn vật xung quanh - vùng nước lụt mênh mông, tiêu điều, hoang sơ, đám cây cối sặc nước và cả bầu trời hoang vu, âm đạm - chẳng phải để biện hộ cho bản thân bởi hẳn không cần biện hộ và bởi hẳn biết rằng những người nghe mình nói - các tù nhân khác - chẳng cần một sự biện hộ nào từ hẳn hết, mà đúng hơn, trong nỗi mệt mỏi cùng cực, hẳn có lẽ đã và đang gặm nhấm cơn tức thở trong trạng thái mộng mị, đầy hoài nghi. Hẳn kể với người đàn ông mang súng trên nhà thuyền rằng hẳn và người bạn tù của mình đã được giao nhiệm vụ chèo thuyền đi cứu một người đàn ông và một người đàn bà như thế nào, hẳn đã mất bạn đường ra sao và cố tìm anh ta nhưng không thấy, và lúc bấy giờ tất cả những gì hẳn muốn trên đời này là tìm được một chỗ nào đó bằng phẳng không bị ngập nước để người đàn bà bụng mang dạ chửa được ở tạm cho tới khi hẳn có thể tìm được một sĩ quan hoặc một cảnh sát trưởng. Hẳn nghĩ đến mái ấm gia đình nơi hẳn sống từ nhỏ, đến những người bạn mà hẳn biết rõ tính tình, đến những người hiểu mình, những cánh đồng quen thuộc nơi hẳn làm những việc mình từng được học rồi trở nên thành thạo và đam ra yêu thích, những con la mà hẳn hiểu rõ và tôn trọng tính cách của chúng như đã tôn trọng tính cách của một số người; hẳn nghĩ đến cảnh ban đêm ở trại tù với những tấm màn chống rận của mùa hè và những cái lò sưởi hữu ích vào mùa đông,

nghĩ đến cả những người cung cấp nhiên liệu và thức ăn; các trận đấu bóng và các buổi chiếu phim vào ngày Chủ nhật - những điều mà trước khi đến trại hãn chưa từng trải nghiệm, trừ các trận đấu bóng. Nhưng trên hết, hãn nghĩ đến tính cách của mình (hai năm trước, người ta đã cho hãn được hưởng đặc ân do cải tạo tốt. Hãn không phải cày ruộng hay chăn gia súc nữa, mà được giao mang một khẩu súng được nạp đạn sẵn để giám sát những người làm việc đó, nhưng hãn đã từ chối. “Tôi nghĩ mình gắn bó với việc cày bừa”, hãn nói một cách hoàn toàn nghiêm túc. “Tôi đã cố sử dụng súng một lần và như thế là quá nhiều rồi.”), cái tên đẹp đẽ của hãn, cái trách nhiệm không chỉ đối với những người đang chịu trách nhiệm về hãn mà với chính bản thân hãn, niềm vinh dự trong việc thực hiện những gì được yêu cầu ở hãn, niềm kiêu hãnh có thể làm được việc, cho dù đó là việc gì. Hãn nghĩ về điều đó, nghe người đàn ông mang súng nói đến việc trốn thoát và dường như đối với hãn lúc này, khi bị mắc kẹt ở đây, bị kéo đi một cách không thương tiếc (hãn nói rằng chính ở chỗ ấy, lần đầu tiên hãn nhìn thấy những đám địa y bám trên cây mặc dù chúng có thể đã tồn tại ở đó vài ngày rồi. Ngẫu nhiên, hãn nhìn thấy chúng lần đầu tiên ở đây), hãn chỉ muốn nổ tung vì tức giận.

“Ông không thể hiểu rằng bỏ trốn là điều cuối cùng tôi muốn làm ư?”, hãn kêu lên. “Với khẩu súng này ông có thể giám sát tôi; tôi sẵn sàng để ông làm điều đó. Tất cả những gì tôi muốn là đưa người đàn bà này...”

“Tôi đã nói với anh rằng người đàn bà đó có thể lên thuyền”, người mang súng ngăn nói bằng giọng bình tĩnh. “Nhưng thuyền của tôi không có chỗ cho bất cứ ai đang tìm kiếm một cảnh sát trong bộ quần áo tù.”

“Khi hãn lên thuyền, hãy lấy báng súng đánh vào đầu hãn”, người đàn ông chèo thuyền nói, “hãn say rồi”.

“Hãn không lên thuyền”, người mang súng ngăn nói. “Hãn bị điên.”

Sau đó người đàn bà lên tiếng. Cô ta không cử động, vẫn nghiêng người bên cửa trong bộ áo liền quần bản thủ bạc théch như quần áo của hai người đàn ông: “Cho bọn họ đồ ăn và bảo họ biến khỏi đây đi”. Cô ta bắt đầu di chuyển, đi đến bên bàn và nhìn người đồng hành của người tù với bộ mặt sững sía. “Bao lâu nữa thì cô sinh?”

“Trong tháng này”, người đàn bà trên thuyền của hắn nói. “Nhưng tôi...”, người đàn bà mặc áo liền quần quay sang người đàn ông mang súng ngắn.

“Hãy cho họ thức ăn”, cô ta nói. Nhưng người đàn ông mang súng vẫn nhìn xuống người đàn bà trên thuyền.

“Nào”, anh ta nói với người tù. “Hãy đưa cô ta lên thuyền.”

“Và rồi chuyện gì sẽ xảy ra với anh hả”, người đàn bà mặc áo liền quần nói, “khi anh cố giao cô ta cho một sĩ quan cảnh sát. Khi anh gặp một cảnh sát trưởng và ông cảnh sát hỏi anh là ai thì chuyện gì sẽ xảy ra?”. Người đàn ông mang súng vẫn không thèm nhìn cô ta. Gã thậm chí không hạ súng xuống khi dùng mu bàn tay đánh mạnh vào mặt người phụ nữ. “Đồ chó đẻ”, cô ta chửi. Người đàn ông mang súng thậm chí không thèm nhìn cô ta.

“Anh có lên hay không hả?”, gã nói với người tù.

“Anh không thấy là tôi không thể lên thuyền của anh ư?”, người tù gào lên. “Anh không thể hiểu điều đó sao?”

Giờ đây hắn nói, hắn chịu rồi. Hắn phải chịu số kiếp này thôi. Ngay từ đầu hắn đã biết rằng cái số của mình là không bao giờ rũ bỏ được người đàn bà này, cũng như những người đã sai hắn đi cứu hộ bằng thuyền đều hiểu rõ hắn chưa bao giờ thực sự bỏ cuộc; khi nhận ra một trong những đồ vật mà người đàn bà mặc áo liền quần ném sang thuyền của hắn là bình sữa đặc, hắn tin rằng đó là một điềm báo, một linh cảm không thể chối bỏ, như một cái giấy báo tử rằng hắn sẽ không thể tìm thấy một chỗ bằng phẳng, chưa bị ngập nước trước cho đứa trẻ chào đời. Vậy là hắn kể rằng hắn đã điều khiển thuyền của mình trôi bên cạnh cái nhà thuyền đó như thế nào khi sự đùa giỡn ngập ngừng đầu tiên của cơn sóng thứ hai hình thành phía dưới đáy thuyền, trong lúc người đàn bà mặc áo liền quần đi từ trong cái nhà nổi của cô ta ra lan can thuyền, trút thức ăn - những khúc thịt muối, tấm chăn bẩn rách bươm, những tảng bánh mì cháy sém, nguội ngắt - từ một cái chảo đựng đồ ăn gần giống như cái thùng chứa rác thải xuống trong khi hắn bám vào thanh chắn của nhà thuyền để cố chống chọi với cú giạt của dòng nước xoáy - một cơn sóng mới mà vào khoảnh khắc đó, hắn đã quên không nghĩ

tới vì vẫn đang cố giải thích nguyện vọng và nhu cầu khiêm tốn của mình cho đến khi người đàn ông mang súng (người duy nhất trong ba người trên nhà thuyền đi giày) bắt đầu dận mạnh chân lên bàn tay của hắn, hắn rụt tay lại mỗi lần gã đó làm vậy để tránh sự tấn công của đôi chân đi giày rồi lại bám vào thanh chắn của nhà thuyền đó cho đến khi bị gã đàn ông mang súng giơ chân đá thẳng vào mặt khiến hắn buộc phải né người sang một bên để tránh; vậy là hắn đành phải buông tay khỏi thanh chắn của chiếc thuyền kia, trọng lượng cơ thể hắn làm chiếc thuyền con tròn tròn theo dòng nước xoáy ngày càng mạnh còn chiếc thuyền mỏng manh bắt đầu bỏ con thuyền lạ lại phía sau để rồi giờ đây hắn lại hùng hục chèo thuyền như một người đang lao về phía vách núi mà anh ta biết rằng cuối cùng mình cũng sẽ phải chịu sự kết án của định mệnh; ngoài lại nhìn chiếc thuyền cùng ba khuôn mặt sừng sĩa đầy vẻ chế nhạo và tàn nhẫn nhanh chóng trở nên nhỏ dần giữa vùng nước mênh mông kia, hắn tức sôi máu và ngạt thở trước sự thật không thể chịu đựng nổi, chẳng phải vì hắn đã bị từ chối (hắn ít khi bị từ chối), đã mong muốn và đòi hỏi rất ít, tuy nhiên hoàn cảnh lại đòi hỏi hắn trả giá cho từng hơi thở mà (những người kia ắt phải biết) nếu có thể trả, thì hắn đã không ở cái nơi hắn đang ở, đã không yêu cầu điều hắn đã yêu cầu; hắn giơ mái chèo lên cao, khua trong không khí, gào lên những lời nguyện rửa nhắm vào ba kẻ kia ngay cả khi khẩu súng ngắn của một trong hai người đàn ông ở trên nhà thuyền đó lóe sáng và đạn bắn ra trên mặt nước dọc theo một bên thuyền.

Vậy là hắn ở đó, vừa huơ huơ mái chèo vừa gào thét, và rồi hắn chợt nhớ ra có một đợt sóng khác - bức tường nước thứ hai mang theo những ngôi nhà cùng những con la chết đuối - đang hình thành phía sau mình. Vậy là hắn ngừng gào thét để quay trở lại với việc chèo thuyền. Hắn không cố gắng vượt qua bức tường đó. Từ kinh nghiệm của bản thân, hắn biết rằng khi bị bức tường nước đó đuổi kịp, hắn sẽ phải di chuyển cùng hướng với nó cho dù có muốn hay không, và khi nó đuổi kịp, hắn sẽ di chuyển nhanh đến mức không thể dừng lại được cho dù nơi hắn có thể đến để trút cái gánh nợ, tức người đàn bà này, một cách kịp thời là ở đâu chẳng nữa. Kịp thời: Đó là nỗi day dứt hiện tại của hắn, vậy nên cơ hội duy nhất của hắn là



giữ cho con thuyền ở phía trước mũi sóng chùng nào còn có thể và hy vọng đến được chỗ nào đó trước khi bị bức tường nước ấy tấn công. Vậy nên hẳn tiếp tục chèo, lái chiếc thuyền bằng hệ thống cơ bắp đã mệt mỏi rã rời trong một thời gian dài đến mức mất cảm giác, giống như khi một người đã lặn ngụp trong vận rủi lâu đến mức thôi không còn tin đó là vận rủi, chứ nói gì đến việc tin vào vận may. Ngay cả khi hẳn ăn những tảng bánh mì cháy xém to cỡ những quả bóng bầu dục với độ chắc và dai của những tảng than nện ngay cả khi chúng nằm ở đáy thuyền, nơi người đàn bà trên chiếc xà lan kia đã ném chúng sang - thứ đồ ăn cứng như sắt mà không một người phụ nữ nào có thể gọi là bánh mì khi chúng ở bên ngoài cái chảo chế biến cháy xém đầy váng - hẳn cũng ăn bằng một tay trước sự cho phép đầy miễn cưỡng của mái chèo.

Hẳn cũng cố kể lại chi tiết đó: Ngày hôm ấy, thuyền của hẳn tháo chạy giữa những cái cây trong khi kẻ do thám của con sóng thỉnh thoảng lại xuất hiện phía sau hẳn, đùa giỡn với nó trong chốc lát một cách nhẹ nhàng và tò mò, rồi lại tiếp tục di chuyển với tiếng thở dài khe khẽ, gần như cười thầm; chiếc thuyền trôi đi và hẳn chẳng nhìn thấy gì ngoài những cái cây, sóng nước mênh mông và sự hoang vắng đìu hiu cho đến khi, sau một khoảng thời gian, hẳn dường như cảm thấy không phải mình đang bỏ khoảng không gian và khoảng cách lại phía sau, cũng chẳng phải đang rút ngắn nó ở phía trước mà cả hẳn lẫn con sóng giờ đây đều đồng thời bị treo lơ lửng và không tiến về phía trước trong quỹ đạo của thời gian thuần túy, giữa cảnh hoang vắng mờ ảo mà trong đó hẳn đang chèo thuyền không phải với niềm hy vọng rằng mình sẽ đến một cái đích nào đó mà đơn giản chỉ để giữ nguyên vẹn cái khoảng cách ngăn ngùi mà chiếc thuyền cho phép giữa hẳn và người đàn bà trước mặt hẳn - cái khối thịt ì ạch mà hẳn không thể rũ bỏ được; rồi đêm đến và chiếc thuyền vẫn cứ trôi hoài, trôi nhanh bởi bất cứ vận tốc nào vượt qua bất cứ thứ gì không được biết và không được nhìn thấy đều là quá nhanh; thật vậy, hẳn và con thuyền trôi đi, không gì ở phía trước và không gì ở phía sau, với ý niệm kỳ quặc về khối lượng nước đang chuyển động theo kiểu đổ dồn về phía trước, cái đỉnh sóng nổi bật và lura tựa tựa những chiếc răng nanh, và khi bình minh ló rạng (một sự chuyển



hết như mơ từ ngày sang đêm rồi lại từ đêm sang ngày với tính chất không đầy đủ tạo nên sự hư ảo và sai lệch về thời gian như ánh đèn sân khấu lúc sáng lúc mờ), người đàn bà bụng mang dạ chứa trên thuyền đã không còn nằm ngửa với chiếc áo khoác ướt sũng mà ngồi dậy, bấu chặt lấy mép thuyền bằng cả hai tay, mắt nhắm nghiền, răng cắn chặt môi dưới, còn hăn thì khua cái mảnh ván vỡ một cách đầy giận dữ để lái thuyền đi, phóng ra ánh nhìn chăm chăm vào cô ta từ khuôn mặt sưng vù hoang dại, mệt mỏi vì thiếu ngủ, hết kêu gào lại rên rỉ: “Bám chắc vào! Vì Chúa, bám chắc vào!”.

“Tôi đang cố bám chắc đây”, cô ta nói. “Nhưng hãy khẩn trương lên! Khẩn trương lên!” Hăn kể, thật không thể tin nổi: Khẩn trương, gấp gáp; người đang rơi từ vách núi xuống lại được bảo rằng hãy bám vào cái gì đó và tự cứu lấy mạng mình; sự mách bảo đó thật mơ hồ, hài hước, lỗ bịch và điên rồ nảy ra từ cơn rùng mình của chúng đang trí với mức độ dữ dội không thể chịu đựng nổi, hư ảo chẳng kém gì chuyện hoang đường phía sau ánh đèn sân khấu.

Giờ đây, hăn đang ở trong một cái vịnh nhỏ. “Một cái vịnh ư?”, tù nhân có dáng người thấp đậm hỏi. “Anh trôi dạt tới một cái vịnh cơ đấy.”

“Đúng vậy”, tiếng nói gay gắt của tù nhân có dáng người cao bay ra phía trên đôi tay hăn. “Tôi đã dạt vào đó.” Với sự nỗ lực hết mình, hăn giữ yên hai tay đủ lâu để thả hai mẫu giấy cuộn thuốc lá và nhìn chúng bay một cách ngập ngừng xuống sàn nhà giữa hai chân mình, rồi giữ hai bàn tay bất động một lát, một cái vịnh, một vùng biển màu vàng yên ả và rộng lớn có bầu không khí tĩnh lặng đến lạ lùng, khiến hăn ngạc nhiên và ấn tượng rằng vùng đó đã quen với nước mặc dù không phải lúc nào nó cũng bị ngập; hai hoặc ba tuần sau đấy, người ta đã nói cho hăn biết tên của cái vịnh ấy và bây giờ hăn vẫn còn nhớ: Atchafalaya.

“Louisiana ư?”, tù nhân có dáng người thấp đậm hỏi. “Anh muốn nói rằng anh đã bị nước cuốn ra khỏi bang Mississippi ư? Khiếp thật!” Hăn nhìn chăm chăm tù nhân có dáng người thấp đậm. “Ôi chao!”, người tù nói. “Không phải như vậy đâu, anh chỉ bị cuốn sang phía bên kia Vicksburg thôi chứ gì.”

“Ở nơi tôi trôi dạt tới người ta chẳng đả động gì đến cái tên Vicksburg hết”, tù nhân có dáng người cao nói. “Họ gọi nơi đó là Baton Rouge.” Và giờ đây hắn bắt đầu kể về một thị trấn nhỏ sạch sẽ nằm nép mình giữa những cây cổ thụ xanh tươi bất ngờ xuất hiện trong câu chuyện cũng như trước mắt hắn, trong đời thực, phía sau các con thuyền nằm rải rác được cột thành hàng vào những chiếc xe lửa chở hàng bị ngập nước đến tận cửa toa tàu. Và giờ đây hắn cũng đã cố kể lại chi tiết đó: Hắn đã đứng một lát ở chỗ nước ngập đến tận thắt lưng nhìn đi nhìn lại chiếc thuyền có người đàn bà nửa nằm nửa ngồi trong đó với đôi mắt vẫn nhắm nghiền, những ngón tay trắng bệch vì bấu chặt vào mép thuyền và một dòng máu nhỏ đang len lõi chảy xuống cằm cô ta từ đôi môi bị cắn bởi hai hàm răng, và hắn trông xuống cô ta bằng cái nhìn tuyệt vọng.

“Tôi sẽ phải đi bộ bao xa?”, cô ta hỏi.

“Tôi đã nói với cô rồi, tôi không biết!”, hắn gào lên. “Nhưng ở đâu đó đằng kia có đất! Đất và nhà cửa.”

“Nếu tôi cố di chuyển, thì đứa trẻ sẽ không phải sinh ra trên thuyền”, cô ta nói. “Anh sẽ phải vào gần hơn đây.”

“Được”, hắn gào lên, đầy hoang dại, tuyệt vọng và hoài nghi. “Đợi đã. Tôi sẽ ra đầu thú và người ta sẽ...” Hắn bỏ lửng câu nói đó, đợi để kết thúc nó; hắn cũng kể lại cả chi tiết ấy: Hắn cố chạy, loạng choạng làm nước bắn tung tóe, vừa khóc vừa thở hổn hển; bây giờ hắn nhìn thấy nó rồi - một vùng bằng phẳng cao hơn mặt nước, những bóng người mặc đồ kaki trên đó trông giống những người mà hắn đã thấy trước lúc được cử đi cứu nạn; hắn nói đến những ngày mình vừa trải qua kể từ cái buổi sáng đầu tiên ấy - khoảng thời gian đã bị rút ngắn lại rồi biến mất như thể chưa từng tồn tại, cái khoảnh khắc khi hắn bắt đầu lên thuyền và khoảnh khắc này, hai khoảnh khắc (kế tiếp nhau hay xảy ra đồng thời nhỉ?), hắn đã di chuyển qua một khoảng không gian nhất định và giờ đây hắn đơn thuần đang bước vào chính những vết chân của mình, lún sâu và làm nước bắn tung tóe trong lúc giơ cao hai cánh tay, hắn rên rỉ bằng giọng gay gắt. Hắn nghe thấy tiếng kêu thất thanh, “Một trong hai tên tù kia!” và tiếng ra lệnh, tiếng lách cách của súng ống, tiếng báo động vang lên: “Hắn kia! Hắn kia!”

“Đúng!”, hắn vừa hét to vừa chạy, và lún trong bùn, “Tôi đây! Tôi đây ! Tôi đây!” và tiếp tục chạy vào loạt đạn bắn lác đác đầu tiên, dừng lại giữa tiếng súng, vẫy tay, gào lên: “Tôi muốn ra đầu thú! Tôi muốn ra đầu thú!”, và hắn nhìn, không phải bằng ánh mắt khiếp đảm mà bằng cơn giận dữ đến cùng cực không thể chịu đựng nổi khi một đám người mặc đồ kaki tản ra cùng lúc một cỗ súng máy với họng súng to, ngắn tun ngắn, nghiêng nghiêng, hướng về phía hắn đây về thăm dò xuất hiện; hắn vẫn đang gào bằng giọng khàn khàn như quạ kêu, “Tôi muốn ra đầu thú! Các ông không nghe tôi nói ư?”, và hắn vẫn tiếp tục gào, ngay cả khi lão đảo, loạng choạng, cúi đầu xuống nước để tránh đạn, nghe thấy những viên đạn phía trên đầu mình rơi bực... bực... bực, quờ quạng tìm đáy nước, và ngay cả khi chưa đứng được trở lại trên đôi chân mình và vẫn để người chìm trong nước trừ cái mông dễ nhận thấy, tiếng gào giận dữ vẫn tuôn ra từ miệng hắn và tỏa ra xung quanh mặt hắn dưới dạng bong bóng, bởi vì hắn đơn giản vẫn muốn ra đầu thú. Sau đó hắn được che chắn một cách tương đối an toàn trong thời gian không lâu lắm. Vậy là (hắn đã không kể bằng cách nào hoặc ở đâu) trong chốc lát, hắn dừng bước, thở một giây trước khi tiếp tục chạy trở lại chỗ con thuyền hiện đang nằm phơi mình ở đó mặc dù vẫn có thể nghe thấy những tiếng la hét phía sau và tiếng súng nổ lác đác; và hắn vừa thở hổn hển, vừa khóc tức tưởi, những giọt nước mắt giận dữ rơi xuống bàn tay từ khi nào và rơi như thế nào hắn không biết, chỉ biết rằng mình đã lãng phí hơi sức quý giá không phải để nói cho không một đôi tai nào nghe, giống như tiếng kêu của một con thỏ đang hấp hối trước một đôi tai điếc, mà đúng hơn là để lên án toàn bộ hơi sức, sự đại dột và sức chịu đựng vô cùng tận của nó - một khả năng dường như là sự bất diệt duy nhất: “Tất cả những gì tôi muốn trên đời này là ra đầu thú”.

Hắn quay trở lại thuyền, trèo vào trong rồi nhặt tấm ván gỗ được dùng làm mái chèo lên. Và bây giờ khi kể lại, mặc dù cơn phẫn nộ đã lên tới đỉnh điểm song câu chuyện hắn kể lại trở nên khá đơn giản; giờ đây hắn thậm chí có thể xé một mẫu giấy quần thuốc lá bằng ngón tay mà không hề run hay làm rơi một sợi thuốc nào, như thế đã vượt qua phạm vi tấn công của khẩu súng máy tới phạm vi mà chẳng điều gì có thể khiến hắn kinh ngạc

được nữa. Phần tiếp theo của câu chuyện hẳn kể đến với người nghe như thể từ phía bên kia tấm kính màu sữa nhưng vẫn trong suốt, tựa như gì đó người ta không thể nghe song lại có thể nhìn thấy - một loạt những cái bóng không sắc màu nhưng vẫn có thể phân biệt được, trôi đi một cách êm ả, hợp logic, không hề điên rồ và gây ra tiếng động: Hẳn và người đàn bà đó đang ở trên thuyền, giữa một cái máng nước rộng không biên giới và một lần nữa chiếc thuyền lại lao vào vùng sức ép không thể cưỡng nổi của một dòng xoáy mà hẳn chẳng biết từ đâu đến, các thị trấn nằm nép mình dưới bóng của những cây sồi xanh tươi và không thể tiếp cận tựa như hư ảo và dường như không gắn với bất cứ cái gì ở phía chân trời bất biến và lộng gió. Hẳn không tin những thị trấn đó có thật, chúng không quan trọng, chẳng nào hẳn cũng đã chịu sự đọa đày của số phận; những thị trấn ấy chẳng khác gì làn khói mong manh hoặc hình ảnh trong một giấc mơ, và hẳn cứ chèo thuyền đi miết, không đích đến, không hy vọng, thỉnh thoảng lại nhìn người đàn bà ngồi đó với hai đầu gối nhô cao và toàn bộ thân hình như thể đang bị ghì chặt trong khi những dòng máu nhỏ len lõi chảy xuống từ đôi môi bị cắn mạnh. Hẳn chèo thuyền đi trong vô định, chẳng để trốn khỏi cái gì cả, chỉ mãi miết chèo bởi hẳn đã làm vậy quá lâu, lâu đến nỗi hẳn tin rằng nếu dừng tay thì cơ bắp của hẳn sẽ gào lên giận dữ. Vậy nên khi chuyện ấy xảy ra hẳn không hề ngạc nhiên. Hẳn nghe thấy âm thanh mình biết rõ (hẳn đã nghe thấy nó, chỉ nghe một lần là đủ, và không người nào cần phải nghe nó hơn một lần), âm thanh mà hẳn biết trước sau gì mình cũng sẽ nghe thấy; hẳn nhìn lại phía sau trong khi vẫn đang chèo thuyền, và nhìn thấy nó - bức tường nước cong cong với đỉnh sóng gồm những đám tạp nham nào là cây cối, rác rưởi, xác động vật; và hẳn ngoái lại nhìn nó hẳn một phút trong tình trạng kiệt sức vượt trên cả nỗi tức giận - tình trạng mà dù có khổ sở và bị xúc phạm thậm tệ hơn hẳn cũng không còn cảm thấy nữa, tình trạng cho phép hẳn ngấm nghĩ trong cảm giác tò mò hoang dại không hề bị tổn thương đạt đến mức độ mà những giây thần kinh dường như đã bị gây mê của mình cho phép - về điều tiếp theo mà định mệnh sắp đặt để hẳn và người đàn bà này phải chịu đựng cho đến khi con sóng thực sự bắt đầu chồm lên đầu hẳn với vẻ gầm gào cực độ. Lúc đó hẳn chỉ kịp quay đầu lại.

Nhịp chèo của hủn không hề chao đảo, chẳng chậm cũng chẳng nhanh hơn trước; hủn vẫn chèo thuyền một cách đều đặn như bị thôi miên và nhìn con nai đang trôi. Hủn không biết nó là gì và cũng chẳng biết mình đang lái con thuyền đổi hướng để theo con vật trôi nổi đó, hủn chỉ dõi theo cái đầu đang trôi phía trước khi con sóng ập tới và cả con thuyền dựng đứng lên theo cái cách hủn từng biết trong một đám hỗn độn gồm cây cối, những ngôi nhà, cây cầu, hàng rào, còn hủn thì vẫn tiếp tục chèo, thậm chí ngay cả khi mái chèo không chạm xuống nước, hủn vẫn không ngừng khua tay chèo, ngay cả khi hủn và con nai kia phóng về phía trước, song song nhau và chỉ cách nhau chừng một sải tay; hủn nhìn con nai bắt đầu dựng đứng lên cho đến khi nó thực sự vẫn trôi theo tư thế đó trên mặt nước, rồi biến mất ở phía trước trong tiếng nước bắn tung tóe và những cành cây kêu tanh tách, cái đuôi cụt của nó thoáng hiện trong chốc lát, rồi cả người con vật mất hút như một làn khói tan biến. Và bây giờ, chiếc thuyền va đập mạnh vào các vật nó gặp rồi chao đảo, còn hủn thì bật ra khỏi thuyền, đứng ở một chỗ ngập nước đến đầu gối, sau đó quỳ xuống dõi theo con nai đã biến mất. “Đất!”, hủn rên lên. “Đất! Bám chắc vào! Cứ bám chắc vào!” Hủn túm lấy hai cánh tay người đàn bà và kéo cô ta ra khỏi thuyền, hỗn hển và loạng choạng di chuyển theo hướng con nai vừa biến mất. Giờ đây mặt đất thực sự đã hiện ra - mặt đất kỳ cục, trơn trượt, dốc ngược và không thể tin nổi; và hủn đang bước những bước lún trong bùn của một chân gò rồi trượt hoài, trong khi người đàn bà vùng vẫy trong đôi tay đầy bùn của hủn.

“Buông tôi ra!”, cô ta kêu lên. “Buông tôi ra!” Nhưng hủn vẫn thờ hốt hển trong lúc kéo người đàn bà đang khóc tức tưởi đó mãi miết di chuyển trên chân gò trơn dốc; hủn sắp tới được đỉnh gò bằng phẳng cùng với cái gánh nặng không thể điều khiển nổi thì một cái gì đó đâm vào chân hủn với tốc độ nhanh đến mức khiến hủn giật bắn người. Đó là một con rắn, hủn nghĩ trong khi chân như muốn rụng ra và với chút sức lực cuối cùng, hủn vừa đẩy vừa ném người đàn bà lên chỗ đất cao rồi vẩy vẩy bàn chân, quay đầu nhìn cái phương tiện mình đã ở trên đó bao nhiêu ngày đêm cũng không nhớ nữa, cái phương tiện mà trong khoảng thời gian vừa qua, hủn chưa bao giờ hoàn toàn rời bỏ được như thể thân xác mệt mỏi rã rời của

hắn cứ cố mang cái mong muốn dai dẳng đầy phần uất được cắt đứt bằng mọi giá, kể cả bị chết đuối, để thoát khỏi mối ràng buộc với gánh nặng mà hắn bị định mệnh bắt phải mang, không thể thoái thác và lựa chọn này. Sau đó, dường tiếng khóc như mèo kêu của trẻ sơ sinh đã đưa hắn trở lại với thực tại.

# CỌ HOANG

Cả người quản lý mỏ lẫn vợ anh ta - một cặp vợ chồng ít tuổi nhưng già dặn hơn Charlotte và Wilbourne, ít nhất là qua vẻ mặt - đều không ra đón họ. Cặp vợ chồng đó mang họ Buckner, tự gọi nhau là Buck và Bill. “Cứ gọi tôi là Billie, i, e”, cô vợ nói bằng giọng miền Tây khàn khàn. “Tôi người gốc Colorado (cô ta phát âm chữ “a” như “æ”), Buck quê ở Wyoming.”

“Đó là tên của một gái điếm tuyệt vời, đúng không?”, Charlotte nói bằng giọng thích thú.

“Cô nói thế là có ý gì?”

“Không có gì. Tôi không hề có ý xúc phạm đâu. Đó là một cô gái điếm tốt bụng. Tôi muốn cố gắng phấn đấu để được như cô ấy.”

Vợ Buckner nhìn Charlotte. (Hai người đàn bà trò chuyện với nhau trong khi Buckner cùng Wilbourne tới nhà kho để lấy chăn, áo khoác lông cừu, quần áo lót và tất.) “Cô và anh ta chưa cưới nhau phải không?”

“Điều gì khiến cô nghĩ như vậy?”

“Tôi không biết. Chẳng hiểu sao tôi có thể dám chắc như vậy.”

“Chưa, chúng tôi chưa cưới nhau. Tôi hy vọng cô không phiền, bởi vì kiểu gì thì chúng tôi cũng sẽ sống chung dưới một mái nhà.”

“Tại sao tôi lại cảm thấy phiền chứ? Tôi và Buck cũng từng sống chung với nhau một thời gian trước khi cưới. Nhưng bây giờ thì ván đã đóng thuyền rồi.” Giọng cô ta không bộc lộ nét vui mừng cũng chẳng ra vẻ tự mãn. “Và tôi phải cất kỹ nó ở nơi Buck không biết. Điều đó thực ra cũng chẳng quan trọng lắm. Anh ấy không bận tâm. Chẳng có hại gì khi một cô gái muốn được an toàn.”

“Cô nói cô cất cái gì đi cơ?”



“Giấy tờ ấy mà. Giấy chứng nhận kết hôn. Sau đó (cô ta đang nấu bữa tối còn Wilbourne và Buckner vẫn đang ở mỏ, phía bên kia hẻm núi) cô ta nói: “Hãy làm cho anh ta cưới cô đi”.

“Có lẽ tôi sẽ làm thế”, Charlotte nói.

“Cô hãy khiến anh ta buộc phải cưới cô. Tốt hơn nên làm như thế đi. Nhất là khi cô đã dính bầu.”

“Cô đang mang bầu à?”

“Đúng thế. Được khoảng một tháng rồi.”

Thực ra, khi chiếc xe lửa của mỏ quặng trông như hình nộm chẳng có đầu, chẳng có đuôi, chỉ có ba toa và một khoang bếp xuất hiện trên đường ray ngập tuyết, không ai xuất hiện trong tầm nhìn của họ ngoài một người đàn ông cao lớn mặc chiếc áo khoác lông cừu bẩn thỉu với đôi mắt lơ đãng có thể do thiếu ngủ hiện ra trên khuôn mặt chắc hẳn không được rửa và cạo râu trong một thời gian - một người Ba Lan, với vẻ mặt dữ tợn, vừa kiêu hãnh vừa hoang dại, pha chút cuồng loạn, không nói tiếng Anh, cứ lúng búng và cuống quýt chỉ tay về phía bên kia hẻm núi nơi có chùng sáu, bảy ngôi nhà như kiểu được lắp ghép bằng những tấm kim loại với các ô cửa sổ được trổ lác đác. Hẻm núi không rộng, chỉ bằng một cái hào hoặc một con mương, hướng lên cao rồi lao xuống thấp, và các căn nhà cùng những đồng rác tạo thành các vết bẩn, vết sẹo trên mặt tuyết mới tinh khôi trong khi lối đi dẫn vào hầm mỏ hiện ra như một đường kẻ; ở phía bên kia hẻm là những đỉnh núi cao không thể chiếm lĩnh nhô lên trên bầu trời đầy gió rải rác mây. “Mùa xuân ở đây đẹp phải biết”, Charlotte nói.

“Có lẽ vậy”, Wilbourne đáp.

“Chắc chắn là như thế. Bây giờ quang cảnh cũng đẹp mà. Nhưng hãy tìm chỗ để sưởi ấm đã. Em sắp chết cóng rồi.”

Wilbourne ướm hỏi người đàn ông Ba Lan. “Ông quản lý”, anh nói. “Nhà nào thế nhỉ?”

“Vâng, ông chủ”, người đàn ông Ba Lan nói. Anh ta vung tay chỉ về phía bức tường đối diện của hẻm núi trong lúc bước đi với một tốc độ đáng kinh ngạc xét trên cơ thể to lớn của mình, và khi Charlotte hơi lùi lại một chút mà chưa kịp lấy lại bình tĩnh, anh ta đã chỉ vào đôi dép mỏng trong lớp

tuyết ngập đến cổ chân cô và bằng một cử chỉ dịu dàng giống như phụ nữ, anh ta dùng đôi bàn tay thô kệch của mình dựng ve cổ áo của cô lên để nó ôm quanh cổ và một phần khuôn mặt cô trong khi đôi mắt lơ đãng của anh ta cúi xuống cô vừa hoang dã vừa ân cần; anh ta đẩy cô về phía trước, vỗ vỗ vào lưng cô, và quả thực anh ta đã vỗ khá mạnh vào hông cô. “Ron”, anh ta nói. “Ron.”

Sau đó họ nhìn thấy một lối mòn vắt ngang thung lũng hẹp và đi theo người đàn ông Ba Lan tới chỗ ấy. Đó không hẳn là một lối đi không có tuyết hay tuyết ngập bàn chân, mà chỉ ít tuyết hơn, với bề rộng bằng một người ở giữa hai đống tuyết và khá khuất gió. “Có lẽ người này sống ở mỏ và chỉ về nhà vào cuối tuần”, Charlotte nói.

“Nhưng anh ta có vợ, họ nói với anh thế. Cô vợ làm gì ở đây nhỉ?”

“Có lẽ mỗi tuần xe chở quặng chỉ đến đây một lần thôi.” “Em dám chắc mình không nhìn thấy tay kỹ sư.” “Chúng ta cũng chưa gặp vợ anh ta”, cô nói. Cô bật ra một tiếng than thở biểu lộ nỗi chán chường. “Chẳng có gì đáng buồn cười hết. Em xin lỗi, Wilbourne ạ.”

“Ừ.”

“Xin lỗi nhé, những ngọn núi. Xin lỗi nhé, tuyết. Em nghĩ mình sắp chết cồng đến nơi rồi.”

“Dù sao sáng nay vợ anh ta cũng không có mặt ở mỏ”, Wilbourne nói. Cả người quản lý cũng không. Họ không hề chọn căn nhà một cách hú họa, không phải bởi nó là căn rộng nhất, cũng chẳng phải vì nó có cái nhiệt kế (cái thứ cho biết nhiệt độ lúc đó là mười bốn độ âm) ở ngoài cửa, mà đơn giản vì đó là ngôi nhà đầu tiên họ có thể tiếp cận, và giờ đây, lần đầu tiên trong đời cả hai đã thấm sâu cái lạnh đến mức không thể tách bỏ - cái lạnh để lại một dấu ấn không thể quên ở chỗ nào đó trong tâm hồn và ký ức họ giống như trải nghiệm tình dục đầu tiên hoặc hút chết. Wilbourne gõ cửa bằng bàn tay đã tê cóng không còn cảm giác trên mặt gỗ, song chẳng đợi ai đó bên trong trả lời, anh tự mở cửa và đẩy Charlotte vào trước; họ bước vào một căn phòng có một người đàn ông và một người đàn bà đều mặc áo len, quần bò, đi tất len và không đi giày, đang ngồi ở hai phía của

một cái thùng gỗ trước một bộ bài với những quân bài đã sờn mép được chia làm hai phần sẵn sàng cho cuộc chơi.

“Anh nói rằng ông ta đã cử anh đến đây hả? Chính ông Callaghan hả?”

“Đúng thế”, Wilbourne nói. Anh có thể nghe thấy Charlotte và cô vợ Buckner đang nói chuyện với nhau ở gần lò sưởi cách đó khoảng mười bước chân (lò sưởi được đốt bằng dầu hỏa); khi một que diêm được châm vào lò - điều chỉ xảy ra khi người ta phải tắt lò để nạp nhiên liệu cho bình chứa, bởi vì nếu không, ngày cũng như đêm, nó sẽ cháy liên miên - nó bắt lửa rồi phát ra một tiếng nổ, cháy bùng lên và phải sau một lúc Wilbourne mới quen được với điều đó, không còn há hốc miệng ra rồi vội ngậm lại trước khi tim anh nảy bật ra khỏi lồng ngực): “Hai người chỉ mang có chừng này quần áo đến đây thôi hả? Hai người sẽ chết cóng đấy. Buck sẽ phải tới nhà kho thôi”. “Đúng thế”, Wilbourne nói, “Tại sao anh lại hỏi như vậy? Không phải ông ấy thì còn ai khác cử tôi tới đây chứ?”.

“Anh... à... anh không mang theo bất cứ thứ gì ư? Một bức thư hay là không có gì cả?”

“Không. Ông ấy bảo rằng tôi không cần...”

“À, tôi hiểu rồi. Anh tự lo tiền tàu xe. Tự mua vé tàu hỏa.”

“Không. Ông ấy thanh toán tiền tàu cho tôi.”

“Ồ, tôi sẽ bị chửi cho mà xem”, Buckner nói. Anh ta quay đầu về phía vợ mình. “Bill, em có nghe thấy anh ta nói gì không?”

“Sao cơ?”, Wilbourne hỏi. “Tôi đã nói gì không đúng sao?”

“Không có gì đâu”, Buckner nói. “Chúng ta sẽ tới nhà kho để lấy chăn và quần áo ấm cho hai người. Ông Callaghan thậm chí không dặn trước là hai người nên sắm mỗi người một cái áo khoác lông cừu trước khi tới đây sao?”

“Không”, Wilbourne nói. “Nhưng hãy để chúng tôi sưởi cho ấm người cái đã.”

“Ở đây anh sẽ không bao giờ có thể cảm thấy ấm người đâu”, Buckner nói. “Nếu ngồi trước một cái lò sưởi để cố sưởi ấm, anh sẽ không bao giờ nhấc thân ra khỏi chỗ mình ngồi được. Anh sẽ chết đói, thậm chí sẽ không

đứng dậy để tiếp dầu cho lò sưởi khi nó cạn nhiên liệu. Hãy xác định rằng anh sẽ luôn bị lạnh, ít hoặc nhiều, ngay cả khi nằm trong chăn, vậy nên hãy cứ lo việc của mình đi, và sau một thời gian anh sẽ quen với cái lạnh, sẽ quên nó, rồi thậm chí sẽ không thấy mình lạnh nữa bởi vì anh đã quên mất cảm giác ấm. Hãy đi nào. Anh có thể dùng tạm áo khoác của tôi.”

“Thế còn anh thì sao?”

“Nhà kho không xa lắm đâu. Tôi có áo len rồi. Khoác cái này sẽ làm anh ấm hơn một chút.”

Nhà kho là một căn phòng đơn được dựng bằng kim loại, lạnh toát và được chiếu sáng bởi thứ ánh sáng trắng lạnh lẽo của tuyết ở bên ngoài ô cửa sổ duy nhất. Cái lạnh ở trong kho là cái lạnh chết người. Cái lạnh thấu xương ấy giống như con rắn độc đang trườn mà trong đó, người ta ngại thở và sự sống trở thành một đòi hỏi quá cao đối với cơ thể con người. Kề sát bức tường phía trong căn phòng là các giá gỗ cao, trừ những ngăn thấp thì các ngăn còn lại trông đều ảm đạm và trống trải, như thể căn phòng này cũng là một cái nhiệt kế không phải để đo độ lạnh mà để đo sự hấp hối - một cái nhiệt kế bách phân (lẽ ra bọn mình nên mang bức tượng Mùi khó ngửi tới đây để đặt trên cái giá này, Wilbourne nghĩ). Họ vơ chăn, áo khoác lông cừu, áo len cùng giày cao su trên giá gác; họ cảm thấy những thứ ấy cứng như băng và kim loại; mang những thứ đó trở lại căn lều, Wilbourne (anh đã quên khuấy đây là một nơi khá cao so với mặt nước biển) khó nhọc hít vào thứ không khí dường như đã đặc quánh khiến anh cảm giác như có lửa cháy trong buồng phổi.

“Vậy ra anh là bác sĩ cơ đấy”, Buckner nói. “Tôi là bác sĩ”, Wilbourne đáp. Bây giờ họ đã ở bên ngoài. Buckner khóa cửa nhà kho lại. Wilbourne nhìn sang phía bên kia hẻm núi về phía bức tường đối diện nơi đồng rác và lối đi vào mỏ quặng hiện ra như những vết sẹo không có sự sống trên mặt tuyết trắng. “Có chuyện gì ở đây thế?”

“Cứ từ từ rồi tôi sẽ cho anh biết. Anh là bác sĩ thật hả?” Wilbourne nhìn anh ta trừng trừng. “Tôi đã nói điều đó với anh rồi. Anh hỏi thế là có ý gì?”

“Tôi cho rằng anh phải có gì đó để chứng minh mình là bác sĩ chứ. Bằng y khoa chẳng hạn: Họ gọi như thế phải không nhỉ?”

Wilbourne nhìn anh ta. “Anh nói thế là có ý gì? Tôi phải có trách nhiệm chứng minh khả năng của mình với anh, hay với người sẽ trả lương cho tôi hả?”

“Lương ư?”, Buckner cười khùng khục. Rồi anh ta dừng lại. “Tôi không hề có ý làm anh tức giận đâu. Khi một người đến đây và chúng tôi cho anh ta một việc làm, còn anh ta tuyên bố rằng có thể cưỡi ngựa, thì dĩ nhiên chúng tôi muốn có bằng chứng về khả năng của anh ta và anh ta sẽ không nổi khùng khi bị yêu cầu đưa nó ra. Chúng tôi thậm chí sẽ cung cấp cho anh ta một con ngựa để anh ta chứng minh khả năng của mình, chỉ có điều đó không phải là con ngựa tốt nhất, và nếu chúng tôi chỉ có duy nhất một con ngựa tốt thì điều đó không có nghĩa nó là con ngựa tốt nhất. Vậy nên nếu chẳng có con ngựa nào để anh ta chứng minh khả năng của mình, chúng tôi buộc phải hỏi anh ta thôi. Đó là điều tôi đang làm.” Anh ta nhìn Wilbourne, đầy nghiêm túc và chăm chú bằng đôi mắt màu nâu lục trên khuôn mặt hốc hác đáng sợ.

“Hừm”, Wilbourne nói. “Tôi hiểu. Tôi có bằng y khoa do một trường khá nổi tiếng cấp. Chỉ thiếu chút ít thời gian nữa là tôi hoàn thành chương trình bác sĩ thực tập tại một bệnh viện lớn. Nếu tôi hoàn thành chương trình đó thì mọi người sẽ thừa nhận tôi là người biết tất cả những gì mà bất cứ bác sĩ nào cũng biết và thậm chí biết nhiều hơn một số bác sĩ khác. Hoặc chí ít, tôi cũng hy vọng như vậy. Anh thỏa mãn rồi chứ?”

“Rồi”, Buckner nói. “Được rồi.” Anh ta quay đi, tiếp tục rảo bước. “Anh muốn biết có gì không ổn ở đây hả. Chúng ta sẽ mang những thứ này vào trong lều rồi đi ra mỏ và tôi sẽ chỉ cho anh thấy.” Họ mang chăn áo vào lều và đi sang phía bên kia hẻm núi qua con đường chẳng ra đường, cũng giống như cái nhà kho chẳng ra nhà kho, mà chỉ là tấm biển đường khó hiểu như một ký hiệu mật mã được đặt bên lề đường.

“Chúng tôi tới đây trên chiếc xe lửa đó”, Wilbourne nói. “Nó chở gì xuống thung lũng vậy?”

“Ồ, nó luôn trong tình trạng đầy ắp”, Buckner nói. “Nó phải tới rồi rời khỏi đây trong tình trạng đó. Tôi phải đảm bảo chắc chắn nó được chất đầy nếu không muốn bị cắt cổ.”

“Nó chờ gì vậy?”

“À”, Buckner nói. Mỏ quặng đó không phải một cái giếng mà là một đường hầm chạy ra phía sau xuyên vào lòng núi - một đường hầm vòng tròn như miệng khẩu súng bắn đạn trái phá được chống đỡ bằng những cột gỗ, lúc đó đầy ánh sáng chét chóc của tuyết và tràn ngập cái lạnh như băng giá giống trong cái nhà kho mà trước đó họ từng tới, được viền bởi hai đường ray chạy dọc mà khi bước vào (họ bước nhanh để tránh cái đường ray dẫn mình chạy tuột xuống phía cuối đường hầm), họ gặp chiếc xe goòng chở đầy quặng được đẩy bởi một người đàn ông đi như chạy - người mà Wilbourne nhận ra cũng là người Ba Lan dù ông ta thấp và mập hơn (về sau, Wilbourne hiểu ra rằng không ai trong số họ cao lớn như anh tưởng, rằng sự đánh lừa về khổ người là một dạng xạ khí toát ra từ sự ngây ngô và cả tin mà những người đó cùng sở hữu); người đàn ông Ba Lan mà họ gặp trước đó cũng có đôi mắt lơ lơ cùng khuôn mặt râu ria xồm xoàm hiện ra phía trên chiếc áo khoác bản thủ viền lông cừu y hệt người đàn ông đầu tiên họ gặp.

“Tôi đã nghĩ rằng...”, Wilbourne định nói nhưng lại bỏ lửng. Họ tiếp tục bước đi; vệt sáng cuối cùng của tuyết đã mờ nhạt và giờ đây họ bước vào một nơi tựa như trong phim của Eisenstein [26]. Đường hầm trở thành một nhà hát mini được thiết kế theo kiểu đài vòng, có các nhánh hầm nhỏ hơn giống những ngón tay, được chiếu sáng bởi ánh điện quá thừa thãi như đang thắp cho một lễ hội - sự phung phí năng lượng của những bóng đèn điện bụi bặm, mặc dù theo tỉ lệ nghịch, toát lên vẻ giả tạo và hấp hối giống hệt cái nơi nghèo nàn và gầy như trống rỗng mang cái mác Nhà kho; và trong ánh sáng thừa thãi đó, Wilbourne nhìn thấy những người đàn ông trông có vẻ to lớn khác mặc áo lông cừu, có đôi mắt lơ lơ như bị mất ngủ đang hối hả, điên cuồng làm việc với cuốc và xẻng như anh đã thấy ở người đàn ông chạy phía sau chiếc xe goòng chở quặng, thốt ra những tiếng kêu la

và cảm thán bằng thứ ngôn ngữ mà Wilbourne không thể hiểu được, nghe gần giống tiếng cổ vũ của các cầu thủ trong một đội bóng khi từ các nhánh hầm - vẫn có nhiều bóng đèn điện chiếu sáng trong không gian bụi bặm, lạnh lẽo mà họ chưa đặt chân tới - dội lại những âm thanh hoặc tiếng kêu không rõ nghĩa và kỳ quặc của những người đàn ông khác tràn ngập bầu không khí nặng nề, tựa những con chim mù đang bay loạn choạng. “Ông ấy nói với tôi rằng ở đây các anh thuê cả người Hoa và người Ý”, Wilbourne nói.

“Đúng vậy”, Buckner nói. “Họ bỏ đi rồi. Đám người Hoa đã đi khỏi đây hồi tháng Mười. Một buổi sáng tôi thức dậy thì phát hiện ra bọn họ đã biến mất. Không còn một mống nào. Họ đi bộ xuống núi, tôi đoán thế. Họ đi những đôi dép bằng rơm với đuôi áo bay phấp phới. Nhưng dạo đó là tháng Mười và ở đây không phải chỗ nào cũng có nhiều tuyết. Họ đánh hơi thấy có chuyện nên bỏ đi. Đám người Ý thì...”

“Đánh hơi thấy có chuyện ư?”

“Từ tháng Chín ở đây người ta đã không phát lương rồi.”

“Ồ”, Wilbourne nói. “Bây giờ thì tôi hiểu rồi. Hiểu rồi. Vậy là họ đánh hơi thấy có chuyện. Giống như người da đen.”

“Tôi không biết. Tôi chưa bao giờ để hở ra điều gì. Đám người Ý ồn ào hơn. Họ đình công theo đúng cách thức. Họ buông cuốc, xẻng và bước ra khỏi mỏ. Có một người - bọn họ gọi đó là gì nhỉ? Bọn họ gọi là người đại diện phải không nhỉ? Một cuộc đối thoại ra trò, khá âm ỉ, và có nhiều bàn tay giơ lên, những người phụ nữ đứng trong tuyết ở bên ngoài, nâng những đứa con nhỏ lên cho tôi nhìn. Vậy là tôi mở cửa nhà kho, phát cho đàn ông, đàn bà, trẻ con, mỗi người một chiếc áo len (phải tận mắt nhìn thấy họ anh mới hiểu cơ, những đứa trẻ trong chiếc áo của người lớn rộng thùng thình. Chúng mặc những cái áo được phát ra ngoài, như mặc áo khoác vậy.) và một hộp đậu rồi cho bọn họ lên xe lửa chở quặng. Có khá nhiều bàn tay, nắm đấm giơ lên và sau khi xe lửa biến mất khỏi tầm mắt, tôi vẫn còn nghe vang vang bên tai tiếng nói của họ. Hogben xuống núi (anh ta điều khiển xe lửa); ngành đường sắt trả lương cho anh ta chỉ để sử dụng động cơ khi phải phanh tàu lại mà thôi, vậy nên xe lửa hầu như chẳng phát



ra tiếng ồn. Không ồn ào như đám người đó. Người Ý bỏ đi, nhưng người Đông Âu thì ở lại.”

“Tại sao? Họ không...”

“Anh muốn hỏi tại sao họ không đánh hơi thấy rằng ở đây đang có chuyện chứ gì? Khả năng hiểu và nắm bắt tình hình của họ không tốt. Họ có thể nghe thấy; những gã người Ý có thể nói chuyện với họ: Một trong số những người Ý làm thông dịch cho họ. Nhưng họ là những con người kỳ quặc và không thể ngửi được mùi giả dối. Tôi đoán rằng khi những người Ý cố gắng nói sự thật cho họ biết, họ không hiểu và tin rằng trên đời này lại có một con người có thể khiến những người khác tiếp tục lao động hùng hục mà không định trả lương cho họ. Vậy nên bây giờ khi những người khác bỏ đi, những người Đông Âu đó nghĩ mình đang có thêm việc. Họ làm tất cả. Những gã người Đông Âu ấy vốn chẳng phải thợ đẩy xe goòng, cũng chẳng phải thợ đào, xúc quặng, mà là những người đảm nhận việc liên quan đến thuốc nổ. Đám người Đông Âu ấy có tính khí ồn ào như thuốc nổ vậy. Nhưng bây giờ họ làm mọi việc. Họ cũng muốn đưa vợ con đến đây. Sau một thời gian, tôi hiểu ra điều ấy và ra sức ngăn chặn ý muốn đó. Đó là lý do tại sao họ không ngủ nhiều. Họ nghĩ nay mai khi tiền lương được chuyển đến, họ sẽ lĩnh cả cục. Có lẽ lúc này đây họ nghĩ anh là người mang tiền tới và tối thứ Bảy này, mỗi người bọn họ sẽ được lĩnh hàng nghìn đô la. Họ ngây thơ như trẻ con vậy. Họ sẵn sàng tin bất cứ điều gì. Đó là lý do tại sao họ sẽ giết anh khi phát hiện ra anh đã lừa dối họ. Ồ, không phải giết bằng cách đâm một nhát dao vào lưng đâu, và thậm chí không dùng dao, họ sẽ đi thẳng đến chỗ anh và gi một que thuốc nổ vào túi áo anh, giữ anh bằng một tay không cho anh thoát trong khi dùng tay kia bịt diêm châm ngòi thuốc nổ.”

“Và anh chưa nói cho họ biết sự thật ư?”

“Nói bằng cách nào? Tôi không thể nói chuyện với họ; thông dịch viên thuộc nhóm người Ý đã cuốn xéo khỏi đây rồi. Vả lại, chủ mỏ phải làm cho mỏ của ông ta có vẻ như vẫn đang hoạt động chứ và tôi cũng phải làm vậy. Ông ta phải khiến người ta nghĩ như thế để có thể tiếp tục bán cổ phiếu chứ. Đó là lý do tại sao anh - một bác sĩ - lại có mặt ở đây. Việc ông

ta nói với anh rằng sẽ không có thanh tra y tế nào ở đây nên anh không phải lo gì về chuyện kiểm tra bằng cấp hết là sự thật đấy. Nhưng ở đây có những thanh tra về mỏ, mà luật pháp và các quy định được ban hành lại đòi hỏi các mỏ đang hoạt động bắt buộc phải cần bác sĩ. Đó là lý do tại sao ông ta lại trả tiền tàu xe cho anh và vợ anh tới đây. Biết đâu đấy, tiền có thể sẽ đến. Khi nhìn thấy anh sáng nay, tôi cũng nghĩ anh là người mang tiền tới. Thế nào? Tôi nói như vậy đã đủ để anh hiểu vấn đề chưa?”

“Rồi”, Wilbourne nói. Họ quay ra cửa hầm mỏ; một lần nữa, họ lại phải bước nhanh sang một bên để nhường đường cho một chiếc xe goòng được đẩy bởi một người Ba Lan trông thật hoang dại và hốc hác. Họ bước ra ngoài trời lạnh thấu xương của một ngày đang tàn. “Tôi không tin chuyện đó”, Wilbourne nói.”

“Anh hiểu rồi cơ mà?”

“Ý tôi là tôi không hiểu lý do anh vẫn còn ở lại đây. Anh không nghĩ mình sẽ nhận được tiền cơ mà.”

“Có lẽ tôi đang chờ cơ hội để chuồn. Những gã khốn đó thậm chí thức thâu đêm và sẽ không cho tôi cơ hội làm thế đâu. Chết tiệt thật”, anh ta nói. “Tôi nói xạo đấy. Tôi đợi ở đây vì bây giờ là mùa đông và tôi ở đây hay ở đâu cũng thế mà thôi, miễn sao có đủ thực phẩm trong kho và chúng tôi có thể giữ mình khỏi chết cóng. Và bởi tôi biết ông chủ sẽ phải sớm gửi một bác sĩ khác tới hoặc đích thân ông ấy sẽ đến đây nói với tôi và những gã khốn ngớ ngẩn đó rằng mỏ sẽ đóng cửa.”

“Ồ, tôi đã đến rồi đấy thôi”, Wilbourne nói. “Ông ta đã gửi một bác sĩ tới rồi đấy thôi. Anh muốn gì ở một bác sĩ chứ?”

Buckner nhìn anh một lúc lâu bằng đôi mắt nhỏ lạnh lùng, chắc hẳn rất giỏi trong việc đánh giá và điều khiển một hạng người cụ thể - những con người thuộc tầng lớp nhất định - nếu không phải như vậy thì anh ta đã chẳng có mặt ở nơi này và làm cái việc anh ta đang làm; Wilbourne thầm nghĩ rằng có lẽ trước đây đôi mắt lạnh lùng ấy chưa từng bị buộc phải đánh giá một người đàn ông tự nhận mình là bác sĩ mà không có gì để chứng minh điều đó. “Nghe này”, anh ta nói. “Tôi có một việc làm tốt, chỉ có điều từ tháng Chín đến giờ tôi chưa được trả lương. Chúng tôi đã tiết kiệm được

khoảng ba trăm đô để rời đi khi chuyện ở đây kết thúc, và với số tiền đó chúng tôi có thể sống qua ngày cho đến khi tôi tìm được việc làm mới. Thế nhưng Bill lại có thai được một tháng rồi và chúng tôi không có đủ tiền để sinh con. Anh nói anh là bác sĩ và tôi tin lời anh. Thế nào, anh đồng ý không?”

“Không”, Wilbourne nói.

“Đó là điều không may đã xảy ra với tôi. Tôi sẽ sống phăng với anh.”

“Không”, Wilbourne nói.

“Ý anh nói là anh không biết phải làm việc đó như thế nào ư?”

“Tôi biết. Việc đó đơn giản thôi. Ở bệnh viện tôi đã quan sát người ta làm việc đó cho một bệnh nhân cấp cứu, có lẽ để chỉ cho chúng tôi thấy những gì chúng tôi không bao giờ phải làm. Người hướng dẫn không cần chỉ cho tôi thấy phải làm việc đó như thế nào.

“Tôi sẽ trả cho anh một trăm đô la.”

“Số tiền đó tôi cũng có”, Wilbourne nói.

“Vậy thì một trăm năm mươi đô. Gấp rưỡi còn gì. Anh thấy đấy tôi không thể trả hơn được.”

“Tôi cũng có một trăm năm mươi đô la. Tôi có một trăm tám mươi lăm đô la cơ. Và cho dù tôi chỉ có mười đô la thì...”

Buckner quay đi. “Anh thật may mắn. Thôi đi ăn đã.” Anh kể cho Charlotte nghe chuyện đó. Không phải là kể ở trên giường như họ đã quen trò chuyện với nhau, bởi vì tất cả bốn người bọn họ đều ngủ chung phòng - căn nhà đơn phòng với cái chái nhà có thể sử dụng cho nhu cầu riêng tư tối cần thiết - mà ở bên ngoài, nơi tuyết ngập đến đầu gối và phải mang ủng cao su, họ có thể nhìn thấy bức tường đối diện của hẻm núi cùng những đỉnh núi lởm chởm mây phủ lác đác, và Charlotte một lần nữa lại nói bằng giọng chắc chắn: “Vào mùa xuân ở đây đẹp phải biết”.

“Và anh đã từ chối”, cô nói. “Tại sao? Một trăm đô la cơ mà, đúng không?”

“Em biết rõ rồi còn gì. Một trăm năm mươi đô la.” “Anh từ chối vì anh nghĩ ‘thù lao của tôi không cao, nhưng chẳng thấp đến mức ấy’, đúng không?”

“Không. Anh từ chối vì...” “Anh sợ à?”

“Không. Việc đó không là gì cả. Đơn giản thôi. Xoẹt một cái là xong thôi. Đó là vì anh...”

“Nhưng phụ nữ có thể chết vì nạo thai đấy.”

“Do người tiến hành việc đó không biết cách làm thôi.

Có thể trong mười nghìn trường hợp mới có một ca tử vong. Tất nhiên không có thống kê chính xác. Anh từ chối là vì...”

“Thôi được. Không phải vì anh ta đưa ra giá quá thấp, cũng chẳng phải vì anh sợ. Em chỉ cần biết như vậy thôi. Anh không cần phải giải thích đâu. Không ai có thể bắt anh làm việc đó. Hãy hôn em đi. Chúng ta thậm chí không thể hôn nhau ở trong kia, chứ nói gì đến...”

Bốn người bọn họ (Charlotte giờ đây đã ngủ trong bộ đồ bằng len giống những người khác) ngủ trong cùng một căn phòng, không phải trên giường mà trên những tấm đệm được trải trên sàn nhà (“ngủ như thế ấm hơn”, Buckner giải thích. “Cái lạnh luôn từ dưới lên.”) và lò sưởi không ngừng hoạt động. Họ nằm ở hai góc đối diện nhau nhưng dẫu vậy, hai chiếc đệm cũng chỉ cách nhau không quá năm mét, thế nên Wilbourne và Charlotte không thể trò chuyện với nhau, dù là nói thầm. Đối với Buckner, có không gian riêng để trò chuyện hay không chẳng quan trọng, mặc dù vợ chồng họ dường như có đủ nhu cầu để thầm thì to nhỏ; dưới ngọn đèn chập chờn nhiều lần, Wilbourne và Charlotte nghe thấy tiếng động như một con ngựa đực đang chồm lên phát ra từ phía tấm đệm kia cùng tiếng chuyển động mạnh và gấp gáp bị chiếc chăn hãm bớt rồi ngừng lại nhường chỗ cho tiếng rên và thở hổn hển của người đàn bà; nhiều lần những tiếng hét vô thức bật ra hòa vào nhau, mặc dù chuyện đó không dành cho họ. Rồi một ngày, chiếc nhiệt kế đảo số, chuyển từ mười bốn độ âm thành bốn mươi một độ âm và họ chuyển hai tấm đệm đến cạnh nhau để ngủ chung cho đỡ lạnh: Hai người đàn bà nằm giữa, song thỉnh thoảng trước ánh đèn chập chờn như sắp tắt phụt, họ vẫn nghe thấy tiếng chuyển động hùng hục, dữ dội của con ngựa đực (có lẽ tiếng chuyển động đó làm họ thức giấc), cứ như thể từ trong giấc ngủ, họ bị hút vào nhau một cách dữ dội và điên cuồng như sắt bị hút bởi thỏi nam châm trong tiếng thở hổn hển, gấp gáp,

tiếng rên rỉ vọng tới tai họ với động tác giật dữ dội của người đàn bà, và Charlotte buột miệng nói: “Các người không thể làm chuyện ấy mà không kéo chân sao?” khi chuyện ấy xảy ra với hai người kia chứ không phải với họ.

Họ đã ở đó tròn một tháng, và tháng Ba cùng mùa xuân mà Charlotte mong đợi đang đến gần hơn, thế rồi bỗng đâu một buổi trưa, Wilbourne trở về từ mỏ quặng nơi những người Ba Lan bán thiu, không ngủ vẫn đang lao động một cách mê mải vì bị lừa gạt - nơi có những giọng nói mà họ không thể hiểu được nghĩa giống những con chim mù vẫn bay qua bay lại giữa những bóng đèn điện phát ra thứ ánh sáng thừa mứa - nhận thấy Charlotte cùng vợ của Buckner đang nhìn ra cửa khi anh bước vào. Và anh biết điều gì sắp xảy ra, thậm chí đã được chuẩn bị cho điều đó. “Này, Harry”, Charlotte nói. “Họ sắp rời khỏi đây. Họ phải đi. Họ chỉ có ba trăm đô la để đến cái nơi định đến và sống qua ngày cho tới khi anh ta tìm được việc làm. Vậy nên họ phải làm điều gì đó trước khi quá muộn.”

“Chúng ta cũng vậy”, anh nói. “Và chúng ta không có ba trăm đô la.”

“Chúng ta không có con. Chúng ta không phải hứng chịu điều không may đó. Anh nói việc đó đơn giản thôi mà, rằng trong mười nghìn trường hợp mới có một ca tử vong thôi, rằng anh biết cách làm và không sợ mà. Họ sẵn sàng chấp nhận rủi ro.”

“Em muốn có một trăm đô la đến thế kia à?”

“Em đã bao giờ nói em muốn số tiền đó chưa hả? Em đã bao giờ nói về tiền chưa, ngoài một trăm hai mươi lăm đô la của em mà anh không muốn cầm? Anh biết điều đó mà. Em biết anh sẽ không nhận tiền của họ.”

“Anh xin lỗi. Anh không có ý đó. Đó là bởi...”

“Đó là bởi họ đang gặp khó khăn. Cứ thử đặt mình vào hoàn cảnh của họ mà xem. Em biết anh sẽ phải hy sinh một số thứ. Nhưng chúng ta đã hy sinh cái này hay cái khác vì tình yêu nhiều rồi, và chúng ta không hề hối tiếc.”

“Không”, anh nói. “Anh không hề hối tiếc. Không bao giờ.”

“Chuyện này cũng vì tình yêu thôi. Có lẽ không phải là tình yêu của chúng ta. Nhưng cũng là vì tình yêu.” Cô đi tới chỗ chiếc giá gác nơi để

chiếc hộp xoàng xĩnh đựng y cụ mà anh được phát trước khi rời Chicago cùng hai vé tàu hỏa. “Nếu ông Callaghan có thể biết việc này thì tốt, rằng lần duy nhất anh sử dụng những thứ này là để cắt người quản lý của ông ta khỏi mỏ. Anh có cần gì nữa không?”

Buckner đi tới bên Wilbourne. “Ồn chứ?”, anh ta hỏi. “Tôi không sợ và cô ấy cũng vậy. Bởi vì anh đáng tin cậy. Tôi quan sát anh cả tháng trời không phải là không có mục đích. Có lẽ nếu anh đồng ý ngay thì tôi sẽ e sợ và không để anh làm việc này. Nhưng bây giờ thì tôi yên tâm rồi. Tôi sẽ chấp nhận rủi ro và không quên lời hứa đâu: Tôi sẽ sòng phẳng với anh. Và không phải là một trăm đô, mà là một trăm năm mươi đô.”

Anh cố nói Không, cố hết sức. Đúng, anh nghĩ, mình đã hy sinh nhiều thứ, nhưng dường như không phải thứ này. Mình đã trung thực trong vấn đề tiền nong, sự an toàn cùng trình độ và trong một khoảnh khắc u ám anh nghĩ, có thể mình đã hy sinh tình yêu trước tiên nhưng kịp chặn ý nghĩ đó lại; anh nói: “Anh chị không có đủ tiền đâu, cho dù anh chị mang họ Callaghan. Tôi sẽ chấp nhận mọi rủi ro”.

Ba ngày sau, họ - những người khi đến đó không được ai đón - đã tiễn vợ chồng Buckner qua phía bên kia hẻm núi tới chỗ xe lửa đang đợi. Wilbourne khăng khăng không chịu nhận một trăm đô la tiền mặt, cuối cùng đã nhận một giấy ghi nợ một trăm đô la từ Buckner - cái giấy ghi nợ mà tất cả bọn họ đều biết sẽ không bao giờ được thanh toán bằng tiền nhưng được dùng để đổi lấy lượng thực phẩm tương đương từ cái nhà kho mà Buckner đã trao cho chìa khóa cho anh.

“Chuyện này với tôi có vẻ ngớ ngẩn”, Buckner nói. “Dù sao cái kho đó bây giờ cũng thuộc về anh rồi.”

“Nó sẽ giúp cân đối sổ sách”, Wilbourne đáp. Họ đi theo con đường chẳng ra đường để đến chỗ chiếc xe lửa chẳng có đầu cũng chẳng có đuôi, chỉ có ba toa chở hàng, giống như cái xe lửa đồ chơi. Buckner ngược mắt nhìn về phía mỏ quặng cùng cái miệng hố trống hoác, về phía vùng tuyết trắng xóa lốm đốm những đồng rác tựa vết sẹo loang. Trời quang đãng, vàng mặt trời mỏng xuống thấp, lơ lửng phía trên các đỉnh núi lờm chờm

nhuộm hồng giữa bầu trời tràn ngập một màu xanh kỳ diệu. “Họ sẽ nghĩ gì khi phát hiện ra anh đã chuồn khỏi đây?”

“Tôi hy vọng có lẽ họ sẽ nghĩ tôi đi lo chuyện tiền nong vì anh.” Rồi anh ta nói: “Bọn họ nên ở lại. Ở đây họ không phải lo về tiền thuê chỗ ở, có thể uống say rồi tỉnh để rồi lại say tiếp, có đủ thức ăn để tồn tại cho đến mùa xuân. Ở đây họ có việc để làm, để bận rộn cả ngày, và ban đêm họ có thể nằm nhắm tính số tiền công mà họ nghĩ mình sẽ nhận được. Một con người có thể đi khá xa khi anh ta nghĩ về những gì mình sẽ nhận được. Và biết đâu đấy, có thể chủ mỏ sẽ gửi tiền tới”.

“Anh tin như vậy sao?”

“Không”, Buckner nói. “Tôi biết anh cũng chẳng tin.” “Tôi nghĩ mình chưa bao giờ tin điều đó”, Wilbourne đáp. “Thậm chí vào cái ngày hôm đó, khi ở văn phòng của ông ta tôi cũng không tin. Có lẽ đó là khi tôi có ít lòng tin vào chuyện ấy hơn bao giờ hết.” Họ đứng cách hai người phụ nữ một đoạn. “Này, khi rời khỏi đây và tìm được cơ hội, anh hãy đưa cô ấy đi khám một bác sĩ giỏi ngay nhé. Hãy nói cho bác sĩ biết sự thật.”

“Để làm gì?”, Buckner nói.

“Tôi muốn anh làm như vậy. Tôi sẽ cảm thấy nhẹ nhõm hơn.”

“Không”, Buckner nói. “Cô ấy không sao đâu. Bởi vì anh là người đáng tin cậy. Nếu không chắc anh là người đáng tin cậy, thì đời nào tôi lại để anh làm việc đó, đúng không nào?” Đã đến lúc chia tay, tàu hỏa phát ra một hồi còi lạnh lạnh, vợ chồng Buckner bước lên tàu và con tàu bắt đầu chuyển bánh. Charlotte và Wilbourne chỉ nhìn theo đoàn tàu hỏa đó trong chốc lát rồi Charlotte quay gót và bắt đầu chạy. Mặt trời sắp lặn, những đỉnh núi trông vừa huyền bí vừa êm dịu, bầu trời nhuộm màu hổ phách và xanh trong vời vợi; trong chốc lát, Wilbourne nghe thấy những giọng nói xa xăm, hoang dại và khó hiểu từ phía mỏ vọng tới.

“Ôi, Chúa ơi”, Charlotte nói. “Tối nay thậm chí chúng ta đừng ăn. Nhanh lên nào. Chạy đi nào.” Cô tiếp tục chạy, sau đó dừng bước và quay đầu lại, khuôn mặt cô ửng hồng trong ánh hoàng hôn, đôi mắt phía trên ve cổ của chiếc áo khoác lông cừu đã đổ dằng giờ đây nhuộm một màu xanh. “Không”, cô nói. “Anh chạy trước đi, để em có thể cởi đồ cho cả hai chúng



ta trong tuyết. Chạy đi nào.” Nhưng anh không chạy trước, thực sự không chạy, anh bước đi chậm chậm để có thể nhìn thấy bóng cô nhỏ dần nhỏ dần phía trước trên con đường chẳng ra đường, rồi leo lên bức tường đá hướng về phía căn nhà đơn phòng, nhìn theo người phụ nữ mà đáng lẽ ra không nên mặc quần trừ khi quên mất, và khi bước vào trong nhà, anh thấy cô đã cởi hết quần áo trên người, thậm chí cả quần áo lót. “Nhanh lên nào”, cô nói. “Nhanh lên. Đã sáu tuần rồi. Em gần như quên cách làm chuyện ấy rồi. Không”, cô tiếp tục, “em sẽ không bao giờ quên. Anh sẽ không bao giờ quên, tạ ơn Chúa”. Rồi với hai cánh tay và bắp đùi căng cứng, cô ôm anh và nói: “Em cho rằng mình khá e thẹn trong chuyện yêu. Em không thể nào làm chuyện ấy khi có dù chỉ một người ngủ chung phòng với chúng ta.”

Họ không dậy để nấu hoặc ăn bữa tối. Một lúc sau, họ ngủ; Wilbourne thức giấc vào lúc nào đó trong đêm và phát hiện ra lò sưởi đã tắt ngấm, còn căn phòng lạnh đã đóng băng. Anh nghĩ đến bộ quần áo mặc bên trong của Charlotte mà lúc trước cô đã quăng trên sàn; cô sẽ cần nó, bây giờ cô nên mặc quần áo vào. Anh nghĩ quần áo của cô chắc hẳn đã lạnh như băng nên tính sẽ dậy mang nó vào giường để ủ cho tan giá băng cơ thể của mình cho đến khi cô có thể mặc nó và cuối cùng, anh cũng tìm được sức mạnh để bắt đầu cựa mình, nhưng cô đã giữ anh lại. “Anh đi đâu đấy?” Anh nói cho cô biết anh muốn đi lấy quần áo cho cô. Cô giữ anh lại thật chặt. “ Bất cứ lúc nào em lạnh, anh cũng có thể ủ ấm cho em bằng cơ thể của anh.”

Ngày nào anh cũng đến mỏ quặng nơi công việc điên rồ không hề suy giảm vẫn đang tiếp diễn. Trong lần đầu tiên anh đến mỏ sau khi Buckner bỏ đi, những người đàn ông ở đó không nhìn anh với vẻ tò mò hay ngạc nhiên mà đơn giản nhìn anh bằng ánh mắt chất vấn, rõ ràng muốn hỏi Buckner đâu. Nhưng chỉ vậy thôi, không có chuyện gì xảy ra và anh hiểu rằng có lẽ họ thậm chí không biết anh chỉ là bác sĩ được thuê đến mỏ, rằng họ coi anh chỉ là một người Mỹ khác (anh muốn nói là người da trắng), một đại diện khác của Ngài Quyền Lực ở xa không thể bắt bẻ mà họ đã đặt niềm tin và sự trung thành của mình một cách mù quáng. Anh và Charlotte bắt đầu bàn đến việc cố gắng nói cho họ biết sự thật. “Làm thế liệu có tốt không?”, anh hỏi. “Buckner nói đúng đấy. Nếu rời khỏi đây, họ sẽ đi đâu, sẽ làm gì? Ở

đây có thừa thức ăn để họ tồn tại qua mùa đông, và có lẽ họ chẳng có tiền tiết kiệm để mà đi (cứ cho là họ vẫn được hưởng các thứ trong kho ngay cả khi được trả lương đầy đủ để dành dụm ra chút ít) và như Buckner đã nói, em có thể sống khá hạnh phúc trong một thời gian dài nhờ sự ảo tưởng. Có lẽ nếu không sống trong ảo tưởng, em sẽ không cảm thấy hạnh phúc. Anh muốn nói, nếu em là một trong những người Đông Âu chưa bao giờ biết đến bất cứ điều gì khác ngoài việc tính thời gian cho một khối thuốc nổ dưới hầm cách mặt đất khoảng hai mét. Và còn một điều nữa. Chúng ta vẫn có ba phần tư giá trị của một trăm đô la nằm trong thực phẩm, và nếu tất cả bọn họ rời khỏi đây, thì chuyện sẽ vỡ lở và ông ta có thể sẽ cử người tới để lấy đi tất cả những hộp đậu còn lại.”

“Và còn một điều khác nữa”, Charlotte nói. “Hiện giờ họ không thể đi khỏi đây. Họ không thể đi bộ trong tuyết dày như thế này. Anh không nhận thấy điều đó ư?”

“Nhận thấy điều gì cơ?”

“Rằng đã hai tuần rồi chiếc xe lửa bé tẹo đó không quay trở lại kể từ khi nó đưa vợ chồng Buckner rời khỏi đây.”

Quả thực anh đã không nhận ra điều đó cũng chẳng biết liệu chiếc xe lửa đó có quay lại hay không, vậy nên họ nhất trí với nhau rằng lần tới nó đến, họ sẽ không đợi thêm nữa, họ sẽ nói (hoặc sẽ thử nói) sự thật với những người đàn ông đang làm việc ở mỏ. Hai tuần sau, xe lửa quay trở lại. Họ đi sang phía bên kia hẻm núi đến nơi mà những người đàn ông bụi bặm nói thứ tiếng họ không hiểu đang bắt đầu chất quặng lên xe. “Bây giờ phải làm gì đây?”, Wilbourne hỏi. “Anh không thể nói chuyện với họ.”

“Anh có thể mà. Bằng cách nào đó. Họ tin rằng bây giờ anh là ông chủ và chẳng ai lại không hiểu người mà họ tin là ông chủ của mình. Bằng cách nào đó hãy cố bảo họ đến nhà kho đi.”

Wilbourne bước lên phía trước, đi tới chỗ cái máng chở quặng khi chiếc xe goòng chở quặng đầu tiên bắt đầu chuyển động và giơ tay lên. “Khoan đã”, anh nói to. Những người đàn ông ngừng làm việc, những khuôn mặt hốc hác với đôi mắt lơ lơ ngược lên nhìn anh. “Nhà kho”, anh kêu to. “Kho!”, anh chỉ tay về phía vách núi đối diện bằng cử chỉ dứt khoát

và mạnh mẽ; rồi sực nhớ ra từ mà người đầu tiên họ gặp khi đến đây, người đã dựng cỗ áo của Charlotte lên trong ngày hôm đó, đã sử dụng. “Ron”, anh nói. “Ron.” Họ nhìn anh một lát, những cặp lông mày nhạt màu nhú lại, những khuôn mặt đầy vẻ háo hức, bối rối, và hoang dại. Rồi họ nhìn nhau, đứng túm tụm lại rồi nhao nhao nói với nhau điều gì đó bằng thứ tiếng mà anh không hiểu. Sau đó một nhóm người tiến về phía anh. “Không, không”, anh nói. “Tất cả mọi người.” Anh dùng tay ra hiệu cho họ đi về phía cửa hầm mỏ. “Tất cả các anh.” Lần này có người hiểu ý của anh rất nhanh, và gần như ngay lập tức người đàn ông có dáng người thấp mà Wilbourne đã gặp khi anh ta vừa chạy vừa đẩy xe goòng bằng đôi chân ngắn to khỏe như thể gắn pít-ton chạy biến vào trong hầm rồi xuất hiện trở lại, kéo theo một hàng dài những người đàn ông làm việc trong đó. Những người đó nhập vào nhóm thứ nhất nói liền thoảng và ra hiệu loạn xạ. Sau đó tất cả họ ngừng nói khi nhìn Wilbourne với vẻ ngoan ngoãn và phục tùng. “Nhìn mặt họ kìa”, anh nói. “Lạy Chúa, anh không thích là người phải làm chuyện này chút nào. Gã Buckner chết tiệt.”

“Thôi nào”, Charlotte nói. “Hãy làm cho xong việc đi nào.” Họ đi sang phía bên kia thung lũng, những người thợ mỏ bụi bặm tương phản với tuyết trắng đi theo họ - những khuôn mặt của một đoàn hát rong được trang điểm một cách vụng về - tiến đến nhà kho. Wilbourne mở cửa nhà kho. Rồi anh nhận thấy một đám gồm năm người đàn bà đang đi theo đám thợ mỏ. Anh và Charlotte chưa bao giờ nhìn thấy họ;

họ dường như vừa mới đội tuyết lên, tất cả đều mang khăn choàng; hai người trong số đó bế con nhỏ chưa đầy tháng.

“Lạy Chúa”, Wilbourne lẩm bẩm. “Họ thậm chí không biết anh là bác sĩ. Họ thậm chí không biết luật pháp yêu cầu phải có bác sĩ ở mỏ.” Anh và Charlotte bước vào nhà kho. Trong không gian u ám không còn ánh sáng phản chiếu của tuyết, các khuôn mặt biến mất và chỉ còn những con mắt trờ trọi nhìn anh với vẻ ngoan ngoãn, kiên nhẫn, phục tùng, tin cậy và hoang dại. “Bây giờ phải làm gì đây?”, anh lặp lại lời nói ban nãy. Rồi anh bắt đầu nhìn Charlotte và tất cả bọn họ đều nhìn cô, năm người đàn bà chen lên phía trước cũng nhìn cô khi cô buộc bốn góc của một tấm giấy cứng kiem

được từ đâu đó lên một ngăn của giá đựng thực phẩm nơi ánh sáng từ ô cửa sổ duy nhất rọi vào và bắt đầu dùng một trong những mẫu than chì cô mang theo từ Chicago vẽ rất nhanh lên tấm giấy hình một bức tường cao với ô cửa có chấn song, không khó để hiểu ra đó là cửa thanh toán và bên ngoài cửa có một đám người rõ ràng là những thợ mỏ (cô thậm chí vẽ cả người đàn bà ôm con nhỏ); ở bên trong cửa sổ là một người đàn ông to lớn (cô chưa bao giờ nhìn thấy ông Callaghan mà chỉ nghe qua lời kể của anh, song quả thật cô vẽ rất giống) ngồi phía sau một chiếc bàn với đồng tiền xu mà ông ta dùng bàn tay có đeo chiếc nhẫn kim cương to cỡ quả bóng bàn gạt vào chiếc túi vải bố. Sau đó cô bước sang một bên. Trong phút chốc, tất cả mọi người im phăng phắc. Sau đó những tiếng kêu nổi lên, dữ dội nhưng không quá ồn ã, trừ giọng những người phụ nữ rít lên nghe to hơn tiếng thì thầm, rên rỉ, và tất cả bọn họ cùng quay về phía Wilbourne, những đôi mắt lơ lơ hoang dại nhìn anh trừng trừng đầy giận dữ lẫn oán trách.

“Khoan đã!”, Charlotte kêu lên. “Đợi đã!” Họ dừng lại nhìn cô một lần nữa khi mẫu than chì trong tay cô di chuyển, và giờ đây, bên rìa của đám đông đang đợi ngoài cửa sổ, Wilbourne nhìn thấy khuôn mặt của mình lộ ra dưới thỏi than chì đang lướt nhanh; bất cứ ai cũng có thể ngay lập tức nhận ra người cô đang vẽ là anh. Tiếng ồn ào tắt lịm, họ nhìn Wilbourne rồi nhìn nhau bằng ánh mắt hoang mang. Rồi họ lại nhìn Charlotte khi cô giật tờ giấy khỏi nơi nó được treo và bắt đầu thay một tờ giấy mới; lần này một trong số họ bước tới giúp cô, Wilbourne lại đợi mẫu than chì lướt qua, lướt lại trên tờ giấy. Cô vẽ anh, vẽ rõ ràng anh là một bác sĩ, bất cứ người nào cũng có thể nhận ra điều đó - cặp kính gọng sừng, chiếc áo bờ lu của bệnh viện mà mọi bệnh nhân nghèo - bất kỳ người thợ mỏ nào bị thương do đá, sắt thép hoặc chất nổ gây ra được đưa đến các trạm cấp cứu - đều đã nhìn thấy cùng hành động lấy thìa thuốc ra từ lọ thuốc trong tay anh cho người đàn ông mà họ có thể hiểu là một người trong số họ, hoặc bất cứ người nào lao động trong lòng đất, gương mặt râu ria hoang dã, thậm chí cả cái cổ áo lông cừu và phía sau, chính bàn tay đeo chiếc nhẫn kim cương đó đang móc chiếc ví mỏng quẹt như tờ giấy khỏi túi áo của người bác sĩ. Những con mắt lại đổ dồn về phía Wilbourne, vẻ oán trách trong những ánh mắt đó

không còn nữa, chỉ còn nỗi giận dữ không nhắm vào anh. Anh ra hiệu cho họ bước tới những ngăn giá để đồ vẫn còn chứa lương thực. Giờ thì anh có thể đi đến chỗ Charlotte và nắm cánh tay cô.

“Đi thôi”, anh nói. “Hãy ra khỏi đây nào.” Sau đó (anh đã quay trở lại chỗ xe lửa đang đỗ, nơi Hogben, cũng là toàn bộ kíp lái, đang ngồi bên lò sưởi ấm trong cái khoang không rộng hơn một cái tủ đựng chổi là bao. “Vậy là ba mươi ngày nữa, anh sẽ quay trở lại đây?”, Wilbourne hỏi.

“Cứ ba mươi ngày tôi phải thực hiện một chuyến đi để duy trì quyền hoạt động của mỏ”, Hogben đáp. “Anh nên đưa vợ anh đi khỏi đây bây giờ.”

“Chúng tôi sẽ đợi”, Wilbourne nói. Anh quay lại căn nhà họ ở và cùng Charlotte đứng trước cửa nhìn hàng dài đám đông xuất hiện từ phía nhà kho trông thật thiếu nã, tiến về phía bên kia hẻm núi leo lên xe lửa, nhét nhau vào đầy ba toa. Nhiệt độ lúc này không phải là bốn mươi một độ, cũng không vọt lên đến mười bốn độ. Xe lửa chuyển bánh; họ có thể nhìn thấy những khuôn mặt nhỏ xíu nhìn về phía lối vào mỏ quặng và những đồng rác với vẻ ngơ ngác, buồn bã, choáng váng, cho thấy họ không thể tin nổi chuyện vừa mới xảy ra; khi con tàu chuyển bánh, âm thanh của những giọng nói nổi lên, bay đến chỗ họ qua hẻm núi nghe thật tuyệt vọng, thê lương, hoang dại và yếu ớt vì khoảng cách khá xa), anh nói với Charlotte: “Ôn Chúa trước tiên chúng ta đã có cái ăn”.

“Có thể chỗ thực phẩm đó chưa hẳn thuộc về chúng ta”, cô nói bằng giọng tỉnh táo.

“Vậy thì chỗ thực phẩm đó là của Buckner. Họ cũng chưa trả tiền công cho anh ta kia mà.”

“Nhưng anh ta đã chuồn khỏi đây rồi. Họ không trả công cho anh ta đâu.”

Mùa xuân đã đến gần hơn; trước khi cái xe lửa ấy đến mỏ theo đúng lịch có thể, họ đã nhận thấy sự chớm hé của mùa xuân trên núi - mùa xuân mà cả anh và cô đều chưa từng thấy và chẳng hề biết nó sẽ không thực sự đến cho tới thời điểm mà theo trải nghiệm của họ là đầu mùa hè. Đêm hôm ấy, họ nói về điều đó, khi cái nhiệt kế có lúc lại báo bốn mươi một độ âm.

Nhưng chỉ ít, giờ đây họ có thể tâm sự với nhau ở trên giường, trong bóng tối và dưới những tấm chăn, sau một hồi loay hoay kéo và quần (việc này cũng mang tính thủ tục), Charlotte cuối cùng cũng trút bỏ quần áo để trở về với thói quen ngủ trần truồng của mình. Cô không ném bộ quần áo vừa cởi ra ngoài mà cuộn chúng trong chăn thành một mớ nệm bên trên, bên dưới và xung quanh họ để sáng ra, tất cả đều không đóng băng. Một đêm, cô nói: “Anh vẫn chưa nhận được tin gì của Buckner. Nhưng tất nhiên anh chưa nhận được rồi; làm thế nào anh nhận được chứ”.

“Không”, anh nói, bằng giọng tỉnh táo gây ngạc nhiên. “Anh ước gì mình sẽ nhận được tin của anh ta. Anh đã dặn anh ta ngay khi đến chỗ mới hãy đưa vợ đến gặp bác sĩ.

Nhưng có lẽ anh ta... anh ta đã hứa sẽ báo tin cho anh mà.”

“Em cũng ước gì anh sẽ nhận được tin của anh ta.”

“Có thể lần tới khi xe lửa đến chúng ta sẽ nhận được một lá thư.”

“Nếu như cái xe lửa đó quay lại.” Nhưng anh không nghi ngờ gì cả, mặc dù sau đó anh cảm thấy việc mình không nghi ngờ quả là lạ, dẫu anh không thể nói tại sao hay vì lý do gì mà mình nên như vậy. Nhưng quả thật anh đã không nghi ngờ. Thế rồi một hôm, khoảng một tuần trước thời điểm mà theo lịch xe lửa sẽ đến thì có người gõ cửa, và anh thấy một người đàn ông có khuôn mặt của người vùng núi đeo một cái túi và đôi giày dùm để đi trên tuyết sau lưng.

“Anh là Wilbourne phải không?”, anh ta hỏi. “Tôi có một bức thư cho anh.” Anh ta lấy thư ra - một chiếc phong bì có ghi chữ bằng bút chì, đã bần lem nhem, được đề ngày gửi từ ba tuần trước.

“Cảm ơn”, Wilbourne nói. “Vào trong ăn chút gì đã.” Nhưng người kia từ chối. “Có một chiếc máy bay to bị rơi đâu đó ở đằng kia ngay trước Giáng Sinh. Dạo đó anh có nghe hay nhìn thấy gì liên quan đến vụ máy bay rơi không?” “Dạo đó tôi không có mặt ở đây”, Wilbourne nói. “Anh nên vào trong này ăn chút gì đã.”

“Người ta có treo thưởng cho vụ đó. Tôi nghĩ tôi sẽ không ghé vào đâu.”

Đó là thư của Buckner. Bức thư chỉ có vền vẹn mấy chữ, Mọi chuyện ok, ký tên Buck. Charlotte cầm lá thư từ tay anh và đứng đó nhìn chăm chăm những con chữ. “Đúng như anh đã nói rằng việc đó đơn giản thôi, đúng không? Bây giờ anh cảm thấy nhẹ nhõm rồi nhỉ?”

“Đúng vậy”, Wilbourne nói. “Anh thấy nhẹ nhõm rồi.” Charlotte nhìn bức thư dài bốn chữ, đếm các chữ cái, từ chữ đầu đến chữ cuối, đếm hai chữ một. “Trong mười nghìn trường hợp mới có một ca tử vong thôi. Chỉ cần anh cẩn thận là ổn, đúng không? Luộc dụng cụ tiệt trùng, đại loại như vậy. Không quan trọng anh đang giải quyết chuyện đó cho ai đúng không?”

“Họ phải...” Anh đang nói bỗng ngừng lại và nhìn cô, rồi anh nghĩ rất nhanh. Có chuyện gì đó sắp xảy ra với mình. Khoan đã. Khoan đã. “Giải quyết chuyện đó ư?”

Cô nhìn bức thư. “Thật ngớ ngẩn, đúng không? Có lẽ mình đánh đồng nó với tội loạn luân.” Bây giờ thì anh hiểu chuyện đó đã xảy ra với mình. Anh bắt đầu run, thậm chí trước cả khi nắm lấy vai cô lắc mạnh để buộc cô phải nhìn thẳng vào mắt mình.

“Em nói giải quyết chuyện đó nghĩa là sao?”

Cô nhìn anh trong khi vẫn cầm bức thư có những chữ được viết bằng bút chì đậm nét - cái nhìn chăm chú, tỉnh táo từ đôi mắt vẫn tràn ngập ánh xanh do sự phản chiếu của tuyết. Cô nói những câu ngắn, cộc lốc như thể đang đọc chữ từ một cuốn sách vỡ lòng. “Tối hôm đó đấy. Tối đầu tiên chúng ta được ở một mình với nhau và không thể đợi để nấu bữa tối ấy. Khi lò sưởi tắt thì cái túi thụt rửa em treo ở phía sau lò sưởi bị đóng băng và khi chúng ta đốt lò sưởi lại, em quên không bỏ nó ra và nó bị nổ mất.”

“Và thế là từ hôm đó em đã không...”

“Đáng lẽ em nên biết nhiều hơn. Em bất cẩn quá. Chẳng phòng ngừa gì cả. Em nhớ ai đó đã từng nói với em khi em còn bé rằng khi hai người làm chuyện yêu, yêu điên cuồng, yêu thực sự, họ sẽ không thể có con được, bởi vì hạt giống sẽ bị cháy trong cuộc yêu, trong say đắm, đê mê. Có lẽ em đã tin và muốn tin nó vì em không còn cái dụng cụ đó nữa. Hoặc có lẽ em chỉ hy vọng như vậy thôi. Dù sao chuyện cũng xảy ra rồi.”



“Từ khi nào?”, anh hỏi, lắc vai cô bằng đôi tay run rẩy. “Em mất kinh từ khi nào? Em có chắc không?”

“Em có chắc là em mất kinh không á? Chắc. Em bị chậm kinh mười sáu ngày rồi.”

“Nhưng em chưa biết chắc cơ mà”, anh luống cuống nói, biết rằng đang nói với chính mình: “Em chưa chắc chắn cơ mà. Bất cứ người phụ nữ nào thỉnh thoảng cũng bị chậm kinh chứ. Em không thể chắc chắn được cho đến hai...”.

“Anh tin như vậy à?”, cô nói khẽ. “Đó chỉ là khi anh muốn có con. Em không muốn và anh cũng không muốn bởi vì chúng ta không thể nuôi con. Em có thể nhịn đói, anh cũng thế, nhưng con thì không. Vậy nên chúng ta phải giải quyết chuyện đó, Harry ạ.”

“Không!”, anh gào lên. “Không!”

“Anh nói việc đó đơn giản thôi mà. Chúng ta đã có bằng chứng chứng minh anh có thể giải quyết tốt việc đó, có khó khăn gì đâu, chẳng là gì hết, chỉ đơn giản như cắt một cái móng chân thôi. Em khỏe kém gì cô ta. Anh không tin à?”

“Có”, anh gào lên. “Vậy nên em đã để cô ta thử trước. Thế đấy. Em muốn xem liệu cô ta có chết hay không. Đó là lý do tại sao em cứ cố uốn anh theo cái ý đó khi mà anh nói không...”

“Đêm đó, sau khi họ đi khỏi đây thì lò sưởi tắt, Harry ạ. Nhưng đúng vậy, em đã đợi để nghe tin xem cô ta có ổn không. Cô ta cũng sẽ làm như thế nếu người làm trước là em. Nếu người làm trước là em, thì em cũng muốn cô ta đợi để xem mọi chuyện có ổn không và sống sót cho dù em sống hay không cũng như cô ta muốn em sống dù cô ta có vượt qua được hay không sau chuyện đó.”

“Đúng vậy”, anh nói. “Anh biết. Anh không có ý gì đâu. Nhưng em... em...”

“Anh giải quyết việc đó tốt mà. Việc đó đơn giản thôi. Anh biết anh có khả năng giải quyết việc đó mà.”

“Không! Không!”

“Thôi được”, cô nói khẽ. “Có lẽ tuần tới, khi rời khỏi đây chúng ta có thể tìm một bác sĩ để giải quyết việc này.”

“Không!”, anh gào lên, túm lấy vai cô lắc mạnh. “Em có nghe anh nói không hả?”

“Anh muốn nói là không ai khác sẽ làm việc đó, và anh cũng vậy chứ gì?”

“Đúng! Đó là điều anh muốn nói!” “Anh sợ ư?”

“Đúng!”, anh nói. “Anh sợ!”

Tuần đó trôi qua. Anh đi bộ như thể để hành xác, bước một cách khó nhọc trong những đường hầm ngang nối các mạch máu sâu đến thắt lưng, Để khỏi phải nhìn thấy nàng, vì ở đó, mình không thể thở nổi, anh nói với chính mình; một hôm, anh đi ra cái hầm bị bỏ hoang với những bóng điện thừa thãi ánh sáng mặc dù đối với anh, dường như trong mỏ vẫn có những giọng nói, những con chim mù cùng âm thanh dội lại của những lời nói mà anh không hiểu nghĩa - chúng vẫn còn đó, như những con dơi treo mình trên cao quanh các hành lang chết chóc cho đến khi sự có mặt của anh khiến chúng giật mình bay loạn xạ. Nhưng sớm hay muộn gì thì cơn lạnh - hoặc một điều gì đó - cũng đẩy anh trở lại căn nhà tạm bợ ấy và họ không cãi nhau đơn giản vì cô không chịu để bản thân mình bị kéo vào một cuộc cãi vã, còn anh lại nghĩ, Nàng không chỉ làm người tốt hơn mình mà còn là người lịch sự hơn mình, nàng đóng vai trò gì cũng tốt hơn mình; họ ăn cùng nhau, thực hiện các thủ tục hàng ngày, ngủ với nhau để giữ cho cả hai khỏi lạnh cóng và rời (khi cô chấp nhận anh) anh ôm cô bằng sự ghì siết điên cuồng, vừa khóc vừa nói: “Cuối cùng thì chuyện đó không quan trọng; cuối cùng thì em sẽ không phải thức dậy trong cái lạnh”. Sau đó họ lại đối mặt với ban ngày; anh lại tiếp nhiên liệu cho lò sưởi khi nó tắt, mang những chiếc hộp đựng thức ăn mà họ mở ngày hôm trước ra ngoài và ném chúng vào tuyết, và anh chẳng có việc gì khác để làm dưới ánh mặt trời. Vậy nên anh đi bộ (có một đôi giày đi tuyết ở trong nhà nhưng anh chưa bao giờ thử) dưới lòng những nhánh hầm ngang - nơi anh chưa kịp học cách phân biệt để tránh, anh đâm mình, lún sâu trong đó, ngẫm nghĩ rồi nói to một mình và cân nhắc cả nghìn cách: Một loại thuốc viên, anh nghĩ - một bác sĩ

có kinh nghiệm: Những cô gái điếm sử dụng loại thuốc viên, chúng ắt phải có tác dụng chứ; việc đó không thể khó đến mức này, cũng không tốn tiền, anh nghĩ thế rồi sau đó lại không tin điều mình nghĩ, biết rằng mình sẽ không bao giờ có thể cho phép bản thân tin điều đó, rồi lại nghĩ, Đây là cái giá của hai mươi sáu năm đây, mình cố gắng duy trì sự tồn tại trong bốn năm với hai nghìn đô la bằng cách không hút thuốc, giữ trình tiết của mình cho đến khi nó gần như thối rữa, hai đô la mà mỗi tuần hoặc mỗi tháng chị gái mình phải chặt bó, xoay xở mới có được để gửi cho mình: Đáng lẽ mình nên tống khứ vĩnh viễn khỏi con người mình mọi hy vọng về tác dụng gây mê của cả thuốc lẫn sách chuyên đề. Và bây giờ thì chẳng thể làm gì khác được nữa. “Chỉ còn mỗi một cách mà thôi”, anh nói to, bằng giọng ngouï điệu giống như cảm giác sau một trận nôn nhẹ bụng. “Chỉ còn mỗi một cách mà thôi. Chúng ta sẽ tới nơi nào đó ấm áp, giá cả sinh hoạt không đến nỗi quá đắt đỏ, nơi anh có thể tìm được việc làm và chúng ta có đủ khả năng nuôi con; nếu anh không kiếm được việc làm, thì ở đó còn có những trung tâm nuôi trẻ từ thiện, trại trẻ mồ côi, hoặc chúng mình có thể để người ta nhận đứa trẻ làm con nuôi. Không, không, không cho con vào trại trẻ mồ côi; không cho con làm con nuôi. Chúng ta có thể nuôi con, chúng ta phải nuôi con; anh sẽ tìm ra cách... Đúng vậy!”, anh nghĩ và hét lên giữa một vùng tuyết trắng hoang vắng, bằng giọng khàn khàn mĩa mai nghe rờn rợn. “Mình sẽ kiếm sống bằng cách hành nghề nạo thai.” Rồi anh quay trở về căn nhà tạm bợ và họ vẫn không cãi nhau đơn giản vì cô không làm vậy với anh, không phải vì sức chịu đựng đầy kiên nhẫn cũng chẳng phải vì cô bị khuất phục hay sợ hãi mà đơn giản bởi (anh biết lý do và khi ở ngoài trời tuyết, anh đã tự nguyện rửa bản thân mình vì điều đó) cô biết rằng một trong hai người bọn họ phải giữ cái đầu tỉnh táo, cũng sớm hiểu người cần phải giữ cái đầu tỉnh táo không phải là anh.

Thế rồi xe lửa tới. Anh gói một lượng đồ ăn mà anh ước tính tương đương với một trăm đô la của Buckner rồi bỏ vào một cái hộp. Họ chất cái hộp thực phẩm đó và hai chiếc túi họ đã mang theo khi rời New Orleans lên toa tàu dành cho công nhân. Tại ga đầu mỗi, anh bán những hộp đậu, cá hồi, mỡ lợn và những gói đường, cà phê cùng bột cho chủ của một cửa

hàng nhỏ để lấy hai mươi mốt đô la. Họ ở trên tàu trong hai đêm một ngày và bỏ lại vùng tuyết phủ phía sau để đến nơi có thể tìm được những chuyến xe buýt giá rẻ, và giờ đây đầu cô ngả trên chiếc ghế phủ lớp vải ren thêu bằng máy, khuôn mặt nghiêng nghiêng trông giống Joan Crawford [27] của cô in vào bóng tối của vùng thôn quê hoàn toàn không có tuyết, những thị trấn phẳng phất sự mát mẻ, ánh đèn nê-ông, những phòng ăn với các cô gái phương Tây nở nang, khỏe khoắn bước ra từ tạp chí Hollywood (Hollywood không còn nằm trong giới hạn không gian của nó nữa mà đã được khắc dưới dạng những chấm nhỏ lên khắp bề mặt của lục địa châu Mỹ bởi cả tỉ bước chân của ánh sáng rực rỡ), và anh không biết cô đang ngủ hay thức.

Họ đến San Antonio, Texas, với một trăm năm mươi hai đô la và vài xu. Thời tiết ở đó ấm áp, gần giống ở New Orleans; những cây hồ tiêu đã xanh suốt cả mùa đông và những cây trúc đào, Mimosa, ngũ sắc đã trở hoa còn những cây cọ bấp thì xõ dáng trong thời tiết ôn hòa như ở Louisiana. Họ thuê một phòng đơn trong một ngôi nhà gỗ tồi tàn với thiết bị sưởi ấm hoạt động bằng khí đốt cũ kỹ có ống dẫn nhiên liệu được nối từ bên ngoài vào. Và bây giờ họ cãi nhau thật. “Anh không hiểu ư? Ngày mai là đến kỳ kinh nguyệt của em. Đã đến lúc phải tiến hành việc đó, đơn giản thôi mà. Giống như anh đã làm cho cô ta... Tên cô ta là gì nhỉ? Tên của ả gái điếm ấy là gì nhỉ? Bill... Billie, i, e. Đáng lẽ anh không nên để em biết nhiều về chuyện đó. Nếu khi đó anh không nói cho em biết thì em sẽ chẳng tốn thời gian làm anh lo lắng.”

“Có lẽ anh chẳng cần nói em cũng biết”, anh đáp, cố kiềm chế bản thân và tự nguyện rửa mình: Mi là đồ khốn, nàng là người gặp vấn đề chứ đâu phải mi. “Khi ấy anh đã quyết định rồi cơ mà. Anh đã nói không. Chính em là người...” Anh ngừng lời, cố kìm nén. “Nghe này. Có một loại thuốc viên em có thể uống trong kỳ kinh nguyệt. Anh sẽ cố kiếm được loại thuốc đó.”

“Cố kiếm ở đâu kia chứ?”

“Anh kiếm ở đâu ư? Ai cần loại thuốc đó chứ nhỉ? Ở nhà chứa chứ còn ở đâu nữa. Ổn Chúa, Charlotte! Charlotte!” “Em biết”, cô nói. “Chúng ta không thể dừng được nữa. Chúng ta không còn là chính mình nữa rồi. Đó là lý do:

Anh không thấy ư? Em muốn chúng ta trở lại như trước, thật nhanh, thật nhanh. Chúng ta còn ít thời gian lắm. Hai mươi năm nữa em không thể làm chuyện đó nữa và năm mươi năm nữa cả hai chúng ta sẽ chết. Vậy nên phải nhanh lên mới được. Nhanh lên.”

Anh chưa từng đặt chân đến một nhà chứa và chưa bao giờ tìm kiếm thứ đó. Vậy nên giờ đây anh phát hiện ra vấn đề mà nhiều người gặp phải: Tìm được một nhà chứa và loại thuốc đó khó đến mức nào; bạn sống trong một căn nhà dành cho hai hộ gia đình trong mười năm và bỗng nhiên phát hiện ra rằng những quý cô hay ngủ muộn ở căn hộ bên cạnh không phải là những người trực tổng đài phải làm ca đêm. Cuối cùng, trong đầu anh lóe lên một ý tưởng mà có lẽ mọi gã què mùa nhất đều biết như lẽ tự nhiên: Anh hỏi một người lái xe taxi; và bây giờ anh đang trước một ngôi nhà trông rất giống căn nhà mình đang ở khi nhấn cái nút chuông chẳng hề phát ra âm thanh, dù tấm rèm cửa sổ bên cạnh cửa chính buông xuống ngay khi anh dám chắc có người nào đó ở trong nhà đã nhìn thấy mình. Thế rồi cửa chính được mở, một cô hầu gái da đen dẫn anh đi dọc một hành lang mờ tối vào căn phòng có chiếc bàn ăn được ốp gỗ dán không có khăn phủ đặt một cái hũ thủy tinh với những hình vòng tròn màu trắng ở đáy đựng rượu punch bên trên, một cái máy chơi piano tự động có rãnh để bỏ tiền xu, và mười hai chiếc ghế được đặt kế tiếp nhau dọc bốn bức tường như những bia mộ ở một nghĩa trang quân đội - nơi người giúp việc bảo anh ngồi xuống; và anh chẳng có việc gì để làm ngoài ngắm một bức tranh thạch bản vẽ hình chú chó của Thánh Bernard đang cứu một đứa trẻ khỏi lớp tuyết dày cùng bức chân dung tổng thống Roosevelt cho đến khi một người đàn bà chạc bốn mươi tuổi có cái cằm chẻ và mái tóc vàng, mặc chiếc váy ngủ màu hoa cà trông không được sạch sẽ cho lắm bước vào phòng. “Xin chào”, bà ta nói. “Cậu mới đến thành phố này phải không?”

“Đúng vậy”, anh trả lời. “Tôi hỏi một lái xe taxi mới biết chỗ này. Anh ta...”

“Khỏi cần khách sáo”, bà ta nói. “Cánh lái xe taxi đều là bạn của tôi cả mà.”

Anh sực nhớ lời khuyên của người lái xe taxi lúc họ chia tay: “Hãy mua bia mời người da trắng đầu tiên anh gặp ở đó. Anh sẽ được thỏa mãn”.

“Bà uống bia nhé?”, anh nói.

“Tại sao không, tôi không ngại đâu”, bà ta nói. “Bia có thể làm chúng ta sáng khoái.” Ngay lập tức (bà ta không hề rung bất cứ cái chuông nào trong tầm nhìn của Wilbourne) một cô phục vụ bước vào. “Hai cốc bia, Lousia”, bà ta nói. Người hầu gái đi ra. Người đàn bà cũng ngồi xuống ghế. “VẬY cậu là người mới tới sống ở San Tone. Ồ, một vài mối quan hệ bạn bè ngọt ngào nhất mà tôi từng biết đã được thiết lập trong một đêm thậm chí sau một lượt chơi giữa hai người mà một giờ trước đó chưa hề gặp nhau. Ở đây tôi có gái Mỹ hoặc gái Tây Ban Nha (những người lạ thích gái Tây Ban Nha. Đó là do ảnh hưởng từ phim ảnh, tôi xin nói như vậy) và một cô nàng người Ý trẻ măng vừa mới...” Người hầu gái mang hai cốc vỉa bia vào. Người đàn bà mặc váy tím không cần rung bất cứ quả chuông nào để truyền lệnh vì chắc chắn cô hầu đứng ở một chỗ nào đó không xa. Xong nhiệm vụ, cô ta mau chóng rút lui.

“Không”, anh nói. “Tôi không muốn... tôi tới đây... tôi...” Người đàn bà nhìn anh khi bắt đầu cầm bia cốc lên. Rồi thay vì uống, bà ta hạ cốc bia xuống và nhìn anh. “Tôi đang gặp rắc rối”, anh nói khẽ. “Tôi hy vọng bà có thể giúp tôi.”

Giờ thì người đàn bà đó thậm chí đã đặt cốc bia xuống bàn và anh nhận thấy đôi mắt của bà ta dù có chút mờ đục vẫn cứ lạnh chảng kém gì viên kim cương to tướng bà ta đang đeo ở ngực. “Điều gì khiến cậu nghĩ rằng tôi có thể hoặc sẽ giúp cậu thoát khỏi rắc rối của cậu hả? Cậu có số của gã lái taxi kia không?”

“Không”, Wilbourne nói. “Tôi...”

“Thôi, quên đi. Cậu đang gặp rắc rối gì?” Anh kể cho bà ta biết rắc rối của mình một cách đơn giản và bình tĩnh, trong khi bà ta nhìn anh chăm

chú. “Hừm”, bà ta nói. “VẬY là cậu, một người lạ mới tới đây, tìm ngay một gã lái taxi đưa thẳng tới chỗ tôi để tìm một bác sĩ giải quyết việc của cậu chứ gì.” Bây giờ thì bà ta rung chuông, không rung một cách quá dữ dội mà chỉ lắc mạnh.

“Không, không, tôi không...” Bà ta có một bác sĩ ở đây, anh nghĩ. “Tôi không...”

“Cậu không chắc chắn”, người đàn bà nói. “Cậu nhầm thôi mà. Cậu quay trở lại nhà trọ hoặc bất cứ chỗ nào cậu đang trú ngụ và nhận ra chuyện vợ mình mang thai, thậm chí chuyện cậu có vợ, chỉ là mơ thôi mà.”

“Tôi ước gì chuyện đó không có thật”, Wilbourne nói. “Nhưng tôi...” Cánh cửa bật mở và một gã đàn ông to lớn còn khá trẻ bước vào, ngay lập tức ném về phía Wilbourne cái nhìn đăm đăm, đầy háo hức gần như cái nhìn của một người tình từ đôi mắt nâu bồng chồn phía dưới mái tóc được rẽ ngôi thẳng toát lên vẻ ngây ngô tựa mái tóc của một cậu bé và tiếp tục nhìn anh không dứt. Cằm và cổ của gã đó được cạo nhẵn thín.

“Gã đó đây hả?”, gã hỏi qua vai người đàn bà mặc váy tím bằng giọng khàn khàn của một kẻ nghiện rượu từ khi còn quá trẻ nhưng đồng thời thể hiện vẻ mừng rỡ, thậm chí hân hoan. Không đợi câu trả lời, gã đi thẳng tới chỗ Wilbourne và khi người đàn bà kia chưa nhúc nhích, gã đã chộp lấy anh rồi nhấc ra khỏi ghế bằng một bàn tay tựa như tảng giãm bông. “Mày muốn gì hả, đồ chó đẻ, mày dám đến một ngôi nhà đáng kính và xử sự như đồ chó đẻ hả?”, gã nhìn Wilbourne bằng ánh mắt thích thú. “Mày có biến khỏi đây ngay không hả?”, gã nói.

“Úi chà chà”, cụ đàn bà mặc váy tím nói. “Tao muốn tìm cho ra cái thằng lái taxi đó.” Wilbourne bắt đầu vùng vẫy. Ngay lập tức gã trai trẻ quay sang anh với vẻ vui mừng, hớn hở như thể gặp tình nhân. “Không phải ở đây”, cụ đàn bà gất lên. “Biến đi, như tao đã nói, đồ khi.”

“Tôi sẽ đi”, Wilbourne nói. “Buông tôi ra, tôi sẽ đi.” “Ừ, chắc rồi, đồ chó đẻ”, gã trai trẻ nói. “Tao sẽ giúp mày. Tao sẽ giúp mày. Đi lối này.” Họ quay ra hành lang, và bây giờ ở đó có một người đàn ông mặt đen, tóc đen với vóc người hơi nhỏ mặc chiếc quần tối màu và chiếc áo sơ mi xanh dương: Một gã quản gia người Mê-xi-cô. Họ đi tới một cánh cửa, lưng áo



khoác của Wilbourne dùm lại vì bị bàn tay to tướng của gã trai túm. Gã mở cửa. Thế nào đồ súc sinh này cũng phải đánh mình một cái, Wilbourne nghĩ. Nếu không gã sẽ nổ tung và chết vì phải kìm nén. Nhưng mọi chuyện sẽ ổn thôi. Mọi chuyện sẽ ổn thôi.

“Cậu có thể nói cho tôi biết”, anh nói. “Tất cả những gì tôi muốn là...”

“Ừ; chắc chắn rồi”, gã nói. “Có lẽ tôi sẽ cho thằng này ăn đấm, Pete ạ. Ông nghĩ sao?”

“Ăn đấm”, gã người Mê-xi-cô nói.

Anh thậm chí không cảm nhận được quả đấm giáng xuống mà thấy người mình gập lại và nền cỏ dẫm sượng trước khi có cảm giác đau ở mặt. “Cậu có thể nói cho tôi biết...”

“Ừ, chắc chắn rồi”, gã trai trẻ nói bằng giọng khàn khàn thích thú, “mày hỏi lần nữa đi”. Cánh cửa đóng sập lại. Một lúc sau, Wilbourne đứng dậy. Bây giờ anh đưa tay sờ mắt, một bên mặt cùng toàn bộ đầu mình, cảm thấy máu chảy từ chỗ đau, mặc dù qua chiếc gương của hiệu thuốc (hiệu thuốc ở góc đường đầu tiên anh tới và bước vào; anh thực sự hiểu ra rằng có những điều đáng ra mình nên biết trước khi bước vào tuổi mười chín), anh chưa nhìn thấy một vết máu nào. Nhưng vết thương rất dễ nhận thấy và không thể giấu được, bởi vì người bán thuốc hỏi:

“Mặt ông bị làm sao thế ạ?”

“Tôi gây lộn”, anh nói. “Tôi đã làm bạn gái của mình dính bầu. Tôi muốn có thứ thuốc gì đó để giải quyết chuyện ấy.”

Người bán thuốc nhìn anh trong giây lát bằng ánh mắt khó chịu. Sau đó ông ta nói: “Thuốc đó có giá năm đô la”.

“Ông đảm bảo thuốc đó có tác dụng chứ?” “Không.”

“Thôi được. Tôi mua.”

Đó là một cái hộp nhỏ, không có chữ nào hết. Nó chứa năm viên thuốc, cũng có thể là năm hạt cà phê. “Ông ta nói uống kèm với rượu whiskey sẽ có tác dụng, và uống xong hãy vận động. Ông ta bảo tối nay em hãy uống hai viên và đi đâu đó, đi nhảy chẳng hạn.” Cô uống tất cả năm viên rồi hơ ra khỏi nhà, mua hai chai whiskey và tìm đến một sàn nhảy

hạng xoàng với những bóng đèn màu rẻ tiền, những bộ đồ kaki cùng người được thuê làm bạn nhảy và tiếp viên.

“Anh cũng uống một chút đi”, cô nói. “Vết thương trên mặt anh bây giờ đau lắm phải không?”

“Không”, anh nói. “Em uống đi. Uống hết mức có thể đi.” “Lạy Chúa”, cô nói. “Anh không biết khiêu vũ, đúng không?”

“Không”, anh nói. “Có. Có chứ, anh biết nhảy mà.” Họ bước ra sàn nhảy, để mặc mình bị xô đẩy, và chính họ bắt đầu xô đẩy nhau, như những kẻ mộng du, thỉnh thoảng nhảy đúng nhịp trong mỗi đoạn nhạc ngắn cuồng loạn. Đến mười một giờ đêm, cô đã uống gần nửa chai whiskey, nhưng rượu chỉ làm cô nôn ọe. Anh đợi cho đến khi cô từ phòng vệ sinh đi ra với khuôn mặt trắng bệch và đôi mắt màu vàng đầy vẻ bất khuất. “Em nôn tất cả những viên thuốc đó ra rồi hả”, anh hỏi.

“Mất hai viên. Em sợ em sẽ làm mất tất cả từng ấy viên nên em nôn vào bồn rửa mặt rồi tìm những viên thuốc và uống lại. Chai rượu đâu rồi?”

Họ phải đi ra ngoài để cô uống rượu, sau đó quay vào sàn nhảy. Đến mười hai giờ, cô đã uống gần cạn chai rượu đầu tiên và những bóng đèn đã tắt trừ đèn sân khấu tạo ra ánh sáng xoay tròn như đĩa cầu đang quay, nơi những người khiêu vũ với khuôn mặt trông như thầy ma chuyển động trong ánh sáng đục hình cầu tựa cơn ác mộng trên biển. Có một người đàn ông cầm loa; thì ra đây là một cuộc thi khiêu vũ và Wilbourne cũng như Charlotte thậm chí không biết điều ấy; nhạc rộ lên rồi ngừng bật, các ngọn đèn bừng sáng, không khí ngập đầy tiếng loa phát thanh âm ì và cặp nhảy giành chiến thắng bước lên phía trước. “Em lại buồn nôn”, cô nói. Một lần nữa, anh lại đợi cô ra khỏi phòng vệ sinh với khuôn mặt trắng bệch cùng đôi mắt bất khuất. “Em lại rửa những viên thuốc đó”, cô nói. “Nhưng em không thể uống thêm được nữa. Đi nào. Một giờ là họ đóng cửa sàn nhảy đây.”

Có lẽ những viên thuốc đó là hạt cà phê thật bởi vì sau ba ngày, họ chẳng thấy có chuyện gì xảy ra cả và sau năm ngày, anh buộc phải thừa nhận rằng nỗ lực của họ đã trở nên vô ích. Họ cãi nhau và anh nguyện rửa bản thân khi ngồi trên ghế đá công viên đọc mục giải đáp thắc mắc trên các

tờ báo mà anh lấy ra từ thùng rác trong thời gian đợi những vết thâm tím trên mặt mình biến mất để lại có thể tiếp tục đi xin việc, và anh nguyện rửa bản thân bởi cô sẽ và có thể tiếp tục chịu đựng nhưng cuối cùng anh lại làm cho cô kiệt sức; anh ý thức được chính mình đã gây ra chuyện đó, thề rằng sẽ thay đổi và chấm dứt tình trạng khổ sở của cô. Nhưng khi trở về phòng trọ (bây giờ cô gầy hơn trước và tất cả những viên thuốc đó cùng rượu whiskey đã gieo một điều gì đó vào mắt cô - điều mà trước kia chưa từng hiển hiện), anh cảm thấy như thể mình chưa từng hứa hẹn gì, và giờ đây cô nguyện rửa anh, đấm anh thật mạnh sau đó lại kiểm chế bản thân rồi ôm ghì lấy anh mà khóc: “Ôi, Chúa ơi, Harry ơi, hãy ngăn em lại! Hãy làm em dừng lại đi! Hãy đập tan cơn nóng giận trong em đi!”. Sau đó, vẫn mặc nguyên quần áo, họ nằm ôm nhau và có được một lúc bình yên.

“Sẽ ổn cả thôi”, anh nói. “Thời buổi này nhiều người buộc phải làm điều đó. Cơ sở nuôi trẻ từ thiện ở bệnh viện không tẻ lắm đâu. Rồi chúng ta sẽ tìm người nào đó nhận nuôi đứa trẻ cho đến khi anh có thể...”

“Không. Không được đâu, Harry. Không được đâu.” “Anh biết, thoát nghe thì thấy cách thu xếp đó không ổn. Từ thiện. Nhưng từ thiện chẳng phải là...”

“Đừng nhắc đến điều đó nữa. Anh thấy đấy, em đã bao giờ quan tâm chúng ta kiếm tiền ở đâu, sống ở đâu hay phải sống như thế nào đâu, đúng không? Vấn đề không phải ở chỗ đó. Đau đớn lắm.”

“Anh biết mà. Nhưng phụ nữ vẫn mang thai và sinh con đấy thôi... chính em cũng đã hai lần...”

“Đau đớn lắm. Em đã bất cẩn và làm nảy sinh những khó khăn, nhưng khốn kiếp, em quen như thế rồi, em không bận tâm. Em đã nói sinh con đau đớn lắm. Rất đau đớn.”

Và rồi anh hiểu cũng như biết cô muốn nói gì; giống trước đó, anh thầm nghĩ, cô đã biết trước rằng anh sẽ từ bỏ nhiều hơn những gì anh từng có để từ bỏ, và chợt nhớ đến một câu trong Kinh Thánh: Đây là xương từ xương tôi, thịt từ thịt tôi, máu và trí nhớ cũng là từ máu và trí nhớ của tôi. Mi không vượt qua được đâu, anh tự nhủ. Mi không thể chiến thắng một

cách dễ dàng đâu. Anh định nói, “Nhưng đó là vấn đề của chúng ta”, rồi chợt hiểu chính xác ý cô muốn nói nên im lặng.

Nhưng anh vẫn không thể nói “ừ” hay “thôi được”. Anh có thể nói như thế với chính mình khi ngồi trên ghế đá công viên, có thể giơ tay ra mà không run rẩy. Nhưng anh không thể nói lời đó với cô; anh nằm bên cạnh cô, ôm cô ngủ, và lặng lẽ theo dõi mẫu cuối cùng của lòng can đảm cùng tính đàn ông rời bỏ mình. “Phải rồi”, anh thì thầm với chính mình, “trì hoãn. Trì hoãn. Nàng sắp bước sang tháng thứ tư của thai kỳ rồi, khi đó mình có thể tự nhủ rằng mình biết đã là quá muộn để mạo hiểm; thậm chí khi đó nàng sẽ tin”. Sau đó, cô thức dậy và mọi chuyện bắt đầu lặp lại từ đầu - cuộc tranh luận chẳng đi đến đâu cả trở thành cãi vã và theo sau là những lời nguyền rủa cho đến khi cô trấn tĩnh lại, ôm ghì lấy anh mà khóc trong nỗi tuyệt vọng điên cuồng: “Harry! Harry! Chúng ta sẽ làm gì đây? Chúng ta, chúng ta, chúng ta! Hãy buộc em phải dừng lại đi! Hãy đánh em đi! Hãy đánh em bất tỉnh đi!”. Lần này anh ôm cô cho đến khi cô bình tĩnh lại. “Harry, hãy thỏa thuận với em điều này nhé?”

“Ừ”, anh nói bằng giọng mệt mỏi. “Bất cứ điều gì.”

“Một thỏa thuận. Và từ giờ cho đến lúc đó, chúng ta sẽ không bao giờ đề cập đến chuyện mang thai nữa.” Cô nói ra cái ngày mà đáng ra là kỳ kinh nguyệt sắp tới của mình - mười ba ngày nữa. “Đó là thời điểm tốt nhất, khi đó thai sẽ được bốn tháng và như thế là quá muộn để làm chuyện đó. Vậy nên từ bây giờ cho đến lúc đó chúng ta sẽ không nói về chuyện ấy nữa; em sẽ cố không nghĩ ngợi nhiều trong khi anh tìm được một việc làm tốt có thể giúp ba chúng ta tồn tại...”

“Không”, anh nói. “Không! Không!”

“Khoan đã”, cô nói. “Anh đã hứa rồi kia mà. Nếu đến lúc đó anh vẫn chưa tìm được việc làm thì anh sẽ giải quyết chuyện nạo thai cho em.”

“Không!”, anh gào lên. “Anh sẽ không làm chuyện đó! Không bao giờ!”

“Nhưng anh đã hứa rồi cơ mà”, cô nói bằng giọng khe khẽ, dịu dàng, chậm rãi như thể anh là một đứa trẻ đang học tiếng Anh. “Anh không thấy là chúng ta chẳng còn cách nào khác ư?”

“Đúng là anh đã hứa, đúng vậy. Nhưng anh không có ý...”

“Đã có lần em nói với anh rằng em tin không phải tình yêu chết, mà là điều gì đó ở người đàn ông và người đàn bà đã chết, họ không xứng đáng có cơ hội để yêu nữa. Hãy nhìn chúng ta bây giờ mà xem. Chúng ta có con, chỉ có điều biết mình không đủ điều kiện để sinh con và không có tiền để nuôi con. Và sinh con đau đớn lắm, Harry ạ. Rất đau đớn. Em sẽ buộc anh phải giữ lời hứa, Harry ạ. Từ bây giờ cho đến ngày đó, chúng ta sẽ không đề cập đến chuyện ấy hay nghĩ ngợi về nó nữa. Hãy hôn em đi.” Một phút sau anh nghiêng người tới bên cô. Không ôm, họ hôn nhau, như anh trai hôn em gái.

Giờ đây họ lại giống như những tuần đầu ở Chicago, trong lúc anh đi hết bệnh viện này đến bệnh viện khác, khi mà các cuộc phỏng vấn xin việc dường như đều đi vào ngõ cụt, để rồi bắt đầu trở nên nản lòng và ủ rũ trong lặng lẽ, anh đã biết trước sự thế sẽ thành ra như vậy và không quá bất ngờ, biết mình sẽ thất bại. Nhưng không phải bây giờ, không phải lúc này. Hồi ở Chicago anh từng nghĩ, Mình hình dung ra mình sẽ thất bại và quả thật giờ đây anh biết mình đang thất bại song không chịu tin hay chấp nhận câu trả lời “không” cho đến khi gần như bị đe dọa bằng vũ lực. Anh không chỉ cố tìm việc ở các bệnh viện mà còn ở bất cứ chỗ nào, ở bất cứ ai và dám đưa ra bất kỳ lời nói dối nào; anh tới các cuộc hẹn gặp để xin việc với lòng quyết tâm sắt đá đến mức điên cuồng - lòng quyết tâm gắn liền với sự tiêu cực của chính nó; anh hứa với bất cứ ai rằng anh có thể và sẽ làm bất cứ điều gì; một buổi trưa cuộc bộ dọc đường phố, anh ngược nhìn lên cao và chợt thấy một cơ hội mong manh - tấm biển của một phòng khám chữa bệnh, anh liền bước vào và đề nghị với chủ nhân ở đó rằng anh sẽ thực hiện các ca nạo thai mà chỉ cần nhận một nửa số tiền công, thao thao kể về kinh nghiệm nạo thai của mình và chỉ sự tống khứ bằng vũ lực mới ngăn anh không đưa ra bức thư của Buckner như một bằng chứng chứng minh khả năng đó (anh hiểu ra điều đó khi đầu óc tỉnh táo trở lại).

Thế rồi một hôm, anh về nhà vào giữa chiều, đứng ngoài cửa phòng một lúc lâu rồi mới đưa tay mở cửa. Thậm chí khi mở cửa rồi anh vẫn không bước vào nhà mà cứ đứng yên với chiếc mũ có chóp hình ống bề

màu trắng rẻ tiền có gắn một dải băng màu vàng - huy hiệu chẳng mấy ai biết đến của một người hướng dẫn học sinh qua đường từ một trường học hạng xoàng - và trái tim anh vẫn lạnh giá, buồn khổ, nhuộm một nỗi thất vọng âm thầm. “Anh kiếm được mười đô la một tuần”, anh nói.

“Đồ khốn!”, cô nói, và đó lần cuối cùng trong đời anh thấy cô khóc. “Đồ khốn! Anh là đồ khốn! Vậy là anh có thể làm bậy với những đứa bé gái ở công viên vào những chiều thứ Bảy chứ gì!” Cô bước tới, giật chiếc mũ khỏi đầu anh và quăng nó vào lò sưởi (cái vì lò sưởi bị gãy lưng lẳng một bên và được nhồi bởi những mẫu giấy cũ từng có màu đỏ hoặc tím sẫm) rồi ôm ghì lấy anh, khóc nức nở, những giọt nước mắt trào ra ướt đầm khuôn mặt cô. “Đồ khốn, anh là đồ khốn, anh...”

Cô tự tay đun nước và lôi bộ y cụ sơ sài người ta phát cho anh ở Chicago và là bộ y cụ anh đã sử dụng một lần, rồi nằm lên giường nhìn anh. “Được rồi. Đơn giản thôi mà. Anh biết mà; anh đã từng làm việc này rồi mà.”

“Đúng”, anh nói. “Đơn giản thôi. Chỉ cần để không khí lọt vào. Tất cả những gì anh phải làm là để cho không khí lọt vào...” Và anh bắt đầu run. “Charlotte. Charlotte.”

“Chỉ cần làm như vậy thôi mà. Chỉ cần một động tác thôi mà. Sau đó để không khí lọt vào và ngày mai chuyện này sẽ chấm dứt; em sẽ ổn thôi và chúng ta sẽ trở lại là chúng ta, mãi mãi, mãi mãi.”

“Đúng vậy. Mãi mãi và mãi mãi. Nhưng anh phải đợi cho đến khi tay anh... Nhìn này. Tay anh sẽ không hết run đâu. Anh không thể làm cho tay hết run được.”

“Thôi được. Chúng ta sẽ đợi một phút. Việc này đơn giản thôi mà. Buồn cười thật. Ý em muốn nói rằng chỉ cách thức là mới thôi. Chúng ta đã làm việc này bằng nhiều cách nhưng không phải bằng dao, đúng không nào? Đó. Tay anh hết run rồi đó.”

“Charlotte”, anh nói. “Charlotte.”

“Sẽ ổn thôi mà. Chúng ta biết cách làm mà. Anh từng nói với em những người đàn bà da đen nói gì nhỉ? Hãy giải phóng cho em, Harry.”

Và bây giờ, ngồi trên ghế đá ở công viên Audubon đầy cây xanh và ánh mặt trời rực rỡ với mùa hè Louisiana đã đến độ viên mãn mặc dù chưa đến tháng Sáu, với tiếng trẻ con la hét, âm thanh của bánh xe đẩy giống âm thanh anh nghe thấy từ căn hộ ở Chicago, qua khóe mi, anh nhìn chiếc xe taxi (xe taxi được yêu cầu đợi) dừng lại trước một ngôi nhà kiên cố, trông có vẻ tươi tốt nhưng không thật nổi bật rồi nhìn cô ra khỏi taxi và bước lên bậc cửa trong chiếc váy tối màu mà cô đã để trong túi xách mang theo mình suốt một năm, từ mùa xuân năm trước, qua ba nghìn dặm. Chuông reo, và có lẽ cũng chính người hầu gái da đen của năm trước lên tiếng: “Tại sao, thưa cô...” rồi không nói thêm gì nữa cả, vì có lẽ cô ta sức nhớ ra ai đã trả tiền công cho mình, mặc dù cũng có thể không phải là cô hầu đó bởi những người hầu da đen thường bỏ việc sau khi chủ nhà chết hoặc ly thân. Bây giờ vẫn chính căn phòng ấy, như lần đầu tiên anh nhìn thấy vào lần gặp gỡ đầu tiên của họ khi cô nói, “Harry, người ta gọi anh là Harry phải không? Chúng ta sẽ làm gì nhỉ?” (Ôi chao, mình đã làm điều đó, anh nghĩ. Nàng sẽ phải thú nhận chuyện đó). Anh có thể nhìn thấy hai người bọn họ, Rittenmeyer trong chiếc áo vest cài khuy chéo (có thể được may bằng vải flanel tối màu với những đường may khéo léo và không hề rẻ); bốn người bọn họ, Charlotte và ba người khác, hai đứa con gái trông không có gì đặc biệt - một đứa chỉ có duy nhất mái tóc giống mẹ, đứa kia nhỏ hơn, chẳng giống mẹ chút nào, ngồi trên đầu gối của bố nó, trong khi đứa lớn đứng dựa người vào anh ta; ba khuôn mặt, một hoàn hảo, hai trong số ba khuôn mặt đó toát lên vẻ bất khuất, khuôn mặt thứ hai lạnh lùng đầy cảnh giác, khuôn mặt thứ ba đơn giản chỉ đầy vẻ cảnh giác; anh có thể nhìn và nghe thấy tiếng họ nói:

“Hãy đến nói chuyện với mẹ của em đi, Charlotte. Hãy đưa Ann đi cùng.”

“Em không muốn.”

“Đi đi. Hãy nắm tay Ann đi.” Anh có thể nghe và nhìn thấy họ: Rittenmeyer đặt đứa nhỏ xuống sàn, đứa lớn nắm lấy tay cô và họ tiến lại gần nhau. Bây giờ nàng bế đứa nhỏ vào lòng, nó nhìn nàng bằng ánh mắt thờ ơ, trống rỗng, đứa lớn hơn nghiêng người về phía nàng, vâng lời, lạnh



lòng, chịu đựng sự âu yếm và né người ra xa khi cái hôn chưa được thực hiện xong, và quay trở về bên cha nó; một lát sau, Charlotte ra hiệu một cách bí mật với đứa nhỏ hơn. Và rồi cuối cùng nàng cũng đặt đứa bé xuống sàn để nó quay trở lại với cha nó, quay người tựa vào đầu gối của anh ta và cọ một bên má vào lòng cha nó như trẻ con vẫn thường làm, trong khi vẫn nhìn Charlotte bằng cái nhìn trống rỗng, thờ ơ.

“Hãy để bọn trẻ đi chỗ khác đi”, Charlotte nói.

“Em muốn các con đi chỗ khác sao?”

“Đúng vậy. Chúng muốn thế.” Hai đứa trẻ đi ra khỏi phòng. Và bây giờ anh nghe thấy tiếng cô nói. Đó không còn là Charlotte nữa, cũng như Rittenmeyer, anh biết điều đó: “Vậy đó là những gì anh đã dạy bọn trẻ cơ đấy”.

“Tôi á? Tôi đã dạy chúng á? Tôi chẳng dạy chúng gì hết!, anh ta gào lên. “Không gì hết! Không phải tôi là người đã...”

“Em biết. Em xin lỗi. Thực lòng em không có ý đó. Em không... Các con vẫn khỏe chứ?”

“Ừ. Như anh đã viết thư cho em. Nếu em còn nhớ, đã mấy tháng nay anh không có địa chỉ của em. Thư anh gửi bị trả lại. Khi nào em muốn và nếu em muốn, anh sẽ đưa cho em những bức thư đó. Em trông không được khỏe. Đó là lý do em quay về nhà, phải không? Em đã quay về đúng không?”

“Em chỉ về thăm các con thôi. Và về để đưa cho anh cái này.” Cô đưa tờ ngân phiếu có chữ ký đầy đủ và được đục lỗ để tránh giả mạo ra - một miếng giấy nhỏ đã tồn tại hơn một năm, có nếp gấp và vẫn lành nguyên, chỉ hơi cũ.

“Vậy là em về nhà bằng tiền của anh ta cơ đấy. Vậy thì tờ ngân phiếu này thuộc về anh ta.”

“Không. Nó là của anh.” “Anh từ chối nhận nó.”

“Anh ấy cũng không chịu nhận.” “Vậy thì hãy đốt nó đi. Hủy nó đi.”

“Tại sao? Tại sao anh lại muốn làm tổn thương chính mình? Tại sao anh lại muốn chịu đựng khi mà còn có nhiều việc cần đến tiền. Hãy để lại cho bọn trẻ số tiền này theo di chúc. Nếu không phải là tiền của em để lại,

thì hãy để coi đó là của Ralph. Anh ấy vẫn là bác của bọn trẻ mà. Anh ấy không gây hại gì cho anh đâu.”

“Tiền để lại theo di chúc ư?”, anh ta hỏi. Sau đó nàng tiếp tục nói với anh ta. Ồ, phải, Wilbourne tự nhủ, nàng sẽ nói với anh ta; anh có thể nhìn và nghe thấy hai người nói chuyện với nhau, chắc hẳn đã từng tồn tại điều gì đó na ná như tình yêu giữa hai người, chỉ ít họ đã biết đến sự hấp dẫn về thể xác và với sự hấp dẫn ấy, họ cũng có thể đạt được chút ít những gì giúp nhận biết tình yêu. Đúng, nàng sẽ nói với anh ta; anh có thể nhìn và nghe thấy cô đặt tấm ngân phiếu lên mặt bàn và nói với chồng:

“Chuyện xảy ra từ một tháng trước. Lúc đó em không sao, chỉ có điều em vẫn tiếp tục bị chảy máu và thế là chuyện trở nên khá tồi tệ. Thế nhưng hai ngày trước, đột nhiên em không bị chảy máu nữa và hẳn là có gì đó không ổn, có lẽ vẫn còn điều gì đó tồi tệ hơn, người ta gọi nó là gì nhỉ? Nhiễm độc máu, nhiễm trùng máu, đúng không nhỉ? Không quan trọng đâu, đó là điều chúng em đang thấp thỏm chờ.

Những người đàn ông mặc com lê bằng vải lanh thô đi qua chỗ anh ngồi và bây giờ anh bắt đầu để ý thấy mọi người đang rời khỏi công viên: Những cô hầu gái da đen mặc đồ xanh da trời có sọc chéo màu trắng được hồ cứng trông thật lõe loẹt và kỳ dị, những đứa trẻ vừa chạy lon ton trên thảm cỏ xanh vừa cất tiếng kêu yếu ớt như cánh hoa trước gió. Đã gần trưa rồi; Charlotte đã ở trong căn nhà đó hơn nửa tiếng đồng hồ. Sẽ mất nhiều thời gian, anh nghĩ, và anh vẫn nhìn cũng như nghe thấy họ nói chuyện: Anh ta đang cố thuyết phục nàng đi bệnh viện ngay lập tức, gặp bác sĩ tốt nhất, giỏi nhất; anh ta sẽ gánh lấy mọi sự trách móc, sẽ nói dối đủ điều; anh ta cố nài, bình tĩnh, nhưng không thúc bách và không chịu bị phủ nhận.

“Không. H - anh ấy biết một nơi. Trên bờ biển Mississippi. Chúng em sẽ đi tới đó. Nếu cần, chúng em sẽ tìm một bác sĩ ở đó.”

“Bờ biển Mississippi ư? Tại sao lại là chỗ đó? Một lão lang băm ở một làng chài tiêu điều của Mississippi ư? Trong khi ở New Orleans này có những bác sĩ giỏi nhất, cực kỳ giỏi...”

“Có thể chúng em không cần đến bác sĩ đâu. Chúng em có thể sống tạm tiện ở đó cho tới khi tìm ra cách.”

“VẬY là em và anh ta có tiền để đi nghỉ ở bờ biển cơ đấy.” “Chúng em có tiền.” Trưa rồi; không gian tĩnh mịch, bóng của những chiếc lá in lốm đốm trên người anh, không nhúc nhích trên sáu tờ bạc trong tay anh, hai tờ hai mươi đô, một tờ năm đô, ba tờ một đô, còn anh vẫn nghe và nhìn thấy họ:

“Hãy cầm lấy tấm ngân phiếu đó đi. Nó không phải là của anh.”

“Cũng chẳng phải của em. Hãy để em đi đường em, Francis ạ. Một năm trước, anh đã để em lựa chọn và em đã làm thế rồi. Em sẽ sống với lựa chọn đó. Em sẽ không để anh nuốt lời, không để anh phá vỡ lời thề với chính mình đâu. Nhưng em muốn xin anh một điều.”

“Xin anh ư? Một ân huệ ư?”

“Anh có thể gọi đó là một ân huệ nếu anh thích. Em không yêu cầu anh hứa đâu. Có lẽ em chỉ đang cố gắng bày tỏ một mong muốn thôi. Không phải hy vọng; chỉ là một mong muốn thôi. Nếu như có chuyện gì xảy ra với em.”

“Nếu có chuyện gì xảy ra với em. Anh phải làm gì?” “Không làm gì cả.”

“Không ư?”

“Đúng vậy. Không làm gì chống lại anh ấy. Em không yêu cầu anh làm như vậy vì anh ấy, cũng chẳng phải vì em. Em bày tỏ mong muốn đó là vì... vì... em không biết phải nói như thế nào. Vì tất cả những người đàn ông và những người đàn bà từng sống và phạm sai lầm nhưng luôn mong muốn điều tốt đẹp nhất và vì tất cả những người sẽ sống, phạm sai lầm nhưng vẫn mong muốn điều tốt đẹp nhất. Có lẽ vì cả anh nữa, bởi anh cũng đang đau khổ nếu như có sự đau khổ, nếu như bất cứ ai trong chúng ta đã gây ra đau khổ, nếu như người nào trong chúng ta sinh ra đủ mạnh mẽ và đủ tốt để đáng được yêu hoặc phải chịu đựng khổ đau. Có lẽ điều em đang cố nói đến là sự công bằng.”

“Công bằng ư?” Và bây giờ anh có thể nghe thấy tiếng cười của Rittenmeyer - người chưa bao giờ cười thành tiếng - bởi tiếng cười là bộ râu thưa thớt của ngày hôm qua, là điều xoàng xĩnh trong các cảm xúc.

“Công bằng ư? Em nói điều đó với anh ư? Công bằng ư?” Bây giờ nàng đứng lên; anh ta cũng đứng lên: Họ đối diện với nhau.

“Em không yêu cầu anh hứa”, nàng nói. “Yêu cầu anh hứa là đòi hỏi quá nhiều.”

“Ở anh.”

“Ở bất cứ ai. Bất cứ người đàn ông hoặc người đàn bà nào. Chứ không chỉ ở anh.”

“Nhưng chính anh là người không hứa hẹn gì cả. Hãy nhớ lấy. Em nên nhớ điều đó. Anh đã nói với em rằng em có thể quay về nhà bất cứ khi nào em muốn, và sẽ chấp nhận em trở lại. Nhưng em có thể mong đợi điều đó xảy ra lần nữa không? Có thể mong đợi sự chấp nhận từ bất cứ người đàn ông nào không hả? Nói đi; em đã nói đến sự công bằng kia mà; hãy nói xem nào.”

“Em không mong đợi điều đó. Em đã nói với anh rồi, có lẽ em chỉ đang cố nói rằng mình hy vọng thế.” Anh nói với chính mình, Bây giờ nàng sẽ quay gót, sẽ bước ra cửa, và họ sẽ đứng đó nhìn nhau và có lẽ cũng giống như McCord và mình ở sân ga Chicago trong cái đêm đó. Anh ngừng lại, định nói là “hồi năm ngoái” rồi bỏ lửng câu nói, ngồi im, và lại nói to bằng giọng ngạc nhiên, “Đêm hôm đó không phải đêm của năm tháng trước”... Và cả hai người đều biết rằng họ sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa nhưng chẳng ai nói ra điều đó. “Tạm biệt, Rat”, nàng nói. Và anh ta sẽ không đáp lời đâu, anh nghĩ, Không đâu. Anh ta sẽ không đáp lời, người đàn ông của các tối hậu thư, người được thời gian còn lại của đời mình giao cho những nghị định mà anh ta biết trước rằng mình không thể ủng hộ, người đã từ chối thực hiện lời hứa mà nàng không yêu cầu anh ta phải hứa và biết rất rõ điều đó; khuôn mặt hoàn hảo và không thể khuất phục đó hội tụ toàn bộ ánh sáng tồn tại trong căn phòng, sự khẳng định không phải về lẽ công bằng mà là sự đúng đắn không thể vạy vẹo được; và đồng thời cũng bi thảm vì trong cái đúng chẳng có chút gì của sự an ủi hoặc bình yên hết.

Đã đến lúc phải đi. Anh đứng dậy khỏi ghế đá và bước dọc theo lối nhỏ quanh co lát vỏ sò nằm giữa những cây trúc đào, hoa nhài và cam đang trở hoa đồng loạt, tiến về phía cổng, bước ra đường phố giữa ban trưa.

Chiếc taxi chạy tới, chậm chậm lượn vào khúc quanh; người lái xe mở cửa xe. “Ra ga”, Wilbourne nói.

“Ga liên hiệp?”

“Không. Ga để đến Mobile. Tới bờ biển.” Anh bước lên xe. Cửa xe đóng sập rồi xe chuyển bánh; những thân cây cọ đang tróc vỏ bắt đầu bị bỏ lại phía sau. “Cả hai đứa trẻ đều khỏe chứ?”, anh hỏi.

“Nghe này”, cô nói. “Nếu như chuyện đó xảy ra.” “Chuyện gì cơ?”

“Khi nào chuyện xảy ra anh sẽ biết.”

“Sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra hết. Anh sẽ ôm em. Đã lâu rồi anh không ôm em, đúng không nhỉ?”

“Đừng có ngớ ngẩn thế. Bây giờ chúng ta không có thời gian đâu. Đến lúc đó anh sẽ biết. Đi khỏi đây mau, anh có nghe em nói không?”

“Đi khỏi đây mau ư?”

“Hãy hứa với em. Anh không biết họ sẽ làm gì với anh sao? Anh không thể nói dối ai cả, cho dù muốn. Và anh đã không thể giúp em. Nhưng đến lúc đó anh sẽ biết. Nếu chuyện ấy xảy ra anh hãy gọi một xe cứu thương hoặc cảnh sát và gọi điện báo cho Rat rồi hãy rời xa em thật nhanh. Hãy hứa với em đi.”

“Anh sẽ ôm em”, anh nói. “Đó là những gì anh hứa với em. Bọn trẻ khỏe cả chứ?”

“Khỏe”, cô nói; những thân cây cọ đang tróc vỏ nối tiếp nhau lùi về phía sau họ. “Chúng ổn.”

# ÔNG GIÀ

Khi người đàn bà hỏi hấn có con dao nào không lúc hấn đứng đó trong bộ quần áo tù ướt sũng bộ đồ đã khiến hấn trở thành mục tiêu của súng đạn, lần thứ hai bị một khẩu súng máy nhắm bắn và cũng là lần thứ hai hấn nhìn thấy bóng người sống kể từ lúc rời khỏi con đê đó bốn ngày trước, người tù có cảm giác giống hết những gì hấn từng cảm thấy khi ở trên thuyền và người đàn bà bảo hấn nên khẩn trương. Hấn cũng cảm thấy sự xúc phạm gây giận dữ từ một tình huống mang tính đạo đức thuần túy y như vậy, nổi bất lực khiến hấn muốn phát điên hết như khi hấn tìm câu trả lời cho bài toán học búa mà hấn đang phải giải; vậy là hấn đứng trước người đàn bà trong suốt một phút dài, thở không ra hơi, nói không lên lời cho đến khi hiểu ra cô ta đang gào lên “Cái bình! Cái bình ở trên thuyền!”. Hấn không biết cô ta muốn có cái bình đựng sữa để làm gì, thậm chí không thắc mắc hay dừng lại để hỏi. Hấn quay đầu chạy; lần này hấn nghĩ, lại một con rắn hổ mang nữa đây, khi một vật sống mình dày cuộn lại trong phản ứng bất thành linh không thể hiện nổi sợ hãi mà đơn giản là vẻ cảnh giác, hấn thậm chí không thay đổi tốc độ chạy dù biết bàn chân đang chạy của mình chỉ cách cái đầu bẹt của con rắn chừng một thước. Chiếc thuyền đã bị sóng xô vào bờ, ghéch mũi lên con dốc đây bùn và một con rắn khác đang bò từ phía đuôi thuyền vào bên trong; khi cúi xuống để lấy cái bình, hấn nhìn thấy một con vật mình không biết là gì đang bơi về phía gò đất - một cái đầu, một cái mặt nhô lên từ đỉnh của con sóng hình chữ V. Hấn giật vội cái bình; cố múc cho đầy nước rồi quay gót. Hấn lại nhìn thấy một con nai khác. Đúng vậy, hấn nhìn thấy con nai - trong một cái liếc mắt, một ảo ảnh đậm màu sương khói với cảnh nền là một cây bách vụt biến mất, và hấn không dừng chân để nhìn theo con vật đang trôi đó mà chạy vội trở lại chỗ

người đàn bà, quỳ xuống, đưa bình nước tới miệng cô ta cho đến khi cô ta nói với hăn rằng đã cảm thấy dễ chịu hơn.

Trong cái bình có một hộp đậu hoặc cà chua, hay thứ gì đó, được dán kín có nắp bật bằng kim loại với cái nạy vỏ hộp sắc như dao cạo. Cô ta nói cho hăn biết cách mở hộp và hăn tháo dây của một chiếc giày ra, sử dụng cái nạy vỏ hộp để cắt nó ra làm đôi. Người đàn bà muốn có nước ấm. “Giá mà tôi có chút nước ấm”, cô ta nói bằng giọng yếu ớt không thể hiện chút hy vọng rõ rệt nào, chỉ khi hăn nghĩ đến những que diêm trong cảm giác bất lực muốn phát điên, giống như lúc cô ta hỏi hăn có con dao nào không, cô ta mới lần trong túi của chiếc áo dài của mình (chiếc áo có hình chữ V sẫm màu ở một bên ống tay và vết bẩn sẫm màu hơn ở một bên vai nơi chiếc phù hiệu cùng biểu tượng nào đó đã bị gỡ bỏ, nhưng điều đó chẳng quan trọng đối với hăn) rồi lấy ra một bao diêm được làm bằng hai vỏ đạn súng ngắn. Vậy là hăn đưa người đàn bà tới một chỗ bớt lầy lội hơn rồi đi kiếm những thanh củi đủ khô để đốt lửa, đáng lẽ hăn nghĩ, Mười nghìn con rắn nữa, nhưng lại tự nhủ, chỉ là một con rắn nữa thôi mà: Và bây giờ hăn biết con nai vừa hiện ra trước mắt mình không phải là con nai hăn gặp lúc trước bởi vì hăn nhìn thấy ba con một lúc mà cũng không biết đó là nai, hoẵng cái hay hươu đực bởi vào tháng Năm, tất cả những con vật đó đều không có gạc, vả lại hăn cũng chưa bao giờ nhìn thấy một con vật nào giống như những con vật đó ở bất cứ đâu ngoài tám thiệp Giáng Sinh; sau đó hăn nhìn thấy một con thỏ chết đuối đã bị những con chim rĩa thịt và điều hâu đở trên người với chòm đầu dựng đứng, cái mũi quý phái cùng con mắt màu vàng toát lên vẻ cố chấp, hăn giơ chân đá con vật đã chết khiến nó chòng chành và những con chim bay vù lên không trung.

Khi hăn mang một ít củi và con thỏ chết quay trở lại, đứa trẻ sơ sinh đã được bọc trong chiếc áo dài đang nằm giữa hai đoạn khuynh ra của một gốc cây bách còn người đàn bà thì chẳng thấy đâu cả, thế rồi khi hăn đang quỳ trong bùn, thổi lửa và vun cho đám củi cháy, cô ta từ phía mép nước chậm chậm bước lên với vẻ yếu ớt. Cuối cùng nước cũng được đun, và hăn không biết từ đâu, có lẽ chính cô ta cũng không biết từ đâu, khi nhu cầu thúc bách một miếng vừa giống như vải bố vừa giống như vải lụa xuất



hiện; ngòi chồm hồm trong bộ quần áo đang bốc lên hơi nước trước đồng lửa, hẳn quan sát người đàn bà tắm cho đứa trẻ sơ sinh với nỗi tò mò và thích thú đến mức khó tin, cuối cùng hẳn đứng nhìn sinh linh nhỏ bé đỏ hồng chẳng giống bất cứ cái gì và nghĩ, Tất cả là thế này đây. Đây là những gì đã cắt đứt mình một cách quyết liệt khỏi toàn bộ những gì mình từng biết và không muốn rời xa rồi quẳng mình lên một phương tiện mình sợ hãi, và cuối cùng tống mình đến cái nơi mình chưa từng nhìn thấy, thậm chí chẳng biết là nơi nào.

Rồi hẳn quay ra mép nước và lại lấy đầy một bình nước. Chiều đang trôi về phía hoàng hôn (nếu không có những đám mây u ám chiếm lĩnh bầu trời thì chắc hẳn có hoàng hôn) của cái ngày mà hẳn không thể nhớ nổi đã bắt đầu từ khi nào; khi hẳn quay trở lại chỗ đồng lửa đang cháy trong cái bóng âm đạm của những cây bách sau một lúc vắng mặt, bóng tối mới thực sự hiện diện, mặc dù trước đó nó đã trú ngụ trên cái gò rộng một phần tư héc ta, con thuyền bằng đất trong Kinh Cựu Ước - vùng hoang sơ căn cõi chỉ có sự sống sinh sôi từ những cây bách ướn nhẹp - hiện ra lơ mờ, nơi mà hẳn hoàn toàn không biết nằm ở phía nào: Đông, Bắc, Tây, hay Nam cũng như chẳng rõ hôm nay là ngày mấy, cách nơi nào bao xa và thực sự là đâu, và là nơi hoàng hôn lại bắt đầu bò lan trên mặt nước. Hẳn hằm thịt thỏ khi đồng lửa cháy càng lúc càng thêm đỏ rực trong bóng tối nơi những con mắt hoang dã nhút nhát của các con thú nhỏ - trong đó có cái nhìn trôn trôn từ đôi mắt mở thao láo của một con nai - sáng lóe lên, vụt biến mất rồi lại sáng lóe lên, và sau bốn ngày không có chút gì vào bụng, hẳn húp vội chút nước xuýt nóng hồi sặc mùi ôi thiu; ban đầu hẳn dường như nghe thấy tiếng tuyến nước bọt của mình gặm gào khi nhìn người đàn bà húp lấy húp để thử nước đó. Rồi chính hẳn cũng húp, họ ăn những miếng thịt thỏ nướng được xiên bằng các cành liễu và cháy sém; bây giờ đã về đêm. “Cô và đứa nhỏ nên ngủ trên thuyền”, người tù nói. “Sáng mai chúng ta đi sớm.” Hẳn đẩy thuyền khỏi bờ, để con thuyền nằm thẳng và dùng một đoạn dây leo nối dây cột thuyền dài ra rồi quay lại bên đồng lửa, buộc dây neo thuyền vào cổ tay và nằm xuống. Hẳn nằm trên bùn, nhưng dù sao bên dưới lớp bùn vẫn là lớp đất vững chắc, không chuyển động; nếu ngã trên đất anh sẽ bị gãy

xương bởi tính tiêu cực hiển nhiên của nó, bị phủ lấp, chết ngạt và chìm sâu, chìm sâu xuống, nhưng nó không chấp nhận anh phi vật chất; nhiều khi thật khó để lái lưỡi cày xuyên qua đất, việc đó khiến hãn mệt nhoài, mệt lử và nhiều lần vào cuối ngày, hãn đã trở về giường ngủ rồi nguyên rủa những yêu cầu không thể thỏa mãn được của nó, nhưng nó không tàn nhẫn giết hãn ra khỏi tất cả những gì quen thuộc đối với hãn, khiến hãn trở nên bất lực trong nhiều ngày trước ý muốn quay về. Mình không biết hiện giờ mình đang ở đâu và không nghĩ rằng mình biết đường quay trở về nơi muốn về, hãn nghĩ. Nhưng chỉ ít con thuyền đã dừng lại đủ lâu để cho mình cơ hội xoay nó quay trở lại.

Hãn thức dậy lúc bình minh, ánh sáng ban ngày còn yếu ớt lắm, bầu trời nhuộm sắc vàng nhạt; hôm nay sẽ là một ngày đẹp trời đây. Đống lửa đã tắt ngấm từ bao giờ; ở phía bên kia của đống tro lạnh là ba con rắn nằm cạnh nhau trong tư thế bất động tựa những đường thẳng song song, và dưới ánh bình minh, những con rắn khác dường như cũng hiện ra: Mới phút trước mặt đất chỉ là đất trống thì giờ đây đã đầy những con rắn cuộn thành vòng tròn nằm bất động, những cành cây mà một phút trước chỉ là những cành cây bình thường giờ đây trở thành các tràng hoa được kết bằng những con rắn không nhúc nhích khi người tù đứng đó nghĩ về thức ăn, về thứ gì đấy ấm nóng để cho vào bụng trước lúc họ khởi hành. Nhưng hãn quyết định cưỡng lại ý nghĩ ấy và không làm lãng phí thời gian nữa, bởi trên thuyền vẫn còn một chút thức ăn nặng và rắn như đá mà người đàn bà trên cái nhà thuyền nọ đã ném sang cho họ, ngoài ra (hãn nghĩ đến điều này) còn một vấn đề nữa: Cho dù có đi kiếm cái ăn một cách nhanh chóng và thành công đến mức nào, hãn cũng sẽ chẳng bao giờ có thể kiếm đủ thức ăn tới khi họ trở lại nơi mà họ muốn quay về. Vậy nên hãn trở lại thuyền, tháo cái dây nho dùng làm dây buộc thuyền khỏi người, quay trở lại mép nước - nơi đang bị bao phủ bởi một lớp sương dày như một tấm mền bông (mặc dù có vẻ như lớp sương ấy không cao và sâu) còn đuôi thuyền đã bắt đầu biến mất trong tầm nhìn của hãn mặc dù mũi thuyền vẫn chạm gò đất. Người đàn bà đã thức dậy và đang cựa quậy. “Chúng ta nhất định phải đi bây giờ sao?”

“Đúng vậy”, người tù nói. “Sáng nay cô không định sinh một đứa trẻ nữa đấy chứ?” Hãn bước tới, đẩy thuyền khỏi vùng bờ mà đất bắt đầu nhò đi trong màn sương. “Đưa mái chèo cho tôi nào”, hãn nói qua vai, không quay đầu lại. “Mái chèo ư?”

Bây giờ thì hãn quay đầu lại. “Mái chèo. Cô nằm đè lên nó còn gì.” Nhưng không phải như vậy, và trong chốc lát, mặt đất tiếp tục mờ dần mờ dần trong màn sương dường như đang dựng lên một bức tường không trọng lượng, khó có thể sờ thấy tựa một thứ đồ trang sức hay trang trí mỏng mảnh hoặc quý giá; người tù ngồi xồm, không phải trong tình trạng mất hết can đảm mà trong cơn giận dữ điên cuồng của một người đàn ông vừa mới thoát khỏi nạn này lại gặp ngay nạn khác: Điều đó vượt quá sức chịu đựng vì hãn biết rằng trong đời mình sẽ chẳng bao giờ có ít thời gian hơn thế để mà lãng phí. Bởi hãn không chần chừ được nữa. Hãn chộp lấy đầu sợi dây leo và lao xuống nước, biến mất trong nỗ lực ngụp lặn, bơi, lội, để rồi lại xuất hiện cũng vẫn với nỗ lực đó (hãn chưa bao giờ học bơi), lội, quẫy và đập nước để trở lại cái gò đất, di chuyển trong nước như con nai đã trôi đi ngày hôm qua và quờ quạng tìm tới cái dốc lầy lội để rồi nằm vật ra đó thở hổn hển, trong khi vẫn nắm chặt đầu của sợi dây buộc thuyền.

Việc đầu tiên hãn làm là chọn những gì hãn tin là cái cây thích hợp nhất (bởi trong khoảnh khắc biết rõ mình đang bán loạn, hãn đã nghĩ đến việc cố cưa cái cây bằng mép sắc của cái hộp đựng đồ ăn kia) và lại nhóm một đồng lửa để đốt cái gốc của nó. Sau đó hãn đi kiếm thức ăn. Hãn dành sáu ngày tiếp theo để làm việc ấy trong khi cái gốc cây đó cháy đến lõi, đổ sập xuống, tiếp tục cháy theo chiều dài của thân cây và hãn vun cho lửa cháy liên tục dọc theo hai bên thân để tạo một mái chèo, đốt lửa cả ngày lẫn đêm trong lúc người đàn bà và đứa trẻ mới sinh (nó đang bú, và hãn quay lưng lại phía họ hoặc thậm chí rút vào trong rừng cây mỗi khi người đàn bà cời những cái cúc của chiếc áo dài bạc phếch chuẩn bị cho con bú) ngủ trên thuyền. Hãn học cách quan sát lũ điều hâu để tìm ra nhiều thỏ và chuột ô-pốt hơn; họ ăn những con cá chết dưới nước khiến họ phát ban và kiết lị, thậm chí ăn cả một con rắn - con vật mà người đàn bà nghĩ là một loài bò sát khác và không gây hại gì cho họ; rồi một đêm trời đổ mưa, hãn choàng

dậy và giật những bụi cây, khuấy động những con rắn (hắn thôi không nghĩ, Có gì đâu, chỉ là một con rắn nữa thôi mà. Thay vì thế, hắn chỉ lạng lẽ bước sang một bên để tránh và có lần chúng lại nằm thu gọn vào một bên để tránh hắn) với cảm thức cố hữu về khả năng không thể bị tấn công của mình để dựng một mái che tạm bợ, sau đó mưa tạnh hẳn và người đàn bà lại quay trở lại thuyền.

Một đêm, cái đoạn thân cây cháy chậm đến mức chán ngắt đã trở nên gần giống một mái chèo, hắn mơ thấy mình nằm trên giường ở trại tù và trời rất lạnh, hắn đang cố kéo chăn lên tận cằm nhưng bị con la của hắn cản trở - nó cứ húc và huých mạnh vào người hắn, đòi lên cái giường chật hẹp đó với hắn; ở trên giường cũng lạnh và ẩm ướt, hắn cố ra khỏi giường nhưng con la không để hắn làm thế, cứ dùng răng cắn chặt dây thắt lưng của hắn, giật và đập người hắn xuống mặt giường ướt nhẹp rồi nghiêng người dùng cái lưỡi lạnh, chắc nịch nhưng lạnh lẽ của nó tát vào mặt hắn; thế là hắn choàng tỉnh, nhận ra lửa đã tắt ngấm, không còn than hồng bên dưới đoạn thân cây sắp trở thành một mái chèo và thấy một vật gì đó dài, mềm và lạnh trườn qua người mình trong khi mũi thuyền chốc chốc lại giật cái dây nho mà hắn buộc vào cổ tay, giật rồi kéo hắn xuống nước. Sau đó, một vật khác (khúc gỗ hay cái mái chèo) bắt đầu thúc vào gót chân hắn khi hắn cuống cuống quờ quạng tìm con thuyền, nghe tiếng loạt soạt của chuyển động qua lại bên trong thuyền khi người đàn bà bắt đầu giãy đạp và la hét. “Chuột!”, cô ta thét lên. “Nhiều chuột quá!”

“Năm im!”, hắn gào lên. “Rắn đấy. Cô không thể nằm yên đủ lâu để tôi bám được vào thuyền sao?” Rồi bàn tay hắn tìm được mép thuyền, hắn trèo lên thuyền cùng mái chèo chưa thực sự hoàn thiện; một lần nữa hắn lại cảm thấy khối thịt dày giật giật dưới lòng bàn chân mình; không phải là sự tấn công; nếu phải thì hắn cũng chẳng buồn quan tâm, nhìn về phía sau, hắn thấy một thứ - luồng ánh sáng yếu ớt ở phía xa xa giữa vùng nước mênh mông. Hắn chèo thuyền về phía nguồn sáng đó, gạt những cành cây có rắn quấn sang một bên, đáy thuyền dội lại những tiếng rơi đánh “tôm”, người đàn bà chốc chốc lại rú lên. Thế rồi thuyền ra khỏi đám cây cối, cách xa hắn gò đất, và giờ đây hắn có thể cảm thấy những con vật sống đang chạy

quanh hai mắt cá chân của mình, nghe thấy tiếng lạo xạo mà chúng tạo ra khi chạy về phía mép thuyền. Hấn khua khoảng cái thanh gỗ dùng làm mái chèo trong lòng thuyền, gậy lên gậy xuống để xua đuổi những con vật; hấn có thể nhìn thấy thêm ba con rắn nữa quăng mình xuống mặt nước lờ lờ nửa xanh, nửa vàng trước khi biến mất. “Yên nào!”, hấn quát. “Suyt! Ước gì mình cũng là một con rắn để có thể thoát ra khỏi cái thuyền chết tiệt này!”

Khi vầng mặt trời buổi sớm mỏng tang dẹt như một cái đĩa, nhợt nhạt và chưa đủ tạo hơi ấm lại ngó xuống chiếc thuyền (thuyền đang chuyển động hay không người tù chẳng biết nữa) trong màn sương tựa như tấm mền bông mịn, người tù lại nghe thấy âm thanh mà hấn đã nghe thấy hai lần và không bao giờ quên được - âm thanh của nước chuyển động dữ dội và chẳng thể cưỡng lại. Nhưng lần này hấn không thể xác định được âm thanh đó đến từ hướng nào. Dường như nó đến từ khắp nơi, lúc rõ lúc yếu, như một ảo ảnh ở phía sau màn sương, vừa mới phút trước nghe như ở xa nhiều dặm, phút sau đã ở gần đến mức tưởng chừng sắp nhận chìm con thuyền; bỗng nhiên trong khoảnh khắc ngắn ngủi, hấn tin (thân xác mệt mỏi rã rời của hấn như muốn nhảy lên, gào thét) rằng mình sắp sửa lái con thuyền lao thẳng vào cái đã phát ra âm thanh đó và với mái chèo chưa được hoàn thiện nặng tới hai mươi lăm pound, đen nhem đen nhem giống một vật vừa được lôi ra từ ống khói bị hải ly gặm nham nhở, hấn điều khiển con thuyền xoay tít và cảm thấy âm thanh kia lại tắt ngấm trong tầm nghe. Rồi một cái gì đó gầm lên âm vang phía trên đầu, và hấn nghe thấy tiếng người nói xôn xao, tiếng chuông kêu chói tai còn âm thanh kia ngừng bật, màn sương cũng biến mất như thể có người kéo một tấm kính bị sương phủ mờ lên; con thuyền giờ đây nằm giữa một vùng nước màu nâu lấp lánh ánh mặt trời cách một chiếc tàu thủy chừng ba mươi thước. Boong tàu đầy người, đàn ông, đàn bà và trẻ con đứng ngồi bên cạnh hoặc giữa những đồng hồ đạc lĩnh kính lặng im nhìn xuống chiếc thuyền với vẻ buồn rầu trong khi người tù và người đàn ông cầm loa phóng thanh ở trong buồng lái của con tàu nói chuyện với nhau như hét trong tiếng ồn của động cơ tàu:

“Anh đang cố làm cái quái gì đấy? Định tự tử hả?” “Vicksburg nằm ở hướng nào?”

“Vicksburg á? Lên tàu đi.”

“Anh cho cả thuyền của tôi lên chứ?”

“Thuyền của anh á? Thuyền á?” Bây giờ cái loa phóng thanh phát ra những tiếng nguyên rủa, những con sóng gào lên lời báng bổ cùng âm thanh dội lại của tự nhiên sâu hút, vô hình cứ như thể nước, không khí và sương đã bật ra tiếng nguyên rủa ấy, hét lên những lời đó rồi tự nhận lại chúng, không gây hại gì cũng chẳng để lại sự tổn thương hay xúc phạm ở bất cứ đâu. “Nếu tôi cứ đưa lên boong tàu tất cả những con cá mèi đang nổi lênh bênh thì đồ khỉ nhà anh ạ, anh muốn tôi không còn chỗ nào cho một vị lãnh tụ sao? Lên đi! Anh muốn tôi treo mình ở đây cho đến khi địa ngục đóng băng sao?”

“Anh không cho thuyền của tôi lên thì tôi không lên đâu”, người tù nói. Một giọng nói khác cất lên, điềm tĩnh, ôn tồn và dễ cảm đến nỗi thoát đầu nghe có vẻ lạ hơn cả tiếng nguyên rủa báng bổ ồn ào phát ra từ cái loa phóng thanh:

“Anh đang thử đi đâu vậy?”

“Tôi không thử”, người tù nói. “Mà đang đi thật. Tới Parchman.” Người đàn ông vừa mới cất tiếng nói biến mất, rồi xuất hiện trở lại cùng với người đàn ông thứ ba trong buồng lái. Sau đó anh ta lại nhìn xuống thuyền.

“Đi Carnarvon hả?”

“Gì cơ?”, người tù hỏi. “Parchman chứ?”

“Được rồi. Chúng tôi đang đi về hướng đó và sẽ cho anh quá giang tới nhà anh. Lên tàu đi nào.”

“Cho cả thuyền của tôi lên chứ?”

“Phải, phải. Lên đi. Chúng tôi đang lãng phí than đốt chỉ để nói chuyện với anh đó.” Vậy là người tù cho thuyền ghé sát vào thân tàu và nhìn những người đàn ông giúp người đàn bà cùng đưa bé vượt qua thanh chắn thành tàu rồi đến lượt hần leo lên tàu, vẫn giữ đầu dây cột thuyền cho

tới khi chiếc thuyền được kéo lên boong tàu. “Lạy Chúa”, người đàn ông có giọng nói ôn tồn thốt lên, “đó là thứ anh dùng làm mái chèo sao?”.

“Đúng vậy”, người tù nói. “Tôi đã đánh mất tấm ván kia.”

“Tấm ván ư?”, người đàn ông kia hỏi (người tù kể cho cho ông ta nghe về tấm ván hẵn dùng làm mái chèo bằng giọng lí nhí), “tấm ván. Được rồi. Hãy đi kiếm cái gì đó ăn đã. Thuyền của anh bây giờ an toàn rồi”.

“Tôi nghĩ là tôi sẽ đợi ở đây thôi”, người tù nói. Bởi vì giờ đây, hẵn kể, lần đầu tiên hẵn nhận thấy rằng đám đông những người tị nạn đang tụ tập thành một vòng tròn im lặng trên boong tàu quanh chiếc thuyền vừa được úp xuống - phương tiện mà hẵn và người đàn bà kia dùng để di chuyển trong những ngày qua - chiếc thuyền có dây neo bằng thân cây nho đã mấy lần được quấn quanh cổ tay hẵn hoặc được hẵn giữ khư khư trong bàn tay nắm chặt; những người đang nhìn hẵn và người đàn bà với vẻ rầu rĩ kỳ quặc ấy không phải là người da trắng.

“Anh muốn nói họ là dân mọi đen ư?”, tù nhân có dáng người thấp đậm đang nghe hẵn kể chuyện bật ra tiếng hỏi.

“Không. Ý tôi muốn nói họ không phải là người Mỹ.” “Không phải người Mỹ ư? Vậy là anh đã bị nước lụt cuốn ra khỏi nước Mỹ ư?”

“Tôi không biết nữa”, tù nhân có dáng người cao nói. “Họ gọi nơi đó là Atchafalaya.”, bởi vì một lát sau khi hẵn hỏi người đàn ông, “Gì cơ?” thì ông ta nhắc lại từ đó bằng giọng nói nghe như tiếng kêu “gộp gộp” của những con gà tây.

“Gộp gộp ư?”, tù nhân có dáng người thấp đậm hỏi.

“Đó là cái cách họ nói chuyện”, tù nhân có dáng người cao nói. “Gộp gộp, đôm đốp, quang quác.” Và hẵn ngồi đó quan sát họ nói chuyện với nhau, hết nói chuyện lại nhìn hẵn, rồi họ lùi lại và người đàn ông có giọng nói ôn tồn (ông ta đeo một dải băng của Hội Chữ thập đỏ) bước tới, theo sau là một người phục vụ với khay thức ăn trên tay. Người đàn ông nhắc hai ly whiskey khỏi khay.

“Uống đi”, người đàn ông có giọng ôn tồn nói. “Cái này sẽ làm người ấm lên.” Người đàn bà cầm lấy ly rượu, không chần chừ, uống liền, nhưng người tù kể lại rằng lúc đó hẵn nhìn ly rượu của mình và nghĩ, Đã bảy năm



rồi mình chưa được nếm một giọt whiskey nào. Hẳn không được nếm một giọt whiskey nào trong bảy năm và trước đó hẳn mới chỉ được uống thứ rượu đó duy nhất một lần; năm mười bảy tuổi, hẳn đi chơi với bốn người bạn, hai trong số đó đã ở tuổi trưởng thành, một người khoảng hai mươi hai, hai mươi ba, người kia tầm bốn mươi; hẳn nhớ như vậy. Hẳn nhớ hình như mình đã uống ba ly trong buổi tối hôm đó - một cảnh hỗn loạn xảy ra trong ánh lửa, những cú đấm gây choáng váng dội xuống đầu hẳn (và những cú đấm của chính hẳn thụi vào xương cốt răn căng của người khác), sau đó hẳn tỉnh dậy trước một bình minh nứt nẻ và vàng mặt trời gây chói mắt ở một cái chuồng bò mà trước đó hẳn chưa bao giờ thấy và là nơi mà sau đó hẳn biết rằng cách nhà hẳn những hai mươi dặm. Hẳn kể rằng hẳn nhớ lại cảnh đó rồi nhìn ba khuôn mặt đang dõi mắt vào mình và nói:

“Tôi nghĩ rằng tôi sẽ uống.”

“Uống đi”, người đàn ông có giọng nói ôn tồn bảo hẳn.

“Uống đi.”

“Tôi không muốn uống.”

“Đừng ngốc thế”, người đàn ông kia nói. “Tôi là bác sĩ. Đây. Vậy thì anh ăn đi.” Vậy là hẳn cầm ly rượu và thậm chí khi đã cầm ly rượu trên tay rồi, hẳn vẫn lưỡng lự chưa uống, nhưng người đàn ông kia lại nói: “Uống đi, uống hết đi; anh vẫn giấu chúng tôi chuyện gì đó” bằng giọng nói nghe vẫn ôn tồn và thông cảm nhưng cũng bắt đầu có vị gay gắt - giọng của một người đàn ông có thể giữ bình tĩnh và lịch thiệp vì không quen nổi cẩu; hẳn uống rượu whiskey và thậm chí trong những giây phút giữa cơn nóng ẩm ngọt ngào dâng lên trong bụng và bắt đầu uống, hẳn vẫn cố nói: “Tôi đã cố nói cho các ông biết chuyện! Tôi đã cố nói chứ không phải không!”. Nhưng đã quá muộn trong ánh mặt trời vàng vọt của ngày thứ mười sống trong nỗi kinh hoàng, tuyệt vọng, chán nản, bất lực, uất ức và cơn phẫn nộ, hẳn nghĩ hẳn cùng con la của mình đang ở đây (họ cho phép hẳn đặt tên cho con la - John Henry), con vật mà không ai khác ngoài hẳn đã sử dụng để cày ruộng trong năm năm, con vật mà từ tính cách đến thói quen hẳn đều thuộc lòng bàn tay và tôn trọng nó, nó cũng hiểu rõ tính tình và thói quen của hẳn đến nỗi người và la có thể đoán được các hành động và ý định của nhau;

phải, chính hẳn và con la đang ở đây, những khuôn mặt phát ra tiếng lạ tai đang đập chồm trước mặt hẳn, những bộ xương sọ răn căng, quen thuộc rung lên trước năm đấm của hẳn, và hẳn gào lên: “Nào John Henry!

Cày cho bọn chúng ngã ráo cả đi! Đốn ngã bọn chúng đi!” khi con sóng đỏ nóng ấm và sặc sỡ quay trở lại, ập tới một cách hân hoan, vui mừng, dâng lên rồi treo lơ lửng sau đó đổ nhào xuống qua không gian, đặc thẳng và ồn ào, sau đó những cú đấm gây choáng váng lại giáng xuống đầu hẳn: Hẳn nằm ngửa trên boong tàu, tay chân như bị ghì chặt và khi tỉnh lại, hẳn thấy mình lại bị chảy máu mũi, còn người đàn ông có giọng nói ôn tồn thì đang cúi xuống nhìn hẳn qua lớp kính mắt mỏng dính và hẳn bắt gặp đôi mắt lạnh lùng nhất mình từng thấy - đôi mắt mà hẳn kể lại là “không nhìn hẳn, chỉ nhìn vào dòng máu đang tuôn ra mà chẳng hề thể hiện gì khác ngoài sự vô cảm”.

“Góm thật đấy”, người đàn ông có giọng nói ôn tồn lên tiếng. “Có thừa sự sống trong một cái xác, đúng không? Thừa cả máu tươi nữa. Đã có ai từng bảo anh rằng anh mắc chứng máu khó đông chưa?” (“Gì cơ?”, người tù có dáng người thấp đậm hỏi. “Chứng máu khó đông ư? Anh biết như thế có nghĩa là gì không?” Người tù có dáng người cao giờ đây đang gập người hút thuốc theo kiểu nhét mình vào không gian chật hẹp giữa chiếc giường tầng trên và giường tầng dưới, nghiêng người bất động khi làn khói thuốc màu xanh lam cuộn thành vòng tròn phía trước khuôn mặt đen đúa xương xẩu đã được cạo râu và rửa sạch sẽ của hẳn. “À, thì ra cái lão đó vừa là con bê, vừa là con trâu, vừa là con bò cơ đấy.”

“Không phải”, người tù thứ ba nói, “là một con bê hoặc một con ngựa non hoặc chẳng là con gì trong hai con đó”. “Trời đánh thánh vật”, tù nhân có dáng người thấp đậm nói. “Ông ta chắc hẳn phải là một trong hai con vật đó mới không bị chết đuối chứ.” Gã vẫn không rời mắt khỏi tù nhân có dáng người cao; giờ đây gã lại cất tiếng hỏi người bạn tù của mình: “Anh để cho ông ta nói với anh như vậy sao?”.) Đúng là tù nhân có dáng người cao đã để cho ông bác sĩ ở trên con tàu đó nói với mình như vậy. Hẳn không trả lời ông ta (đó là lúc hẳn thôi không nghĩ ông ta là một con người ân cần, ôn tồn nữa). Hẳn thậm chí không thể cử động, mặc dù cảm thấy

khỏe và khá hơn so với mười ngày trước đó. Vậy là họ giúp hấn đứng dậy, dìu hấn đi rồi đỡ hấn ngồi xuống bên cạnh người đàn bà trên chiếc thuyền đã được úp xuống, và hấn ngồi đó, hơi cúi người về phía trước, để khuỷu tay trên đầu gối như vẫn thường ngồi, nhìn đám máu đỏ tươi của mình làm vấy bẩn sàn tàu vốn đã loang lổ bùn đất cho đến khi bàn tay sạch sẽ của ông bác sĩ xuất hiện phía bên dưới mũi hấn cùng với một cái lọ.

“Người cái này đi”, ông bác sĩ nói. “Hít sâu vào.” Người tù hít vào, mùi a-mô-ni-ắc rất gắt như thể đang thiêu đốt lỗ mũi hấn, xộc xuống tận cổ họng hấn. “Hít nữa đi”, ông bác sĩ nói. Người tù lại hít một cách ngoan ngoãn. Lần này hấn thở ngắc ngư và khạc ra một cục máu, rồi không còn cảm thấy lỗ mũi mình ngăn như cái móng chân nữa mà dài bằng một cái xẻng mười inch, lạnh toát.

“Mong ông thứ lỗi cho tôi”, hấn nói. “Tôi quả thực không có ý...”

“Tại sao?”, ông bác sĩ nói. “Anh địch được bốn mươi, năm mươi người. Anh đã trụ được trong hai giây. Bây giờ anh có thể ăn chút gì đó. Hay anh nghĩ thức ăn sẽ lại khiến anh gặp rắc rối hả?”

Hấn cùng người đàn bà ngồi ăn trên chiếc thuyền đã được úp xuống, và những khuôn mặt phát ra tiếng nói lạ tai không còn nhìn họ nữa; hấn gặm chiếc bánh sandwich dày cộp một cách chậm chạp và khó khăn trong tư thế khom lưng, mặt hơi nghiêng sang phía có thức ăn giống như một con chó đang nhai thức ăn; con tàu vẫn không ngừng rẽ sóng. Bữa trưa có xúp nóng, bánh mì và cà phê; họ lại ăn, ngồi cạnh nhau trên con thuyền bị lật úp, đầu sợi dây leo dùng để buộc thuyền vẫn được quấn quanh cổ tay của người tù. Đứa trẻ mới sinh thức giấc, bú mẹ rồi lại ngủ tiếp và họ nói chuyện với nhau bằng giọng khe khẽ:

“Ông ta nói họ đang đưa chúng ta tới Parchman, đúng không?”

“Tôi bảo với ông ta rằng mình muốn đến đó.”

“Theo như tôi nghe được thì hình như không phải là Parchman. Ông ta nói đến một nơi khác cơ.” Quả thực người tù cũng đã nghĩ như vậy. Hấn nghĩ về điều đó một cách khách quan và tỉnh táo khi hấn và người đàn bà bước lên tàu và suy nghĩ một cách thực sự nghiêm túc kể từ lúc hấn nhận ra chủng tộc của những hành khách khác - những người đàn ông và đàn bà

thấp bé hơn hẳn, có nước da đen khác với nước da rám nắng, mặc dù hẳn chưa từng nghe thấy ngôn ngữ của họ và họ cũng chẳng hiểu tiếng mẹ đẻ của hẳn, những người hẳn chưa từng nhìn thấy ở Parchman hay ở bất cứ nơi nào khác và không tin rằng họ đang đi tới hoặc đi ngang qua vùng đó. Nhưng với kiểu hành xử của người nhà quê và với tính cách của mình, hẳn không hỏi, bởi mở miệng hỏi thông tin trong trường hợp đó đối với hẳn nghĩa là xin người ta ban ơn cho mình (mà thường thì ai lại đi xin những người lạ ban ơn cho mình chứ); nếu họ tự nguyện ban ơn cho anh thì anh nhận và bày tỏ lòng biết ơn thôi, chứ không xin. Vậy nên hẳn chỉ ngồi nhìn và đợi như trước, làm hoặc cố gắng làm những gì tốt nhất trong khả năng của mình.

Vậy là hẳn đợi, và vào giữa trưa con tàu phát ra những tiếng phì phì, đi vào một hẻm núi, và khi nó đi qua hẻm núi đó, người tù biết rằng đó là Sông. Bây giờ thì hẳn có thể tin đó là Sông - con sông lớn, nước màu vàng, nằm im lìm giữa trưa vắng (“Bởi vì nó quá lớn”, hẳn kể lại bằng giọng nghiêm túc. “Không có trận lụt nào trên thế giới đủ lớn để có thể làm gì con sông ấy ngoài việc đưa nó lên một vị trí cao hơn để nó có thể nhìn về phía sau và thấy một con bọ chét đang ở chỗ nào cũng như biết chính xác chỗ để gãi. Đó là các nhánh sông nhỏ, những con lạch hôm nay chảy ngược, ngày mai chảy xuôi và dồn về phía người đi trên sông cơ man nào là những con la chết, những chuồng gà.”), và con tàu di chuyển về phía dòng sông ấy (giống một con kiến bò trên cái đĩa, người tù nghĩ khi ngồi bên cạnh người đàn bà trên chiếc thuyền đã được úp xuống trong lúc đưa trẻ bú mẹ dường như cũng phóng tầm mắt nhìn ra sông nơi cách đó chừng một dặm có hai dải đê giống hai sợi chỉ song song không bị đứt gãy, không có mối nối nổi trên mặt nước); lúc đó hoàng hôn sắp buông xuống và hẳn bắt đầu nghe cũng như nhận thấy giọng nói của ông bác sĩ cùng người đàn ông đầu tiên nói chuyện với hẳn bằng loa phóng thanh cũng đang nói oang oang qua loa phóng thanh trong buồng lái.

“Dừng lại ư? Dừng lại sao? Các anh tưởng tôi đang lái ô tô trên đường phố hả?”

“Hãy dừng lại vì những người mới lên tàu này”, giọng nói dễ nghe của ông bác sĩ vang lên. “Tôi không biết anh đã thực hiện bao nhiêu chuyến đi từ chỗ này đến chỗ khác, mưa ra bao nhiêu sinh vật anh gọi là chuột xạ. Nhưng đây là lần đầu tiên anh có hai người, à không, ba người - những người không chỉ biết tên của cái nơi họ muốn đến mà còn thực sự cố gắng đến đó.” Vậy là người tù đợi trong khi mặt trời chiếu những tia nắng xiên nghiêng, còn chiếc tàu như con kiến bò một cách kiên định ngang qua cái đĩa khổng lồ trống không mỗi lúc một đậm màu đồng thau ấy. Nhưng hăn không mở miệng hỏi mà chỉ ngồi đợi. Có lẽ nơi ông ta nói tới là Carrollton, hăn nghĩ. Rõ ràng cái tên ông ta nói bắt đầu bằng chữ C kia mà. Nhưng hăn lại cũng chẳng tin điều mình vừa nghĩ. Hăn không biết mình đang ở đâu, nhưng biết đây không phải là bất cứ nơi nào gần Carrollton - địa danh hăn còn nhớ từ bảy năm trước khi tay hăn bị còng với tay của cảnh sát trưởng và hăn được đưa qua vùng đó bằng tàu hỏa - nơi mà thỉnh thoảng tại các điểm giao nhau giữa hai tuyến đường sắt lại có những chiếc xe tải phát ra tiếng rầm rầm, có các ngôi nhà màu trắng nằm rải rác trong sự yên bình giữa những bóng cây trên các ngọn đồi xanh tốt của mùa hè, có một ngọn tháp nhọn như ngón tay của Chúa. Nhưng nơi đó tuyệt nhiên chẳng có con sông nào. Tôi không quan tâm anh là ai, anh đã ở đâu trong suốt cuộc đời. Nhưng không thể có chuyện anh từng đến gần con sông này mà lại không biết, hăn nghĩ. Sau đó đầu tàu bắt đầu lắc lư và rẽ về phía bên kia dòng sông, cái bóng của nó cũng lắc lư và con tàu chạy về phía dải đất hẹp đầy những cây liễu, vắng tanh vắng ngắt. Chẳng có gì ở đó hết, người tù thậm chí không nhìn thấy đất hoặc nước ở phía bên kia cái cù lao đầy liễu ấy; cứ như thể con tàu sắp sửa từ từ đâm xuyên một rào chắn được những cây liễu mỏng manh tạo thành và lao vào không gian, hoặc nếu không, nó sẽ quay đầu rồi chậm chậm thả hăn vào khoảng không, cứ cho là nó chuẩn bị thả hăn lên bờ, giả dụ đó là nơi không gần Parchman mà cũng chẳng phải Carrollton, mặc dù tên của nó cũng bắt đầu bằng chữ C. Rồi hăn quay đầu lại và thấy ông bác sĩ đang cúi xuống người đàn bà, dùng ngón tay trở vén mí mắt của đứa trẻ sơ sinh, quan sát nó một cách chăm chú.

“Khi đưa bé này ra đời có ai khác ở bên cạnh cô không?”, ông bác sĩ hỏi.

“Không có ai cả”, người tù nói.

“Anh đã tự làm tất cả sao?”

“Đúng vậy”, người tù đáp. Ông ta đứng thẳng người lên và nhìn người tù.

“Đây là Carnarvon”, ông ta nói.

“Carnarvon ư?”, người tù hỏi. “Đây không phải là...” Rồi hấn ngừng lời, bỏ lửng câu nói. Và bây giờ hấn kể lại chi tiết này - đôi mắt của ông bác sĩ nhìn chăm chăm, vô cảm như băng lạnh phía sau cặp kính, khuôn mặt triệt tiêu vẻ cáu kỉnh một cách đột ngột và nhanh chóng - một khuôn mặt không quen bị người khác làm cho nổi cáu hay lừa gạt. (“Đúng vậy”, tù nhân có dáng người thấp đậm nói. “Đó chính là những gì tôi định hỏi đây. Quần áo tù. Bất cứ ai cũng có thể nhận ra anh là một thằng tù. Nếu ông bác sĩ thông minh như anh nói thì ông ta...”

“Tôi đã mặc bộ quần áo ấy suốt mười ngày đêm, hầu hết ngủ trong bùn”, tù nhân có dáng người cao nói. “Tôi đã chèo thuyền đi từ lúc nửa đêm với cái mái chèo bằng thân cây được cố tạo ra bằng cách đốt qua lửa và không có thời gian để cạo lớp bồ hóng bám trên đó đi. Nhưng trong bộ quần áo đó, tôi đã liên tiếp sống qua sợ hãi lẫn lo lắng trong nhiều ngày nên trông nó không còn giống quần áo tù nữa. Tôi muốn nói là trong hoàn cảnh đó không chỉ cái quần của anh thay đổi đâu.” Hấn không cười. “Gương mặt của anh cũng chẳng còn giống như trước nữa. Ông bác sĩ đó đã phân biệt được và vẫn nhận ra.”

“Được rồi”, tù nhân có dáng người thấp đậm nói. “Anh kể tiếp đi.”)

“Tôi biết”, ông bác sĩ nói. “Tôi đã phát hiện ra điều đó khi anh tỉnh lại trên sàn tàu đang kia. Đừng có hòng lừa dối tôi. Tôi không ưa sự dối trá. Con tàu này đang đi tới New Orleans.”

“Không”, ngay lập tức người tù thốt ra tiếng nói chung cuộc một cách không ồn ào. Bây giờ hấn lại nghe thấy âm thanh đó - những tiếng lục đục trên mặt nước như hấn đã từng nghe thấy. Nhưng hấn không nghĩ đó là tiếng đạn bắn. Hấn đã quên và tha thứ cho những viên đạn đó rồi. Hấn đang

nghĩ đến cái cảnh hấn né núp, khóc nức nở, thở hỗn hển trước khi chạy - giọng nói, bản cáo trạng, tiếng thét của sự bác bỏ không thể thay đổi của công cụ vận hành xảo trá từ bản chất cố hữu của tính tham lam, điên rồ và bất công: Tất cả những gì tôi muốn trên đời này chỉ là đầu hàng; hấn nghĩ đến câu đó, nhớ lại nó nhưng không phải bằng cơn phẫn nộ sôi sục, thiêu đốt và bây giờ những gì hấn muốn nói thậm chí ngắn hơn một văn bia: Không. Tôi đã cố nói với họ. Họ đã bắn tôi.

“Vậy là anh không muốn đến New Orleans. Và chính xác anh không định đến Carnarvon. Nhưng anh sẽ chọn Carnarvon hơn là New Orleans.” Người tù lặng thinh. Ông bác sĩ nhìn hấn, đôi tròng mắt được phóng đại trông giống như đầu của hai cái ốc vít to tướng. “Anh bị bỏ tù vì tội gì? Đánh người mạnh tay hơn anh nghĩ chăng?”

“Không. Tôi phạm tội ăn cắp trên tàu hỏa.”

“Nói lại tôi nghe xem nào.” Người tù nhắc lại điều mình vừa nói. “Vậy ư? Kể tiếp đi. Không phải anh đang nói chuyện xảy ra vào năm 1927 đấy chứ, khoan đã.” Vậy là người tù kể bằng giọng bình thản về những tờ tạp chí, khẩu súng lục không thể nhả đạn, chiếc mặt nạ và cái đèn xách tay đen xì mà trong đó chẳng có chỗ nào dành cho bấc đèn và ngọn lửa gần như tắt ngay khi que diêm cháy hết nhưng vẫn làm nóng kim loại đến mức không thể cầm nổi mà hấn tích cóp được cho vụ cướp tàu hỏa. Chỉ có điều ông ta không nhìn vào mắt mình, cũng chẳng thèm nhìn miệng mình nói, hấn nghĩ. Dường như ông ta đang nhìn xem cái cách tóc trên đầu mình mọc như thế nào. “Tôi hiểu”, ông bác sĩ nói. “Nhưng có điều gì đó không ổn. Nhưng anh có thừa thời gian để tính toán cơ mà. Để quyết định cái gì không ổn, cái gì anh không thể làm được cơ mà.”

“Đúng vậy”, người tù nói. “Tôi đã suy nghĩ và tính toán chuyện đó khá kỹ.”

“Vậy lần sau anh sẽ thực hiện kế hoạch một cách hoàn hảo.”

“Tôi không biết”, người tù nói. “Sẽ chẳng có lần sau đâu.” “Tại sao? Nếu anh biết kế hoạch của mình không ổn ở chỗ nào, thì lần tới họ sẽ không tóm được anh đâu.”



Người tù nhìn ông bác sĩ trân trân. Họ cùng nhìn nhau không chớp. “Tôi nghĩ rằng tôi hiểu ý ông”, người tù nói. “Khi đó tôi mười tám tuổi. Bây giờ tôi đã hai mươi lăm rồi.”

“Ồ”, ông bác sĩ nói. Giờ đây (người tù cố kể lại chi tiết đó) ông bác sĩ vẫn chẳng nhúc nhích, chỉ thôi không nhìn người tù nữa. Ông ta lấy từ trong túi áo khoác ra một bao thuốc lá loại rẻ tiền. “Làm một điều chứ?”, ông ta mời.

“Vớ với tôi không hút cũng chẳng sao cả”, người tù nói. “Nhất trí”, ông bác sĩ nói bằng giọng hòa nhã. Ông ta cất bao thuốc đi. “Giới chúng tôi (giới hành nghề y) được trao cho cái quyền thít chặt hoặc nói lỏng bởi, nếu không phải Đức Chúa Trời, thì bởi Hiệp hội Y khoa Mỹ, cái quyền mà theo đó, trong ngày này của Đấng Sáng Tạo, tôi sẽ sử dụng tiền của mình với bất cứ tỉ lệ nào, số lượng bao nhiêu, vào bất cứ lúc nào. Tôi không biết trong dịp này giới hạn của mình là bao nhiêu và có được phép đi quá xa hay không, nhưng tôi nghĩ chúng ta sẽ liều một phen.” Ông ta khum tay làm loa hướng về phía buồng lái. “Thuyền trưởng!”, ông ta gọi to. “Chúng ta sẽ để ba hành khách này lên bờ ở đây.” Ông ta quay về phía người tù. “Đúng”, ông ta nói, “tôi nghĩ tôi sẽ để đất mẹ của anh liếm bãi nôn của nó. Đây”. Một lần nữa ông ta lại rút bàn tay ra khỏi túi áo cùng với một tờ bạc.

“Không”, người tù nói.

“Thôi nào, cầm lấy đi; tôi cũng không thích người khác tranh luận với mình đâu.”

“Không”, người tù nói. “Nếu cầm tiền của ông, thì tôi chẳng có cách nào gửi trả lại ông cả.”

“Tôi bắt anh phải trả lại sao?”

“Không”, người tù nói. “Tôi cũng không hề vay mượn ông.”

Vậy là một lần nữa hấn đứng trên đất khô, sau hai lần bị đùa giỡn bởi sức mạnh tập trung và nực cười của nước, thêm một lần nữa hấn ngã xuống mảnh đất mà hấn không biết của ai, thuộc thời nào. Hấn và người đàn bà, đứng trên bờ đê vắng tanh với đứa trẻ đang ngủ im thín thít được bọc trong chiếc áo dài bạc phếch và cái dây leo được dùng làm dây buộc thuyền vẫn được quấn quanh cổ tay hấn, nhìn con tàu quay đầu và từ từ tiến ra vùng

nước vắng ngắt đang mỗi lúc một vàng sẫm hơn trong hoàng hôn, trông như con kiến bò trên đĩa, để lại một cái đuôi bằng khói chầm chậm lan ra làm hoen ố mặt nước, mỏng dần mỏng dần, mờ dần mờ dần, rồi tan biến trong không gian hoang vắng, con tàu cũng nhỏ dần nhỏ dần cho tới khi nó dường như không còn nữa mà treo mình ở yên một chỗ trong hoàng hôn phi vật chất, đang tan vào hư không tựa một viên đạn bằng bùn tan trên mặt nước.

Sau đó hẳn quay đầu lại và lần đầu tiên kể từ khi đặt chân lên đó, hẳn nhìn về phía sau, lùi lại, không phải vì sợ hãi mà đơn giản chỉ là phản xạ - không phải của thể xác mà của tâm hồn, của tinh thần, sự chú ý có tính cảnh giác và rất tỉnh táo của người vùng núi - người sẽ không hỏi kẻ lạ bất cứ điều gì, thậm chí cả thông tin, người mà bụng bảo dạ rằng, Không. Đây cũng không phải là Carrollton. Bởi vì giờ đây qua con dốc gần như dựng đứng của cái đập chắn cao tới gần sáu mươi feet so với mặt nước, hẳn nhìn xuống một vùng đất bằng phẳng và có màu như một chiếc bánh quế, có lẽ là màu của tấm áo mùa hè trên lớp da màu da ngựa của đất và cũng sở hữu sự rậm rạp của một tấm thảm hoặc một tấm da còn nguyên lông, trải ra xa xa, không hề có gợn sóng nhưng vẫn toát lên vẻ vững chãi không thể đo được như chất lỏng được điểm xuyết bởi những cái gò mang màu xanh chầm tựa hồ không có độ cao và các mạch màu ngoằn ngoèo, xoắn vặn mà bằng sự đánh giá thậm chí vẫn dè dặt ngay cả khi hẳn đã bắt đầu bước đi trên đó và nghi là nước. Hẳn kể lại: Vậy là hẳn và người đàn bà bước đi. Hẳn không kể làm thế nào mà hẳn một thân một mình lại có thể đưa được cái thuyền qua bức tường chắn của đập nước và mang nó xuống cái dốc cao sáu mươi feet, chỉ kể rằng hẳn đi trong một đám mây những con muỗi như những cục than cháy dở, lúc thì xô mạnh, lúc thì đâm nháo nhào qua các đám cỏ như lưỡi cưa mọc cao hơn đầu hẳn; hẳn bị những lá cỏ như lưỡi dao mỏng quất vào cánh tay và mặt trong lúc vừa đi vừa dùng sợi dây leo kéo chiếc thuyền có người đàn bà ngồi trong, bước một cách vất vả và loạng choạng trên địa hình ít đất hơn nước, rồi di chuyển dọc theo một con kênh uốn lượn: Giờ đây, hẳn đang chèo thuyền bằng khúc gỗ nhem nhuốc bờ hóng (ba mươi phút trước, đất dưới chân bỗng nhiên biến mất mà không hề

báo trước khiến hần chới với trong nước, cái lưng áo đầy không khí của hần phồng lên như một quả kính khí cầu trên mặt nước đục ngầu cho tới khi hần ngoi lên rồi lóp ngóp bò vào trong thuyền) và một căn nhà, mà không, một căn lều nhỏ hơn toa xe chở ngựa được ghép bằng các tấm gỗ bách và lợp mái tôn, hiện ra chênh vênh trên những cái cột cao mười feet khăng khiu như chân nhện, tựa một sinh vật lồi nước tiều tụy (và có khả năng có nọc độc), bị bỏ mặc cho đến chết giữa một vùng hoang vắng, không có một chỗ nào trong tầm mắt để tìm đến mà nằm xuống, một con thuyền độc mộc được buộc vào chân của cái thang được làm sơ sài, một người đàn ông đứng ở ô cửa mở thông thoáng cầm một cái đèn (bây giờ trời đã tối) giơ cao quá đầu, nói bằng thứ tiếng gì đó họ nghe không hiểu.

Người tù kể lại chuyện về tám, chín, mười ngày sau đó, hần không nhớ chính xác, trong khi bốn người bạn họ - hần, người đàn bà, đứa bé mới sinh, và người đàn ông trông nhỏ con, dẻo dai có những chiếc răng sâu và đôi mắt sáng hoang dại như một con chuột hoặc một con sóc chuột nói thứ tiếng mà cả hần lẫn người đàn bà đều không hiểu - sống trong căn lều chỉ có một gian cùng một cái chái nhỏ hẹp. Hần chỉ kể qua loa, cũng giống lúc trước, hần dường như cho rằng không đáng tốn hơi sức để kể chi tiết làm thế nào mà hần, một thân một mình, có thể đưa được chiếc thuyền xuống cái dốc cao sáu mươi feet. Hần chỉ nói: “Một lúc sau chúng tôi đến được căn nhà ấy và ở lại đó tám, chín đêm, sau đó buộc phải rời đi vì họ cho phá con đập bằng thuốc nổ”. Hần chỉ kể sơ sơ như vậy thôi. Nhưng giờ đây, với điều thuốc lá mà ông giám đốc trại đã đưa cho hần bằng bàn tay kiên định và bình thản (mặc dù hần chưa hút) trên tay, hần nhớ lại những gì mình đã trải qua về buổi sáng đầu tiên thức dậy trên một tấm nệm rơm mỏng bên cạnh chủ nhà (người đàn bà và đứa trẻ ngủ trên giường), khi mặt trời chói chang chiếu qua khe của bức tường ghép bằng những tấm ván, và đứng ở cái cửa lều xập xệ đưa mắt nhìn ra vùng hoang vắng phì nhiêu chẳng phải là đất cũng không hẳn là nước - nơi mà ngay cả các giác quan cũng ám sự hồ nghi, và nghĩ thầm, Anh ta chắc chắn phải làm gì đó ở đây để ăn và sống chứ. Nhưng mình chịu không biết anh ta làm gì nữa. Cho đến khi có thể đi tiếp cũng như xác định được mình đang ở đâu và tìm được cách đi qua

thành phố đó mà không bị người ta nhìn thấy, mình sẽ phải giúp anh ta làm cái việc anh ta làm để có cái mà ăn và tồn tại, nhưng mình chẳng biết việc đó là gì. Và hẳn đã được thay đồ, gần như ngay trong buổi sáng đầu tiên ấy; cũng giống như hẳn không kể làm thế nào hẳn đưa được thuyền qua cái dốc của đập chắn, giờ đây hẳn cũng không nói chi tiết về cách hỏi xin hoặc mượn được từ người đàn ông - người mà mười hai tiếng đồng hồ trước mới gặp lần đầu và cho đến tận lần gần đây nhất nhìn thấy ông ta, hẳn vẫn không thể trao đổi một lời nào - một chiếc quần bằng vải trúc bầu mà ngay đến cái gã người Cajun [28] đó chắc hẳn cũng đã bỏ không mặc nữa vì nó không còn đáng để mặc - quá bẩn thỉu, không có cúc, ống quần thì đã sờn rách, te tua như một cái vũng của năm 1890; hẳn mặc quần và để trần từ thắt lưng trở lên rồi đưa bộ quần áo tù nhỏ nhem, đầy bùn đất dính kết lại cho người đàn bà khi cô ta thức dậy vào buổi sáng đầu tiên trên chiếc giường sơ sài được đóng đinh vào một góc lều và nệm bằng cỏ khô, và nói: “Giặt chúng đi. Tôi muốn chúng được giặt sạch. Tất cả”.

“Nhưng cái quần kia”, cô ta nói. “Anh ta không còn cái áo cũ nào nữa ư? Trời thì nắng và ở đây nhiều muỗi như thế này...” Hẳn thậm chí không trả lời và người đàn bà chẳng nói thêm gì nữa, mặc dù khi hẳn và gã người Cajun kia trở về vào lúc sẩm tối, quần áo của hẳn đã được giặt, dẫu vẫn còn lờ mờ vết bùn và bồ hóng, nhưng cũng khá sạch và trông lại giống như vốn có (cánh tay và lưng hẳn đã đỏ ửng và chắc chắn ngày hôm sau sẽ phỏng rộp); hẳn trải bộ quần áo ra, ngắm nghía rồi cuộn chúng lại cẩn thận như cách người ta cuộn một tờ báo New Orleans cũ rách rồi nhét chúng lên một thanh xà gỗ; và khi trên lưng hẳn nổi lên những vết phỏng rộp mưng mủ, hẳn ngồi với khuôn mặt chẳng rõ vui hay buồn như một cái mặt nạ bằng gỗ trong khi chủ nhà bôi lên lưng hẳn thứ chất lỏng sền sệt được lấy từ một cái chảo cáu bẩn và để trong một miếng giẻ rách bẩn thỉu, người đàn bà vẫn không nói gì bởi chắc chắn cô ta biết lý do của hẳn, không phải nhờ sự gán bó mà họ có được trong hai tuần trải qua những khủng hoảng về mặt cảm xúc, xã hội và kinh tế, thậm chí đạo đức - những cơn khủng hoảng thậm chí hiếm khi xảy ra ngay cả trong các cuộc hôn nhân bình thường kéo dài năm

mười năm (những cuộc hôn nhân lâu năm: Các anh có thể theo dõi chúng - sự lặp lại hoặc mô phỏng cả nghìn khuôn mặt của các cặp uyên ương mới thấy một chiếc khuy rời hoặc khăn chéo của Louisa Alcott [29] để biểu thị tình dục, thấy các cặp vợ chồng chẳng khác gì những con chó săn đeo băng chiến thắng sau một cuộc thi thể hiện khả năng trong thực tế giữa cơ man nào là sự thất bại, cảnh báo, đảm bảo thiếu cơ sở vững chắc, niềm hy vọng, sự thiếu nhạy cảm đến mức không thể tin được và sự cách ly khỏi tương lai được dựng lên bởi cả nghìn tô đường hoặc những ấm cà phê buổi sáng; hay đơn giản, ngồi trên ghế xích đu trước cửa nhà hoặc sưởi nắng dưới những vòm cổng ám khói thuốc lá của cả nghìn trụ sở tòa án quận, cứ như thể cái chết của người được thừa hưởng sự hồi xuân và vĩnh hằng sẽ khiến người còn sống vui vẻ trở lại sau một giai đoạn buồn khổ để sống mãi mãi, cứ như thể xác thịt đã được các nghi thức lâu đời thanh tẩy và hợp pháp hóa những thói quen chán ngắt lâu dài về mặt đạo đức để người đàn ông hoặc người đàn bà về với đất trước đã mang theo mình tất tần tật mọi thứ, chỉ để lại bộ xương tự do tồn tại cùng thời gian, chẳng vướng víu gì), mà vì cô ta cũng thuộc hạng người mà hãn đại diện và có hoàn cảnh ít nhiều tương đồng với mình.

Vậy là cái cuộn quần áo ấy nằm yên phía sau thanh xà gỗ và trong những ngày sau đó, ngày nào cũng như ngày nào, hãn cùng người bạn hợp tác làm ăn (hãn và chủ nhà đã trở thành đối tác lao động, cùng đi săn cá sấu theo kiểu ăn đều kêu sòng - hãn gọi như vậy. “Ăn đều kêu sòng ư?”, tù nhân có dáng người thấp đậm hỏi. “Làm thế nào anh có thể thỏa thuận được khi hợp tác với một người mà anh không thể nói chuyện?”; “Tôi chưa bao giờ nói chuyện với anh ta”, tù nhân có dáng người cao nói. “Tiền chỉ có một ngôn ngữ mà thôi.”) cũng ra khỏi nhà vào lúc bình minh, lúc đầu đi cùng nhau trên thuyền độc mộc nhưng sau đó tách riêng - người này đi bằng thuyền độc mộc, người kia đi bằng thuyền của mình, một người dùng súng và một sợi dây thừng được thắt thành thòng lọng còn một người dùng dao cùng cây gậy tày bằng gỗ với trọng lượng và hình dạng của một cây quyền trượng - lạng lẽ lần theo cơn ác mộng của mình, di chuyển lên xuống

dọc các con kênh đen sẫm bí ẩn làm méo mó, vẹo vọ cả một vùng bằng phẳng mang màu đồng thau. Hẳn nhớ cả chuyện này: Buổi sáng đầu tiên bước từ cái sàn ọp ẹp ra không gian bên ngoài tràn ngập ánh mặt trời, hẳn nhìn thấy tấm da sống được đóng đinh trên tường để phơi khô và đứng ngậy người nhìn nó trong im lặng, bụng bảo dạ, Thì ra là vậy đấy. Đây là cách anh ta kiếm sống đấy, biết rõ đó là một tấm da thú, nhưng bằng cả sự liên tưởng, khả năng suy luận, thậm chí vận dụng cả trí nhớ về những bức tranh mình từng thấy vào thời trẻ đã qua, hẳn vẫn không thể biết đó là da của con vật gì, chỉ biết đó là lý do, là lời giải thích vì sao căn nhà nhỏ đứng bằng những cái cột khẳng khiu như chân nhện tồi tàn này (căn nhà đã bắt đầu xuống cấp và mục nát từ chân lên gần như trước khi mái nhà được đóng đinh) lại được dựng lên ở cái nơi thừa mứa sự hoang vắng đến vậy, được bao quanh và mất hút giữa cái ôm xiết dữ dội của đất phẳng trơn trôi với ánh mặt trời rực rỡ; và sở dĩ hẳn đoán biết được lý do là nhờ mối quan hệ dựa trên sự đồng cảm tự nhiên giữa kẻ sinh ra bị cuộc đời hắt hủi với một người sống lủi thủi ở vùng sông nước mênh mông, nhờ sự hòa hợp và đồng nhất vì cùng phải chịu tính nóng nảy, bủn xỉn và cay nghiệt của số phận và họ đều có tinh thần cố gắng không ngừng - chẳng phải để đạt được sự an toàn trong tương lai, sự ổn định về tài chính, hay đơn giản là để có được một hộp soda dự trữ cho tuổi già ung dung và nhàn tản, mà đơn giản chỉ để được phép chịu đựng và chịu đựng được để cảm thấy mình còn thở, để thỉnh thoảng được uống ánh mặt trời, (người tù) nghĩ bụng, Hừm, thế nào rồi mình cũng sớm khám phá ra đó là da con vật gì thôi mà và để thực hiện điều đó, hẳn quay trở vào trong nhà nơi người đàn bà vừa mới thức dậy trên chiếc giường lót rơm mà gã người Cajun đã nhường cho cô ta, và đang ăn sáng (bữa ăn gồm cơm, một chút thức ăn sột sệt trộn hồ tiêu và đậm mùi cá tanh, cà phê được chế từ rễ rau diếp xoắn trộn) rồi một lát sau, vẫn ở trần, hẳn đi theo người đàn ông có những chiếc răng sâu và đôi mắt sáng leo xuống các bậc thang để ngồi trên con thuyền độc mộc. Trước khi tới đây, hẳn chưa từng nhìn thấy thuyền độc mộc và tin rằng một chiếc thuyền độc mộc chắc hẳn không phải sẽ luôn ở tư thế thẳng đứng, cũng không tin nó rất nhẹ và có thể giữ thăng bằng với một mặt hổ phía trên,

nhưng ở chất liệu gỗ, dù là gỗ gì, cũng có thuộc tính tự nhiên về động lực gần như là ý chí và có sẵn trong mình cả sự dữ dội lẫn giận dữ; tuy nhiên, cũng như hãn đã chấp nhận thực tế rằng tấm da kia là của một con thú lớn hơn bất cứ con bê hay con lợn thiến nào và dù đó là da của con vật gì chẳng nữa thì cũng có thể có răng và móng vuốt, bây giờ hãn chấp nhận việc ngồi trong chiếc thuyền độc mộc, bám chặt hai mép thuyền và cứng người, không cử động cứ như thể hãn đang ngậm một quả trứng chứa nitroglycerin trong miệng, thậm chí hãn nín thở, nghĩ bụng, Nếu anh ta kiếm ăn bằng cách này, thì mình cũng có thể làm vậy, và thậm chí nếu anh ta không nói cho mình biết cách thức, mình vẫn có thể quan sát anh ta và tự khám phá ra. Và hãn đã làm thế, hãn nhớ lại lúc hãn đã nghĩ trong lặng lẽ, Đấy mà, mình đã nghĩ anh ta đã làm như thế mà.

Ánh nắng mặt trời màu đồng thau phủ một cách không thương tiếc lên tấm lưng trần của hãn, con kênh ngoằn ngoèo như một sợi chỉ tối màu bị vặn xoắn, chiếc thuyền độc mộc chầm chậm trôi theo nhịp mái chèo của hai người mà không để lại một tiếng động nào trên vùng nước hoang vắng; thế rồi hãn cảm thấy nhịp chèo ở phía sau mình đột ngột ngừng lại và tiếng nói nghe như tiếng rít của người hoang dã vang lên sau lưng mình; hãn ngồi xồm, nín thở trong tình trạng bất động đầy căng thẳng của một người mù đang lắng nghe âm thanh xung quanh trong khi con thuyền độc mộc - cái vỏ của một cây gỗ - luồn vào ngọn của vùng sóng nước do chính nó tạo ra. Sau đó hãn nhớ ra khẩu súng - thứ vũ khí thuộc loại bắn phát một han gì với phần tay cầm thô kệch không mấy tiện lợi và họng súng mà bạn có thể nhét cả một cái nút bần của chai whiskey vào trong - mà gã người Cajun đã mang lên thuyền; lúc này hãn chỉ ngồi cong lưng, bất động, thở khe khẽ, cái liếc mắt tinh nhanh của hãn quét qua chỗ này, chỗ kia trong khi nghĩ, Gì vậy? Gì vậy? Mình không chỉ không biết bản thân đang tìm gì, mà còn chẳng biết phải tìm cái mình cần tìm ở đâu. Sau đó hãn cảm thấy có sự chuyển động trên chiếc thuyền độc mộc khi người hoang dã di chuyển và tiếng nói nghe như tiếng rít của anh ta trở nên gấp gáp như thể bị nén vang lên ngay bên tai, và khi liếc nhìn về phía sau, hãn thấy gã người Cajun đang cầm con dao lăm lăm trong tay, rồi lúc nhìn lên, hãn thấy một khối giống



như bùn - cái thứ đang bắt đầu phân rã một phần, trở thành vật giống như khúc gỗ dày mang màu bùn - vẫn bất động, đập vào nhãn quan của hãn với cả ba, à không, bốn chiều: Khối lượng, độ rắn, hình dạng, và hơn nữa, hãn nhìn cái hình khối bất động đó không phải với cảm giác sợ hãi mà với sự nghiên cứu chăm chú, chỉ vậy thôi, và cố không nghĩ, Trông nó có vẻ nguy hiểm đấy mà nghĩ, Trông nó to lớn đối với người nào chưa từng gặp phải nó mà trong tay không có một chiếc thòng lọng, rồi lại nghĩ, Giá mà gã kia có thể nói trước cho mình biết phải làm gì thì có phải đỡ tốn thời gian không cơ chứ; chiếc thuyền độc mộc tiến đến vật đó mỗi lúc một gần hơn, rón rén trườn tới, thậm chí không tạo ra gợn sóng và hãn cảm thấy dường như mình có thể nghe được cả tiếng thở bị nén lại của người bạn đồng hành rồi bất thành linh hãn chop con dao từ tay anh ta, thậm chí không kịp nghĩ bởi vì việc đó diễn ra quá nhanh - chỉ trong chớp mắt; đó không phải sự dâng nộp, cũng chẳng phải sự trình gửi, nó diễn ra trong bình tĩnh - việc chop lấy con dao vào hoàn cảnh đó là một phần con người hãn, hãn đã uống cái ý thức đó cùng với sữa mẹ và sống với nó cả cuộc đời rồi: Suy cho cùng một con người không thể chỉ làm những gì anh ta phải làm, với những phương tiện anh ta có để làm cùng những gì anh ta học để làm trong khả năng phán đoán tốt nhất của mình. Và mình cho rằng một con lợn thiến thì vẫn là một con lợn thiến, cho dù nó trông như thế nào chẳng nữa. Vậy là hãn ngồi im thêm lúc nữa cho tới khi mũi thuyền tiếp đất nhẹ hơn cả một chiếc lá rơi và bước ra khỏi đó, dừng lại một chút trong khi mấy chữ Nó trông to lớn thật đấy hiện lên chỉ một giây, không rõ ràng và đậm nét, ở chỗ nào đó trong đầu hãn - nơi một mảng của sự chú ý thuộc bộ óc có thể nhìn thấy chúng rồi nhanh chóng biến mất, và hãn cúi người trong tư thế giạng chân, con dao trong tay hãn thọc về phía trước khi tóm chân trước của con vật đồng thời bị cái đuôi của nó quất mạnh vào lưng. Nhưng con dao là vật quen thuộc của hãn, hãn biết mình có làm được việc hay không qua cảm giác bị sức nặng từ cái đuôi đầy bùn của con vật quất một vệt dài lên lưng cũng như cảm giác mà cái lưng cứng của nó cọ vào bụng hãn, cánh tay hãn siết quanh cổ họng con vật, cái đầu phát ra những tiếng phì phì của nó bị kẹp vào sát hàm hãn, cái đuôi giận dữ của nó đập và quất qua quất lại trong

khi con dao bên tay kia thăm dò sự sống trong cơ thể con vật và đã tìm thấy thứ nó cần tìm - máu phun ra, và rồi hấn ngồi cạnh cái xác con vật nằm phơi bụng, đầu gục xuống giữa hai đầu gối trong khi máu của chính hấn làm tươi thêm vết máu của con vật đã tươi trên người mình lúc trước, và nghĩ, Cái mũi chết tiệt của mình lại chảy máu rồi.

Vậy là hấn ngồi đó với khuôn mặt đầy máu gục giữa hai đầu gối cùng thái độ không phải chán nản mà là sững sốt đến điên người, trầm mặc trong khi giọng nói the thé của gã người Cajun dường như vọng tới từ đâu đó rất xa cứ ong ong bên tai; một lúc sau, hấn ngẩng lên nhìn gã đàn ông trông dẻo dai mà cũng thật khôi hài đó nhảy lên nhún xuống một cách điên cuồng quanh hấn với khuôn mặt hoang dại và nhăn nhó cùng giọng nói liến thoắng, the thé; hấn ngồi ôm mặt trong tư thế nghiêng nghiêng để mặc cho máu chảy, nhìn gã người Cajun bằng vẻ chăm chú lạnh lùng của người quản lý bảo tàng dừng lại trước một ngăn trưng bày bằng kính - gã giơ khẩu súng lên và kêu “Bùm... bùm... bùm!” rồi quăng súng xuống, như một diễn viên kịch câm diễn lại cảnh vừa mới xảy ra rồi lại ngoáy tí hai tay, gào lên, “Magnifique! Magnifique! Cent d’argent! mille d’argent! Tout l’argent sous le ciel de Dieu!” [30]. Nhưng hấn đã lại cúi đầu xuống, vốc thứ nước có màu nâu đục như cà phê hất lên mặt mình rồi nhìn màu máu đỏ tươi và nghĩ, Bây giờ anh nói với tôi cách làm thì hơi muộn rồi đó, và thậm chí không buồn nghĩ ngợi thêm nữa bởi vì bây giờ họ đã lại lên thuyền; hấn ngồi xồm trong tư thế cứng người bất động như thể đang cố làm giảm bớt trọng lượng của mình, tấm da thú vấy máu được để ở đuôi thuyền ngay trước mặt và hấn nhìn nó trong lúc nghĩ, Mình thậm chí có thể hỏi anh ta xem một nửa mà mình được hưởng là bao nhiêu.

Nhưng hấn cũng không suy nghĩ nhiều về chuyện đó vì như hấn đã nói với tù nhân có dáng người thấp đậm, tiền chỉ có một ngôn ngữ mà thôi. Hấn nhớ cả chi tiết đó (bây giờ họ đã ở nhà, tấm da thú được trải ra sàn nơi người đàn bà xem người hoang dã diễn lại chuyện vừa xảy ra - khẩu súng không được sử dụng, cuộc chiến tay bo; trong khoảng thời gian tính bằng giây, con cá sấu trông chẳng khác gì một khối bùn bị giết chết tươi trong

tiếng rú, người chiến thắng đứng lên nhận thấy người đàn bà đang nhìn kẻ đã kể lại cho mình chuyện vừa xảy ra bằng động tác hơn là ngôn ngữ. Cô ta đang nhìn khuôn mặt ủ rũ, sưng vù của hắn. “Con vật đó đã đá thẳng vào mặt anh phải không?”, cô ta hỏi.

“Không”, người tù trả lời bằng giọng gắt gỏng. “Việc quái gì nó phải làm thế. Chỉ cần nó thổi một hạt đậu vào mông tôi thôi là mũi tôi đã chảy máu rồi.” Hắn cũng nhớ chi tiết này nhưng không cố kể lại. Có lẽ hắn không thể kể làm thế nào hai người chẳng thể nói chuyện với nhau lại có thể đi đến một thỏa thuận mà cả hai không những hiểu mà biết rằng người kia sẽ áp dụng và bảo vệ một cách nghiêm túc hơn cả một thỏa thuận được viết bằng văn bản có công chứng. Bằng cách nào đó họ thậm chí đã bàn bạc và thống nhất được với nhau rằng nên đi săn riêng rẽ, mỗi người một thuyền, để nhân đôi cơ hội tìm ra con mồi. Nhưng điều này thì dễ thôi: Người tù có thể hiểu hầu hết những từ mà người hoang dã dùng để diễn đạt ý này: “Anh không cần tôi và khẩu súng; tôi và khẩu súng chỉ cản trở anh mà thôi, anh cứ việc đi đường anh”. Và còn hơn thế, họ thậm chí thống nhất được với nhau về khẩu súng thứ hai: Rằng một người nào đó, là ai không quan trọng - bạn, hàng xóm, có lẽ người kinh doanh mặt hàng đó - có thể cho họ thuê một khẩu súng; bằng hai thổ ngữ, người này dùng thứ tiếng Anh lai căng, người kia dùng thứ tiếng Pháp pha tạp - một người dễ thay đổi, với đôi mắt sáng hoang dại và cái miệng liến thoắng đầy răng, người kia nghiêm trang, gần như lầm lì, mặt sưng, lưng phồng rộp và đỏ ửng như tảng thịt bò, họ bàn bạc về chuyện mua súng, mỗi người ngồi một bên tấm da thú đang được ghim để phơi như hai thành viên của một công ty kinh doanh ngồi đối diện nhau tại một chiếc bàn bằng gỗ gụ, và thống nhất không tán thành việc mua súng, người tù quyết định: “Tôi nghĩ rằng không nên”, hắn nói. “Tôi nghĩ rằng nếu biết đợi đến lúc cần sử dụng súng thì tôi đã đồng ý thuê một khẩu súng nữa rồi. Nhưng vì đã làm được việc đó mà chẳng cần nó nên tôi không nghĩ mình sẽ thay đổi.” Bởi đó là vấn đề tiền bạc. (Kể cũng lạ: Gã người Cajun không thể nói cho người tù biết một nửa những gì họ kiếm được là bao nhiêu. Nhưng hắn biết chắc phần của mình là một nửa.) Hắn không có nhiều cơ hội. Rồi hắn sẽ sớm phải rời khỏi đó thôi

và nghĩ, Toàn bộ chuyện ngớ ngẩn này sẽ sớm kết thúc, rồi mình lại có thể trở về chỗ đó thôi; hăn lạng người, nhìn cái sa mạc lạ lùng phì nhiêu xung quanh mình - cái nơi hoang vu cho phép hăn tạm thời chìm đắm trong bình yên, hy vọng và sống với những gì đã bị bảy năm qua nhấn chìm như những viên sỏi vô giá trị chìm xuống đáy hồ không để lại một gợn sóng, hăn nghĩ thầm trong nỗi kinh ngạc, Đúng vậy. Mình cho rằng mình đã quên việc kiếm tiền thú vị như thế nào. Hãy kiếm tiền thôi.

Vậy là hăn không dùng súng, chỉ sử dụng sợi dây được thắt thành thòng lọng cùng chiếc gậy tày, rồi mỗi buổi sáng, hăn và gã người Cajun lại mỗi người lên một con thuyền lùng sục khắp những con kênh bí mật quanh vùng đất bị lãng quên mà từ trong đó (hoặc từ bên ngoài), cứ như thể do một phép màu nào đó, thỉnh thoảng vẫn có những người đàn ông nhỏ thó có nước da sẫm màu bất ngờ xuất hiện trên các thân cây gỗ được khoét làm thuyền độc mộc, lạng lẽ bám theo hăn, quan sát hăn đơn thương độc mã trong cuộc chiến với các con mồi - những người đàn ông tên là Tine, Toto, Theodule trông rất giống chuột hải ly và cũng chẳng to lớn hơn là mấy so với những con chuột hải ly mà người hoang dã thỉnh thoảng đánh bắt được theo cái cách giống như bạn bắt một con lợn từ đàn lợn trong chuồng (chủ nhà của hăn kiếm thức ăn về bếp để nấu nướng, và anh ta diễn đạt sự phân công lao động đó bằng ngôn ngữ của riêng mình, giống như khi anh ta bàn chuyện mua súng, còn người tù nghe và hiểu hết như thể người hoang dã nói bằng tiếng Anh: “Đừng lo lắng về cái ăn, O Hercules ạ. Cứ đi bắt cá sấu đi; tôi sẽ kiếm cái bỏ vào nồi”) để cải thiện bữa ăn và khỏi phải ăn cơm cá triền miên (người tù tả lại cảnh này: Vào ban đêm, ở trong lều nơi cửa ra vào và cửa sổ không có kính được lắp ván gỗ để chống muỗi - một nghi thức, một nghi lễ vô nghĩa chẳng khác gì động tác bắt chéo hai ngón tay hay gõ tay lên mặt gỗ để cầu trời phù hộ, hăn ngồi bên cạnh ngọn đèn có quai xách được đặt trên chiếc bàn ghép ván với nhiệt độ trong phòng gần bằng nhiệt độ cơ thể hăn, nhìn những miếng thịt nổi lều bều trong bát thức ăn nóng hôi hổi của mình và nghĩ, Chắc hăn đây là thịt của Theodule. Gã Theodule đó béo mà) ngày nối ngày, làng nhàng như nhau, ngày hôm nay giống ngày đã qua và giống ngày đang tới trong khi một nửa số tiền mà hăn

nghe rằng theo lý thuyết mình được hưởng tính bằng xu, đô la hay hàng chục đô la, cứ tăng dần; những buổi sáng khi bắt đầu một ngày đi săn, hẳn thấy một đám thuyền độc mộc đang kiên định và đầy tôn kính đợi mình như những người hâm mộ môn đấu bò tốt đợi người võ sĩ đấu bò xuất hiện; và những buổi trưa nóng nung người khi bị vây bởi nửa vòng tròn được tạo thành từ những chiếc thuyền độc mộc đứng im, hẳn tiến hành những cuộc chiến đơn độc với các con mồi; còn buổi tối, khi kết thúc ngày đi săn, còn những chiếc thuyền độc mộc đó tản ra, rẽ vào các con kênh, con lạch nhỏ mà trong những ngày đầu tiên tới đây, hẳn thậm chí không thể phân biệt nổi, sau đó, vào lúc nhá nhem tối, trên sàn lều ghép ván - nơi mà trước mặt người đàn bà ngồi bất động thường là đang cho con bú và trước một hoặc hai bộ da thú còn dính máu với hai hàng vết dao phi đang ngày càng nhiều lên mặt tường ghép ván gỗ - gã người Cajun lại diễn lại màn kịch mô tả chiến thắng; sau đó vào ban đêm, khi người đàn bà và đứa trẻ đã yên vị trên chiếc giường duy nhất còn người hoang dã đã ngáy như kéo gỗ trên ổ rơm và chiếc đèn dầu đã được vụn nhỏ, hẳn (người tù) ngồi xồm, mồ hôi vã ra như tắm, khuôn mặt mệt mỏi, trầm tư đầy vẻ bất khuất, tấm lưng cong trầy da, rớm máu như tảng thịt bò với những vết phỏng rộp đã bị nhiễm trùng và những vết lằn do các con vật quất đuôi gây ra, bên những mẫu gỗ của cái thân cây được hơ lửa để làm mái chèo - vật mà giờ đây trông đã gần giống một mái chèo thật - thỉnh thoảng ngẩng đầu lên những đám mây muối bay vo ve xung quanh, nhìn bức tường trước mặt cho đến khi các tấm ván tựa hồ như dần tan biến để cái nhìn trống rỗng của hẳn không bị cản trở và có thể xuyên qua bóng tối dày đặc, có lẽ xuyên sang cả phía bên kia bóng tối, xuyên qua cả bảy năm phí hoài mà trong đó, hẳn vừa mới chợt hiểu ra rằng mình đã được phép lao động một cách mệt nhọc và vất vả, quần quật làm những việc không đúng nghĩa. Rồi hẳn nghỉ, hưởng cái nhìn cuối cùng vào cuộn quần áo được giặt sau thanh xà gồ, thổi đèn, và nằm xuống bên cạnh người bạn cùng hợp tác làm ăn đang ngáy khò khò, trong lúc mồ hôi nhễ nhại (hẳn nằm sấp vì không thể chịu đựng nổi cảm giác đau đớn khi lưng chạm vào bất cứ thứ gì) trong đêm tối tựa như lò hấp đầy những tiếng gầm thê lương của những con cá sấu và thầm nghĩ, Bọn họ chẳng bao giờ cho

mình thời gian để học nhưng mình đã quên mất cảm giác được làm việc thực sự thú vị như thế nào.

Sau đó, vào ngày thứ mười, có chuyện xảy ra. Đó là lần thứ ba. Thoạt đầu hẳn không chịu tin là nó lại xảy ra, chẳng phải vì hẳn cảm thấy mình đã nếm đủ mùi khổ ải, học đủ những gì cần học từ bất hạnh, rủi ro và chạm tới, thậm chí vượt qua cả đỉnh điểm của cái gọi là “cực hình” và sẽ được phép hoặc bị để mặc cho rơi tự do xuống bên kia đỉnh dốc trong việc gánh trách nhiệm, xoay xử với cuộc sinh nở của người đàn bà kia, mà bởi hẳn không tin lại có một nguồn sức mạnh chết người, một lực bền bỉ và dai dẳng cứ tập trung nhằm thẳng vào hẳn trong nhiều tuần đến vậy - lực mà với tất cả tính phong phú của sự bạo liệt và sức hủy diệt đáng lẽ ra phải trở nên quá cần cỗi về mặt sáng tạo và trí tưởng tượng cũng như không đủ lòng kiêu hãnh của nghệ thuật và sự tinh xảo để tự lặp lại chính nó dù chỉ một lần. Lần thứ nhất hẳn đã chấp nhận, lần thứ hai hẳn thậm chí đã tha thứ, nhưng lần thứ ba thì hẳn cự tuyệt, không chịu tin, nhất là khi hẳn được thuyết phục để hiểu ra rằng chuyện xảy ra lần này không phải bởi thiên nhiên xui khiến mà từ phía con người và bởi những bàn tay: Kẻ thích đùa đã hướng sự tập trung đầy hẳn học của mình vào việc tận dụng sức phá hủy.

Hẳn không kể lại chuyện đó cho bạn tù của mình nghe. Rõ ràng chính hẳn thậm chí cũng chẳng biết chuyện gì đã xảy ra và diễn biến ra sao. Nhưng rõ ràng hẳn nhớ nó cũng như những gì hẳn biết và nhận thức được. Đó là vào buổi tối ngày thứ chín, hẳn và người đàn bà đang ngồi đối diện với nhau trong cái nhà chòi gần như trống không của chủ nhà trong bữa ăn tối thì chợt nghe thấy những giọng nói từ bên ngoài vọng tới, song hẳn không dừng ăn mà vẫn nhai đều, bởi nghĩ cũng giống như mọi hôm, cứ như thể hẳn đang nhìn thấy cảnh quen thuộc - hai, ba, bốn chiếc thuyền độc mộc trôi trên mặt nước trong bóng tối phía dưới cái nền nhà chòi nơi chủ nhà đang đứng, những giọng nói liến thoắng, huyền thuyên chẳng tài nào hiểu nổi, không đầy tính cảnh báo hay tràn ngập nỗi giận dữ, cũng chẳng phải chỉ đơn giản thể hiện vẻ ngạc nhiên, mà đúng hơn là những tiếng nói lộn xộn nghe chối tai giống những con chim trên đầm lầy bị quấy rầy; hẳn không ngừng nhai mà chỉ ngẩng lên nhìn trong im lặng và có lẽ cũng chẳng



có ý dò hỏi hay tỏ lộ nỗi ngạc nhiên khi chủ nhà phăm phăm bước vào, đứng trước mặt họ, với khuôn mặt đầy vẻ hoang dã, đôi mắt phóng ra ánh nhìn nảy lửa, hàm răng đen hở hoác trong cái lỗ miệng đen như mực; và hăn ngồi theo dõi anh ta diễn màn kịch câm mô tả cảnh di tản, cảnh đuổi tống, vốc thứ gì đó vô hình lên tay ném mạnh xuống phía dưới và trong chớp mắt đã hoàn thành động tác đổi vai từ kẻ chủ mưu thành nạn nhân của cái mà anh ta đưa vào vở kịch, ôm đầu, cúi xuống trong lúc miệng kêu “Bùm! Bùm! Bùm!”; người tù nhìn anh ta, hàm hăn ngừng nhai, trong khoảnh khắc đó hăn nghĩ, Gì vậy? Anh ta đang cố nói với mình chuyện gì vậy? rồi lại nghĩ (ý nghĩ này xuất hiện trong đầu hăn rất nhanh vì hăn không thể diễn đạt nổi nó, và bởi vậy hăn thậm chí không biết mình đã có nó trong đầu) rằng mặc dù cuộc đời hăn đã bị quăng tới đây, bị giới hạn bởi vùng địa lý này, được chấp nhận bởi môi trường này và bản thân hăn cũng chấp nhận nó (và hăn, người mà đến tận lúc đó mới biết được làm việc và kiếm tiền thú vị như thế nào, đã thích nghi với cuộc sống ở đây; hăn nghĩ một cách lặng lẽ và tinh táo rằng nếu có thể diễn đạt ý đó, hăn đã ngẫm nghĩ thay vì đơn thuần chỉ biết đến nó thì sẽ tốt hơn so với cuộc sống trước đó của mình), tuy nhiên đây không phải là cuộc sống của hăn, hăn vẫn và sẽ chẳng hơn gì một con rệp nước trên mặt hồ, chẳng bao giờ hiểu được độ sâu khôn dò, bí ẩn của cái mà hăn không bao giờ biết: Sự tiếp xúc có thực duy nhất của hăn với cuộc sống này chỉ diễn ra trong những khoảnh khắc ngắn ngủi khi hăn đứng trước những con mồi đen như bùn đơn độc mắt mở trừng trừng dưới ánh mặt trời gay gắt, khi hăn bị vây bởi những chiếc thuyền độc mộc dàn thành hình bán nguyệt bất động, khi hăn chấp nhận sự thí quân để mở đường mà hăn không lựa chọn, dẫn thân vào bán kính của cái đuôi biết quất đối phương như một thứ vũ khí và dùng chiếc gậy tày đập cái đầu ngọ nguậy phát ra tiếng phì phì hoặc nếu không thì ghì chặt một cách không ngần ngại cơ thể rắn như được bọc thép của con mồi bằng mạng lưới cơ xương mà hăn đã sử dụng để bước đi, để sống và tìm kiếm sự sống dữ dội trong tự nhiên cùng lưỡi dao dài tám inch.

Vậy là hăn và người đàn bà chỉ ngồi nhìn gã đàn ông người Cajun trong khi anh ta dùng ngôn ngữ cơ thể mô tả lại toàn bộ cuộc xua đuổi theo



cái cách chẳng khác gì trò chơi đổ chữ: Người đàn ông nhỏ thó dẻo dai khoa chân múa tay một cách hoang dại, cái bóng điên cuồng của anh ta nhảy lên, đổ xuống trên bức tường thô khi anh ta diễn cảnh rời bỏ nhà chòi, thu dọn tư trang trên tường và trong các góc nhà - các đồ vật mà không người nào khác muốn lấy và chỉ những thế lực mạnh cỡ như nước lũ, động đất hay hỏa hoạn mới có thể tước đoạt được; người đàn bà đang theo dõi những gì anh ta mô tả với cái miệng đầy thức ăn há hốc trên khuôn mặt lộ vẻ kinh ngạc bèn cất tiếng hỏi: “Gì vậy? Anh ta nói gì vậy?”.

“Tôi không biết”, người tù nói. “Nhưng tôi cho rằng nếu đó là điều chúng ta buộc phải biết thì đến lúc cần chúng ta sẽ biết thôi.” Hăn không sợ hãi, mặc dù giờ đây hăn đã đọc được ý của gã người Cajun. Anh ta sắp rời khỏi đây, hăn nghĩ, anh ta bảo mình cũng phải đi khỏi đây, thế rồi sau khi họ rời khỏi bàn và người đàn bà đã lên giường ngủ, gã người Cajun liền nhóm dậy khỏi ổ rơm và đi tới chỗ người tù để mô tả lại việc rời bỏ nhà chòi một lần nữa - lần này như thế để nhắc lại những câu nói có thể bị hiểu lầm, gã truyền đạt bằng ngôn ngữ cơ thể điều gã muốn nói một cách dài dòng, kỹ càng như thể đang nói với một đứa trẻ, gần như ôm lấy người tù bằng một tay trong khi ra hiệu và nói bằng tay kia, diễn tả bằng điệu bộ như thể đánh vần từng âm tiết, trong khi người tù (ngồi xõm với con dao và mái chèo sắp được đeo xong trong lòng) vừa theo dõi, vừa gật đầu, vừa lẩm bẩm bằng tiếng Anh: “Ừ, hăn rồi. Anh nghĩ đó là điều chắc chắn sẽ xảy ra. Tôi hiểu ý anh” trong lúc tiếp tục đeo gọt mái chèo, không lia lưỡi dao nhanh hay vội vã hơn những đêm trước mà điềm tĩnh với niềm tin rằng đến lúc cần phải biết đó là chuyện gì và lúc nào nó xảy ra thì hăn khắc sẽ biết, mà cho dù chẳng cần biết đó là chuyện gì, trong lòng hăn đã từ chối chấp nhận ý nghĩ đi khỏi nơi này; hăn nghĩ về những bộ da thú như thế này, Giá mà bằng cách nào đó anh ta nói cho mình biết có thể mang phần của mình được hưởng đi đâu để bán lấy tiền thì hay biết mấy, trong khoảnh khắc ngắn ngủi giữa hai lần lia mũi dao gọt mái chèo rồi gần như ngay lập tức lại nghĩ, Mình cho rằng chừng nào còn có thể bắt được cá sấu thì mình không phải lo chuyện tìm ra ai sẽ mua những tấm da.

Vậy là sáng hôm sau, hấn giúp gã người Cajun gói ghém tư trang - khẩu súng săn, một bọc quần áo (một lần nữa họ lại đổi chác, mặc dù người này không thể nói chuyện với người kia, và lần này họ đổi vài cái nôi, mấy thứ lớn hơn, thậm chí trừa tượng, gồm bếp, giường ngủ, ngôi nhà hoặc quyền cư ngụ trong ngôi nhà để lấy một bộ da cá sấu), một vài cái bẫy đã han rỉ; sau đó, họ ngồi chồm hồm trên chiếc thuyền độc mộc chia những bộ da cá sấu thành hai đống riêng rẽ như hai đứa trẻ chia nhau những thanh kẹo, một cho tôi và một cho anh, hai cho tôi và hai cho anh; gã người Cajun thu lấy phần của mình rồi đẩy thuyền ra khỏi chỗ có căn nhà chòi và dừng lại dù lần này, gã đơn giản chỉ đặt mái chèo xuống, lượm thứ gì đó bằng cả hai tay rồi tung thật mạnh cái vật vô hình đó lên cao trong lúc kêu “Bùm? Bùm?” hướng về phía người đàn ông ở trần bị tróc da vì cháy nắng trên sàn nhà chòi - người đang nhìn gã bằng cái nhìn có thể nói là dữ tợn - gật đầu thật mạnh và nói: “Chắc chắn rồi. Bùm. Bùm”. Rồi gã chèo thuyền đi mà không quay đầu lại. Họ nhìn gã khua mái chèo đều tay và mái miết, nói đúng hơn là người đàn bà nhìn theo, còn người tù đã quay gót đi vào trong nhà.

“Có lẽ lúc trước anh ta cố nói rằng chúng ta cũng nên rời khỏi đây”, người đàn bà nói.

“Ừ”, người tù nói. “Đêm qua tôi đã suy nghĩ về việc đó. Đưa mái chèo cho tôi nào.” Người đàn bà đưa mái chèo cho hấn - cây gỗ mà hấn ngồi đẹo gọt hằng đêm để biến nó thành một cái mái chèo thực sự và chỉ cần một đêm nữa là xong (mấy hôm trước, hấn sử dụng mái chèo dự phòng của gã người Cajun. Trước khi rời khỏi đó, gã đã đề nghị hấn giữ lấy mái chèo đó trong lượt đổi chác gồm chiếc bếp, cái giường và quyền sử dụng căn nhà chòi, nhưng hấn từ chối. Có lẽ hấn đã suy đi tính lại việc dùng một tấm da cá sấu để cân nhắc về việc đổi lấy mái chèo đó và việc bỏ ra một tối nữa để gọt đẹo mái chèo của chính mình), rồi hấn cũng rời nhà chòi cùng với sợi dây thòng lọng và cây gậy tà, đi về hướng ngược lại với hướng mà gã người Cajun đã đi, như thể hấn không chỉ hài lòng với việc từ chối rời khỏi cái nơi mình được cảnh báo phải rời đi mà còn củng cố sự từ chối chung cuộc không gì lay chuyển nổi bằng cách xâm nhập xa và sâu hơn vào vùng

hoang vắng này. Sau đó, không hề báo trước, nổi uể oải của tình trạng cô độc dâng cao dữ dội dồn lại tấn công hẳn.

Nếu cố nén thì hẳn có thể đã không kể lại chuyện này: Chưa hết nửa buổi sáng và hẳn đang chèo thuyền, lần đầu tiên đi một mình, không có chiếc thuyền độc mộc xuất hiện từ bất cứ chỗ nào để bám theo hẳn, nhưng dù sao hẳn cũng không mong chờ điều đó và biết rằng những người khác sống trong vùng đầm lầy này cũng đã rời đi nơi khác; vấn đề không phải do tình trạng cô độc hay sự lẻ loi bởi vì hẳn đã chọn ở lại nơi này; sự ngừng lại đột ngột của mái chèo trong khoảnh khắc ngăn ngủ khiến chiếc thuyền lao lên phía trước trong khi hẳn nghĩ, Chuyện gì thế này? Gì vậy? Rồi hẳn lại nghĩ, Không. Không. Không khi sự im ắng, quạnh vắng, trống rỗng tấn công hẳn trong tiếng gầm giễu nhại: Và bây giờ chiếc thuyền quay ngược lại theo hướng đuôi thuyền một cách dữ dội, hẳn - kẻ bị phản bội - cuống cuồng chèo thuyền trong giận dữ để quay trở lại nhà chòi nơi hẳn biết rằng tất cả đã quá muộn và chỗ ẩn náu cuối cùng, nơi nhịp thở thiết tha và quan trọng của sự sống thuộc về mình - sự tồn tại cho phép hẳn được làm việc và kiếm tiền, cái quyền và đặc quyền mà hẳn tin mình đã tự giành được mà không cần ai giúp đỡ, không phải ngửa tay xin bất cứ ai hay bất cứ điều gì ngoài quyền được yên để dùng ý chí và sức mạnh của bản thân vật lộn với những con vật thuộc loài bò sát, nhân vật chủ đạo của cái mảnh đất mà hẳn không yêu cầu ai ném hẳn vào - đang bị đe dọa; hẳn chèo thuyền về phía nhà chòi bằng mái chèo tự chế trong nổi tức giận đầy sát khí, và cuối cùng khi đến nơi, hẳn nhìn thấy một chiếc xuống máy đổ ở cạnh nhà nhưng không hề ngạc nhiên mà lại thích thú như thể đang trông thấy bằng chứng rõ ràng rành rành chứng minh cho cơn tức giận và nỗi sợ hãi của mình, cho cái quyền được nói Đấy tao đã bảo mi như vậy rồi mà trong cảm giác nhục nhã, rồi hẳn chèo thuyền về phía nhà chòi trong tình trạng như đi trong cơn mê mà không có sự tiến tới hay bị cản trở; và hẳn gần như ngạt thở khi khua mái chèo như cầm một vật không trọng lượng với cơ bắp chẳng hề có sức mạnh hay sự đàn hồi, điều khiến một phương tiện không hề có lực cản hay sự cưỡng lại, đồng thời dường như đang theo dõi con thuyền chậm chậm di chuyển từng tí một trên mặt nước ngập tràn ánh nắng để tiến đến

cái nhà chòi trong khi một người đàn ông trên chiếc xuồng máy (có năm người tất cả) hướng vào mình và nói liến thoắng thứ tiếng hán đã nghe trong mười ngày qua mà vẫn không hiểu nổi một từ; đúng lúc đó, người đàn ông thứ hai xuất hiện từ trong nhà chòi, theo sau là người đàn bà bế đứa bé trên tay và hán nhận thấy người đàn bà đã mặc lại chiếc áo dài bạc màu để đi đường còn người đàn ông cầm (ông ta cũng cầm một số thứ nữa nhưng lúc đó hán không để ý đến bất cứ thứ gì khác) một cái bọc được gói bằng giấy báo mà mười ngày trước hán đã nhét bên dưới thành xà gồ và kể từ đó không còn một bàn tay nào khác chạm vào, giờ đây hán bước lên sàn nhà, một tay cầm sợi dây buộc thuyền, tay kia cầm mái chèo trông như chiếc dùi cui, xoay sở để rồi cuối cùng cũng nói chuyện được với người đàn bà bằng giọng nói như mê sảng, bị bóp nghẹt nhưng điềm tĩnh đến ngạc nhiên: “Hãy lấy lại cái bọc đó và cất nó vào trong nhà”.

“Vậy là anh biết nói tiếng Anh hả?”, người đàn ông trên xuồng nói. “Tại sao tối qua anh không rời khỏi đây như họ đã yêu cầu hả?”

“Rời khỏi đây ư?”, người tù hỏi. Một lần nữa hán lại nhìn người đàn ông trên xuồng bằng cái nhìn trừng trừng, và cố kiểm soát giọng nói của mình, “Tôi không có thời gian để đi. Tôi bận”, và hán quay sang người đàn bà, toan mở miệng định nhắc lại điều mình vừa mới nói với cô ta thì giọng nói của người đàn ông trên xuồng lại cất lên và hán quay về phía anh ta rồi gào lên bằng giọng nói thể hiện vẻ tức giận không thể nào chịu đựng nổi, “Lũ lụt ư? Trận lũ lụt quái nào thế hả? Lũ lụt đã quét qua tôi hai tháng trước rồi! Xong rồi! Còn trận lũ lụt quái nào nữa hả?”, rồi sau đó (hán không nghĩ bằng từ ngữ thực sự nhưng hán biết điều này và chịu đựng trong đau đớn sự nhận biết về tính cách hay định mệnh của mình: Có sự lặp lại lạ lùng xảy ra với hán như thể đó là định mệnh, không chỉ là những cuộc khủng hoảng có ảnh hưởng sâu xa tái diễn một cách đều đặn, mà cả những tình huống va chạm xảy ra sau đó theo một kiểu không thể tưởng tượng nổi) người đàn ông trên xuồng nói, “Xử lý hán đi” rồi đứng dậy khi cơn tức tối khiến ông ta thở hổn hển, sau đó hán bị những nhát vọt bằng thanh ván gỗ cứng tấn công vào lưng trong lúc bốn người đàn ông đội xuồng người hán cả làn sóng hung dữ của những cú đấm, cú đá và những lời nguyền rủa

trong hơi thở hỗn hển, cuối cùng là tiếng lách cách khô khốc của chiếc còng số tám.

“Đồ khốn kiếp, anh điên à?”, người đàn ông trên xuồng nói. “Anh không thể hiểu được rằng trưa nay người ta sẽ cho nổ mìn đoạn đập chẵn này sao?... Nào”, ông ta nói với những người khác. “Đưa hẳn xuống xuồng đi. Rời khỏi đây thôi.”

“Tôi muốn đám da cá sấu và chiếc thuyền của mình”, người tù nói.

“Đám da chết tiệt”, người đàn ông trên xuồng nói. “Nếu họ không cho nổ mìn con đập này sớm thì anh có thể săn thêm được vô khối đấy. Chiếc xuồng này là toàn bộ phương tiện anh cần, anh còn muốn cái thuyền kia làm quái gì hả? ”

“Tôi sẽ không đi nếu không mang theo thuyền của mình”, người tù nói một cách bình tĩnh và kiên quyết đến mức trong một phút không ai trả lời hẳn, tất cả bọn họ chỉ đứng im nhìn hẳn nằm ngửa trong tình trạng ở trần, da phồng rộp và sây sát, bất lực, cả chân lẫn tay đều bị còng, đưa ra cái tội hậu thư đó bằng giọng điềm tĩnh và hòa nhã như giọng của một người nói với người bạn chung giường trước khi đi ngủ. Sau đó người đàn ông trên xuồng cử động: Ông ta quay đầu về phía mạn xuồng nhổ bọt rồi nói bằng giọng hệt như giọng của người tù: “Thôi được. Mang thuyền của hẳn theo”. Họ giúp người đàn bà bế đứa bé trèo vào trong xuồng và cầm cái gói giấy. Rồi giúp người tù đứng dậy và lên xuồng trong khi chiếc còng chân và còng tay của hẳn phát ra những tiếng lách cách. “Tôi sẽ tháo còng cho anh nếu anh hứa cư xử cho phải phép”, người đàn ông nói. Người tù không đáp lại câu nói đó của ông ta, hẳn bảo: “Tôi muốn cầm sợi dây”.

“Sợi dây ư?”

“Đúng vậy”, người tù nói. “Dây buộc thuyền.” Vậy là bọn họ đỡ hẳn xuống phía cuối xuồng, đưa cho hẳn đầu dây buộc thuyền sau khi nó được luồn qua cái cọc của xuồng, rồi khởi hành. Người tù không quay đầu nhìn lại. Nhưng sau đó, hẳn cũng chẳng nhìn về phía trước mà nằm gằn như ườn ra khi đôi chân đeo còng, đầu dây buộc thuyền được giữ chặt trong tay hẳn. Chiếc xuồng dừng lại tại hai điểm khác; khi vầng mặt trời gay gắt tựa một cái bánh xốp bắt đầu đứng bóng, số người ở trên thuyền đã lên tới mười

lăm; và người tù trong tư thế nằm ườn, bất động nhìn dải đất bằng phẳng bắt đầu nhô lên đượm một màu xanh đen của đầm lầy, rậm rạp và nhằng nhịt, rồi sau đó một vùng nước rộng hơn bất cứ nơi có nước nào hẳn từng nhìn thấy và được bao quanh bởi một đường viền màu xanh da trời lấp lánh dưới ánh mặt trời buổi trưa trải ra trước mắt hẳn, tiếng động cơ của xuồng máy bỗng ngừng khi chiếc xuồng trôi về phía trước theo những con sóng nhỏ dần ở phía mũi của nó. “Anh làm cái quái gì thế?”, người chỉ huy nói.

“Đúng giữa trưa rồi”, người lái xuồng trả lời. “Tôi nghĩ chúng ta có thể nghe thấy tiếng mìn nổ.” Vậy là tất cả bọn họ cùng lắng nghe, chiếc xuồng chầm chậm trôi về phía trước, khẽ lắc lư, lắc lư; những con sóng nhỏ đứt gãy, vỡ ra, lấp lánh, lấp lánh vỡ rì rầm vào thân xuồng nhưng họ không nghe thấy âm thanh rõ rệt, thậm chí chẳng hề cảm thấy tiếng rung đến từ bất cứ phía nào dưới bầu trời nắng chói chang; những phút dài trôi qua, và thời điểm giữa trưa trôi qua. “Được rồi”, người chỉ huy nói. “Đi thôi.” Xuồng lại nổ máy và tập trung tốc lực. Người chỉ huy đi về phía cuối xuồng với chùm chìa khóa trong tay và cúi xuống nhìn người tù. “Tôi nghĩ rằng bây giờ anh sẽ phải cư xử đúng mực, cho dù anh muốn hay không”, ông ta nói trong lúc mở khóa còng cho hẳn. “Anh không muốn sao?”

“Có”, người tù nói. Họ tiếp tục đi; một lúc sau, đường viền bao quanh vùng nước đó hoàn toàn biến mất và một cái vịnh hiện ra. Người tù giờ đây đã được giải phóng khỏi những chiếc còng nhưng vẫn nằm giống y như trước với đầu dây buộc thuyền được quấn ba, bốn vòng quanh cổ tay; hẳn quay đầu nhìn con thuyền được chiếc xuồng lai dắt, nhô lên, nhún xuống theo đường rẽ nước; thỉnh thoảng hẳn nhìn ra xung quanh, chỉ riêng đôi tròng mắt là chuyển động, còn khuôn mặt vẫn giữ nguyên vẻ trang nghiêm, không bộc lộ cảm xúc, và hẳn nghĩ, Đây là một vùng nước rộng lớn, hoang vắng, cô liêu hơn bất cứ vùng nước nào mình từng thấy; có lẽ không phải vậy; ba, bốn tiếng đồng hồ sau, khi dải bờ lại nhô lên và bị những chiếc thuyền cùng tàu tuần tra đậu lộn xộn che khuất từng đoạn, hẳn lại nghĩ, Có nhiều thuyền đến mức mình chẳng thể tin nổi, một cuộc đua thuyền của ngành hàng hải mà mình không biết hoặc có lẽ hẳn không nghĩ vậy mà đơn giản chỉ dõi mắt nhìn trong khi một cửa vịnh hẹp dẫn vào kênh đào dành



cho tàu thuyền mở ra và khói của thành phố bay là là phía bên kia của kênh đào, rồi một cầu tàu hiện ra, chiếc xuồng máy chậm chậm tiến về phía nó; một đám đông gồm những người đang dương mắt nhìn cũng với vẻ thụ động và sầu khổ mà hẳn từng thấy trước đó xuất hiện, và hẳn lập tức nhận ra họ thuộc chủng tộc nào mặc dù khi đi qua Vicksburg, hẳn chưa hề nhìn thấy những người giống như thế - cái nhãn, dấu hiệu phân biệt của những người vô gia cư vì biến cố trong khi hẳn vô gia cư hơn bất cứ ai, và hẳn sẽ không cho phép bất kỳ người nào gọi hẳn là một người trong số họ.

“Được rồi”, người chỉ huy nói. “Chỗ của anh đó.”

“Thuyền của tôi”, người tù nói.

“Anh có thuyền rồi còn gì. Anh muốn tôi làm gì hả?

Đưa cho anh giấy biên nhận nữa sao?”

“Không”, người tù nói. “Tôi chỉ muốn lấy thuyền của mình thôi.”

“Lấy đi. Chỉ có điều anh phải có cái gì đó để đưa nó vào chứ.” (“Đưa nó vào ư?”, tù nhân có dáng người thấp đậm hỏi. “Anh phải đưa thuyền vào đâu cơ chứ?”)

Hẳn (tù nhân có dáng người cao) kể lại chuyện đó: Hẳn kể mình và người đàn bà đã lên bờ như thế nào, một người đàn ông đã giúp hẳn kéo thuyền vào bờ ra sao, hẳn đứng đó với đầu dây cột thuyền được quấn mấy vòng quanh cổ tay và người đàn ông giục giã, “Được rồi, người tiếp theo lên đi! Lên đi!”; hẳn cũng kể rằng mình đã nói với ông ta như thế nào về chiếc thuyền rồi ông ta gắt, “Thuyền ư? Thuyền hả?” và hẳn đi cùng họ khi họ xếp và buộc thuyền của hẳn vào cùng một chỗ với những chiếc thuyền khác; hẳn đánh dấu vị trí thuyền của mình giữa một tấm biển quảng cáo Coca-Cola và một nhịp cầu để khi quay lại hẳn có thể tìm được nó, rồi hẳn và người đàn bà (vẫn cầm khư khư cái gói giấy báo trong tay) được lừa lên một chiếc xe tải; chiếc xe bắt đầu chuyển bánh trong chốc lát, chạy giữa những ngôi nhà, sau đó chạy tới một tòa nhà lớn - một kho vũ khí.

“Kho vũ khí ư?”, tù nhân có dáng người thấp đậm hỏi. “Anh muốn nói đó là một nhà tù ư?”

“Không. Đó là một nhà kho có nhiều người nằm dưới sàn cùng với những bọc, gói tư trang.” Và lúc đó hẳn nghĩ có thể người bạn tù được phái



đi cứu nạn cùng mình đang ở đó và thậm chí đã đưa mắt tìm kiếm gã người Cajun trong khi chờ đợi cơ hội thoát ra khỏi cửa - nơi có sự hiện diện của một quân nhân; rồi cuối cùng hẳn cũng bước vào trong khi người đàn bà đi sau hẳn và quả thực hẳn đã bị gí súng vào ngực.

“Vào đi”, người lính nói. “Vào trong đi. Lát nữa họ sẽ phát quần áo cho anh. Anh không thể ăn mặc như thế mà đi ra đường được. Họ cũng sẽ phát đồ ăn cho anh. Có lẽ người thân của anh sẽ sớm đến đón anh thôi.” Và hẳn kể lại cả chi tiết này: Chi tiết người đàn bà lên tiếng.

“Có lẽ nếu anh nói anh có bà con họ hàng ở đây thì anh ta sẽ để cho chúng ta đi.” Và hẳn đã không nói như người đàn bà gợi ý: Hẳn không thể diễn đạt được điều đó, nó quá sâu xa; hẳn chưa bao giờ tính đến điều đó, ngay cả trong ý nghĩ vì sự tôn trọng đầy tình tảo và cố hữu của hẳn không phải dành cho sự thật mà cho năng lực và sức mạnh của sự dối trá, không phải để trở thành kẻ quá dè xèn trong việc nói dối mà đúng hơn là để sử dụng nó với lòng tôn trọng, thậm chí cần trọng bởi nó mỏng manh, tác dụng nhanh và đầy sức mạnh, tựa một lưỡi dao sắc có thể gây chết người vậy. Và hẳn kể người ta đã đưa quần áo cho hẳn như thế nào - một bộ quần áo mặc trong cùng chiếc áo khoác ngoài, rồi sau đó họ mang thức ăn đến (một phụ nữ trẻ nhanh nhẩu nói, “Đứa bé phải được tắm sạch sẽ. Nếu chị không tắm cho nó, nó sẽ chết” và người đàn bà đáp, “Vâng. Nó có thể cầu nhau chút ít, nó chưa bao giờ được tắm cả. Nhưng nó là một đứa bé ngoan”) và bây giờ là đêm, các bóng điện không có chụp đèn chiếu ánh sáng vừa chói gắt, vừa dịu hiu xuống những người đang ngủ ngáy và gã ngồi dậy, đánh thức người đàn bà. Hẳn kể lại chuyện đó: Cái nhà kho đó có nhiều cửa dẫn đến đâu hẳn không biết, nhưng hẳn phải vất vả lắm mới tìm được một cái cửa sổ mà họ có thể sử dụng, hẳn ôm cái gói giấy và đưa bé trèo qua cửa sổ trước. “Anh phải xé một tấm khăn trải giường để làm dây mà tụt xuống chứ nhỉ”, tù nhân có dáng người thấp đậm hỏi. Nhưng hẳn không cần tấm khăn trải giường nào cả; giờ đây, trong bóng tối dày đặc, dưới chân hẳn là những viên sỏi. Thành phố ở đâu đó ngoài kia nhưng hẳn chưa và sẽ không nhìn thấy, mà chỉ thấy ánh sáng bất biến ở phía xa xa bên dưới; Bienville cũng từng đứng đó - đấy là trí tưởng tượng của một kẻ tự

xưng là Napoleon, Andrew Jackson đã phát hiện ra nó chỉ cách đại lộ Pennsylvania một bước chân. Còn người tù thì nhận thấy đường quay trở lại kênh đào nơi con thuyền của hắn neo đậu cách khá xa chứ không phải chỉ một bước chân, tấm biển quảng cáo Coca-Cola giờ đây quá mờ, còn cây cầu thì hiện ra cong cong và khằng khiu như chân nhện trên nền trời bình minh nhuộm màu vàng nhạt; hắn không kể chi tiết làm thế nào để đưa được thuyền trở lại mặt nước cũng như đưa được chiếc thuyền qua con đập cao sáu mươi feet. Cái hồ bây giờ ở phía sau hắn; chỉ có một hướng hắn có thể đi mà thôi. Khi nhìn thấy Sông một lần nữa, hắn nhận ra nó ngay lập tức. Hắn phải nhận ra bởi nó đã trở thành một phần quá khứ không thể gỡ bỏ của bản thân và cuộc đời hắn, là những gì hắn sẽ để lại cho đời sau nếu nó được lưu lại. Nhưng bốn tuần sau trông nó sẽ khác so với bây giờ: Ông Già đã phục hồi sau sự sa ngã, và đã lại thu mình về giữa hai bờ, êm trôi về phía biển, mang màu nâu nhạt tựa như một chiếc bánh sô cô la nằm giữa các con đê mà phía trong giống những khuôn mặt đầy nếp nhăn như thể đang biểu lộ vẻ kinh ngạc, sửng sốt, tê liệt, đội chiếc vương miện được tạo bởi màu xanh tươi thắm của những cây dương liễu giữa mùa hè; phía bên kia các khuôn mặt đó, cách mặt đê sáu mươi feet ở phía dưới là những con la lông bóng mượt cọ mông vào tay đẩy của những chiếc cày hai lưỡi di chuyển trên lớp đất màu mỡ người ta không cần cấy, cấy mà chỉ việc gieo hạt bông để chúng mọc mầm và phát triển; vào tháng Bảy có các thân cây khỏe khoắn đối xứng nhau kéo dài hàng dặm, những bông hoa tím sẽ bùng nở vào tháng Tám, và vào tháng Chín những cánh đồng sẽ được phủ tuyết trắng khắp lượt, các rãnh luống trở nên nhẵn thín bởi những chiếc bao tải dài bị kéo lê, những bàn tay dẻo dai không ngừng hái, ngắt, không gian nóng nực đầy tiếng rên của máy tĩa hạt bông; còn bây giờ, không gian của tháng Sáu bị chiếm lĩnh bởi mùi hoa thích hờ và sơn mới, mùi ôi chua của bột hồ trên giấy dán tường, những thị trấn, những ngôi làng, những sàn, lán đứng trên các cây cột gỗ cao lênh khênh phảng phất vẻ tiêu điều ở phía trong của con đê, những ngôi nhà thấp tươi tắn trong lớp sơn và giấy dán tường mới, thậm chí các vết đánh dấu mực nước của tháng Năm trên những thân cây, những cái cột, những chiếc cọc cũng đã mờ nhạt sau các cơn mưa

ào ào và mau tạnh của mùa hè; có một tiệm bán hàng ở rìa đê, vài con la được thả yên cương, mấy con chó, vài người da đen ngồi trên những cái bậc ở phía dưới các tấm biển quảng cáo bán thuốc lá và thuốc chữa bệnh sốt rét, vài ba người đàn ông da trắng mà một trong số họ là phó cảnh sát trưởng đang đi vận động bầu cử để đánh bại cấp trên của ông ta (người đã cho ông ta việc làm) trong cuộc bầu cử diễn ra vào tháng Tám: Tất cả đều dừng việc mình đang làm lại để quan sát chiếc thuyền hiện ra trên mặt nước và đang cập bờ giữa buổi trưa nắng chói chang, nhìn người đàn bà bế một đứa trẻ cùng người đàn ông có dáng người cao bước lên bờ, không kháo mà xưng, tự chứng minh mình là ai bằng cách mặc sẵn trên người bộ quần áo tù đã bạc màu nhưng mới được giặt sạch, dừng lại trong bụi đất nơi những con la đang ngủ lơ mơ, bằng con mắt lơ đãng lạnh lùng tuyệt nhiên không có vẻ hài hước trong khi ông phó cảnh sát trưởng thực hiện một cử chỉ mà tất cả mọi người chứng kiến đều hiểu là động tác giơ súng lên bắn nhưng lại chẳng thấy gì được bắn ra từ khẩu súng đó cả. Tuy nhiên chỉ bấy nhiêu thôi cũng là quá đủ đối với người mới đến.

“Ông là cảnh sát phải không?”, hẩn hỏi.

“Đúng vậy”, phó cảnh sát trưởng đáp. “Để tôi làm cho khẩu súng này...”

“Được thôi”, người kia nói. “Kia là thuyền của các ông, còn đây là người đàn bà đó. Nhưng tôi không tìm thấy cái gã ở trên mái nhà trang trại đâu cả.”

# CỌ HOANG

Lần này ông bác sĩ và người đàn ông có tên Harry cùng bước qua ngưỡng cửa, đi ra cái cổng tối om trong gió đen đầy tiếng lao xao của những tàu lá cọ vô hình. Ông bác sĩ cầm chai whiskey vẫn còn một nửa, song có lẽ không ý thức được chai rượu đang ở trong tay mình nên chỉ lắc lắc bàn tay chứ không lắc chai rượu trước khuôn mặt không nhìn rõ của người đàn ông đang đứng trên một điểm cao hơn mình. Giọng nói của ông bác sĩ lạnh lùng, rõ ràng và chắc chắn đây là giọng của người theo chủ nghĩa đạo đức khắt khe luôn làm điều cần phải làm, và có lẽ chính bản thân ông ta cũng tin rằng mình nhất định sẽ làm thế để bảo vệ các quy tắc đạo đức và sự thiêng liêng của cái chủ nghĩa mà bản thân lựa chọn, nhưng thực ra là vì cho rằng mình đã quá già để trải nghiệm chuyện này, để bị đánh thức lúc nửa đêm mà không hề được báo trước hay bị kéo vào chuyện ái tình mê cuồng và sinh động khi còn chưa tỉnh ngủ hẳn; đó là những gì đã không xảy đến khi ông còn đủ trẻ và xứng đáng với nó, song ông chẳng những đã chịu đựng được mà còn cảm thấy mình may mắn và đúng đắn khi lựa chọn bỏ qua nó.

“Anh đã giết cô ta”, ông nói.

“Đúng thế”, người kia đáp, với vẻ gần như nôn nóng - điều mà giờ đây ông bác sĩ mới chú ý đến. “Bệnh viện. Ông sẽ gọi điện, hoặc...”

“Phải rồi, cô ta đã bị giết! Ai đã giết cô ta?”

“Tôi. Ông đừng đứng đó nói này nói nọ nữa. Ông sẽ gọi điện...”

“Tôi hỏi, ai đã giết cô ta? Ai đã thực hiện việc đó? Tôi cần được biết.”

“Tôi đã nói với ông rằng chính tôi đã giết cô ấy. Chính tôi. Thề có Chúa!” Anh nắm chặt lấy cánh tay ông bác sĩ và ông cảm nhận được cái nắm tay đó cũng như nghe thấy tiếng nói của chính mình:

“Gì cơ?”, ông hỏi. “Anh ư? Anh đã làm việc đó ư? Chính anh ư? Nhưng tôi cứ nghĩ anh là...” Ông bác sĩ muốn nói, Tôi cứ nghĩ anh là người yêu của cô ta cơ. Cứ nghĩ anh là người... Quá quái lắm đấy! Phải có quy tắc cũng như giới hạn đối với chuyện thông dâm, ngoại tình, nạo thai, phạm tội chứ và, Cả với tình yêu, sự si mê, bị kích động phép xảy ra với bất cứ ai để người đó không giống như Chúa phải chịu đựng tất cả những cực hình khủng khiếp mà quỷ Satan biết chứ! Cuối cùng, ông thậm chí cũng nói ra vài điều mình nghĩ và giật tay ra một cách quyết liệt, không hẳn vì cảm thấy bàn tay của người đó như thể một con nhện, bò sát hay thứ gì đó bẩn thỉu, mà vì phát hiện ra cái đang bám vào tay áo mình giống thứ gì đó vô thần không đến nỗi tai hại, như thể sự xúc phạm ghê gớm và tinh thần bất tử đã xoay xở để rút êm về vương quốc của đạo đức thuần túy. “Quá quái lắm!”, ông kêu lên. “Ở yên đây! Đừng cố bỏ trốn! Anh có trốn đằng trời cũng không thoát được đâu!”

“Bỏ trốn ư?”, người kia hỏi. “Bỏ trốn ư? Nhân danh Chúa, ông sẽ gọi xe cứu thương chứ?”

“Không phải lo, tôi sẽ gọi!”, ông bác sĩ gắt lên. Giờ đây, trong gió đêm dữ dội của bầu trời đen thăm thẳm, ông đang ở dưới vòm cổng và sẵn sàng chạy bằng đôi chân nặng nề của mình. “Anh chớ có bỏ trốn đấy!”, ông ngoái đầu lại nói, “Chớ có bỏ trốn!”. Wilbourne nhìn ánh đèn của chiếc đèn pin trong tay ông bác sĩ nhấp nhoáng trên giậu trúc đào, cứ như thể ánh sáng yếu ớt chẳng đáng kể ấy cũng phải đấu tranh trước sức nặng không thay đổi và tàn nhẫn của gió đêm. Ông ta đã không quên điều đó, Wilbourne vừa nghĩ vừa nhìn theo ánh đèn pin. Nhưng cũng có thể ông ta không bao giờ quên bất cứ điều gì trong đời mình trừ việc từng sống và chắc chắn đã chào đời trong tình trạng còn sống. Nghĩ tới từ “sống”, anh chợt ý thức đến trái tim mình, như thể tất cả những nỗi sợ hãi sâu xa chỉ đợi được hồi thức là lập tức trỗi dậy. Anh cũng có thể cảm nhận được những cơn gió thổi qua khi chớp chớp mắt nhìn theo ánh đèn cho đến khi nó biến mất khỏi giậu trúc đào; anh không thể ngừng chớp mắt liên tục trong - gió đêm. Tuyến lệ của mình có vấn đề rồi, anh nghĩ khi nghe tiếng trái tim mệt mỏi gào thét, cứ như thể đang bơm cát chứ không phải máu, không phải

bơm chất lỏng, anh nghĩ. Nó đang cố gắng bơm. Mình nghĩ không phải là mình chẳng thể thở nổi mà là nghẹt thở với thứ gió này.

Anh quay gót rồi bước vào cổng. Cũng giống như lần trước, anh và gió đen lại tựa hai sinh vật đang cố vào cùng một lối. Chỉ có điều gió thực sự không muốn vào, anh nghĩ. Không cần vào hay buộc phải vào. Đó chỉ là kiểu xía vào cho vui mà thôi, khi thật. Anh có thể cảm thấy gió ở trên cánh cửa khi chạm tay vào nắm cửa, và khi đóng cửa lại, anh cũng có thể nghe được tiếng thì thầm của nó. Gió thổi đều đặn như thể có máu buồn và biết cười thầm khi bí mật dựa sức nặng của mình lên cánh cửa; cùng sức nặng của cơ thể anh, cánh cửa trở nên dễ đóng; song gió không thực sự muốn vào trong. Anh đóng cửa, nhìn ánh đèn yếu ớt từ phòng ngủ hắt ra hành lang, chập chờn rồi dần ổn định bởi một phần của gió, hẳn là vẫn ở trong nhà vì bị cánh cửa đang đóng chặn lại, giờ lặng lẽ luồn ra ngoài khi tiếng cửa khép vào kêu đánh “cạch”, vẫn cười thầm như thể có máu buồn, không đi hẳn mà quay lại nghe ngóng trong lúc anh đứng im lặng và hơi nghiêng đầu về phía cửa phòng ngủ để lắng nghe. Nhưng chẳng có một tiếng động nào phát ra từ đó ngoài tiếng gió rì rầm ngoài cánh cửa, cả hành lang cũng im lìm; anh nghĩ thầm, Mình đoán sai rồi. Thật không thể tin được, không phải mình cho rằng lẽ ra mình phải đoán sai mà là chẳng thể tin được mình lại sai đến thế, và anh thôi không nói hay nghĩ đến ông bác sĩ nữa (Giờ đây, anh có thể hình dung ra cảnh bên nhà ông ta bằng phần trí óc chưa sử dụng đến của mình: Một hành lang được ghép bằng gỗ hẹp nhưng gọn ghẽ với những vết bẩn màu nâu loang lổ và có thể chắn gió, chiếc đèn pin vẫn sáng để bên cạnh cái túi cứu thương trên bàn, đôi bắp chân to phình của người bị giãn tĩnh mạch trong chiếc áo ngủ anh đã nhìn thấy trước đó hiện ra với thể đứng của kẻ đang phẫn nộ, quả quyết và không thể nguôi dịu chẳng phải bởi bất kỳ điều gì khác mà chính vì điều này; anh có thể nghe thấy giọng nói không phải được một cái gì đó từ bên ngoài nâng lên rất cao, mà gần như tiếng rít không thể dịu đi được, đang nói vào điện thoại: “Và một cảnh sát. Một cảnh sát. Hai người nếu cần. Anh nghe rõ chứ hả?”. Ông ta làm bà vợ thức giấc mất, anh nghĩ và cũng hình dung ra cảnh này: Ở căn phòng trên gác, một người đàn bà có mái tóc xoăn đang mặc chiếc váy ngủ xám

cao cổ và chống tay nhóm dậy trên chiếc giường cùng màu cũ kỹ, đầu bà ta nghiêng nghiêng trong tư thế lắng nghe điều mình đã đợi suốt bốn ngày mà không hề tỏ ra ngạc nhiên. Bà vợ sẽ sang cùng ông bác sĩ nếu như ông ta quay lại đây, anh nghĩ. Nếu ông ta không chỉ ngồi ở bên ngoài canh không cho mình bỏ trốn và lăm lăm khẩu súng lục trong tay, hẳn là bà ta cũng sẽ có mặt ở đó). Bởi vì điều này không quan trọng, cũng chỉ giống như việc bỏ một lá thư vào hộp mà thôi; chiếc hộp nào có quan trọng, điều quan trọng là anh đã đợi để hoàn thành việc bỏ thư vào nó quá lâu - sau bốn năm rồi sau hai mươi tháng, và thêm gần hai năm nữa. Mình thậm chí đã làm hỏng cả phần đời ném đi ấy, anh nghĩ, toàn thân bất động trong tiếng thì thào của gió đêm đang nhẩn nha, chờ đợi; anh khẽ quay đầu về phía cửa phòng ngủ để lắng nghe, trong khi phần não chưa hoạt động còn lại của anh nghĩ, Vậy là sau khi trải nghiệm chút ít cái gọi là sự ngộp thở, mình có thể kết luận rằng không phải mình chẳng thể hít vào cái thứ gió này, và anh bắt đầu không thể ngừng hít thở sâu hơn, mỗi hơi thở lại trở nên nông và khó nhọc cho đến khi buồng phổi chẳng thể tiếp tục làm công việc đó nữa; mọi hơi thở như trốn mất tăm; anh liên tục chớp mắt một cách đau đớn vì cảm giác cộm ở mi mắt, như thể cát đen trong trái tim sung sức của anh đang trào lên và chuẩn bị tràn ra khỏi cơ thể qua những ống dẫn cùng lỗ chân lông, chẳng khác gì tình trạng toát mồ hôi vì lo lắng, rồi anh nghĩ, Bình tĩnh nào. Hãy cẩn thận. Lần này khi tỉnh lại, nàng sẽ phải cố gắng nhiều đấy.

Anh đi qua hành lang đến cửa phòng ngủ. Vẫn không có âm thanh nào ngoài tiếng gió (gió đen thì thầm, rì rầm với ô cửa sổ đẩy bằng kính không được khít lắm nhưng chẳng muốn luồn vào trong). Cô nằm ngửa, mắt nhắm nghiền, chiếc váy ngủ (thứ trang phục mà trước đó cô chưa từng sở hữu hay được mặc bao giờ) bị xoắn vặn rúm ró phía dưới hai cánh tay; cô không nằm thông thượt hay thả lỏng hoàn toàn, mà trái lại trông như thể hơi gồng mình lên. Tiếng rì rầm của gió đen bắt nguồn từ hư không tràn ngập căn phòng; đối với anh, âm thanh đó đúng hơn là tiếng thì thầm của ngọn đèn dầu để trên cái va li đựng tư trang bên cạnh giường ngủ và tiếng xì xào của ánh sáng yếu ớt trên da thịt cô: Eo cô thậm chí nhỏ đến mức anh không thể tin được, chỉ có cặp đùi là khá lớn vì chúng quá bệch, phần bụng giữa vùng



da gợn những nếp nhăn của rốn và chỗ gồ lên của vùng lông mu phình ra rồi thon lại, và không có gì khác nữa; chẳng có cái bóng báo hiệu điềm gờ của bóng đen không thể diệt trừ lẫn hình hài của cái chết cắm sừng anh; anh chẳng thể cũng như không được phép nhìn sự cắm sừng đó, nhưng nó vẫn hiện hữu, và anh chỉ được nhìn xuống cái thai nghén vô hình của nó. Không thở nổi, anh liền bước xa khỏi cánh cửa đó nhưng đã quá muộn, vì cô đang nhìn anh.

Anh không nhúc nhích mà chỉ khẽ thở, một tay nắm lấy khung cửa và bàn chân đã nhấc lên để bước bước đầu tiên trong khi đôi mắt mở to kia quan sát anh bằng ánh nhìn hoàn toàn trống rỗng. Sau đó anh bắt đầu nhìn thấy chữ I [\[31\]](#) trong đó. Cứ như thế đang quan sát một con cá nổi trên mặt nước - một chấm nhỏ rồi một con cá tuế, và mỗi giây nó lại hiện lên rõ hơn. Sải chân bước ba bước, anh nhanh chóng tới bên giường ngủ mà không gây tiếng động nào, sau đó đặt bàn tay lên ngực cô, giọng khẽ khàng, bình tĩnh và dứt khoát: “Không, Charlotte. Chưa đến lúc anh buộc phải đi đâu. Em phải nghe anh nói. Tĩnh lại đi. Tĩnh lại đi. Mọi chuyện ổn rồi”; anh lặng lẽ, khẩn nài và cố kiềm chế nhu cầu của mình, như thể miễn là có thời gian, anh sẽ ra đi rồi mới chào từ biệt mà không phải ngược lại. “Được rồi”, anh nói. “Tĩnh lại đi em. Bây giờ chưa phải lúc đâu. Khi nào đến lúc, anh sẽ nói cho em biết.” Ở một nơi nào đó, cô nghe được anh nói vì ngay lập tức, nó đã hiện rõ là cá tuế sau đó lại trở thành một chấm nhỏ; trong giây tiếp theo, đôi mắt ấy lại trống rỗng. Chỉ có điều anh biết mình đang mất cô. Anh nhìn cái chấm nhỏ: Lần này nó biến đổi quá nhanh, không còn con cá tuế nữa mà là một cơn lốc của những vòng xoáy biến đổi con người màu vàng thành màu đen trong khi quan sát cái bóng đen không phải ở bụng mà trong đôi mắt cô. Cô cắn chặt răng vào môi dưới, cử động đầu để cố ngời dậy và đấu tranh với bàn tay anh đang để trên ngực mình.

“Em đau. Lạy Chúa, ông ta đâu rồi? Ông ta biến đâu rồi? Hãy bảo ông ta cho em thứ thuốc gì đó đi. Nhanh lên.”

“Không”, anh nói. “Ông ta không thể. Em phải cố gắng chịu đựng cơn đau.” Chắc hẳn cái bóng đen mang không thể là gì khác đang bật cười. Cô

nằm và bắt đầu đập hết hông bên này đến hông bên kia xuống giường trong khi anh gỡ những nếp xoắn vặn của chiếc váy cô đang mặc rồi kéo nó xuống để che chắn phần thân dưới của cô.

“Em cứ nghĩ anh đã nói sẽ ôm em.”

“Anh đang cố gắng đây. Nhưng em cũng phải như thế nhé. Em đã gắng sức nhiều rồi. Cố thêm một chút nữa thôi. Xe cứu thương sẽ tới đây trong ít phút nữa, nhưng em phải gắng chịu đau nhé. Em nghe anh nói chứ?”

“Vậy thì hãy cầm dao cắt nó khỏi em đi. Cắt hết đi. Cắt sâu vào. Để em không còn lại gì nữa, chỉ còn là một cái vỏ chứa không khí lạnh, chỉ cái lạnh mà thôi...” Răng cô sáng bóng dưới ánh đèn, và cô lại bắt đầu cắn chặt môi dưới đến mức máu trào ra khoe miệng. Anh rút chiếc khăn tay bẩn trong túi quần ra rồi cúi xuống cô nhưng cô đã quay đầu sang một bên để tránh bàn tay anh. “Được rồi”, cô nói. “Em sẽ gắng chịu đựng. Anh nói xe cứu thương đang đến phải không?”

“Ừ. Một phút nữa thôi chúng ta sẽ thấy xe đến. Hãy để anh...” Cô lại quay mặt đi để tránh chiếc khăn tay.

“Được rồi. Anh đi đi. Anh đã hứa rồi mà.”

“Không. Nếu anh đi thì em sẽ không gắng chịu đựng nữa, mà em nhất định phải làm như vậy.”

“Em đang và sẽ cố gắng làm điều đó vì vậy anh có thể đi, hãy rời khỏi đây trước khi bọn họ đến. Anh đã hứa với em rồi mà. Em muốn nhìn thấy anh thực hiện nó.”

“Được. Nhưng em đừng nói tạm biệt trước nhé?” “Được. Nhưng lạy Chúa, đừng động vào em. Em thấy người như có lửa đốt ấy, Harry ạ. Không đau đâu. Chỉ như lửa đốt thôi. Đừng chạm vào người em.”

Anh quỳ xuống bên giường; đầu cô không cử động nữa, đôi môi nóng, khô và có vị ngòn ngọt của máu bất động dưới môi anh trong khoảng một phút. Rồi cô giơ tay đẩy mặt anh ra, anh vẫn nghe thấy tiếng tim cô đập quá nhanh và dữ dội. “Lạy Chúa, chúng ta đã từng rất vui vẻ đúng không? Đã cùng nhau làm chuyện ấy cũng như nhiều chuyện khác nữa.

Trong cái lạnh và tuyết - đó chính là điều giờ đây em đang nghĩ đến và cố giữ. Nhưng không đau đâu anh, chỉ giống lửa đốt thôi; chỉ như... Anh đi đi. Hãy rời khỏi đây. Nhanh lên.” Cô lại quay mặt đi khi anh đứng dậy từ tư thế quỳ.

“Thôi được. Anh đi đây. Nhưng em phải cố gắng thật lâu đấy. Em có làm được không?”

“Được. Nhưng anh đi đi. Nhanh lên. Chúng ta có đủ tiền để anh đến Mobile. Anh có thể ở đó mà không sợ bị ai nhận ra; họ không thể tìm thấy anh đâu. Hãy đi đi. Vì Chúa, hãy rời khỏi đây ngay.” Lần này cô cắn mạnh môi đến mức máu đỏ trào ra khắp cằm. Anh không nhúc nhích mà cố nhớ lại điều gì đó mình đọc được từ một cuốn sách của Owen Wister nhiều năm trước - chi tiết cô gái điếm trong chiếc váy hồng uống còn thuốc phiện và những chàng cao bồi đã thay nhau dìu cô nhảy để cô tiếp tục sống; và anh nhớ ra nó song cũng mau chóng quên mất vì giờ đây, nó chẳng giúp gì được cho anh cả. Anh bắt đầu bước về phía cửa.

“Được rồi”, anh nói. “Anh đi đây. Nhưng hãy nhớ nhé, anh đi rồi em phải cố gắng đấy. Em nghe không? Charlotte?” Đôi mắt màu vàng của cô chỉ hoàn toàn hướng vào anh, còn răng cô thôi không cắn môi nữa; và khi lao trở lại giường cô nằm, anh nghe thấy trong tiếng rì rầm của gió có hai giọng nói vọng tới từ cửa trước, ngay phía cổng - giọng cao gần như the thé, đứt quãng của ông bác sĩ và giọng đều đều, lạnh lùng của bà vợ với âm vực giữa cao và trầm của giọng đực hơn là của đàn ông - vang lên trong gió giống hai hồn ma đang cãi nhau vì chuyện không đâu; trong chốc lát, Wilbourne cũng quên luôn chúng khi cúi xuống nhìn đôi mắt màu vàng không chớp trên khuôn mặt và cái đầu đã thôi không còn cử động cùng đôi môi đầy máu đã được thả lỏng. “Charlotte!”, anh gọi. “Bây giờ em không thể như thế được. Em đang đau đấy. Em đang đau. Không thể như vậy được đâu. Em có thể nghe anh nói mà.” Anh tát cô hai phát thật nhanh bằng cùng một bàn tay. “Em đang đau, Charlotte.”

“Đúng vậy”, cô nói. “Anh và những ông bác sĩ giỏi nhất của anh ở New Orleans. Không một ai mang ống nghe có thể cho em một thứ gì đó để chấm dứt cơn đau đớn này. Này, Rat. Họ đâu rồi?”

“Họ đang đến. Nhưng bây giờ em phải cố gắng chịu đựng. Em đang đau.”

“Được thôi. Em đang cố gắng đây. Nhưng tất cả những gì em muốn yêu cầu là anh không được bắt anh ta. Không phải tại anh ta đâu. Nghe này, Francis, anh thấy đấy, em gọi anh là Francis đấy. Nếu đang nói dối anh thì liệu em có gọi anh như thế thay vì Rat không hả?... Nghe này, Francis. Là người khác làm chứ không phải anh ta đâu. Không phải cái gã Wilbourne ấy đâu. Anh nghĩ em ngốc đến mức để cái gã vụng về chưa hoàn thành chương trình thực tập ở bệnh viện đó ngoáy dao vào người em ư...” Giọng nói ngừng lại; chẳng có gì hiện lên trong đôi mắt vẫn mở của cô - không có con cá tuế, không có cái chấm nhỏ, không gì hết. Nhưng trái tim, anh nghĩ. Trái tim. Anh áp tai lên ngực trái của cô, cố bắt mạch cho cô bằng một tay; anh có thể nghe thấy tiếng tim cô đập trước khi chạm tai vào ngực cô - chậm và đủ khỏe nhưng mỗi nhịp đập lại tạo ra một tiếng vọng trống rỗng và lạ lùng, như thể chính trái tim đã lùi về phía sau, và cùng lúc đó, anh nhìn thấy (mặt anh quay ra phía cửa) ông bác sĩ bước vào, một tay vẫn xách chiếc túi đã sờn, tay kia cầm khẩu súng lục trông có vẻ là loại súng rẻ tiền vẫn còn sử dụng được mà người ta có thể tìm thấy ở gần như bất cứ hiệu cầm đồ nào, theo sau là người đàn bà choàng khăn san có cái đầu đầy những lọn tóc xoắn như quỷ Medusa và khuôn mặt xám xịt. Wilbourne đứng lên, bước về phía ông bác sĩ và đưa tay ra đón chiếc túi của ông ta. “Lần này cơn bất tỉnh sẽ kéo dài đấy”, anh nói, “nhưng tim... Nào. Đưa túi cho tôi nào. Ông mang theo thuốc gì vậy? Thuốc giảm đau phải không?”. Anh nhìn chiếc túi né tránh mình, bị giật lại rồi giấu phía sau đôi chân mập mạp của ông bác sĩ, và trong nháy mắt, bàn tay mà anh thậm chí không để ý đã cầm khẩu súng lục rẻ tiền đang run rẩy chĩa vào mặt anh giống như chai whiskey được lắc trước mặt anh lúc trước.

“Không được nhúc nhích!”, ông bác sĩ quát.

“Bỏ súng xuống”, người vợ nói, vẫn bằng chất giọng mang âm vực giữa giọng nam cao và trầm trầm lạnh lùng. “Tôi đã bảo ông đừng có mang súng theo rồi cơ mà. Đưa cho cậu ta cái túi đi nếu cậu ta muốn và hãy để cậu ta có thể tùy ý làm gì đó với nó.”

“Không!”, ông bác sĩ hét lên. “Tôi là bác sĩ. Anh ta thì không. Anh ta thậm chí còn không phải một kẻ phạm tội thành công!” Giờ đây, người đàn bà khắp cơ thể nhuộm một màu xám ấy đột nhiên cất tiếng nói với Wilbourne khiến anh bị bất ngờ đến nỗi thậm chí không biết bà ta đang nói với mình:

“Có gì trong cái túi đó có thể cứu cô ta được không?” “Giúp cô ta ư?”

“Đúng. Hãy giúp cô ta đứng dậy và cả hai người hãy biến khỏi căn nhà này.”

Ông bác sĩ giờ đây quay sang bà vợ, nói bằng giọng the thé gần như tiếng của người mới vỡ giọng. “Bà không hiểu được rằng người đàn bà này đang hấp hối sao?”

“Hãy để cô ta chết quách đi. Hãy để mặc cả hai người bọn họ chết quách đi. Miễn là đừng chết trong ngôi nhà này. Đừng chết trong thị trấn này. Hãy tổng cổ bọn họ ra khỏi đây và cứ để họ cắt cứa nhau và chết như mong muốn.”

Wilbourne nhìn ông bác sĩ chĩa mũi súng vào mặt bà vợ bằng đôi tay run rẩy. “Tôi sẽ không xía vào việc này!”, ông hét lớn. “Người đàn bà đó sắp chết và người đàn ông này đang phải chịu đựng đau khổ vì điều đó.”

“Chịu đựng vớ vẩn”, bà vợ nói. “Cậu chỉ có điên mới sử dụng một con dao mổ khi không có bằng y khoa. Nói một cách khác, người này đã sử dụng con dao mổ để làm cái việc không được Hiệp hội Y khoa cho phép. Hãy bỏ súng xuống và cho cô ta dùng bất cứ thuốc gì miễn sao cô ta có thể ra khỏi cái giường này. Sau đó, hãy đưa cho họ ít tiền và gọi taxi cho họ, taxi chứ không phải xe cứu thương. Nếu ông không muốn đưa tiền của mình cho cậu ta, thì hãy lấy tiền của tôi.”

“Bà điên rồi sao?”, ông bác sĩ hỏi. “Bà mất trí rồi à?” Người vợ nhìn ông ta bằng ánh mắt lạnh lùng.

“Vậy là ông sẽ giúp và tiếp tay cho cậu ta đến cùng hả? Tôi không ngạc nhiên đâu. Tôi chưa bao giờ thấy người đàn ông nào thất bại trong việc vào tù với một người đàn ông khác, miễn đó là việc đủ ngu xuẩn.” Một lần nữa bà ta tấn công anh (chứ không phải sang phía anh) bằng sự đột ngột đầy lạnh lùng đến mức thoát đầu anh không ý thức được rằng bà ta

đang nói với mình: “Cậu chưa ăn gì, tôi đoán thế. Tôi sẽ hâm nóng cà phê. Có lẽ cậu sẽ cần uống chút cà phê trước khi ông ấy và những người khác thu xếp cho hai người rời khỏi đây”.

“Cảm ơn bà”, Wilbourne nói. “Tôi không thể...” Nhưng bà ta đã bước ra khỏi phòng. Anh nghe thấy chính mình lên tiếng, “Đợi đã, tôi sẽ chỉ cho bà vị trí của căn bếp” rồi cũng quên luôn việc đó, thậm chí còn không nghĩ rằng bà ta biết rõ căn bếp hơn mình vì bà ta là người sở hữu nó; và anh đứng tránh sang một bên khi ông bác sĩ đi qua mình để đến bên giường ngủ, rồi bước theo và nhìn ông đặt chiếc túi xuống, nghiên cứu khẩu súng lục trong tay sau đó nhìn quanh để tìm chỗ đặt khẩu súng xuống trước khi nhớ ra điều mình cần phải nhớ, và ngoái lại, hướng khuôn mặt không mấy nhẹ nhõm về phía anh.

“Không được nhúc nhích!”, ông ta quát. “Anh chớ có nhúc nhích!”

“Ông lấy ống nghe ra đi”, Wilbourne nói. “Tôi nghĩ đến một điều nhưng có lẽ chúng ta nên đợi. Vì cô ấy sẽ tỉnh lại một lần nữa đúng không? Cô ấy sẽ tỉnh lại. Tất nhiên rồi. Ông lấy ống nghe ra đi. Lấy ra đi.”

“Đáng lẽ trước đây anh nên nghĩ đến điều đó!” Ông bác sĩ vẫn nhìn Wilbourne trừng trừng và cầm khẩu súng bằng một tay trong khi tay kia lẩn trong chiếc túi đã mở để lôi ống nghe ra; rồi vẫn cầm lăm lăm khẩu súng trong tay, ông cúi đầu xuống, gài ống nghe vào tai, cong lưng và dường như lại thoáng quên mất khẩu súng vì quả thật ông đã đặt nó xuống giường dù vẫn đặt tay trên nó; lúc này ông chỉ đơn giản chống tay để đỡ thân hình nặng nề của mình khi cúi xuống, bởi trong phòng bây giờ đã bình yên đôi chút khi cơn tức giận lắng xuống; lúc này, Wilbourne lại có thể nghe tiếng gió đen cười cợt, giễu nhại liên miên, lơ dềnh, và cảm thấy dường như mình có thể nghe được cả tiếng lá cọ xào xạc trong gió. Rồi tiếng xe cứu thương vang đến bên tai, thoát tiên là âm thanh rền rĩ vọng tới từ xa xa phía trên đường cao tốc dẫn vào ngôi làng, và đúng lúc đó, vợ ông bác sĩ mang theo một tách cà phê bước vào.

“Đã đến giờ giải lao của cậu”, bà ta nói. “Không có thời gian để hâm nó thật nóng. Nhưng dù sao cậu cũng sẽ lót dạ được.”

“Cảm ơn bà”, Wilbourne đáp. “Tôi cảm ơn bà. Nó sẽ ở yên trong bụng chứ không bị nôn ra đâu.”

“Vớ vẩn. Uống đi.”

“Cảm ơn bà.” Tiếng xe cứu thương rền rĩ mỗi lúc một to, nó đang chạy đến rất nhanh, chắc sắp tới rồi, âm thanh ấy chìm trong tiếng gầm của động cơ khi giảm tốc, rồi lại tiếp tục vang lên. Dường như xe cứu thương đang ở ngay bên ngoài bởi tiếng âm ã, thúc bách của nó gây ra ảo tưởng về sự gấp gáp, vội vàng dù Wilbourne biết hiện giờ nó mới chỉ đang bò lên con đường nhỏ đầy cỏ dại nằm giữa đường cao tốc và ngôi nhà; lần này khi tiếng rền rĩ lại lịm đi, xe cứu thương quả thực đã ở ngay bên ngoài ngôi nhà, âm thanh phát ra là tiếng càu nhàu bị hãm bớt âm lượng gần giống tiếng của một con thú lớn đang hoang mang, ngỡ ngác, thậm chí có lẽ đang bị thương. “Cảm ơn bà. Tôi biết đáng lẽ căn nhà phải được dọn dẹp trước khi được giao lại cho ông bà. Nhưng thật ngớ ngẩn nếu làm việc đó vào lúc vội vã và khuya khoắt này.” Giờ đây, anh nghe thấy tiếng bước chân ngoài cổng, còn phía trên trái tim mình đang diễn ra quá trình nạo vét không khí không ngừng, mạnh và sâu, hơi thở đang trốn chạy khỏi phổi anh; giờ đây (không có tiếng gõ cửa), anh nghe thấy tiếng bước chân của họ ở hành lang; ba người đàn ông mặc thường phục bước vào: Một người trẻ tuổi tóc xoăn mặc áo phông cổ bẻ, không đi tất, có dáng người gầy trông dẻo dai, gọn gàng và một người đi giày tất đầy đủ thậm chí đeo cả cặp kính gọng sừng, đẩy một chiếc cồng có bánh xe, và phía sau họ là người thứ ba mang cái mác không thể tẩy xóa được của mười nghìn phó cảnh sát trưởng ở miền Nam, cả ở thành thị lẫn nông thôn - vành mũ bị bẻ gập, đôi mắt lạnh lùng, chiếc áo khoác căng phồng chẳng lẫn vào đâu được, dáng vẻ không hẳn huyênh hoang mà toát lên vẻ tàn nhẫn được miễn tội và được pháp luật bảo hộ. Hai người đàn ông đẩy chiếc cồng tới bên giường theo cách của những người biết việc; ông bác sĩ chỉ cho cảnh sát biết người anh ta cần là Wilbourne, và giờ đây anh biết ông ta thực sự quên rằng mình vẫn cầm khẩu súng trong tay.

“Đây là tù nhân của anh”, ông bác sĩ nói. “Ngay khi chúng ta tới thành phố, tôi muốn có lời buộc tội chính thức dành cho anh ta. Sớm nhất có thể.”



“Cẩn thận đấy bác sĩ... Chào bà Martha”, viên sĩ quan cảnh sát nói. “Bỏ cái đó xuống đi. Súng có thể nổ bất cứ lúc nào. Cái gã bán súng có thể đã kéo cò trước khi trao nó cho ông đấy.” Ông bác sĩ nhìn khẩu súng và Wilbourne nhớ rằng hình như sau đó, ông ta đã cẩn thận xếp nó cùng chiếc ống nghe vào túi; anh không nhớ rõ chi tiết này lắm vì vội đi theo người đẩy chiếc cáng tới bên giường.

“Nhẹ tay thôi”, anh nói. “Đừng làm quá mạnh. Cô ấy sẽ không...”

“Tôi sẽ lo chuyện đó”, ông bác sĩ nói bằng giọng mệt mỏi mới tạm dịu, cứ như thể đã rã rời, nhưng nếu cần, nó vẫn có thể cất lên một cách hoạt bát và nhanh nhẩu, tựa hồ có khả năng tự làm mới chính mình cũng như phục hồi được nổi tức giận. “Hãy nhớ rằng ca này được chuyển cho tôi mà không phải tôi yêu cầu nhận nó.” Ông ta đến bên giường (Wilbourne nhớ hình như ông ta đã cất khẩu súng vào túi) và nhắc cổ tay Charlotte lên. “Hãy làm nhẹ nhàng hết sức có thể. Nhưng khẩn trương lên. Bác sĩ Richardson sẽ có mặt ở đó còn tôi sẽ đến bằng xe riêng.” Hai người đàn ông nhắc Charlotte lên chiếc xe cáng có bánh cao su, rồi người đàn ông trẻ không đội mũ đẩy cáng ra hành lang với tốc độ nhanh đến mức khó tin, cứ như thể chiếc cáng bị hút ra đó chứ không phải anh ta đẩy nó (những bánh xe tạo ra tiếng mút trên sàn nhà), không phải bằng sức lực của con người mà có lẽ bằng lực hút thời gian và ống thông hơi mà qua đó, những giây đồng hồ không thể thu hồi được đang trôi qua rồi dồn tụ vào nó; thậm chí là thời gian của cả đêm.

“Được rồi”, viên sĩ quan nói. “Tên anh là gì? Wilson phải không?”

“Đúng vậy”, Wilbourne đáp. Chiếc cáng di chuyển như bị hút qua hành lang - nơi người đàn ông có dáng người gầy nhưng dẻo dai cầm một chiếc đèn pin đang đứng; gió đen cười thầm và rì rầm với khung cửa mở, nghiêng xuống người Wilbourne với sức nặng tựa một cái xúc tu đen ngòm, và anh tựa vào nó. Chỉ còn vài bước chân nữa là họ ra khỏi cổng. “Cô ấy nhẹ lắm”, Wilbourne nói bằng giọng lo lắng, yếu ớt. “Gần đây cô ấy gầy đi nhiều. Tôi có thể bế cô ấy nếu như họ...”

“Họ cũng có thể làm việc đó”, viên sĩ quan nói. “Vả lại, họ được trả lương để làm việc đó. Yên tâm đi.”

“Tôi biết. Nhưng cái ông người thâm thấp kia, cái ông người nhỏ cầm đèn pin đó...”

“Anh ta để dành sức lực cho những lúc như thế này mà. Anh ta thích thế. Anh không muốn làm tổn thương cảm xúc của anh ta chứ. Yên tâm đi.”

“Này”, Wilbourne nói bằng giọng yếu ớt, gần như thì thầm, “tại sao anh không còng tay tôi lại? Tại sao anh không làm thế?”.

“Anh muốn bị còng tay à?”, viên sĩ quan hỏi. Giờ đây chiếc cáng đã bị hút ra khỏi cổng vào khoảng đất trống, vẫn trên cùng một mặt phẳng song song ấy, như thể nó sở hữu sự dịch chuyển mà không có trọng lượng; thậm chí nó chẳng dừng lại, trong khi người đàn ông trẻ mặc sơ mi trắng và quần âu dường chỉ bước theo sau cáng khi nó chuyển động theo ánh đèn pin về phía góc của khu đất - nơi người đàn ông cho anh thuê nhà đang đứng và gọi lái xe. Giờ đây anh có thể nghe thấy tiếng đập cùng âm thanh khô khốc và hoang dại của những tàu lá cọ.

Bệnh viện là một tòa nhà thấp, không rõ được xây theo kiểu của người Tây Ban Nha (hay Los Angeles), được trát vữa và gần như bị những cây trúc đào xum xuê che khuất.

Chiếc xe cứu thương lăn bánh vào nơi có rất nhiều những cây cọ xơ xác, tiếng còi hú lịm dần trong âm thanh của động cơ xe nghe như một con thú đang gầm gừ, lốp xe tạo ra âm thanh lạo xạo, khô khốc trên lối vào được rải vỏ sò; khi bước ra khỏi xe cứu thương, anh lại nghe thấy những tiếng rít cùng âm thanh va đập của các tàu lá cọ, cứ như chúng đang bị một cái ống thổi cát trên đùa, và có thể người thấy mùi của biển cũng như gió đen, chỉ có điều thứ mùi ấy không thật đậm vì biển cách đó những bốn dặm; chiếc cáng được đưa ra khỏi xe một cách khẩn trương và nhẹ nhàng như thể vẫn chuyển động theo kiểu bị hút ra, còn tiếng bước chân của bốn người đàn ông lạo xạo trên các mảnh vỏ sò; giờ đây, anh đang đứng trong hành lang của bệnh viện mà chớp mắt như thể lông mi dính cát và bị ánh đèn điện sáng chói làm nhức mắt. Chiếc cáng vẫn đang bị hút về phía trước, các bánh xe phát ra tiếng rì rầm trên lớp vải sơn lót sàn, để rồi giữa hai lần chớp mắt, anh nhìn thấy chiếc cáng được đẩy bởi hai người y tá mặc đồng phục - một người to cao và một người nhỏ bé; anh nghĩ có thể đó là

cách kết hợp của đội đẩy xe, và tất cả những chiếc cáng trên thế giới đều được đẩy bởi hai người không phải đồng đều về thể chất mà bởi sự tương đồng trong mong muốn được hiện diện để xem điều gì sẽ xảy ra. Rồi anh nhìn thấy một cánh cửa mở ra, bác sĩ phẫu thuật đã mặc sẵn áo mổ đứng trong đó dưới ngọn đèn sáng chói, chiếc xe cáng rẽ ngoặt vào căn phòng ấy rồi bị hút qua cửa; người bác sĩ nhìn anh một lần, không phải bằng ánh mắt tò mò mà cốt để ghi nhớ một khuôn mặt, sau đó quay vào và đi theo chiếc cáng; khi Wilbourne vừa định mở miệng nói với ông ta điều gì đó, cánh cửa (cánh cửa chỉ phát ra tiếng mút của đệm cao su) đã đóng sập lại mà hầu như không phát ra tiếng động, chẳng khác nào giáng một cái tát vào mặt anh, viên sĩ quan liền nắm khuỷu tay anh rồi nói, “Yên tâm đi”. Sau đó một y tá khác có mặt; anh không nghe thấy tiếng cô ta tới, mà cô ta chẳng nhìn anh lần nào, chỉ nói gì đó rất ngắn gọn với viên sĩ quan cảnh sát. “Được rồi”, viên sĩ quan bảo. Anh ta lại nắm cánh tay Wilbourne. “Đi nào. Bình tĩnh nào.”

“Nhưng hãy để tôi...”

“Được rồi. Hãy bình tĩnh.” Tới một cánh cửa khác, cô y tá liền quay người lại và bước sang một bên, chiếc váy nhăn nhúm của cô ta phát ra tiếng lạo xạo rất giống tiếng của những mảnh vỏ sò bị dẫm; cô ta không nhìn anh dù chỉ một lần. Họ bước vào văn phòng có một chiếc bàn làm việc và người đàn ông khác đội mũ bác sĩ, mặc áo bờ lu phảng phất mùi thuốc khử trùng ngồi ở bàn với mẫu tờ khai cùng chiếc bút máy. Ông ta lớn tuổi hơn người bác sĩ đầu tiên anh thấy. Ông ta không nhìn Wilbourne trong lúc hỏi: “Tên bệnh nhân là gì?”

“Charlotte Rittenmeyer.” “Có chồng hay chưa?” “Có rồi.”

Người đàn ông điền thông tin vào tờ khai.

“Có chồng rồi?”

“Đúng vậy.” “Tên chồng?”

“Francis Rittenmeyer.” Anh trả lời rồi đọc địa chỉ của người mình vừa nói tên. Ngòi bút lướt nhanh trên mặt giấy. Bây giờ thì vì chiếc bút máy kia mà mình không thể thở được, Wilbourne nghĩ. “Liệu tôi có thể...”

“Chúng tôi sẽ thông báo cho chồng cô ta.” Người đàn ông ngồi ở bàn giấy ngẩng lên nhìn anh. Ông ta đeo kính và đôi con ngươi hoàn toàn vô cảm ít nhiều bị biến dạng phía sau cặp kính. “Anh giải thích thế nào về chuyện đó? Do dụng cụ không đảm bảo vệ sinh chăng?”

“Dụng cụ sạch.”

“Đấy là anh nghĩ như vậy thôi.” “Tôi biết chắc điều đó.”

“Đó là lần đầu anh làm việc ấy?” “Không. Lần thứ hai.”

“Lần đầu anh đã thực hiện thành công ư? Nhưng làm sao anh biết điều đó?”

“Có. Tôi biết rồi.”

“Vậy thì anh giải thích thế nào về sự thất bại này?” Lẽ ra anh đã trả lời: Tôi yêu cô ấy, hay, Một kẻ keo kiệt cũng có thể làm ảnh hưởng đến sự an toàn của chính mình. Đáng lẽ tôi nên mời một chuyên gia, một kẻ trộm nạy cửa không quan tâm hay yêu cái tủ sắt đựng tiền. Nhưng anh chẳng nói gì cả, và một lát sau, người đàn ông ngồi ở bàn giấy lại cúi xuống để viết tiếp mẫu tờ khai, ngòi bút không ngừng lướt trên mặt giấy. Ông ta vẫn không dừng tay hay nhìn lên khi cất lời: “Hãy đợi ở bên ngoài”.

“Tôi không được phép dẫn anh ta vào trong ư?”, viên sĩ quan hỏi.

“Không.” Người đàn ông ngồi ở bàn giấy vẫn không nhìn lên.

“Tôi không thể...”, Wilbourne nói. “Ông có thể cho phép...” Chiếc bút máy ngừng viết, nhưng trong một phút dài đằng đẳng sau đó, người đàn ông vẫn cứ nhìn chăm chăm vào tờ giấy, có lẽ để đọc lại những gì mình vừa viết. Sau đó ông ta ngẩng lên.

“Tại sao anh phải vào chứ? Cô ta có nhận ra anh đâu.” “Nhưng cô ấy có thể sẽ tỉnh lại một lần nữa. Vậy tôi có thể... chúng tôi có thể...” Người đàn ông nhìn anh bằng đôi mắt đầy lạnh lùng, không thể hiện vẻ sốt ruột hay tính kiên nhẫn rõ rệt. Hai con mắt ấy đơn giản chỉ đợi giọng nói của Wilbourne ngừng bật. Sau đó ông ta lên tiếng:

“Anh có nghĩ rằng cô ấy sẽ... Bác sĩ?” Trong giây lát, Wilbourne chớp mắt một cách khó chịu trước tờ giấy viết những chữ nguệch ngoạc dưới ngọn đèn bàn sáng chói mà bên cạnh nó là bàn tay đang cầm nắp bút của ông bác sĩ phẫu thuật.

“Không”, anh nói khẽ. Người đàn ông lại cúi xuống tờ giấy vì bàn tay đang cầm bút của ông ta vẫn tiếp tục viết. “Khi nào cần, chúng tôi sẽ báo cho anh biết”, ông bác sĩ vẫn không ngẩng lên nhìn mà vừa viết vừa nói với viên sĩ quan cảnh sát: “Vậy thôi”.

“Tôi nên đưa anh ta ra khỏi đây trước khi người chòng cầm súng hay cái gì đó xông vào, đúng không bác sĩ?”, viên sĩ quan hỏi.

“Khi nào cần, chúng tôi sẽ báo cho anh biết”, người đàn ông ngồi ở bàn giấy nhắc lại mà không nhìn lên.

“Được thôi, Jack”, viên sĩ quan đáp. Ngoài hành lang có một chiếc ghế băng có rãnh và cứng như loại ghế trên xe kéo kiểu cổ không mui. Từ chỗ ngồi đó, anh có thể nhìn thấy cánh cửa có gioăng cao su. Nó trống rỗng và không thể xâm nhập được như một khung lưới sắt; anh ngạc nhiên nhận ra rằng từ góc nhìn này, anh có thể thấy chỉ một bên cánh cửa được treo trên khung của nó, rất nhẹ, để ba phần tư chu vi còn lại là đường chiếu không gián đoạn của ánh sáng đèn Klieg <sup>[32]</sup>. Nhưng có thể cô ấy sẽ..., anh nghĩ. Có thể cô ấy sẽ... “Lạy Chúa”, viên sĩ quan nói. Anh ta cầm một điều thuốc chưa được châm lửa trong tay (Wilbourne lại cảm thấy lực tác động vào khuỷu tay mình). “... Lạy Chúa, anh đã... Lúc trước anh nói tên anh là gì nhỉ? Webster phải không?”

“Phải”, Wilbourne đáp. Mình có thể vào trong. Nếu cần, mình có thể ngoéo chân gã này để gã ngã chống kèn rồi mình có thể làm điều đó. Bởi vì mình biết. Chắc chắn họ không biết.

“Anh gây ra chuyện rồi, đúng quá còn gì. Bằng việc dùng một con dao. Tôi là người lạc hậu và hợp với cách xưa cũ, chứ không ưa sự phức tạp.”

“Đúng vậy”, Wilbourne nói. Ở chỗ họ ngồi bây giờ không có gió hay âm thanh của nó, dù anh dường như vẫn có thể ngửi thấy mùi, nếu không phải là mùi của biển, thì là sự lay lắt, ngoan cố và khô khan của mùi biển trong những mảnh vỏ sò ở lối đi; rồi hành lang bỗng tràn ngập âm thanh, vô số giọng nói lí nhí thể hiện vẻ sợ hãi và nỗi cực nhọc của con người mà anh đã biết cũng như ghi nhớ - máy hút carbon trên vải sơn lót sàn và đế giày

cao su giống những cái tử cung mà con người, trong cái vỏ của thầy tu, trốn vào khi gặp phải điều gì đó gần như kinh hoàng, để từ bỏ tất cả những gánh nặng của nỗi thèm khát, ham muốn và niềm kiêu hãnh, thậm chí cả tính độc lập thiết thực để trở thành bào thai trong một thời gian mà vẫn giữ lại phần nào cái đòi trụ trần tục không thể sửa chữa được, ngủ lơ mơ suốt nhiều giờ trong nỗi buồn chán lẫn âm thanh cáu kình của những chiếc chuông nhỏ vào khoảng thời gian giữa nửa đêm và bình minh (để rồi cuối cùng, có lẽ cũng tìm ra cách tốt nhất để sử dụng những đồng tiền rẻ mạt - thứ đã được nhồi nhét khiến cuộc sống trở nên rối rắm); con người ở trạng thái đó một thời gian rồi lại hồi sinh, phục hồi để tiếp tục chịu đựng gánh nặng của cuộc sống cho đến chừng nào lòng can đảm còn tồn tại. Anh có thể nghe thấy những âm thanh ấy trong hành lang - tiếng chuông leng keng, tiếng đế giày cao su, tiếng sột soạt của những chiếc váy được hồ cứng lẫn tiếng những giọng nói cầu nhàu, thì thào. Anh đã quá quen với các âm thanh đó; lúc này, một cô y tá khác xuất hiện trong hành lang, bước chậm hơn khi đi qua chỗ anh, rồi ngoái cái đầu như đầu của một con chim cú lại nhìn anh, đôi mắt cô ta mở to tràn ngập vẻ gì đó hơn cả tò mò mà không hề vương chút sợ hãi hay kinh hoàng. Viên sĩ quan cảnh sát lia lườm quanh hàm răng như thể đang tìm kiếm những mẫu thức ăn bị giắt lại ở đó; có thể lúc bị gọi đi làm nhiệm vụ, anh ta đang ăn dở. Anh ta vẫn cầm điếu thuốc chưa được châm lửa trong tay.

“Các bác sĩ và y tá”, anh ta nói. “Người ta nói gì về bệnh viện nhỉ? Tôi chẳng biết liệu chuyện nhập nhằng giữa các bác sĩ và y tá có xảy ra nhiều như người ta đồn đại không nhỉ?”

“Không đâu”, Wilbourne nói. “Chẳng có chỗ cho chuyện đó đâu.”

“Ừ. Nhưng anh thử nghĩ đến một nơi như bệnh viện mà xem. Chỗ nào cũng có giường bệnh với đầy những người nằm dài và không thể quấy rầy anh được. Và suy cho cùng, bác sĩ, y tá là cũng là đàn ông, đàn bà. Họ đủ thông minh để lo cho bản thân, nếu không họ đã chẳng phải là bác sĩ, y tá. Anh biết bệnh viện là thế nào mà.”

“Đúng vậy”, Wilbourne nói. “Anh vừa mới nói cho tôi biết đấy thôi.” Bởi suy cho cùng, anh nghĩ, Họ là những người lịch sự. Họ ắt phải mạnh

mẽ hơn chúng ta. Họ hơn chúng ta. Họ vượt lên sự quê mùa, thô kệch. Họ không cần bất cứ gì khác ngoài vẻ lịch sự. Lúc này vị bác sĩ, hay nói đúng hơn là bác sĩ phẫu thuật thứ hai - người có chiếc bút máy - bước ra khỏi phòng và đi xuôi theo hành lang, phần dưới của chiếc áo bờ lu bị dính và hút vào phía sau chân ông. Ông không thèm nhìn Wilbourne ngay cả khi anh nhìn mình và đứng dậy khi ông tới gần; khi anh bước về phía ông, mở miệng định nói thì viên sĩ quan cũng vội vàng đứng dậy và bước tới. Ông bác sĩ chỉ dừng bước trong giây lát đủ để ngoái lại nhìn viên sĩ quan bằng ánh mắt lạnh lùng và cái kính qua cặp kính.

“Anh chịu trách nhiệm về người đàn ông này hả?”, ông hỏi. “Vâng, thưa bác sĩ”, viên sĩ quan nói.

“Vậy thì có chuyện gì hả?”

“Thôi nào, Watson”, viên sĩ quan đáp. “Bình tĩnh đi, tôi đã nói với anh rồi mà.” Ông bác sĩ quay đầu mà thậm chí gần như không dừng lại.

“Ông hút thuốc nhé, bác sĩ?” Ông bác sĩ không trả lời mà bước đi, vạt áo bờ lu bay lật phật.

“Lại đây nào”, viên sĩ quan nói, “Ngồi xuống đây trước khi anh ngộp thở”.

Cánh cửa lại được đẩy trở về vị trí cũ, đóng sập lại mà không phát ra tiếng động với sự tuyên bố chung cuộc, gieo ảo tưởng về sự vững chắc giả tạo bởi từ chỗ ngồi của mình, anh vẫn có thể nhìn thấy nó đung đưa ở một bên khung và ngay cả một đứa trẻ hay một hơi thở cũng có thể làm nó chuyển động. “Nghe này”, viên sĩ quan nói. “Bình tĩnh đi. Đích thân bác sĩ Richardson sẽ chữa trị cho cô ấy. Mấy năm trước, một gã da đen làm việc tại nhà máy cửa được đưa vào đây vì bị kẻ khác dùng dao đâm thủng bụng trong khi chơi đánh bạc. Bác sĩ Richardson đã mổ phanh gã, cắt phần ruột bị thương đi rồi nối lại giống như người ta nối ống nước vậy, và bây giờ, gã da đen đó đã đi làm bình thường rồi. Tất nhiên giờ gã chỉ có bộ ruột dài chừng hơn nửa mét thôi nên hầu như cứ vừa nuốt gì vào bụng là gã phải chạy vội đi vệ sinh ngay. Nhưng gã ổn. Ông bác sĩ cũng sẽ chữa cho cô ấy theo cách đó. Như thế chẳng tốt hơn là không ư? Đúng chứ?”



“Đúng”, Wilbourne nói. “Đúng vậy. Anh có nghĩ chúng ta nên ra ngoài một lát không?” Viên sĩ quan sốt sắng đứng lên, điều thuốc trong tay anh ta vẫn chưa được châm lửa.

“Ý kiến hay đấy. Ra ngoài chúng ta có thể hút thuốc.” Nhưng sau đó anh lại thấy mình không thể đi.

“Anh đi đi. Tôi sẽ ở yên đây, không rời khỏi đâu. Anh biết rồi mà.”

“Tôi không biết. Có lẽ tôi đứng ở cửa ngoài kia hút điếu thuốc nhé.”

“Vâng. Anh có thể đứng đó canh tôi.” Anh nhìn lên và quan sát dọc hành lang cùng các cánh cửa. “Anh có biết tôi có thể đi đâu nếu buồn nôn không?”

“Nôn á?”

“Đúng, nôn.”

“Tôi sẽ gọi một y tá và hỏi xem sao.”

“Thôi, không cần đâu. Đừng bận tâm. Không cần đâu. Tôi nghĩ trong bụng tôi chẳng có gì để mà nôn cả. Tôi sẽ ở đây cho đến khi họ gọi.” Vậy là viên sĩ quan di chuyển dọc theo hành lang, qua cánh cửa có ánh đèn sáng chói và bước ra lối mà lúc trước họ đã đi. Wilbourne nhìn ngọn lửa được bật lên dưới ngón tay cái của viên cảnh sát, hắt ánh sáng lên khuôn mặt phía dưới vành mũ và cả chiếc mũ đều ở một góc nghiêng so với que diêm của anh ta (đó không phải khuôn mặt khó coi, chỉ có điều nó giống khuôn mặt của một đứa con trai mới mười bốn tuổi đã phải sử dụng dao cạo và biết dùng súng một cách hợp pháp từ khi còn quá trẻ); cửa dẫn vào hành lang dường như vẫn mở vì làn khói đầu tiên bay vào trong rồi tan đi. Và Wilbourne phát hiện ra rằng đúng là mình có thể ngửi thấy mùi của biển - biển Sound không sâu và cũng không tối đang chìm trong giấc ngủ, chẳng có sóng vỗ mà chỉ có gió đen thổi qua. Trong hành lang, cách chỗ ngồi không xa, anh có thể nghe thấy giọng nói của hai người y tá chứ không phải hai bệnh nhân - hai sinh vật giống cái hơn là hai người phụ nữ, và sau đó nghe thấy từ một khoảng cách xa hơn tiếng chuông kêu leng keng, càu nhàu và hách dịch; hai người y tá vẫn đang nói chuyện thầm thì, rồi cùng phá lên cười - hai người y tá chứ không phải hai người phụ nữ - đang cười; sau đó, tiếng chuông từ trạng thái càu nhàu chuyển sang gặt gồng và giận

dữ, tiếng cười kéo dài thêm khoảng nửa phút nữa, át cả tiếng chuông, tiếp đến là tiếng đế giày cao su nện trên mặt vải sơn lót sàn xen lẫn tiếng rít khe khẽ và gập gáp; rồi tiếng chuông ngừng bật. Đó là lúc anh ngửi thấy mùi và cả vị của biển đêm được gió đưa đến, luồn vào tận phổi, lặp lại như lúc trước nhưng lần này anh không còn bất ngờ nữa, mỗi hơi thở mạnh và nhanh càng lúc càng trở nên nồng hơn cứ như thể trái tim anh cuối cùng đã tìm được một nơi tiếp nhận cũng như để đỡ thứ cát đen mà nó nạo vét và bơm ra; giờ thì anh đứng dậy nhưng không đi đâu hay có bất kỳ ý định gì cả, viên sĩ quan đứng ở lối vào lập tức quay người lại, dụi tắt điều thuốc. Nhưng Wilbourne không di chuyển, vì thế viên sĩ quan chầm chậm bước đến, thậm chí còn dừng chân trước cánh cửa phòng mổ và áp vành mũ vào khe cửa một lát. Sau đó, Wilbourne nhìn thấy anh ta tiếp tục bước đi giống như khi bạn nhìn thấy một cây cột đèn hiện ra giữa bạn và đường phố, vì cánh cửa đệm cao su lại mở ra phía ngoài (những bóng đèn Klieg đã tắt, anh nghĩ. Đèn tắt thật rồi. Đèn tắt rồi); rồi hai vị bác sĩ xuất hiện và cánh cửa lại đóng vào phía sau họ trong im lặng, liên tục đung đưa, rồi lại mở ra trước khi trở về trạng thái bất động; anh nhìn thấy hai y tá xuất hiện chỉ nhờ phần năng lực thị giác vẫn đang được sử dụng để quan sát viên sĩ quan, vì anh đang tập trung toàn bộ phần còn lại để quan sát khuôn mặt của hai vị bác sĩ đang bước trong hành lang và nói chuyện với nhau bằng giọng khó nghe qua lớp khẩu trang, đuôi áo họ bay lật phật như váy của hai người phụ nữ; họ đi qua chỗ anh ngồi mà không buồn liếc nhìn anh, anh lại ngồi xuống ghế vì viên sĩ quan đã nắm khuỷu tay anh và nói: “Được rồi. Bình tĩnh nào”; hai vị bác sĩ với eo lưng thon gọn như phụ nữ vẫn đang bước tiếp, phần dưới áo bờ lu của họ bay lật phật, sau đó một trong hai người y tá cũng đi qua, vẫn là khuôn mặt đeo khẩu trang không thèm nhìn anh cùng chiếc váy phát ra những tiếng sột soạt; anh ngồi trên chiếc ghế cứng, lắng nghe... để rồi trong giây lát, trái tim như trốn khỏi lồng ngực, nó vẫn đập mạnh, chậm và đều nhưng là từ chỗ nào đó cách xa cơ thể anh, bỏ lại anh ngồi đó, bị bao trùm bởi sự im lặng với một khoảng chân không hình tròn chỉ có gió trong ký ức rì rầm, chẳng có gì khác để nghe ngoài âm thanh của

gót giày cao su phát ra những tiếng “xịt” đơn điệu; người y tá cuối cùng cũng dừng lại bên chiếc ghế anh đang ngồi, anh liền ngược lên nhìn.

“Bây giờ anh có thể vào được rồi”, cô ta nói.

“Vâng”, anh nói. Nhưng không đứng dậy ngay. Chính cái người này lúc trước không thèm nhìn mình, anh nghĩ. Bây giờ chính cô ta lại đang làm điều ngược lại. Rồi anh đứng lên, viên sĩ quan cảnh sát cũng vậy; quả thật cô y tá đang nhìn anh.

“Anh có muốn tôi vào trong với anh không?”

“Không sao đâu.” Không sao. Có lẽ chỉ cần một hơi thở là mở được cánh cửa và khi đặt bàn tay lên cánh cửa, anh nhận thấy rằng mình dường như không phải dùng chút sức lực nào hay dồn toàn bộ trọng lượng cơ thể lên đó, cánh cửa thực sự như một tấm kim loại được gắn vào tường trừ lúc nó bất ngờ chuyển động trên lớp đệm cao su; rồi anh nhìn thấy bàn tay lẩn cánh tay của cô y tá, cái bàn mổ cùng hình hài của Charlotte phẳng một cách lạ lùng dưới tấm vải phủ. Đèn Klieg đã tắt, những cái cột di động đã được đẩy vào góc phòng và chỉ còn một bóng đèn trên trần nhà vẫn sáng, và có một người y tá khác đang lau khô tay ở bồn rửa trong phòng, anh đã quên mất rằng lúc trước, trong phòng mổ có bốn người. Nhưng đúng lúc đó, cô y tá ném chiếc khăn xuống và đi qua chỗ anh, bước khỏi tầm nhìn của anh rồi biến mất. Có một cái quạt hoặc một cái máy thông gió đang hoạt động ở đâu đó phía trần nhà, nó vô hình hoặc ít nhất được ngụy trang và bị giấu kỹ; rồi anh đi tới bên chiếc bàn, người y tá thò tay lật tấm khăn phủ, sau giây lát, anh quay đầu nhìn qua cô ta, chớp chớp mắt một cách khó khăn, lại nhìn ra chỗ viên sĩ quan đang đứng ở cửa. “Bây giờ mọi việc xong rồi”, anh nói. “Anh ta có thể hút thuốc được rồi chứ?”

“Không”, người y tá đáp.

“Khỏi bận tâm”, anh nói. “Sẽ sớm kết thúc thôi. Khi đó...” “Đi thôi”, người y tá nói. “Anh chỉ có một phút thôi.”

Không phải gió mát đang thổi vào mà là gió nóng đang bị dồn ra khỏi phòng, vậy nên không có mùi của cát đen trong gió. Nhưng nó vẫn thổi đều, và anh có thể cảm nhận cũng như nhìn thấy nó, một lợn tóc đen rất ngắn vẫn còn ẩm ướt khê rung trong gió một cách nặng nề - lợn tóc ở giữa

đôi mắt khép chặt và cái nút bằng gòn ghẽ của bác sĩ phẫu thuật để đỡ hàm dưới của cô. Nhưng không chỉ có vậy. Dường như tất cả không phải chỉ là sự thả lỏng của các khớp xương và cơ bắp mà là sự xẹp xuống của toàn bộ cơ thể, như một túi nước lạnh nguyên bị xẹp xuống, rồi tạm ngừng quá trình này trong một phút để anh được nhìn thấy, song vẫn cố hướng tới mức độ xẹp hơn cả thân hình ở tư thế đi và đứng thẳng, hơn cả cái dáng ngủ úp sấp của một xác chết nhỏ thó hay miếng lát giầy bằng bìa mỏng; mặt đất thậm chí vẫn chưa đủ phẳng so với cái thân hình đang nằm duỗi ra và biến mất này, thoát đầu chậm sau đó nhanh dần rồi cuối cùng biến mất với tốc độ khó tin: Nó đã biến mất không chút dấu vết trên cát bụi tham lam vô độ. Người y tá chạm vào cánh tay anh và nói, “Đi thôi”.

“Khoan đã”, anh nói, “khoan đã”. Nhưng anh buộc phải bước lùi lại vì chiếc cáng có bánh xe bằng cao su đó di chuyển rất nhanh, hệt như trước, vẫn là chiếc cáng đó, vẫn người đàn ông có dáng người gầy gò và dẻo dai không đội mũ ấy - người có mái tóc được rẽ ngôi bằng cách làm ướt, chải về phía trước sau đó được vuốt ngược ra sau ở hai bên đuôi lông mày giống kiểu tóc của các chủ quán rượu thời trước với chiếc đèn pin để trong túi hậu còn mép áo khoác bị giặt ở phía sau, chiếc cáng lăn đến bên chiếc bàn rất nhanh khi người y tá lật tấm khăn phủ lại. “Tôi không cần phải giúp hai người này sao?”, anh hỏi.

“Không”, người y tá đáp. Giờ đây không có hình hài cụ thể nào phía dưới tấm khăn nữa và nó được chuyển sang xe cáng như thể một vật không trọng lượng. Chiếc cáng rền rĩ chuyển động, bánh xe phát ra những tiếng “xịt”, bị hút qua ô cửa nơi viên sĩ quan đang đứng với chiếc mũ trong tay. Sau đó chiếc cáng biến mất. Anh có thể nghe được âm thanh của nó thêm một phút sau đó thì không còn thấy gì nữa. Người y tá bấm một chiếc nút trên tường và tiếng o o của máy thông gió ngừng bật, cứ như thể nó đã chạy hết tốc lực vào sâu trong một bức tường rồi bị xóa bỏ bởi sự im lặng ghê gớm trùm lên anh như sóng trào, như đại dương, và chẳng có gì để níu bám; anh bị nó tung lên, ném xuống, cuốn trong vòng xoáy của mình rồi bỏ mặc ở đó với hàng mi khô cộm, anh chớp mắt liên tục trong đau đớn. “Đi

nào”, người y tá giục. “Bác sĩ Richardson nói anh có thể uống một ly rượu.”

“Được rồi, Morrison.” Viên sĩ quan đội mũ lên đầu. “Hãy bình tĩnh.”

Nhà tù cũng na ná bệnh viện, chỉ có điều có hai tầng vuông vắn và không có những cây trúc đào. Nhưng ở đó cũng có cọ. Cây cọ đứng ngay ngoài cửa sổ phòng giam của anh to và xơ xác hơn những cây cọ anh từng nhìn thấy; khi anh và viên sĩ quan đi dưới tán cọ để vào phòng giam, trời không có gió nhưng nó vẫn phát ra tiếng đập lá cứ như bị họ làm giật mình, và ban đêm, nó đập lá hai lần nữa trong khi anh đứng và đôi tay bám trên song sắt khi cảm thấy cái song sắt ấy nóng lên trong lòng bàn tay nhớp nháp mồ hôi, và cây cọ lại đập lá trong sự xáo động không thể giải thích được. Sau đó, thủy triều trên sông bắt đầu xuống và anh có thể ngửi thấy mùi chua của lòng sông nhiễm mặn - nơi có những vỏ sò, đầu tôm thối rữa cùng cây dầu gai chất đống.

Rồi bình minh bắt đầu ló rạng (anh nghe thấy tiếng những chiếc thuyền đánh bắt tôm tắt máy) và anh có thể thấy chiếc cầu - nơi tàu hỏa đến New Orleans chạy qua - hiện ra trên nền trời nhợt nhạt, nghe thấy tiếng tàu hỏa từ New Orleans đang tới, nhìn thấy khói bay lên mỗi lúc một gần sau đó con tàu xuất hiện trên cầu, ở trên cao, giống một chiếc tàu hỏa đồ chơi nhuộm hồng tựa thứ gì đó lạ mắt được dùng để trang trí cho một chiếc bánh; còn phía dưới, vầng mặt trời mỏng quẹt đã bắt đầu tỏa nhiệt xuống trái đất. Khi con tàu khuất dạng, màu hồng tan biến như khói. Cây cọ bên ngoài cửa sổ bắt đầu phát ra những tiếng rì rầm khô khốc và đơn điệu, anh cảm thấy làn gió mát của buổi sớm nhẹ thổi từ biển vào đều đặn, mang vị mặn mòi, trong lành với mùi i-ốt át hẳn mùi creozot, mùi nước bọt của những người hút thuốc lá cũng như những bãi nôn lâu ngày chưa được dọn trong phòng giam; mùi chua của lòng sông giờ đã nhạt đi và mặt nước đang gợn sóng lấp lánh, những con cá nhái lờ đờ khuấy động các vùng nước giữa những đám rác rưởi nổi lênh bênh. Sau đó, anh nghe thấy tiếng bước chân trên bậc thang và người cai ngục bước vào với một cái cốc bằng thiếc đựng cà phê với chiếc bánh cùng vị - loại bánh được sản xuất hàng loạt. “Anh có muốn gì khác nữa không?”, ông ta hỏi. “Một chút thịt nhé?”

“Không, cảm ơn”, Wilbourne nói. “Tôi chỉ cần cà phê thôi. Hoặc nếu có thể, ông cho tôi xin mấy điếu thuốc thì tốt. Từ hôm qua tới giờ tôi chưa hút điếu nào.”

“Chùng nào còn ở đây, tôi sẽ để anh dùng thoải mái.”

Người quản ngục lấy từ túi áo ra một chiếc túi vải cùng ít giấy quấn thuốc lá. “Anh có biết cuộn thuốc không?”

“Tôi không biết”, Wilbourne nói. “Vâng. Cảm ơn. Tôi sẽ làm được.”

Nhưng anh làm chẳng ra sao cả. Cà phê loãng, quá ngọt và quá nóng để uống, thậm chí cầm trong tay, dường như thứ đồ uống này sở hữu một lượng nhiệt có thể tự phục hồi cố hữu thuộc về chức năng thậm chí không thể hao hụt qua sự tỏa nhiệt dữ dội của chính nó. Vậy nên anh đặt cốc cà phê xuống ghế, còn mình thì ngồi lên thành giường mà không biết rằng mình đang ở tư thế cúi người khổ sở, không phải trong nỗi đau khổ mà trong sự tập trung hoàn toàn vào một mẫu xương - thứ cần sự bảo vệ không phải từ bất cứ vật nào bước đi theo phương thẳng đứng mà từ những sinh vật di chuyển trên cùng một mặt phẳng song song với nó. Anh biết mình phải dốc thuốc lá sợi trong chiếc túi vải ra một mảnh giấy dù không tài nào nhớ nổi đã từng nhìn thấy người ta cuộn thuốc lá ở đâu hay lúc nào, rồi nhìn với vẻ thận trọng, bình tĩnh khi sợi thuốc lá bay khỏi tờ giấy trong làn gió nhẹ thổi vào từ ô cửa sổ; anh xoay người để chặn gió cho mảnh giấy, hiểu rằng bàn tay mình đang bắt đầu run dù chưa bận tâm lắm đến điều ấy, sau đó cẩn thận để cái túi đựng sợi thuốc lá sang một bên và nhìn những sợi thuốc như thể đang giữ chúng ở trong mảnh giấy bằng lực của đôi mắt trong lúc đặt bàn tay kia lên nó và nhận thấy giờ đây, cả hai tay mình đều đang run; mảnh giấy bất ngờ bay xuống đất qua khoảng trống giữa hai bàn tay anh và gây ra một tiếng động rõ rệt. Hai tay anh run bần bật; anh đổ sợi thuốc ra mảnh giấy thứ hai với sự tập trung ý chí cao độ, không phải vì thèm thuốc mà chỉ cốt để cuốn được một điếu; anh thận trọng nhắc hai khuỷu tay khỏi đầu gối và giữ mảnh giấy đã chứa đầy sợi thuốc lá trước khuôn mặt râu ria hơi hốc hác song vẫn có vẻ bình tĩnh của mình cho tới khi hết run. Nhưng ngay khi thả lỏng tay để cuộn thuốc, cả hai bàn tay anh lại bắt đầu run, chỉ có điều lần này, anh thậm chí không dừng lại mà vẫn

làm một cách cẩn thận, những sợi thuốc rơi như mưa, nhẹ và đều đặn khỏi đầu mảnh giấy đang được cuộn dở. Anh phải cầm mảnh giấy bằng cả hai tay để liếm phần mép và khi vừa chạm lưỡi vào nó, dường như đầu anh bị hành động đó tác động và bỗng co giật không thể kiểm soát nổi; vậy là anh ngồi đó trong giây lát nhìn những gì mình vào tạo được - một cái ống màu son đỏ hơi loe ra đã rỗng một nửa và quá ấm để có thể bắt lửa. Anh lại phải dùng cả hai tay cầm que diêm để châm thuốc, điều thuốc không tỏa khói, chỉ có luồng nhiệt mỏng manh duy nhất của lửa xông vào cổ họng. Tuy nhiên, với điều thuốc trong tay phải khi tay trái nắm chặt cổ tay đó, anh rít thêm hai hơi thuốc nữa trước khi lửa lan tới đầu không bị ấm của mảnh giấy cuộn, rồi thả mẫu thuốc xuống đất, chuẩn bị di chân lên thì chợt nhận ra rằng mình vẫn đang để chân trần, vậy nên anh để mặc cho mẫu thuốc cháy còn mình thì ngồi nhìn cốc cà phê với vẻ thất vọng mà trước đó, khi nhận nó, anh không thể hiện và có lẽ thậm chí chưa bắt đầu thấy cảm giác ấy; anh cầm cốc lên theo cái cách tay nọ đỡ tay kia như khi cầm điều thuốc rồi đưa nó lên miệng, không phải tập trung vào cà phê mà vào việc uống nó để không phải nhớ rằng cà phê quá nóng cũng như tạo ra sự tiếp xúc giữa miệng cốc với cái đầu đang giật giật của mình; anh uống một ngụm chất lỏng vẫn còn nóng gần như nước sôi, mỗi lần nhấp là một lần rứt lưỡi vì nóng, chớp chớp mắt, cứ lặp đi lặp lại như thế; cà phê sánh ra khỏi cốc rồi rơi xuống sàn nhà, bắn vài giọt xuống bàn chân lẫn mắt cá chân anh như một nắm kim hoặc những mảnh đá nhỏ rơi tung tóe, và anh hiểu rằng mình lại bắt đầu chớp mắt liên tục; anh liền cẩn thận đặt cốc cà phê xuống ghế bằng cả hai tay rồi lại ngồi xuống bên cạnh, với tư thế hơi cong lưng và tiếp tục chớp mắt không ngừng, vì cảm giác đau cộm trong lúc nghe thấy tiếng bước chân của ai đó trên cầu thang mặc dù lần này, anh không nhìn ra phía cửa cho đến khi tiếng cánh cửa mở ra rồi đóng sập lại vọng đến bên tai; sau đó anh quan sát xung quanh rồi nhìn lên đúng lúc bắt gặp một khuôn mặt được cạo râu nhẵn nhụi nhưng rõ ràng thiếu ngủ phía trên chiếc áo khoác xám cài khuy chéo (nó đồng màu với những cây cọ xám xịt trên bãi biển), và nghĩ thầm, Anh ta có nhiều việc phải làm. Mình thì chỉ phải đợi thôi. Anh ta phải đọc điện báo và tìm người trông bọn trẻ con.



Rittermeyer xách một chiếc va li mà một năm trước đã được lôi ra từ gầm giường của khu ký túc xá dành cho bác sĩ thực tập để mang tới Chicago, Wisconsin, rồi lại mang về Chicago, tới Utah, San Antonio, New Orleans và bây giờ đến nhà tù, anh ta bước tới rồi đặt nó lên chiếc giường hẹp.

Nhưng thậm chí ngay cả khi đó, bàn tay thò ra phía dưới tay áo màu xám cũng chưa xong việc mà đang thọc vào bên trong túi áo khoác.

“Trong va li có quần áo của anh”, anh ta lên tiếng. “Tôi đã giữ đúng lời hứa. Trong sáng nay, họ sẽ thả anh ra.” Bàn tay đó lại thò ra và thả xuống giường một tờ ngân phiếu được gấp làm đôi. “Đây là tấm ngân phiếu ba trăm đô la đó. Anh đã mang nó đi đủ lâu để được quyền sở hữu nó. Nó sẽ đưa anh đi đủ xa. Tôi gợi ý anh nên đến Mexico, nhưng anh có thể trốn ở đâu đó miễn là thận trọng. Nhưng chỉ vậy thôi, không có gì hơn nữa đâu. Hãy cố hiểu điều đó. Tất cả chỉ có vậy.”

“Để khỏi phải ngồi tù ư?”, Wilbourne hỏi. “Khỏi phải ngồi tù ư?”

“Đúng vậy!”, Rittermeyer đáp bằng giọng gắt gỏng. “Hãy ra khỏi đây. Tôi sẽ mua vé tàu và gửi nó cho anh...”

“Tôi xin lỗi”, Wilbourne nói.

“... New Orleans, anh thậm chí có thể đi tàu thủy...” “Tôi xin lỗi, tôi không thể”, Wilbourne nói. Rittermeyer dừng lại. Anh ta không nhìn Wilbourne cũng chẳng nhìn gì cả. Một lát sau, anh ta khẽ nói: “Hãy nghĩ đến cô ấy.”

“Tôi ước gì mình có thể ngừng nghĩ đến cô ấy. Tôi ước gì mình có thể. Không, tôi không thể. Có lẽ vậy. Có lẽ đấy là lý do...” Đó là lần đầu tiên anh gần như chạm vào tờ ngân phiếu ấy. Nhưng vẫn chưa thực sự chạm hẳn, vậy cũng chẳng sao, nó sẽ quay trở lại; anh sẽ tìm thấy và cầm nó đến lúc phải làm thế.

“Vậy thì hãy nghĩ đến tôi”, Rittermeyer nói.

“Tôi ước gì mình có thể thôi không nghĩ đến anh nữa. Tôi cảm thấy...”

“Thôi đi!”, người kia yêu cầu, giọng lại đầy tức giận, “Đừng thương hại tôi. Anh hiểu chưa? Hiểu chưa hả?”. Và anh ta toan nói điều gì đó nữa nhưng cuối cùng lại thôi, không thể hoặc không muốn nói. Anh ta cũng bắt

đầu run rẩy trong bộ đồ đẹp đẽ phẳng phiu tối màu, miệng lẩm bẩm, “Lạy Chúa. Lạy Chúa. Lạy Chúa”.

“Có lẽ tôi rất tiếc vì anh không thể làm gì được và biết tại sao anh không thể. Bất cứ ai cũng biết điều đó. Nhưng thế cũng chẳng ích gì. Và nếu tôi có thể làm điều đó thì cũng có ích đấy, không nhiều, chỉ chút thôi. Có điều tôi cũng không thể. Và tôi biết tại sao lại thế. Tôi nghĩ vậy. Chỉ có điều tôi không...” Anh bỏ lửng câu đó. Rồi khẽ nói, “Tôi rất tiếc”. Người kia đã hết run khi nói bằng giọng bình tĩnh chẳng kém gì Wilbourne.

“Vậy là anh sẽ không đi?”

“Tôi có thể sẽ đi nếu anh nói cho tôi biết tại sao”, Wilbourne đáp. Nhưng người kia không trả lời. Anh ta lấy một chiếc khăn tay trong túi ngực ra rồi cẩn thận lau mặt, còn Wilbourne nhận thấy gió buổi sáng ngoài biển đã ngừng thổi và biến mất, cứ như thể trái đất cùng vòm trời - nơi có những gợn mây nhưng vẫn còn sáng sủa - là một quả cầu, một khoảng không rộng tuếch mà gió không đủ để lấp đầy, chỉ chạy tới chạy lui bên trong nó một cách vô định, chẳng theo một quy luật nào hay đoán trước được, chẳng rõ từ đâu đến và thổi tới đâu, như một đàn ngựa hoang trên một bình nguyên quanh vắng. Rittermeyer bước ra phía cửa rồi đóng sập lại khiến nó phát ra một tiếng “cạch” khô khốc mà không quay đầu nhìn lại. Sau đó người quản ngục xuất hiện và mở cánh cửa. Rittermeyer vẫn không nhìn lại. “Anh quên tiền này”, Wilbourne nói. Người kia quay lại, nhặt tờ ngân phiếu đã được gấp gọn và nhìn Wilbourne trong giây lát.

“Vậy là anh sẽ không đi?”, anh ta hỏi. “Anh sẽ không đi?” “Tôi xin lỗi”, Wilbourne nói. Giá mà anh ta nói cho mình biết lý do, Wilbourne nghĩ. Có lẽ nếu anh ta nói cho mình biết lý do thì mình sẽ đi. Nghĩ vậy thôi chứ anh biết mình sẽ không đi. Tuy nhiên, thỉnh thoảng anh vẫn tiếp tục nhớ về điều đó khi những ngày cuối cùng của tháng Sáu qua đi và tháng Bảy bắt đầu bằng những buổi bình minh mát mẻ lúc mặt trời vẫn ở phía sau lưng, còn anh lắng nghe tiếng động cơ ầm ì của các con thuyền đánh bắt tôm trên sông phía eo biển Sound; những buổi chiều nắng chói chang khi mặt trời của biển chiếu xiên qua cửa sổ phòng giam, in hình những song sắt anh đang bám lên mặt và nửa người trên của anh; và anh thậm chí đã học

cách ngủ trở lại, tỉnh thoảng nhận thấy rằng mình đã ngủ giữa hai lần đổi tay trên song sắt nhớp nháp mồ hôi. Sau đó anh thôi không nghĩ về điều này nữa. Anh chẳng biết mình đã thôi không như thế nữa từ khi nào, thậm chí chẳng còn nhớ rằng chuyến thăm của Rittmeyer đã hoàn toàn biến mất khỏi tâm trí mình.

Một hôm khi ngày ngả dần về hoàng hôn, anh nhìn thấy thứ, chẳng biết tại sao trước đó mình lại không nhận ra trong suốt hai mươi năm, xuất hiện ở bờ sông phía bên kia: Thân của chiếc tàu cứu hộ lớn được đóng dở vào năm 1918 và chưa bao giờ hoạt động; mặt đường bên dưới đã bị xuống cấp từ nhiều năm trước khiến nơi nó nằm giờ đây trở thành vũng lầy cạnh cửa sông tràn ngập ánh mặt trời lấp lánh với một dây phơi quần áo giăng ngang phía sau boong tàu. Bây giờ, mặt trời đã trôi xuống phía sau thân tàu ấy và anh không thể phân biệt được rõ ràng những chi tiết của con tàu; nhưng sáng hôm sau, anh phát hiện ra một cột ống khói nghiêng nghiêng có khói tỏa và phân biệt được màu của những chiếc quần áo bay phấp phới trong gió biển buổi sáng; sau đó, anh nhìn thấy cái bóng bé tẹo của một người đàn bà đang thu quần áo từ dây phơi và tin rằng mình có thể phân biệt được cử chỉ giữ từng chiếc quần, chiếc áo bằng miệng. Nếu trước kia phát hiện ra cái tàu này thì bọn mình có thể đã sống ở đó trong bốn ngày và tiết kiệm được mười đô la, anh nghĩ thầm, Bốn ngày cơ đấy. Mà có thể không chỉ bốn ngày thôi đâu; và vào một buổi chiều tối nhập nhoạng, anh bắt gặp một chiếc thuyền đánh cá tiến đến bên con tàu kia cùng một người đàn ông mang theo tấm lưới mỏng tang buông dài từ vai xuống dưới trèo lên một cái thang - cảnh tượng đẹp tựa trong thần thoại, rồi quan sát người đàn ông đó ngồi ở phía đuôi tàu để vá tấm lưới đang vắt ngang đầu gối khi mặt trời buổi sáng lấp lánh trên những mắt lưới màu trắng bạc. Lần khác, khi đứng nhìn về phía con tàu, anh thấy một vầng trăng như sáp nhô lên và cứ đứng như vậy khi ánh sáng ngày tắt dần nhường chỗ cho đêm kéo đến rồi trôi đi; một buổi chiều, anh trông thấy những lá cờ, chiếc nọ được cắm cao hơn chiếc kia một cách chắc chắn, bay phấp phới từ cột cờ phía trên trạm gác của chính phủ ở cửa sông và nổi bật trên nền trời màu thép; suốt đêm hôm đó, chiếc phao cứu hộ đắm ngoài sông không ngừng than vãn,

gào thét còn cây cọ bên ngoài cửa sổ phòng giam thì đập lá liên hồi ngay trước hừng đông khi một cơn gió mạnh bắt nguồn từ cái đuôi của một trận bão bất ngờ ập tới. Đó không hẳn là một trận bão vì nó đang phi nước đại ở một nơi nào đó trong vịnh, chỉ có cái đuôi của nó quét qua thoi - một cú đập nhẹ của cái bờm lúc nó đi qua làm thủy triều dâng cao tới gần năm mét và không rút xuống trong suốt hai mươi giờ - gió thổi dữ dội vào cây cọ hoang phát ra những tiếng xào xạc khô khốc, quét qua mái của buồng giam, để rồi suốt đêm thứ hai, anh có thể nghe thấy tiếng gầm của sóng biển dội vào đê chắn trong bóng tối, tiếng phao cứu đắm cùng tiếng nước ì oạp vang lên giữa những tiếng gầm; anh thậm chí có thể nghe rõ âm thanh ầm ào khi nước tràn lên và chảy khỏi phao cứu đắm, mỗi lần như thế lại kèm theo một tiếng gầm, và mưa trút xuống, đã bớt dữ dội nhưng vẫn đổ ào ào vào buổi bình minh ngày hôm sau, tuôn trào trên vùng đất bằng phẳng trước khi gió đông bắt đầu thổi. Ở phía trong nội địa, tất cả dường như yên tĩnh hơn, vàng mặt trời màu sáng bạc thì thăm giữa những cây to trụi lá đứng nghiêm trang, chiếu ánh sáng lấp lánh trên bãi cỏ đã được xén gọn; đúng, anh có thể hình dung ra bãi cỏ đã được xén gọn ấy, nó giống như bãi cỏ trong công viên - nơi anh từng ngồi đợi, nơi có lẽ có những đứa trẻ con và các cô bảo mẫu; vào đúng thời điểm trái đất được khôi phục và sự đứng đắn trở thành quy định, sẽ sớm có một bia mộ không ghi gì hết; bãi cỏ đã được xén, xanh tươi và tĩnh lặng, còn cơ thể, hình hài phẳng lì, xẹp lép, nhỏ bé bên dưới tấm khăn phủ ấy đã được kéo lên và chuyển đi trong bàn tay của hai người đàn ông như thể không có trọng lượng, tuy nhiên nó vẫn chịu lực và yên lặng dưới sức nặng của đất. Nhưng tất cả đâu chỉ có vậy, anh nghĩ. Đó không thể là tất cả. Uống phí. Đâu phải chỉ là sinh mạng, xác thịt, luôn có thừa sinh mạng. Hai mươi năm trước khi bảo tồn các quốc gia và biện minh cho các phương châm, người ta đã nhận ra điều đó; cứ cho rằng để bảo tồn các quốc gia thì nhiều sinh mạng mất đi như vậy cũng đáng [33]. Nhưng còn ký ức nữa chứ. Chắc chắn ký ức tồn tại độc lập với xác thịt. Nhưng cũng chẳng phải vậy. Bởi vì ký ức không tự ý thức về bản thân nó, anh nghĩ. Ký ức đâu biết những gì nó nhớ. Vậy nên ắt phải có xác thịt để kích thích chứ.

Đó là lần thứ hai anh gần như đã nắm bắt được điều mình muốn. Song nó lại trốn thoát. Nhưng anh không cố nắm bắt rồi lo lắng, chẳng sao cả; đến lúc cần, anh sẽ làm được thôi và nó sẽ không trốn khỏi anh nữa. Thế rồi một buổi tối, anh được phép tắm rửa, cắt tóc (trước đó họ đã tịch thu dao cạo râu của anh) và sáng hôm sau, họ đến cạo râu cho anh; trong chiếc áo sơ mi mới tinh, anh bị khóa tay và bị hai người kèm hai bên - một bên là sĩ quan cảnh sát, một bên là viên luật sư được tòa án chỉ định bào chữa cho anh - áp giải trên đường phố - nơi những người đàn ông bị bệnh sốt rét đến từ các nhà máy cửa trong các khu đầm lầy và những người chuyên đánh bắt tôm dãi dầu nắng gió đang quay đầu lại nhìn anh bước về phía trụ sở tòa án - nơi chấp hành viên của tòa án đang thông báo về phiên tòa bằng giọng oang oang vọng xuống từ ban công. Trụ sở tòa án khá giống nhà tù, cũng hai tầng, được trát cùng loại vữa như nhau, cũng có mùi creozot và nước bọt của những người hút thuốc nhưng không tỏa ra mùi của những bãi nôn, và nó tọa lạc trên một khu đất không có bãi cỏ nhưng có đến năm, sáu cây cọ cùng trúc đào đang phô ra những bông hoa màu hồng và trắng ở phía trên bụi xuyên chi rậm rạp. Một lối vào rợp bóng cây, mát rượi như trong hầm rượu hiện ra, với mùi thuốc lá đậm hơn, không gian đầy tiếng người, không hẳn là tiếng nói mà là những tiếng rì rầm nghe ong ong lẫn tiếng làu bàu của các lỗ chân lông bứt rứt đang thực hiện chức năng của mình. Họ bước lên các bậc cầu thang dẫn tới một cánh cửa và quay đầu lại nhìn anh trong lúc anh bước trên lối đi giữa căn phòng chật kín những hàng ghế băng, giọng nói của người chấp hành viên của tòa án vẫn oang oang trên ban công; anh ngồi vào cái bàn giữa luật sư của mình và viên sĩ quan cảnh sát một lát rồi lại đứng dậy trong khi vị quan tòa lớn tuổi, mặc bộ trang phục được may bằng vải lanh, đi giày cao cổ, bước một cách đầy quả quyết tới chỗ ngồi của mình. Không mất nhiều thời gian, chẳng vòng vo mà rất ngắn gọn, hội đồng xét xử chỉ mất hai mươi hai phút để thực thi nhiệm vụ, và vị luật sư được chỉ định của anh (một người đàn ông trẻ có khuôn mặt tròn như mặt trăng với đôi mắt cận thị đeo kính, mặc bộ com lê lanh nhăn nhúm) bào chữa cho bị cáo một cách chẳng mấy nhiệt tình, chỉ mất hai mươi hai phút thôi, còn vị quan tòa thì ngồi ở vị trí cao phía sau chiếc bàn

gỗ thông có vân trông giống như bàn gỗ gụ với khuôn mặt không phải của luật sư mà của người giám sát trường học ngày Chủ nhật ở hội Thánh Methodist - người mà vào những ngày thường trong tuần có lẽ là một chủ ngân hàng giỏi giang và khôn ngoan, gầy gò với râu tóc gọn ghẽ cùng cặp kính gọng vàng lõi mốt. “Cáo trạng như thế nào?”, ông ta cất tiếng hỏi. Người thư ký đọc bản cáo trạng dài dòng và rườm rà bằng giọng đều đều, gần như uể oải:

“... đi ngược lại hòa bình và phẩm giá của bang Mississippi... tội ngộ sát...” Một người đàn ông mặc bộ com lê may bằng vải sọc nhẵn, trông có vẻ nhem nhuốc ngồi ở góc xa của bàn liền đứng lên. Ông ta khá béo và có khuôn mặt điển trai, gần như quý phái của một luật sư, đồng thời có nét của tài tử điện ảnh, thông minh và lanh lợi: Đó là viên trưởng lý của quận.

“Thưa quý tòa, tôi tin rằng chúng ta có thể chứng minh tội cố ý giết người.”

“Người đàn ông này không bị truy tố vì tội cố ý giết người, ông Gower ạ. Ông nên biết điều đó. Tội danh đã được thông báo rồi đấy.” Lúc này viên luật sư trẻ có dáng người thấp đậm đứng lên. Anh ta chưa mang cái bụng phệ của người có tuổi cũng như khuôn mặt của một luật sư.

“Bị cáo nhận tội, thưa quý tòa”, anh ta nói. Và bây giờ, Wilbourne nghe thấy tiếng thở dài thườn thượt phía sau mình.

“Bị cáo nhận tội để được hưởng khoan hồng chăng?”, quan tòa hỏi.

“Tôi đơn giản chỉ nhận tội thôi, thưa quý tòa”, Wilbourne đáp. Một lần nữa anh lại nghe thấy tiếng thở dài rõ hơn phía sau, nhưng quan tòa đã gõ búa một cách dứt khoát.

“Anh ta không được phép nói!”, ông ta ra lệnh. “Bị cáo có muốn nhận sự khoan hồng của tòa án không?”

“Có, thưa quý tòa”, viên luật sư trẻ trả lời.

“Vậy thì ông không cần phải giải thích nữa, ông Gower ạ. Tôi sẽ chỉ đạo hội đồng xét xử...” Lần này không có tiếng thở dài. Wilbourne nghe thấy tiếng nín thở, sau đó là tiếng ồn ào, không thật sự to lắm lúc chiếc búa gỗ được gõ trên mặt gỗ và chấp hành viên của phiên tòa lại thông báo điều gì đó bằng giọng oang oang, rồi có sự chuyển động cùng tiếng những bước

chân dồn tới; một giọng nói vang lên, “Đó! Tiến lên đi! Giết hắn đi!”, và Wilbourne nhìn thấy nó - cái áo khoác màu xám (chính cái áo khoác đó) di chuyển về phía quan tòa với khuôn mặt đầy tức giận: Người đàn ông ấy bước vào phòng xử án mà không hề báo trước, phải chịu đựng một dạng khổ sở chẳng hợp với anh ta chút nào và giờ đây chắc hẳn đang tự nhủ, Tại sao lại là mình chứ? Tại sao? Mình đã làm gì chứ? Trong cuộc đời mình đã gây ra chuyện gì chứ?; anh ta tiến đến rồi sau đó dừng lại và bắt đầu lên tiếng, âm thanh ồn ào tạm ngừng khi anh ta cất lời: “Thưa quý tòa... xin quý tòa làm ơn...”.

“Anh là ai?”, quan tòa hỏi.

“Tôi là Francis Rittenmeyer”, Rittenmeyer đáp. Và tiếng ồn ào lại nổi lên, cái búa lại được gõ xuống mặt bàn, lần này chính quan tòa phải quát to để dẹp trật tự.

“Trật tự! Trật tự! Nếu còn gây mất trật tự như thế này nữa, tôi sẽ cho giải tán hết! Hãy tước vũ khí của người đàn ông đó!”

“Tôi không có vũ khí”, Rittenmeyer nói. “Tôi chỉ muốn...” Nhưng người chấp hành viên và hai người đàn ông khác đã sẵn tới, hai ống tay áo màu xám của anh ta bị giữ chặt trong khi họ sờ nắn tất cả các túi áo túi quần lẫn hai bên sườn anh ta.

“Anh ta không có vũ khí, thưa quan tòa”, người chấp hành viên của tòa án nói. Quan tòa quay sang viên trưởng lý của quận, lúc này đang run lẩy bẩy, ông ta quá già để chứng kiến những việc như thế này.

“Trò hề này là thế nào hả, ông Gower?”

“Tôi không biết, thưa quý tòa. Tôi không...” “Không phải ông đã triệu tập anh ta tới đây chứ?”

“Tôi không cho rằng điều đó cần thiết. Xét trên việc...” “Nếu quý tòa làm ơn”, Rittenmeyer nài. “Tôi chỉ muốn có một...” Quan tòa giơ tay lên và Rittenmeyer ngừng nói.

Anh ta đứng yên, vẻ mặt không biểu lộ cảm xúc hệt như một bức tượng điêu khắc thường thấy trong các nhà thờ Gothic, đôi mắt nhạt màu của anh ta cũng mang vẻ trống rỗng của mắt một bức tượng cẩm thạch không có con người. Vị quan tòa nhìn chăm chăm viên trưởng lý - người



giờ đây mang vẻ mặt của một luật sư đang nhìn một cách hết sức chăm chú và tỉnh táo cùng những ý nghĩ vừa gấp gáp vừa bí mật hiện ra đằng sau khuôn mặt đó. Quan tòa hết quan sát tay luật sư trẻ tuổi có dáng người thấp đậm rồi đến Rittermeyer. “Phiên tòa đã kết thúc”, ông ta lên tiếng. “Nhưng nếu muốn nói điều gì đó thì anh vẫn có thể làm thế.” Giờ thì Rittermeyer tiến đến bục dành cho người làm chứng, không có âm thanh nào vang lên, thậm chí cả tiếng thở dài Wilbourne nghe thấy lúc này cũng ngưng bật, chỉ còn tiếng thở của chính anh và tay luật sư trẻ tuổi bên cạnh. “Phiên tòa này đã kết thúc”, quan tòa thông báo. “Bị cáo đang đợi tòa tuyên án. Anh muốn nói gì thì nói đi.” Rittermeyer dừng lại. Anh ta không nhìn quan tòa cũng chẳng nhìn bất cứ ai hay bất cứ thứ gì, khuôn mặt bình thản đến hoàn hảo.

“Tôi muốn xin quý tòa một điều”, anh ta nói. Trong giây lát, quan tòa không nhúc nhích mà ngồi im như tượng nhìn Rittermeyer trừng trừng, chiếc búa vẫn được cầm chặt trong tay như một cây kiếm, sau đó ông ta từ từ rướn người về phía trước, vẫn nhìn Rittermeyer chăm chăm; và Wilbourne nghe thấy âm thanh của sự hút vào thật dài, sự tập trung của nỗi kinh ngạc lẫn hoài nghi bắt đầu nổi lên.

“Cái gì?”, quan tòa hỏi. “Gì cơ? Cầu xin ư? Cho người đàn ông này ư? Người đàn ông đã cố ý và thực sự đã tiến hành cuộc phẫu thuật cho vợ anh khi anh ta biết nó có thể khiến cô ta mất mạng, và thực tế vợ anh đã mất mạng vì anh ta ư?” Giờ đây, tiếng ồn ào lại nổi lên như làn sóng; anh có thể nghe thấy tiếng bước chân dồn lên và những tiếng gào thét, cảnh sát làm nhiệm vụ ở tòa án xông ra chặn các làn sóng giống như một đội bóng đang dồn lên tấn công: Đó là cơn lốc xoáy của sự cuồng nộ và hỗn loạn nổi lên trước khuôn mặt hoàn hảo phía trên chiếc áo khoác đẹp đẽ, phẳng phiu: “Treo cổ bọn nó đi! Hãy treo cổ cả hai đi!”, “Hãy nhốt cả hai vào cùng một chỗ đi! Hãy để đồ khốn kia làm chuyện đó bằng dao với gã đó đi!”; tiếng gầm át cả tiếng dậm chân và quát tháo đó cuối cùng cũng yếu dần nhưng vẫn chưa ngừng hẳn, chỉ bị hãm bớt âm lượng sau những cánh cửa đã được đóng chặt, để rồi sau đó lại nổi lên ở bên ngoài tòa nhà; và vị quan tòa đứng dậy, chống cả hai tay lên bàn khi vẫn nắm chặt chiếc búa, cái đầu giật giật và run rẩy của ông ta giờ đây thực sự là đầu của một ông già. Sau đó, ông

ta từ từ ngồi xuống, vẫn giữ giọng bình tĩnh xen lẫn lạnh lùng: “Hãy bảo vệ người đàn ông đó để anh ta ra khỏi thành phố ngay lập tức”.

“Tôi không nghĩ anh ta nên rời khỏi đây vào lúc này, thưa quan tòa”, chấp hành viên của tòa án nói. “Đấy, đám đông ở ngoài kia đang gào thét kia.” Nhưng không ai phải nghe những âm thanh đó hết, giờ đây nó không còn là nỗi cuồng loạn mà chỉ còn là cơn phẫn nộ cùng giận dữ. “Họ không còn cuồng loạn nữa, đó chỉ là sự điên rồ nhất thời thôi. Nhưng dù sao...”

“Được rồi”, quan tòa ngắt lời. “Hãy đưa anh ta tới phòng của tôi. Giữ anh ta ở đó cho đến khi trời tối rồi hãy đưa anh ta ra khỏi thành phố... Thưa các vị trong bồi thẩm đoàn, tù nhân này phạm tội như đã bị cáo buộc và vì vậy, phán quyết cuối cùng là bị cáo phải chịu hình phạt lao động khổ sai tại nhà tù của bang ở Parchman trong thời gian không dưới năm mươi năm. Bây giờ các vị có thể giải tán.”

“Tôi cho rằng không cần phải như vậy đâu, thưa quan tòa”, chủ tịch ban hội thẩm nói. “Tôi cho rằng tất cả chúng ta...” Vị quan tòa già gầy gò đang run lên vì tức giận quay sang ông ta.

“Ông sẽ rời khỏi đây! Ông muốn bị giam giữ vì chống lệnh tòa án chẳng?” Họ giải tán rồi biến khỏi phòng xử án trong vòng chưa đầy hai phút - một khoảng thời gian gần như không đủ để chấp hành viên đóng và mở cửa. Tiếng ồn vọng vào từ bên ngoài, rộ lên rồi lại lắng xuống.

Trưa hôm đó, trời lại mưa, một màn mây màu sáng bạc không biết từ đâu kéo tới trước khi mặt trời bị che khuất, di chuyển nhanh như một con ngựa non trong phiêu lãng tới đâu không rõ, rồi ba mươi phút sau xuất hiện trở lại, lần theo dấu vết của chính nó, sáng và vô hại. Nhưng chẳng bao lâu sau khi trời tối, anh được đưa trở lại phòng giam, bầu trời cùng ánh sao hôm khi ấy lại trở nên trong vắt khôn tả phía trên sắc xanh lục cuối cùng của chạng vạng, và cây cọ vẫn phát ra những tiếng rì rầm bên ngoài những song sắt còn lạnh qua cảm giác của bàn tay anh dù nước mưa đã bốc hơi từ lâu. Vậy là anh hiểu được Rittermeyer muốn nói gì cũng như tại sao anh ta làm thế. Anh lại nghe thấy tiếng bước chân nhưng không rời ô cửa sổ cho tới khi cửa ra vào phòng giam bật mở, phát ra tiếng lách cách và Rittermeyer bước vào, đứng yên một lát trong lúc nhìn anh. Sau đó, anh ta

lấy một vật gì đó từ trong túi áo khoác ra, bước tới và đưa nó cho anh. “Đây”, anh ta nói. Đó là một chiếc hộp nhỏ không có nhãn mác chứa một viên thuốc màu trắng. Trong giây lát, Wilbourne nhìn viên thuốc đó bằng ánh mắt ngơ ngác. Rồi khẽ nói: “Thuốc độc!”.

“Đúng vậy”, Rittermeyer đáp. Anh ta quay gót chực rời khỏi phòng với khuôn mặt thản nhiên, lạnh lùng lẫn kiên định của người đàn ông luôn luôn đúng và không tìm được niềm thanh thản trong sự đúng đắn của mình.

“Nhưng tôi không...”, Wilbourne đáp. “Cái chết của tôi sẽ giúp được gì...” Sau đó anh tin rằng mình đã hiểu hành động của Rittermeyer nên tiếp tục, “Khoan đã”. Rittermeyer đã ra đến cửa và đang đặt tay lên cánh cửa. Tuy nhiên anh ta dừng bước rồi quay lại nhìn anh. “Đó là bởi đầu óc tôi mụ mẫm nên suy nghĩ không được sáng suốt cho lắm. Tôi đã quá vội vàng.” Anh ta nhìn anh và chờ đợi. “Tôi cảm ơn anh. Cảm ơn anh. Tôi ước gì mình đã làm y như thế với anh để đáp lại.” Sau đó, Rittermeyer lắc cánh cửa và nhìn Wilbourne lần nữa, khuôn mặt anh ta kiên định, đứng đắn mang nỗi khổ sở vĩnh viễn. Rồi người quản ngục xuất hiện và mở cánh cửa.

“Tôi không làm điều đó vì anh”, Rittermeyer nói. “Hãy loại bỏ ý nghĩ ấy ra khỏi cái đầu chết tiệt của anh đi.” Sau đó, anh ta bước khỏi phòng, cánh cửa phát ra những tiếng lách cách; và chẳng có sự giác ngộ nào lóe sáng trong không gian quá yên ắng như vậy, chỉ là sự sụp đổ đơn giản của một mô hình lộn xộn. Tất nhiên, Wilbourne nghĩ. Vào cái ngày cuối cùng ở New Orleans đó. Anh ta đã hứa với nàng. Nàng nói rằng “không phải là gã Wilbourne vụng về đó đã làm chuyện ấy đâu”, và anh ta đã hứa với nàng. Đúng như thế đấy. Ký ức đã rơi vào một mô hình im lặng và tồn tại đủ lâu để anh có thể nhận biết, sau đó nó trôi khỏi hoạt động nhớ, và chừng nào còn xác thịt để kích thích, ký ức vẫn mãi mãi còn đó. Giờ đây, anh sắp nắm bắt được điều mình muốn cũng như biến được ý nghĩ thành lời; anh liền quay ra cửa sổ, cẩn thận cầm chiếc hộp đã mở sẵn, bỏ viên thuốc trong đó ra mảnh giấy gói thuốc lá rồi cẩn thận nghiền nó thành bột bằng cách mài vào song sắt và hứng lấy những hạt bụi cuối cùng trong hộp; sau đó, anh lấy mảnh giấy dùng để quấn thuốc lá lau cái song sắt, tiếp đó đổ chỗ bột thuốc xuống sàn nhà rồi dùng đế giày đi đi lại lại để bột thuốc lẫn vào bụi

đất, những bãi nước bọt cùng dầu crezot cho đến khi nó hoàn toàn biến mất; cuối cùng, anh đốt mẫu giấy và quay trở lại ô cửa sổ. Ký ức vẫn tồn tại cũng như đang chờ đợi; đến một thời điểm nào đó anh sẽ gọi lại được nó. Giờ đây, anh có thể nhìn thấy ánh đèn trên con tàu kia, trong cái ô cửa sổ ở thân tàu mà mấy tuần nay anh gọi là nhà bếp, cứ như thể anh sống ở đó; và với tiếng rì rầm dạo đầu của cây cọ, làn gió biển bắt đầu thổi nhẹ nhẹ, mang theo mùi của các đầm lầy lẫn những bông hoa nhài hoang dại, thổi dưới bầu trời phía tây cùng một vì sao sáng: Đêm rồi. Ký ức không phải tất cả mà chỉ là một nửa thôi, chỉ riêng ký ức thôi chưa đủ. Nhưng ký ức chắc hẳn phải ở một nơi nào đó chứ, anh nghĩ. Có sự uổng phí đấy. Không chỉ là mình. Chí ít mình cũng nghĩ là mình không muốn chỉ riêng mình lưu giữ ký ức về nàng. Mình hy vọng thế. Hãy để bất cứ ai lưu giữ nó, anh nghĩ và nhớ đến cơ thể cô, đến cặp đùi nở nang, đôi tay thích làm chuyện ấy cùng những việc khác. Muốn và đòi hỏi như vậy có lẽ cũng chẳng nhiều nhận gì. Thế xác già cỗi, nhăn nheo, héo hắt đang tiến dần về phía mộ địa, bám lấy không phải sự thất bại mà đơn giản là thói quen cũ; chấp nhận thất bại để được phép bám lấy thói quen cũ - những lá phổi khô khè, những bộ ruột mệt mỏi không có khả năng dành cho niềm thích thú. Nhưng suy cho cùng, ký ức vẫn có thể sống trong thể xác già nua mệt mỏi; và bây giờ, anh đã nắm bắt được ký ức hiển nhiên, rõ ràng và sáng sủa khi cây cọ phát ra những tiếng xào xạc, rì rầm, khô khan, hoang dại lẫn yếu ớt; bây giờ là đêm nhưng anh có thể đối diện với nó, rồi nghĩ, Không phải là có thể hay sẽ. Mà là mình muốn. Dù gì mình cũng còn thể xác, nó già cỗi đến mức nào không quan trọng. Bởi ký ức sẽ chẳng còn tồn tại khi ở bên ngoài thể xác, vì nó không biết bản thân mình nhớ những gì, nên khi nàng không tồn tại thì một nửa của ký ức cũng vậy, và nếu như mình chẳng tồn tại nữa, thì toàn bộ ký ức về nàng sẽ biến mất. Đúng vậy, anh nghĩ, Giữa đau khổ và trống rỗng, mình sẽ chọn đau khổ.

# ÔNG GIÀ

Sáng hôm sau, một phụ tá của thống đốc bang đến trại giam. Anh ta khá trẻ (chưa quá ba mươi và rõ ràng anh ta không muốn mình bước sang độ tuổi ấy, có gì đó ở con người anh ta cho thấy một tính cách không bao giờ muốn bất cứ thứ gì nó đang hoặc sắp sở hữu) và là người của Hiệp hội học thuật Phi Beta Kappa <sup>[34]</sup> tại một trường đại học ở miền Đông, anh ta cũng mua cái vị trí đại tá trong đám phụ tá của thống đốc bằng cách đóng góp vào chiến dịch tranh cử; trong bộ quần áo được cắt may cầu thả theo kiểu miền Đông với cái mũi khoằm, anh ta đứng và rải ánh mắt uể oải đầy vẻ khinh khỉnh lên các mặt hàng thực phẩm tại các cửa hàng nhỏ ở vùng xa xôi hẻo lánh, kể câu chuyện của mình rồi nhận được tràng cười hô hố của những kẻ thô tục; cũng với cái nhìn khinh khỉnh đó, anh ta mơn trớn những đứa trẻ được đặt tên theo cách để tưởng nhớ chính quyền sắp mãn nhiệm với tinh thần tôn vinh (hoặc với niềm hy vọng) dành cho chính quyền mới và (người ta nói về anh ta như vậy) vô tình mơn trớn mộng của những người không còn là trẻ con, dù họ vẫn chưa đủ tuổi để đi bầu cử. Anh ta đang ở trong văn phòng của giám đốc trại giam với một chiếc cặp đựng tài liệu, và hiện giờ phó giám đốc trại cũng đang có mặt ở đó. Đáng lẽ ông ta được cử đi lo công việc nhưng không hiểu sao vẫn có mặt ở đó với cái mũ trên đầu; ông ta không gõ cửa mà gọi tay phụ tá trẻ của thống đốc bằng tên thân mật, vỗ lưng anh ta rồi ngồi gác chân lên chiếc bàn của giám đốc trại, gần như ở giữa ông giám đốc và vị khách - người đặc phái viên - mới viếng thăm. Viên quan chức cùng các mệnh lệnh vừa có mặt thì nút thắt của câu chuyện cũng xuất hiện ngay tức thì.

“Hừm”, đặc phái viên của thống đốc hỏi, “các ông vừa gây rắc rối phải không?”. Giám đốc trại hút xì gà đồng thời mời vị khách một điếu trong lúc nhìn cái gáy của cặp phó bằng ánh mắt lạnh lùng, thậm chí dữ

tợn, còn viên phó giám đốc trại thì mở ngăn kéo và tự lấy cho mình một điếu.

“Đối với tôi, chuyện đó đủ rõ ràng rồi”, giám đốc trại nói. “Tù nhân đó bị nước cuốn đi ngoài ý muốn. Hẳn đã quay trở lại ngay khi có thể và ra đầu thú.”

“Hẳn thậm chí mang cả chiếc thuyền đó trở lại”, viên phó giám đốc trại lên tiếng. “Nếu ném chiếc thuyền đi thì hẳn có thể đã quay trở lại trại trong vòng ba ngày. Nhưng không, thưa ông. Hẳn đã mang chiếc thuyền về rồi nói: ‘Đây, thuyền của các ông đây, người đàn bà mà các ông sai tôi đi cứu đây, nhưng tôi không tìm thấy gã khốn nào trên mái nhà trang trại cả’.” Ông ta vỗ đầu gối và cười hô hố. “Ôi, cái bọn tù nhân. Thậm chí giống lừa cũng khôn gấp đôi.”

“Lừa khôn gấp đôi bất cứ giống gì trừ bọn chuột”, gã đặc phái viên nói bằng giọng thích thú. “Nhưng đó không phải là vấn đề.”

“Vậy vấn đề ở đây là gì?”, giám đốc trại hỏi. “Người đó đã chết.”

“Ô, hẳn đã chết đâu”, phó giám đốc trại nói. “Hiện giờ hẳn đang ở trong trại này. Tôi sẽ dẫn ông tới đó để tận mắt nhìn thấy hẳn.” Giám đốc trại nhìn cấp phó của mình.

“Này”, ông ta nói. “Bledsoe đã cố nói với tôi điều gì đó về cái chân của con la Kate. Ông nên tới chuồng la và...”

“Tôi cũng muốn nói như thế đấy”, phó giám đốc trại đáp. Ông ta thậm chí không nhìn giám đốc, mà nhìn và nói với đặc phái viên của thống đốc. “Không phải vậy đâu thưa ông, hẳn chưa...”

“Nhưng hẳn được cấp giấy miễn ngồi tù với lý do đã chết. Không phải giấy chứng nhận tha tội hay cam kết giữ tư cách đạo đức tốt để được ân xá, mà là được miễn ngồi tù. Hẳn hoặc đã chết hoặc đã được tự do. Dù trong trường hợp nào thì hẳn cũng không thuộc về nơi đây nữa.” Bây giờ cả giám đốc trại lẫn phó giám đốc đều nhìn đặc phái viên, miệng phó giám đốc hơi há ra, điếu thuốc lá đã bị nhấm một đoạn đầu vẫn ở trong tay ông ta. Đặc phái viên nói với vẻ thích thú khá lộ liễu: “Quyết định này được giám đốc trại gửi lên Thống đốc bang căn cứ vào báo cáo về trường hợp tử vong của tù nhân đó”. Phó giám đốc trại ngậm miệng, dù nếu không làm thế, ông ta

cũng chỉ ngồi bất động. “Dựa trên bằng chứng chính thức do sĩ quan được giao làm nhiệm vụ vào thời điểm ấy và là người có trách nhiệm đưa tên tù đó về trại cung cấp.” Lúc này, phó giám đốc trại đặt điều thuốc lên môi và nói: “Ra thế. Vậy là tôi đã nhầm ư?”. Ông ta cười gằn một tiếng giả tạo, chỉ có vồn vện hai nốt. “Khi tôi từng đoán đúng kết quả của cả ba cuộc bầu cử - ba đời chính quyền liên tiếp sao? Ai đó ở Jackson có thể tìm ra điều này trong một cuốn sách nào đó đấy. Và nếu họ không thể thì tôi có thể chỉ cho...”

“Ba đời chính quyền ư?”, đặc phái viên hỏi. “Ồ, khá đấy.” “Đúng vậy”, giám đốc trại nói. “Khối người làm ra vẻ mình là chuyên gia nhưng lại đoán sai bét đấy”. Giám đốc trại lại nhìn cái gáy của cấp phó.

“Này”, ông ta nói. “Tại sao ông không tới nhà tôi để lấy một chai whiskey trong tủ và mang tới đây nhỉ?”

“Được thôi”, phó giám đốc đáp. “Nhưng tôi nghĩ chúng ta nên giải quyết việc này cho xong đi đã. Tôi sẽ nói cho ông biết chúng ta sẽ làm gì...”

“Chúng ta có thể giải quyết nó nhanh hơn nếu uống một hoặc hai ly”, giám đốc trại nói. “Ông nên về tìm áo khoác rồi đến chỗ tôi lấy rượu đi...”

“Việc đó không mất quá nhiều thời gian đâu”, phó giám đốc trại đáp lời. “Tôi không cần áo khoác.” Ông ta bước đi rồi dừng ở ngưỡng cửa và quay đầu lại. “Tôi sẽ nói cho các ông biết những việc phải làm. Hãy gọi mười hai người đàn ông tới đây và nói với hãn ta đó là một hội đồng xét xử, hãn ta chưa bao giờ thấy hội đồng xét xử nào ở đây nên sẽ không biết đâu, và hãy khép hãn vào chính cái tội cướp trên tàu hỏa mà hãn đã phạm phải. Hamp có thể đóng vai quan tòa.”

“Ông không thể kết án một người hai lần vì cùng một tội”, đặc phái viên phản đối. “Hãn có thể sẽ biết điều đó cho dù chẳng rõ hội đồng xét xử là cái quái gì.”

“Nghe này”, giám đốc trại nói.

“Được thôi. Hãy gọi đó là một vụ cướp mới trên tàu hỏa. Hãy nói với hãn rằng nó mới xảy ra ngày hôm qua và chính hãn đã tiến hành vụ cướp trên một chuyến tàu khác trong thời gian vắng mặt ở trại, rồi xét xử hãn vì



tội đó. Hẳn không thể chống đỡ được đâu. Và lại hẳn cũng không quan tâm. Hẳn tự nguyện ở tù mà. Nếu ra tù, hẳn sẽ chẳng có nơi nào để đi cả. Các tù nhân khác cũng vậy thôi. Cứ thả hẳn ra mà xem, hẳn sẽ quay lại đây trước Giáng Sinh như thực hiện một cuộc đoàn tụ hoặc đại khái thế, vì đã làm chính cái việc từng khiến mình bị tống vào đây.” Ông ta lại cười hô hố. “Bọn tù nhân này ngu lắm.”

“Này”, giám đốc trại nói. “Khi tới đó, ông nên mở chai rượu và kiểm tra xem rượu còn ngon không. Hãy uống thử một hoặc hai ly và cho mình thời gian để cảm nhận hương vị của rượu nhé. Nếu rượu không ngon thì đừng mang tới đây làm gì cho phí công.”

“OK”, phó giám đốc trại nói. Lần này ông ta đi thật. “Ông không thể khóa cửa lại sao?”, đặc phái viên hỏi.

Giám đốc trại khẽ vắn vẹo người và đổi thế ngồi trên ghế.

“Suy cho cùng ông ta nói đúng”, giám đốc trại lên tiếng. “Ông ta đã đoán đúng kết quả của ba cuộc bầu cử liên tiếp. Và tốt với tất cả mọi người ở Pittman trừ đám dân da đen.”

“Có lẽ chúng ta phải làm việc khẩn trương mới được.” Đặc phái viên mở cặp và lấy ra một tập tài liệu. “Ông xem đi”, anh ta nói.

“Cái gì vậy?”

“Hẳn đã trốn trại.”

“Nhưng hẳn đã tự nguyện quay trở lại và ra đầu thú kia mà.”

“Nhưng hẳn đã trốn trại.”

“Thôi được”, giám đốc trại nói. “Hẳn đã trốn trại. Vậy thì có chuyện gì nào?”

Bây giờ đến lượt đặc phái viên nói: “Nghe này. Tôi được trả công tác phí theo ngày. Đó là tiền của những người đóng thuế và cử chi. Và nếu có bất cứ cơ hội nào để ai đó tiến hành một cuộc điều tra về chuyện này thì sẽ có mười thượng nghị sĩ và hai mươi lăm đại biểu do dân cử có mặt ở đây trên một chuyến tàu đặc biệt. Tôi ăn lương theo ngày. Và sẽ thật khó để ngăn vài người trong số họ quay trở lại Jackson theo đường Memphis hoặc New Orleans, ngay trong ngày”. “Thôi được”, giám đốc trại đồng thuận. “Vậy tôi phải nói hẳn đã làm gì?”

“Hãy nói hẳn đã rời khỏi đây dưới sự giám sát của một sĩ quan đặc biệt nhưng được một người khác đưa trở lại nơi này.”

“Nhưng hẳn đã ra đầu thú...” Lần này không bị ngắt lời, song ông giám đốc trại tự bỏ lửng câu nói. Ông ta gần như nhìn chăm chăm người đặc phái viên. “Được. Ông nói tiếp đi.”

“Hẳn đã rời khỏi đây dưới sự giám sát của một sĩ quan được giao làm nhiệm vụ vào thời điểm đó, song người ấy quay trở lại và báo rằng tù nhân kia không còn trong tầm giám sát của mình nữa; thực tế anh ta chẳng biết hẳn đang ở đâu. Đúng không nào?” Ông giám đốc trại không nói gì. “Điều đó không đúng sao?”, đặc phái viên khẳng khái hỏi với vẻ thích thú.

“Nhưng ông không thể làm điều đó với phó giám đốc trại được. Tôi đã nói với ông rằng ông ta tốt với một nửa...”

“Chuyện đó đã được lo liệu rồi. Cấp trên đã dọn sẵn cho ông ta một chỗ làm ở trạm tuần tra trên đường cao tốc.”

“Chết tiệt thật”, giám đốc trại nói. “Ông ta không thể lái xe mô tô. Tôi thậm chí còn không để ông ta thử lái một chiếc xe tải.”

“Ông ta sẽ không phải lái mô tô đâu. Chắc chắn một bang giàu lòng biết ơn như bang này có thể cung cấp cho người đã dự đoán chính xác ba lần trong ba cuộc bầu cử thống đốc liên tiếp ở Mississippi một chiếc xe hơi để lái và một tài xế nếu cần. Thậm chí không phải lúc nào ông ta cũng buộc phải ở trong xe. Chỉ cần ông ta ở đủ gần để nghe thấy và có mặt khi một thanh tra thổi còi là được.”

“Tôi vẫn không thích điều đó”, giám đốc trại nói.

“Tôi cũng có thích thú gì đâu. Người tù của ông có thể đã cứu chúng ta thoát khỏi tất cả chuyện này nếu hẳn cứ biến đi và chết đuối ở đâu đó như người ta nghĩ. Nhưng hẳn lại không chết. Và cấp trên nói phải làm như vậy. Ông có thể nghĩ ra cách nào hay hơn không?”

Giám đốc trại thở dài, “Không”.

“Thôi được.” Đặc phái viên mở tập tài liệu, tháo nắp bút ra và bắt đầu viết. “Trốn trại có chủ ý, phạt bổ sung mười năm tù”, anh ta nói. “Phó giám đốc trại Buckworth được điều chuyển công tác tới trạm tuần tra trên đường

cao tốc. Hãy gọi đó là nhiệm vụ xứng đáng nếu ông muốn. Giờ thì điều đó chẳng quan trọng nữa. Xong chưa nào?”

“Xong”, giám đốc trại đáp.

“Vậy hãy cho gọi hắn và giải quyết cho xong việc đi.” Thế là giám đốc trại gọi tù nhân có dáng người cao tới; hắn xuất hiện với vẻ ủ rũ, trang nghiêm trong bộ quần áo tù mới toanh, xương hàm của hắn nhô ra, hơi xanh xao dưới làn da rám nắng, mái tóc mới được cắt và rẽ ngôi gọn ghẽ vẫn còn thoang thoảng mùi sáp thơm của người thợ cạo (người thợ cạo lĩnh án chung thân vì tội giết vợ và vẫn làm công việc đó khi ở trong tù). Giám đốc trại gọi tên người tù.

“Anh không gặp may rồi.” Người tù không nói gì. “Họ sẽ phải bổ sung mười năm vào án tù của anh.”

“Được thôi”, người tù đáp. “Thật không may. Tôi rất tiếc.”

“Được thôi”, người tù nhắc lại. “Nếu đó là luật.” Vậy là người ta cho hắn thêm mười năm tù còn giám đốc trại thì cho hắn một liều thuốc; Hiện giờ, hắn ngồi cúi gập người trong cái khoảng chật hẹp giữa hai chiếc giường tầng, với liều thuốc chưa được châm lửa trên tay trong khi tù nhân có dáng người thấp đậm và bốn người tù khác nghe hắn kể chuyện. Thịnh thoảng các bạn tù hỏi hắn vài câu, vì mọi chuyện đã kết thúc và giờ hắn lại được an toàn rồi, vậy nên có nói cũng chẳng để làm gì.

“Rồi”, tù nhân có dáng người thấp đậm nói. “Vậy là anh đã quay trở lại Sông. Sau đó chuyện gì xảy ra?”

“Chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Tôi chèo thuyền đi.” “Chèo thuyền quay trở lại cũng vất vả lắm phải không?” “Mực nước vẫn còn cao và chảy xiết. Trong khoảng một, hai tuần đầu, tôi không đi nhanh được. Sau đó tình hình khá hơn.” Thế rồi có điều gì đó không thể diễn tả một cách rõ ràng lẫn tính ngại nói cố hữu bỗng nhiên lặng lẽ tan biến, và hắn nhận thấy mình có thể kể chuyện một cách bình tĩnh, ngôn từ không tuôn trào như cháo chảy nhưng cũng trôi ra đầu lưỡi một cách dễ dàng như mong muốn: Hắn kể mình đã chèo thuyền đi (bằng nỗ lực, hắn phát hiện ra rằng mình có khả năng đạt được tốc độ lớn hơn, nếu có thể gọi đó là tốc độ, tới bến đỗ tiếp theo - điều này xảy ra sau khi hắn cầm đầu chèo thuyền ra giữa dòng trước

khi kịp dừng việc đó lại và nhận ra con thuyền đang di chuyển trở lại vùng nước mà hãn vừa mới thoát ra, vậy là hãn phải mất khá nhiều thời gian của buổi sáng để quay trở lại ven bờ, chèo thuyền ngược lên phía kênh đào nơi mình xuất phát từ lúc bình minh) cho đến khi màn đêm buông xuống, họ cột thuyền vào bờ sông, ăn chút thức ăn mà hãn giấu trong túi áo trước khi rời khỏi cái kho vũ khí ở New Orleans, còn người phụ nữ và đứa bé thì ngủ trên thuyền như mọi khi, rồi khi ánh sáng ban ngày xuất hiện, họ tiếp tục đi, tối đến lại neo thuyền vào bờ; ngày tiếp theo, họ hết thức ăn, hãn phải cho thuyền dừng lại ở một thị trấn mình không biết tên và kiếm được việc làm ở một trang trại trồng lau.

“Lau ư?”, một trong những tù nhân hỏi. “Họ trồng lau để làm quái gì nhỉ? Anh chặt lau cơ đấy. Ở quê tôi, người ta phải vật lộn với cái giống đó bằng cách đốt trụ lúi mới ngăn không cho nó mọc lại được.”

“Thực ra không phải lau mà là lúa miến”, tù nhân có dáng người cao nói.

“Lúa miến ư?”, một người khác hỏi. “Cả một trang trại toàn lúa miến ư? Lúa miến ư? Họ làm cái quái gì với thứ cây ấy?” Tù nhân có dáng người cao không biết câu trả lời vì hãn đã không hỏi; khi đi lên đê, hãn thấy một chiếc xe tải chở đầy người da đen đang đỗ ở đó, rồi một người đàn ông da trắng hỏi hãn, “Này anh. Anh có biết cày ruộng không?” và người tù đáp “có”, rồi người đàn ông nói, “vậy thì lên xe đi” và người tù đáp, “chỉ có điều tôi có...”.

“Phải”, tù nhân có dáng người thấp đậm nói. “Tôi đang định hỏi điều đó đây. Họ...?” Vẻ mặt của tù nhân có dáng người cao nghiêm trang, giọng nói vẫn điềm tĩnh, chỉ hơi cộc cằn.

“Họ có lều dành cho người làm thuê. Lều riêng.”

Tù nhân có dáng người thấp đậm nhìn hãn và chớp chớp mắt.

“Họ nghĩ cô ta là vợ của anh phải không?”

“Tôi không biết. Tôi nghĩ vậy.” Tù nhân có dáng người thấp đậm lại nhìn hãn và chớp chớp mắt.

“Cô ta không phải là vợ anh sao? Trái qua cả hành trình như thế, anh nói gì nào?” Tù nhân có dáng người cao không trả lời. Một lát sau, hãn giờ

điều thuốc lên cao như để kiểm tra xem có phải giấy gói thuốc đã bị lỏng ra hay không, vì sau đó, hãn đã liếm đầu điều thuốc một cách cẩn thận. “Thôi được”, tù nhân có dáng người thấp đậm nói. “Chuyện gì xảy ra sau đó?” Vậy là hãn làm việc ở đó bốn ngày. Hãn không thích thế. Có lẽ là bởi hãn không thể đặt lòng tin vào cái giống cây mà mình tin là lúa miến. Vậy nên khi họ nói với hãn rằng ngày thứ Bảy đã đến và trả công cho hãn, còn người đàn ông da trắng nói về một người nào đó sẽ đi Baton Rouge bằng thuyền gắn máy vào ngày hôm sau, hãn đã tìm gặp người đó, dùng sáu đô la mình kiếm được để mua thức ăn và buộc con thuyền vào đuôi của chiếc xuồng máy để tới Baton Rouge. Không mất nhiều thời gian để tới đó, và thậm chí sau khi hãn cùng người đàn bà rời khỏi chiếc xuồng máy kia ở Baton Rouge rồi lại tự điều khiển con thuyền của mình, hãn vẫn có cảm giác Sông đã rút bớt nước và dòng chảy không còn nhanh, mạnh như trước, vậy nên họ di chuyển khá nhanh; khi đêm xuống, hãn lại buộc thuyền bên bờ sông giữa những cây liễu, còn người đàn bà cùng đứa trẻ vẫn ngủ trên thuyền như trước. Rồi thức ăn cạn kiệt. Lần này, họ dừng lại tại một khu khai thác gỗ - nơi gỗ được xếp đống và đợi được chuyển đi, có một đội chuyên chở đang chất một chuyến gỗ lên chiếc xe kéo. Những người đàn ông trên xe nói với hãn về một nhà máy cửa và rủ hãn kéo thuyền lên đê; họ muốn hãn bỏ lại thuyền ở đó nhưng hãn không nghe, vì thế họ đưa cả chiếc thuyền, hãn, người đàn bà lẫn đứa trẻ lên xe tải để tới nhà máy cửa. Người ta cấp cho hãn căn phòng nằm trong một dãy nhà tập thể để ở tạm. Họ trả hãn hai đô la cho một ngày công lao động và cung cấp đồ dùng thiết yếu cho hãn. Công việc vất vả nhưng hãn vẫn thích. Hãn ở lại đó tám ngày.

“Nếu thích công việc đó như vậy thì tại sao anh lại bỏ?”, tù nhân có dáng người thấp đậm hỏi. Người kể chuyện lại kiểm tra điều thuốc, giơ cao nó lên nơi hắt ra thứ ánh sáng màu sô cô la.

“Tôi gặp rắc rối”, hãn nói. “Rắc rối gì?”

“Rắc rối với đàn bà. Đó là vợ của một gã đàn ông.” “Anh muốn nói rằng anh vật lộn, đi lên đi xuống, trôi dạt hết chỗ này đến chỗ kia ngày cũng như đêm trong hơn một tháng trời để rồi lần đầu tiên có cơ hội dừng chân để thở, anh lại gặp rắc rối với đàn bà ư?” Quả thật, tù nhân có dáng

người cao đã nghĩ đến chuyện ấy. Đã nhiều lần và trong nhiều giây, hẳn nhớ chuyện ấy; thoát đầu, nếu không phải vì đứa bé mới sinh thì hẳn có thể đã thử làm chuyện ấy. Nhưng ham muốn chỉ phát sinh trong vài giây bởi ngay sau đó, con người hẳn dường như trốn chạy khỏi cái ý nghĩ ấy trong nỗi khiếp sợ kinh hoàng; hẳn nhận thấy mình đang nhìn cái gánh nặng bản thân buộc phải mang, nghĩ, mà không, là nói to, với nỗi oán hận ghê gớm dù lần cuối cùng hẳn gần đàn bà là từ hai năm trước - đó là một ả đàn bà da đen ất ơ và chẳng mấy trẻ trung mà hẳn tình cờ vớ được trong một ngày ả lang thang thăm tù vào Chủ nhật, người đàn ông ả đến thăm - chồng hoặc người yêu của ả - đã bị một người tù được giao nhiệm vụ quản những tù nhân khác bắn chết khoảng một hoặc hai tuần trước, nhưng ả không biết điều đó: “Ả thậm chí chẳng tử tế với tôi trong chuyện đó”.

“Nhưng anh cũng đã có được cô ta, đúng không?”, tù nhân có dáng người thấp đậm hỏi.

“Đúng vậy”, tù nhân có dáng người cao nói. Bạn tù của hẳn lại nhìn hẳn, chớp chớp mắt.

“Chuyện ấy có ổn không?”

“Ổn”, một người tù khác đáp. “Thế nào? Anh kể tiếp đi. Anh đã gặp thêm bao nhiêu ả nữa trên đường quay về? Có những gã đã dính vào chuyện ấy thì dường như không thể bỏ lỡ cho dù...” Và thế là người tù tiếp tục kể. Hẳn và người đàn bà vội vã rời nhà máy cưa mà không có thời gian để mua thức ăn cho đến khi họ tới điểm dừng chân tiếp theo. Ở đó, hẳn tiêu hết toàn bộ mười sáu đô la mình kiếm được rồi họ đi tiếp. Nước sông đúng là đã rút thêm chút nữa song vẫn chảy xiết, và mười sáu đô la dường như mua được khá nhiều thức ăn - đủ cho hẳn lẫn người đàn bà. Lần này, họ đến một vùng trũng bông ở sông Mississippi; hẳn lại có cảm giác mình đang nắm vai bừa bằng tay phải, hình ảnh quen thuộc về cái mông tròn căng và bóng mượt của con la cọ vào vai bừa cứ hiện ra, mặc dù ở đây, mỗi ngày người ta chỉ trả cho hẳn một đô la. Nhưng chuyện là như thế. Hẳn kể lại cho bạn tù nghe việc người ta nói với hẳn rằng đã đến thứ Bảy... Và khi ấy là đêm, với chiếc đèn lồng ám khói đặt trên mặt đất bằng phẳng, căn cũi, kiệt quệ và nhẵn thín như bạc, một đám người cong lưng ngồi thành vòng

tròn thốt ra những tiếng nói và lăm bằm đầy thúc bách, các xấp tiền ít ỏi, nhàu nhĩ được để dưới những đầu gối cong queo với những con súc sắc có đốm kê lóc cóc, lăn vội vã trong bụi đất; chuyện là thế đấy. “Anh thắng được bao nhiêu?”, người tù thứ hai hỏi. “Đủ”, tù nhân có dáng người cao trả lời.

“Nhưng đủ là bao nhiêu mới được chứ?”

“Đủ”, tù nhân có dáng người cao nhắc lại. Đúng là đủ thật; hắn đã đưa tất cả số tiền thắng bạc cho người đàn ông có chiếc thuyền gấn máy (bây giờ hắn không cần thức ăn nữa), hắn và người đàn bà ở trên chiếc thuyền gấn máy đó, còn thuyền của hắn thì được kéo theo sau; người đàn bà bế đứa bé, còn gói giấy báo được để bên dưới bàn tay đặt trong lòng hắn; và thứ hắn gần như nhận ra ngay lập tức không phải Vickburg (bởi hắn chưa bao giờ nhìn thấy nơi đó) mà là các lớp sóng của những cái cây, nhà lẩn xác động vật mà một tháng ba tuần trước đó, hắn đã va phải; khi chiếc thuyền gấn máy đi qua vùng đó, hắn nhìn nơi ấy mà không hề giận dữ, thậm chí còn chẳng quan tâm. Nhưng rồi hắn bắt đầu quan sát bờ sông lẫn con đê. Hắn không biết làm thế nào mình lại nhận ra chỗ đó, nhưng quả thật buổi trưa hôm ấy, hắn đủ chắc chắn để biết rằng đã đến lúc mình phải dừng lại, vậy là hắn nói với chủ thuyền: “Tôi nghĩ đúng là chỗ này rồi”.

“Ở đây ư?”, chủ thuyền hỏi. “Chỗ này trông lạ lắm.” “Tôi nghĩ đúng là chỗ này”, người tù khẳng định. Vậy là thuyền cập bờ, động cơ tắt và chủ thuyền tháo dây buộc thuyền của hắn ra.

“Anh nên để tôi tiễn một đoạn cho tới khi chúng ta tới được một chỗ nào đó”, anh ta lên tiếng. “Đấy là những gì tôi đã hứa.”

“Tôi nghĩ mình đến nơi rồi”, người tù đáp. Vậy là họ lên bờ và hắn đứng đó với sợi dây buộc thuyền trong tay trong khi chiếc thuyền kia nổ máy rồi chạy ra xa, nhưng không nhìn theo nó. Hắn đặt gói giấy báo xuống, buộc dây cột thuyền vào một gốc liễu rồi cầm cái gói lên và quay gót. Không nói một lời, hắn lẳng lặng leo lên đê, đi qua cột báo mực nước có mốc đánh dấu mức thủy triều dâng trước đây đã khô và tạo thành một đường kẻ dọc ngang các vết nứt trống rỗng, tựa những nụ cười ngớ ngẩn của tuổi già, sau đó, hắn đi vào một lùm cây liễu, cởi bỏ chiếc quần cùng sơ



mi mà những người ở New Orleans cho mình rời quảng chúng xuống đất mà chẳng thèm nhìn xem chúng rơi xuống chỗ nào, tiếp đến là mở cái gói giấy báo, lấy ra bộ quần áo tù quen thuộc đã bạc thếp, loang lỗ những vết ố lẩn nấp gấp nhàu nhĩ, nhưng đã được giặt sạch và dễ nhận ra, mặc chúng vào rồi quay trở lại thuyền, tiếp tục cầm mái chèo. Người đàn bà đã ở sẵn trên đó.

Tù nhân có dáng người thấp đậm chớp chớp mắt nhìn hẩn. “Vậy là anh đã quay trở về”, anh ta nói. “Chao ôi!” Giờ đây, tất cả bọn họ đều nhìn tù nhân có dáng người cao đang nhả nha cắn đầu của điếu thuốc và nhổ nó đi, rồi lại liếm đầu điếu thuốc ẩm vừa bị cắn trong khi lấy một bao diêm từ trong túi ra, nhìn kỹ que diêm một lát như để đảm bảo rằng nó là một que diêm tốt và đáng để châm lửa cho điếu thuốc, rồi đánh diêm với vẻ thông thả và cẩn thận không kém - một động tác quá chậm để đánh lửa - sau đó cầm que diêm cho tới khi nó cháy thành ngọn lửa và châm thuốc. Tù nhân có dáng người thấp đậm nhìn hẩn, chớp mắt lia lịa. “Và người ta cộng thêm cho anh mười năm tù vì tội trốn trại. Tệ thật. Một thằng đàn ông có thể quen với những gì người ta quảng cho hẩn ngay từ đầu, bao nhiêu thời gian, một trăm chín mươi chín năm cũng được. Nhưng thêm mười năm nữa. Mười năm. Khi mà anh hoàn toàn không ngờ tới. Mười năm không đời sống xã hội, không đàn bà...” Tù nhân có dáng người thấp đậm nhìn tù nhân có dáng người cao, tiếp tục chớp mắt lia lịa. Nhưng hẩn (tù nhân có dáng người cao) cũng đã nghĩ về điều đó. Hẩn không phải chưa từng có người yêu. Hẩn từng đi nghe hát ở nhà thờ, đi picnic với cô ta - một cô gái chân ngắn trẻ hơn hẩn một tuổi, có bộ ngực phốp pháp, cặp môi dày và đôi mắt như màu nho xạ chín, từng làm bột bánh dính vào cả hoa tai, ghim cài áo lẫn những chiếc nhẫn được mua (hoặc được tặng) từ một cửa hàng bán đồ rẻ tiền. Hẩn từng tiết lộ kế hoạch của mình với cô ta, sau đó đã ba lần hẩn ngẫm nghĩ lại chuyện ấy và cho rằng có lẽ nếu không phải vì cô ta, hẩn đã không thử thực hiện vụ cướp ở trên tàu - đó chỉ là cảm giác thôi, chẳng thể nói thành lời, bởi hẩn không diễn đạt nổi điều đó: Biết đâu đấy, cô ta lại có giấc mơ xảo quyệt là được làm cô dâu của Capone <sup>[35]</sup> cũng như được sở

hữu một chiếc xe hơi có cửa kính màu trang bị súng máy lao vun vút qua nút đèn giao thông. Nhưng tất cả đã trở thành quá khứ, mọi chuyện đã kết thúc khi ý nghĩ đầu tiên lóe lên trong đầu hẳn, và ba tháng sau khi hẳn bị tổng giam, cô ta đến thăm hẳn. Cô ta đeo đôi bông tai và những chiếc vòng tay mà trước đó hẳn chưa từng nhìn thấy; hẳn cũng không biết rõ cô ta đã vượt một chặng đường xa như thế bằng cách nào, và cô ta khóc như mưa như gió trong ba phút đầu tiên dù (và hẳn không biết họ đã chia tay nhau ra sao, cũng chẳng rõ làm thế nào cô ta quen được với những người ở trại giam) hẳn vừa nhìn thấy cô ta nói chuyện thân mật với một người lính gác. Nhưng tối hôm ấy trước khi rời khỏi đó, cô ta đã hôn hẳn và nói rằng ngay khi có cơ hội, cô ta sẽ quay trở lại thăm hẳn, rồi ôm hẳn như không thể rời xa được đến mức đổ mồ hôi nhễ nhại, và hẳn thấy người cô ta tỏa ra thứ mùi ngọt ngào, thơm tho của da thịt thiếu nữ. Nhưng cô ta không quay lại dù hẳn vẫn tiếp tục viết thư, thế rồi bảy tháng sau, hẳn nhận được câu trả lời. Đó là một tấm bưu thiếp in thạch bản màu của một khách sạn ở Birmingham với chữ X ngẫu ngộ được in đậm trước hình một ô cửa sổ, chữ viết tay ở mặt sau tấm thiếp cũng xiên xẹo như chữ của trẻ học vỡ lòng: Gửi từ nơi nghỉ tuần trăng mật. Bạn của ông(bà) Vernon Waldrip.

Tù nhân có dáng người thấp đậm đứng nhìn tù nhân có dáng người cao, chớp mắt lia lịa. “Thế đấy”, gã nói. “Vậy nên thêm mười năm tù nữa mới đau chứ. Mười năm không đàn bà, không có cái mùi đàn bà mà một gã đàn ông muốn có...” Gã nhìn tù nhân có dáng người cao trong khi vẫn chớp mắt liên tục. Người bạn tù của gã không cử động, vẫn ngồi gập người giữa hai chiếc giường tầng, nghiêm trang và sạch sẽ, với điều thuốc cháy đượm trong bàn tay không hề run rẩy, và khói thuốc cuộn thành vòng tròn quanh khuôn mặt ủ dột, điềm tĩnh, không gợn vẻ hài hước của hẳn. “Thêm mười năm nữa...”

“Đàn bà, khốn kiếp thật”, tù nhân có dáng người cao buột miệng nói.

- - - **Hết** - - -

## Chú Thích

[1] Vanberbilt là một gia đình gốc Hà Lan nổi tiếng ở Mỹ vào thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX nhờ làm ăn phát đạt và nhờ việc hiến tặng đất đai, tiền bạc để xây các công trình công cộng.

[2] Tín hữu Báp-tít là thành viên của giáo hội Báp-tít, một trong những giáo phái Tin Lành cải chính lớn trên thế giới.

[3] Trong nguyên tác, ở tình huống này, cả Wilbourne và ông bác sĩ đều dùng từ “painter”. Trong tiếng Anh, “painter” có nghĩa là họa sĩ, nhưng cũng có nghĩa là thợ sơn nhà.

[4] Tiếng Anh là “Old Man” - tên người dân địa phương đặt cho sông Missis- sippi. Con sông này còn được gọi là “Father of waters” (Cha đẻ của những dòng sông). Người chuyển ngữ dịch là “Ông Già” theo cách nói dân dã.

[5] Mann Act hay The White Slave Traffic Act là đạo luật của Mỹ có hiệu lực từ năm 1910 nhằm chống hành động mua bán phụ nữ và trẻ em gái.

[6] Số nhiều của “foot”, là đơn vị đo chiều dài của Anh: 1foot = 0,3048 mét.

[7] Một trong những gia đình có quyền lực lớn nhất ở La Mã. Năm 64 sau Công nguyên xảy ra một vụ đại hỏa hoạn ở thành Rome và khu vườn của nhà Ahenobarbus bị thiêu cháy trong vụ hỏa hoạn này. Có thuyết cho rằng thành Rome cháy là do hỏa hoạn nhưng Nero, hoàng đế La Mã và là người thuộc gia đình Ahenobarbus đã nhân vụ hỏa hoạn này lấy lý do để tiêu diệt người Thiên Chúa.

[8] Đơn vị đo chiều dài của Anh: 1 inch = 2,54 centimet.

[9] Một lãnh tụ và nhà tiên tri quan trọng trong các tôn giáo.

[10] Tiếng lóng dùng để chỉ sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất.

[11] Nhân vật đào hoa chuyên quyến rũ phụ nữ trong tác phẩm nổi tiếng Đôn Ki-hô-tê của nhà văn Tây Ban Nha Xéc-van-tét.

[12] Roxane và Cyrano là nhân vật nam chính và nữ chính trong vở kịch Cyrano de Bergerac của nhà soạn kịch người Pháp Edmond Rostand.

[13] Một nhân vật trong tác phẩm của Charles Dickens, một người sống với niềm tin và hy vọng về tương lai.

[14] Những người sở hữu một trong những công ty chế biến thực phẩm lớn nhất ở Chicago thời bấy giờ.

[15] Nguyên văn câu này là: “Set, ye armourous sons, in a sea of hemingwaves”. Ở đây nhân vật McCord đã sử dụng cách chơi chữ: Armourous = Armour (nhà Armour) + amourous (đa tình), hemingwaves = Hemingway (nhà văn Hemingway) + waves (những con sóng).

[16] Trong Kinh Thánh có câu: “Moreover, the dogs came and licked his sores” (Tạm dịch: Thêm vào đó, những con chó đến liếm vết ghẻ lở của anh ta). “Moreover” trong tiếng Anh có nghĩa là “thêm vào đó”, và vì từ này được viết hoa nên nhân vật McCord đã sử dụng theo kiểu hài hước như một cái tên.

[17] Trong câu này McCord có ý chỉ trích Harry là kẻ ủy mị, bắt chước Sarah Teasdale, một nhà thơ sáng tác những bài thơ tự sự cho thấy một tâm hồn đa sầu, đa cảm.

[18] Trong truyền thuyết của người Do Thái, quỷ nữ Lilith được miêu tả từ rốn trở lên là một phụ nữ đẹp, và từ rốn trở xuống là lửa.

[19] Tên viết tắt của Works Progress Administration, một cơ quan của chính phủ Mỹ được lập ra để giải quyết nạn thất nghiệp.

[20] Chủng tộc người nhỏ bé nhất thế giới, cư trú rải rác trong các khu rừng rậm dọc xích đạo Trung Phi và tập trung nhiều nhất ở các khu rừng nhiệt đới Congo.

[21] Đơn vị cân Anh: 1 pound = 0,454 kilogram.

[22] Đoạn này cho thấy William Faulkner chịu ảnh hưởng của nhà triết học Bergson, người đã xây dựng một triết lý dựa hoàn toàn trên thời gian. Đó không phải là thời gian của khoa học, của vật lý, của máy móc, của đồng hồ, không phải thời gian được đo tính, phân tích, mổ xẻ, chuyển đổi

thành không gian. Mà là thời gian được định nghĩa qua trải nghiệm sống và cảm nhận của con người.

[23] Harry nói về tình dục, nhưng từ mà anh dùng cũng bao gồm sự thỏa mãn của Charlote khi cô nặn tượng. Việc làm tình và tạo ra các tác phẩm nghệ thuật đã thúc đẩy hai người đến với niềm say mê, cho phép họ có được sự đụng chạm mang lại cảm giác thỏa mãn thật sự.

[24] Helen và Garbo là hai nữ diễn viên điện ảnh nổi tiếng từng được mệnh danh là những Nữ hoàng sắc đẹp.

[25] Nhìn chung người ta chấp nhận rằng Mississippi theo tiếng của người Mỹ bản địa (India) có nghĩa là “Cha của những dòng sông”.

[26] Đạo diễn điện ảnh nổi tiếng người Nga.

[27] Joan Crawford là nữ diễn viên nổi tiếng của Hollywood trong những năm 20 của thế kỷ XX.

[28] Cajun (Cajan) là người dân tộc thiểu số có gốc gác từ nước Pháp, sống chủ yếu ở bang Louisiana, Hoa Kỳ.

[29] Louis Alcott (1832-1888) là nữ tiểu thuyết gia người Mỹ, nổi tiếng với tác phẩm Little Women (Những người phụ nữ bé nhỏ).

[30] Có nghĩa là: “Tuyệt! Món hời lớn đây rồi! Đúng là của trời cho!”.

[31] Viết tắt của từ “Identity” có nghĩa là “bản ngã”, “thần thái”. Ở đây tác giả muốn diễn tả việc Wilbourne nhận ra Charlotte đang hấp hối khi nhìn thấy chữ ‘I’ trong mắt cô.

[32] Loại đèn dùng trong điện ảnh. Chi tiết này cho thấy William Faulkner chịu ảnh hưởng của điện ảnh. Chuyện đang diễn ra ở bệnh viện được miêu tả giống như cảnh trong phim.

[33] Trong đau khổ và dẫn vật, Wilbourne đã cố suy nghĩ để tìm ra ý nghĩa cái chết của Charlotte. Ý nghĩ đó làm anh nhớ đến Chiến tranh thế giới thứ I - một cuộc chiến để chấm dứt mọi cuộc chiến tranh (war to end all wars) và đi tìm câu trả lời cho câu hỏi về sự uổng phí sinh mạng.

[34] Hiệp hội học thuật danh tiếng nhất nước Mỹ được thành lập vào tháng 12 năm 1776.

[35] Capone là một tên găng-xtơ khét tiếng hoạt động ở Chicago vào những năm đầu thế kỷ XX.

# Table of Contents

LỜI NGƯỜI DỊCH

CỌ HOANG

ÔNG GIÀ [4]

CỌ HOANG

ÔNG GIÀ

CỌ HOANG

ÔNG GIÀ

CỌ HOANG

ÔNG GIÀ

CỌ HOANG

ÔNG GIÀ